NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 203 • MARCH 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

THAM VỌNG HẠCH TÂM CỦA BA TƯ **MAI LOAN**

ĐÁM TÁNG GIỮA HƯ VÔ **DU TỬ LÊ**

ÁNH SÁNG TỪ ÂM THANH **THỦY CÁNH LƯU**

Model: Miss San Diego My Chau

Xin quý đồng hương hãy gọi cho Việt Satellite,
lắp ráp hệ thống DIRECTV xem đài truyền hình Việt Ngữ 24/24
và các đài MỸ địa phương Lệ phí hàng tháng thấp nhất $24.99.
FREE máy, công lắp ráp và shipping cho 4 phòng

Chương trình đài truyền hình Việt ngữ SBTN 24/24 rất hấp dẫn
Kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2006 chương trình giảm giá đặc biệt như sau:

⇨ Đài SBTN + Local Channel $24.99
⇨ Đài SBTN + TOTAL CHOICE $44.98 (trong 3 tháng đầu)
⇨ Gồm 120 đài Mỹ và miễn phí 7 đài HBO, 12 đài STARZ Movie, 9 đài SHOWTIME và 3 đài CINEMAX.

800.581.6910

www.vietsatellite.com

Open 7 days a week, we install everywhere in the U.S

CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT: Bắt đầu từ ngày 6 tháng 11, 2005 - đến tháng 4 các chương trình HBO, Starz, Super Pack và SHOWTIME UNLIMITED của khách hàng sẽ được tiếp tục với mức lệ phí tháng thường (S74.99/tháng). Hệ thống DIRECTV có đặc điểm giúp bạn chỉ khi nào xem các đài... Tại một số khu vực, chương trình, giá cả, điều khoản và điều kiện có thể thay đổi. Không mua hàng có sự liên kết của hãng. Để có các chọn lựa chương trình của Việt thay đổi tại Mỹ và Úc. Các dịch vụ DIRECTV khuyến được cung cấp ở các Hoa Kỳ. Việc nhận chương trình DIRECTV sẽ bị ràng buộc bởi các điều khoản của Bản Thỏa Thuận Khách Hàng của DIRECTV, mọi bản sao sẽ được cung cấp tại DIRECTV.com và trong hoá đơn đến khi các quyền HBO là nhãn hiệu của Home Box Office, Inc. SHOWTIME và những dấu hiệu có liên quan là nhãn hiệu của Showtime Networks, Inc. thuộc hệ thống Viacom Company. Bảo Hộ Nhãn Hiệu & Bản Quyền 2004 của Paramount Pictures. Mọi bản quyền đều được bảo lưu. Starz và các dịch vụ có liên quan là nhãn hiệu của StarzEntertainment Group LLC. Bản quyền 2005 của Buena Vista Television. 2005 DIRECTV, Inc. DIRECTV và biểu tượng Cyclone Design là các nhãn hiệu của DIRECTV, Inc. Tất cả các nhãn hiệu và dịch vụ khác là của chủ nhân riêng của chúng.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

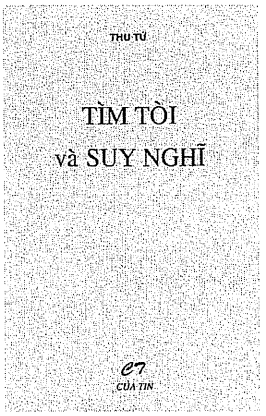

TÌM TÒI VÀ SUY NGHĨ

Khảo luận của **THU TỨ**

Như tên gọi, sách hầu như cũng chia làm hai phần: phần tìm tòi và phần suy nghĩ. Tìm tòi và suy nghĩ cái gì? Nói chung đây là một cuốn sách muốn tìm hiểu những cái độc đáo về văn hóa Việt Nam, trên cái nền ấy, phần đầu tìm tòi những tư liệu mới, phần sau là những suy nghĩ về chủ đề mà tác giả cưu mang. Tác giả tỏ ra là một người có cái học vững chãi, đọc rộng, biết nhiều, có những suy nghĩ rất sâu sắc, lại có một lối trình bày vấn đề rất là linh động, nên đọc khảo luận mà cảm thấy thú vị. Giá 18 Mỹ kim.

ĐỜI SỐNG GẦN TRONG XÃ HỘI XA

Tiểu luận của **PHẠM THỊ QUANG NINH**

Là một cuốn tiểu luận, sách chứa dựng nhiều bài viết về nhiều đề tài khác nhau, nhưng phần lớn là những đề tài liên quan đến phụ nữ. Viết về phụ nữ, tác giả hay đề cập tới cái đẹp, nhưng nhấn mạnh tới vẻ đẹp tinh thần nhiều hơn là thể chất, vì cho rằng chính đạo đức và nhiều đức tính tinh thần khác mới làm nên giá trị thực sự của người phụ nữ. Bà cho rằng người có tinh thần đẹp sẽ làm người ngoài có cảm tình và kính trọng hơn. Giá: 12 Mỹ kim.

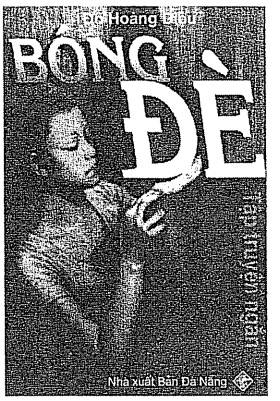

BÓNG ĐÈ

Tập truyện của **ĐỖ HOÀNG DIỆU**

Giới văn học trong và ngoài Việt Nam vài năm trở lại đây hay bàn tán về cuốn truyện ngắn Bóng Đè của Đỗ Hoàng Diệu, mà nhiều người cho là một hiện tượng mới mẻ trong văn học. Nhà văn Nguyên Ngọc nhận xét: "Trong những truyện ngắn của Đỗ Hoàng Diệu, toàn là những nhân vật phụ nữ, tất cả đều rất trẻ, khát khao sống, mãnh liệt sống, tràn đầy dục tính, song chắc chắn vấn đề của chị lớn hơn rất nhiều số phận đàn bà." Những "vấn đề lớn hơn" ấy có những cỗi rễ sâu xa trong thân phận đàn bà, nhưng hình như đều dẫn tới quan niệm về nữ quyền của tác giả. Giá 10 Mỹ kim.

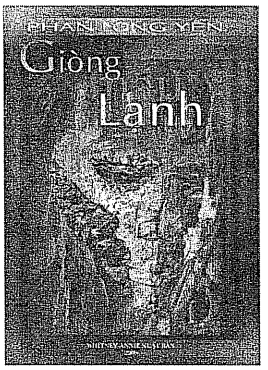

GIÒNG MÁU LẠNH

Tập truyện của **PHAN LONG YÊN**

Tác giả bắt đầu viết văn và làm thơ từ 1955, và cho đến nay ra hải ngoại vẫn tiếp tục viết và xuất bản. Giòng Máu Lạnh là tập truyện mới nhất, xuất bản năm 2005, gồm 15 truyện, mô tả những mảnh đời, những tình huống rất đặc biệt trong cuộc sống Việt Nam sau 1975. "Tuyển tập truyện ngắn Dòng Máu Lạnh nói lên được cái thực chất đầy xót xa đầy khổ ải trên quê hương. Phan Long Yên đã tiểu thuyết hóa được nỗi niềm khổ ải ấy. Nó sẽ trường tồn với thời gian." (trích lời giới thiệu của Nhất Chính). Giá 12 Mỹ kim.

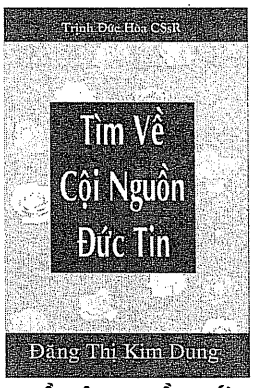

TÌM VỀ CỘI NGUỒN ĐỨC TIN

ĐẶNG THỊ KIM DUNG

Sách này ghi lại kinh nghiệm riêng tư về phương diện tâm linh của một người, thoạt tiên là Phật tử, rồi tín đồ Tin Lành, rồi thành tín đồ Công giáo. Những kinh nghiệm được viết ra một cách trong sáng, với ý tưởng rất súc tích và văn phong hấp dẫn. Những điều người đọc được chia sẻ nhiều nhất chính là lời văn chân thực, chia sẻ cuộc hành trình đi tìm một đức tin đích thực, mà cuối cùng, sau khi đã trải qua nhiều tôn giáo khác nhau, tác giả đã tìm thấy nơi đạo Công giáo. Giá 10 Mỹ kim.

SỬ DỤNG LA BÀN

THANH THỦY

Trong lịch sử nhân loại, la bàn đã được người Trung Hoa phát minh đầu tiên, nhưng trong thời hiện đại thế giới chỉ biết đến cái la bàn do Tây phương chế tạo, còn cái la bàn Trung Hoa thì chẳng mấy ai biết đến. Cuốn sách này giới thiệu lại loại la bàn cổ của người Tàu, với nguyên tắc căn bản chính yếu là hướng chỉ phương Bắc của kim nam châm, nhưng bên cạnh đó còn nhiều công dụng về khoa phong thủy. Đây là loại la bàn của "thầy địa lý" chứ không chỉ đơn thuần của người đi rừng, đi biển. Giá 12 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

Ghi chú: *Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

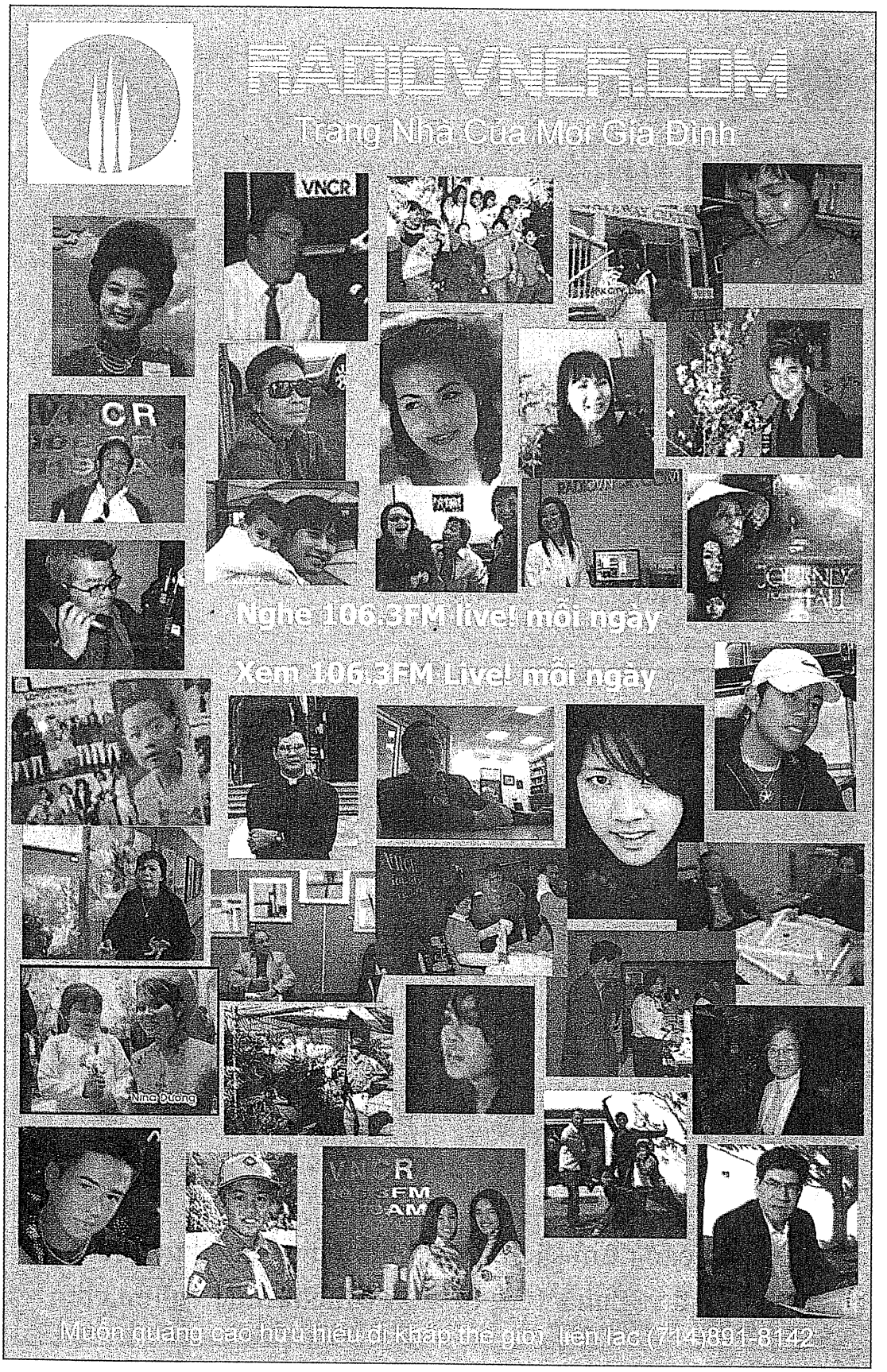
RADIOVNCR.COM
Trang Nhà Của Mọi Gia Đình
Nghe 106.3FM live! mỗi ngày
Xem 106.3FM Live! mỗi ngày
Muốn quảng cáo hữu hiệu đi khắp thế giới liên lạc (714)891-8142

Tìm đọc cuốn sách mới xuất bản của nhà văn **Nguyễn Mộng Giác**

BẠN VĂN, MỘT THUỞ...

Một cuốn tạp luận, viết về con người hoặc về tác phẩm của:
Nguyễn Hiến Lê, Bùi Giáng, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Huyền Không, Quách Tấn, Thanh Nam, Tuệ Sĩ, Kiệt Tấn, Hoàng Khởi Phong, Khoa Hữu, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phạm Hải Anh, Hoài Mỹ, Kinh Dương Vương, Miêng, Phùng Nguyễn, Trần Doãn Nho, Lê Minh Hà, Đỗ Quỳnh Dao, Song Thao, Thơ Thơ, Trúc Chi, Tâm Thanh, Tràm Cà Mau, Trương Anh Thụy.

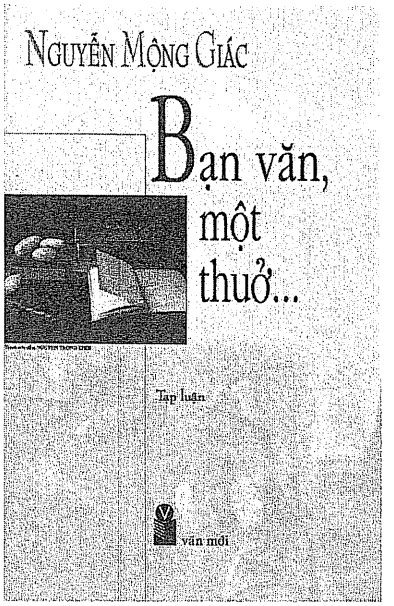

Nhà xuất bản Văn Mới
P.O. Box 287 Gardena, CA 90248 USA
Tel: (310) 366- 6867

Tác phẩm của ***Thu Tứ:***

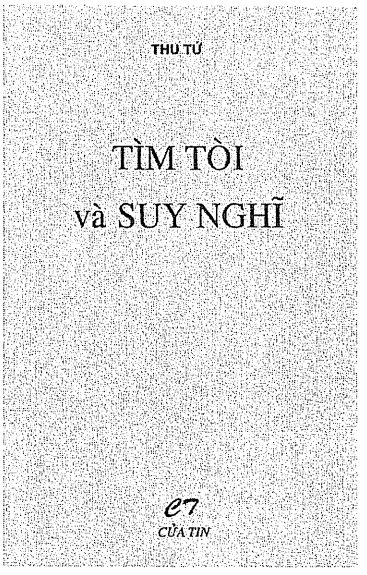

TÌM TÒI VÀ SUY NGHĨ
Ý kiến mới lạ về nhiều vấn đề căn bản.
Văn phong nhẹ nhàng, thoải mái

THƠ VĂN
(mới phát hành)
Nội dung phong phú, độc đáo
Hình thức đa dạng

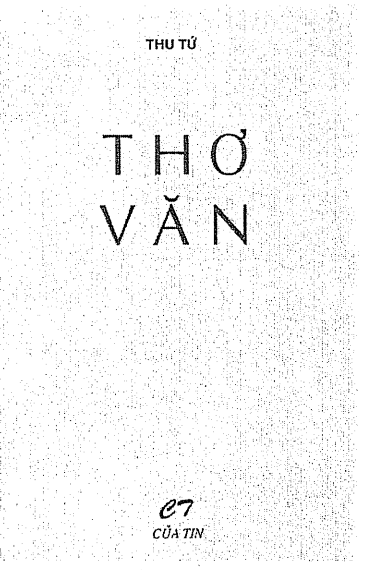

Có bán ở các tiệm sách. Nếu muốn mua qua bưu điện, xin liên lạc với nhà xuất bản tại **thucuatin@yahoo.com**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: tranh của họa sĩ **Khánh Trường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Val**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC
Số 203 – Tháng Ba 2006

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ
8. Những góp ý với Đại Hội X – **Ngô Nhân Dụng**
14. Đài Loan và vấn đề tranh chấp tại đảo Ba Bình – **Trương Nhân Tuấn**
21. Tham vọng hạch tâm của Ba Tư – **Mai Loan**
30. Hồi giáo - Hí họa – Tự do báo chí và các vụ Bạo động – **Đinh Xuân Quân**
34. Nhiệm kỳ Bush II: năm đầu đầy khó khăn – **Cổ Lũy**

VĂN HÓA – NGHỆ THUẬT
44. Quy ngưỡng đức Dalai Lama thứ mười bốn – **Phạm Công Thiện**
45. Vài nét về huyền thoại Ấn Độ (tiếp theo) – **Nguyễn Hoài Vân**
73. Ánh sáng từ âm thanh – **Thủy Cánh Lưu**
77. Đọc sách: Whence – Whither – Vietnam? – **Tôn Thất Thiện**
84. Thánh địa Mỹ Sơn – **Trần Công Nhung**
94. Phỏng vấn họa sĩ **Khánh Trường** – **Y-Sa** và **Đỗ Lê Anhdao**
98. Tình quê hương thời kỳ toàn cầu hóa – **Phạm Phú Minh**
101. "Tôi biết sợ" phần III – **Nguyễn Hữu Chi**

VĂN
80. Đám táng giữa hư vô – **Du Tử Lê**
89. Đi – **Cổ Ngư**
91. Những ngón chân – **Trần Mộng Tú**
111. Cõi tạm – **Hà Đạo Hàm**
117. Tiểu Triệu Minh – **An Phú Vang**

THƠ
71. Muối gừng – **Chu Vương Miện**. 75. Bên sông – **Cổ Ngư**. Lửa nến, Đôi khi, Cơn gió thổi – **Nguyễn Bạch Dương**. 92. Tháng giêng và bàn chân – **Trần Mộng Tú**. 107. Mùa Xuân và Bồ Tát – **Phùng Minh Tiến**. 113. Trốn – **Mạc Phương Đình**. 119. Chén trà xuân – **Hà Thượng Nhân**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và bạn đọc
Thư Trị Sự
53. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
59. Đời sống quanh ta – **Quỳnh Thoa, Lê Mạnh Hùng**
66. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Ô chó

Bài "Con chó dọc đường lịch sử" của Đặng Tiến trong Thế Kỷ 21 số Xuân Bính Tuất vừa rồi là một bài hay, ông có công sưu tầm nhiều câu thơ giá trị của Việt Nam liên quan đến con chó. Thế nhưng có một câu chúng tôi hoàn toàn không hiểu, mà lý do là vì có một chữ trong đó rất xa lạ với chúng tôi. Có thể đó là một chữ đánh máy sai, nếu thế chỉ cần Tòa soạn làm một cái Đính chính để độc giả có thể hiểu được câu văn. Trong trường hợp chữ ấy không sai, thì quả thật chúng tôi rất cần sự giải thích, hoặc của Tòa soạn, hoặc của chính tác giả. Câu đó như sau (đầu paragraph thứ hai, ngay đầu bài):

"Ngày xưa nước ta con chó không có tên, được ô theo màu lông, con vằn, con vện, con mực, con khoang..."

Được ô theo màu lông nghĩa là gì? Theo câu viết của tác giả, chữ ô ở đây phải là một động từ, trong khi theo chỗ chúng tôi được biết, tiếng Việt không có động từ đó, mà ô chỉ có nghĩa như một danh từ (là cây dù, một ngăn nhỏ, con quạ, trái ô mai...), hay tán thán từ (ô hô, ô hay...), hay tính từ (ô danh, ô nhục...). Chúng tôi cũng đã thử giở những tự điển như *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức, hoặc *Từ Điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn Ngữ Học ở trong nước, nhưng không tìm thấy chữ ô động từ.

Vậy thì nghĩa của câu trên, *được ô theo màu lông*, là gì?

Nguyễn Đức Thảo
(Minnesota)

Trả lời của Tòa soạn Thế Kỷ 21:

Thưa ông Nguyễn Đức Thảo,

Chữ ô ở đây đúng là một động từ như ông nói, nó có nghĩa là "gọi chó," được dùng trên một giải đất miền Trung, ít nhất từ Quảng Nam vào đến Bình Định. Người dân vùng này, nhất là ở thôn quê, thường dùng những câu như: "Hãy ô con chó vào nhà cho nó ăn" hay "Có đi vô rừng thì nhớ ô con chó đi theo" v.v... Có thể đây là một tiếng đặc biệt của địa phương miền Trung, dù là trải trên một địa bàn khá rộng, vẫn không được các nhà làm tự điển, phần nhiều ở ngoài Bắc, biết đến. Tác giả Đặng Tiến, người Quảng Nam, đã dùng tiếng ô một cách tự nhiên khi viết về việc gọi chó.

Sau khi nhận được thư của ông, chúng tôi đã đến thăm nhà văn Võ Phiến (người Bình Định) để hỏi ông thêm về chữ này, thì ông xác nhận ở Bình Định có dùng chữ "ô chó" một cách rộng rãi, và ông nghĩ nguồn gốc chữ này có thể là từ tiếng Chàm. Có thể tiếng "ô chó" được dùng trên một địa bàn rộng hơn là từ Quảng Nam đến Bình Định, nhưng chắc chắn là ngoài Bắc và trong Nam không có dùng tiếng này. Còn việc nó có phải là từ tiếng Chàm mà ra không, xin nhờ các nhà ngữ học giải thích.

Áo dài Lemur

Cuộc đời của họa sĩ Lemur đúng là "tài hoa bạc mệnh." Ông đã làm đúng một cuộc cách mạng về y phục phụ nữ Việt Nam, rồi ông bỏ cuộc. Làm như nhiệm vụ của đời ông chỉ có thế! Sống chỉ 35 năm trên đời mà đã gây được một cuộc đổi thay lợi ích như thế cho văn hóa ăn mặc của đàn bà nước ta, kể ra công của ông lớn lắm, cần phải biết đặt để lại cho xứng đáng. Chủ đề vừa rồi về Lemur Nguyễn Cát Tường trên Thế Kỷ 21 Xuân Bính Tuất lần đầu tiên đưa ra nhiều tài liệu đầy đủ nhất về ông, giúp độc giả có một ý niệm về cuộc đời cũng như sự đóng góp của ông về việc cải cách y phục. Nhưng chúng tôi nghĩ đó chỉ là một chương mở đầu tổng quát của một cuốn sách trong tương lai, nghiên cứu tỉ mỉ hơn, khoa học hơn, để chỉ rõ những cái mới ông đem lại là những chỗ nào, so với lối ăn mặc truyền thống của phụ nữ nước ta.

Trần Văn Tri *(San Jose, CA)*

Sự hấp dẫn nằm ở đâu?

Sau Tết, tôi được tiếp tục đón xuân với một bài hát và một giọng ca rất mới, mà chắc các bạn nhiều người cũng đã nghe: Bonjour Vietnam với giọng hát Quỳnh Anh. Một giọng hát rất ngây thơ trong trắng, với một bài hát do một người Pháp đặt nhạc lẫn lời, nhưng đã lồng vào được một số hình ảnh tượng trưng cho Việt Nam, đã làm nhiều người cảm động. Báo chí trong và ngoài nước Việt Nam đã có một số bài nhắc đến hiện tượng này.

Tôi lẩn thẩn suy nghĩ: vì sao mình lại thích nghe bài này, những yếu tố gì của nó khiến mình xúc động? Về quê hương đất nước Việt Nam mà diễn tả bằng tiếng Tây, qua tài viết nhạc của một người Pháp, làm sao có thể rung động được những sợi tơ tình cảm của người Việt Nam vốn chỉ quen với trống quân, cò lả, hát lý, tuồng chèo, hát bội, cải lương, vọng cổ, với mái tranh quê nghèo, với đồng ruộng cò bay, với núi Tản sông Đà, với Trường Sơn và Cửu Long Giang...? Vốn liếng của tôi chất như núi như thế, nay đem mấy cuốn phim của Coppola với mấy chiếc "trực thăng cuồng nộ" ra "hù" tôi thì chẳng nhằm nhò gì cả. Lại còn mấy con mắt xếch, chợ nổi trên sông với mấy chiếc ghe tam bản, nghe như đang đi du lịch Thái Lan! Những hình ảnh như thế mà gọi là "tình tự quê hương" Việt Nam thì... yếu quá!

Nhưng lý trí thì bảo vậy, thực tế bài nhạc vẫn hay, nghe vẫn xúc động. Tại sao vậy kìa? Thời đại của "Quê hương tôi có con sông đào xinh xắn, nước tuôn trên đồng vuông vắn..." đã hết rồi chăng? Tâm tình người Việt Nam ngày nay đổi khác rồi chăng? Kể ra một khi đã đi ở nhờ khắp trên mặt trái đất thì tâm tình khác đi là phải rồi. Nơi nào sống được yên ổn tự do thì nơi đó là quê hương. Phải chăng tâm tình người Việt Nam ở hải ngoại

đã trở nên lai tạp rồi? Thì cũng phải thôi, cái đó có gì là lạ đâu? Không pha tạp mới là lạ! Nhưng không phải vì sống ở nước ngoài mà cảm được bài Bonjour Vietnam đâu. Người sống trong nước cảm bài đó càng bạo nữa! Vào mục thư tín của trang nhà báo Tuổi Trẻ mà coi, người ta viết thư về ào ào để tán tụng bài đó. Người khen điểm này, kẻ thích điểm nọ, có người nghe mà rớt nước mắt, và, có người còn la to lên giống như hô khẩu hiệu: Tôi cảm thấy tự hào cho Việt Nam! (Ở trong xã hội hay xài khẩu hiệu và hay lên gân thì khi xúc động vì một bài hát, người ta cũng có thể làm tí khẩu hiệu, cái đó không sao, miễn là thực lòng).

Nói dông dài, cũng chưa hiểu được cái tinh túy (hay ma túy) của Bonjour Vietnam là cái gì mà khiến cho nhiều người mê thế. Tôi xin nêu lên để các bạn cùng góp ý cho vui.

Nguyễn Thành Ý *(Texas)*

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Sau số Xuân gồm luôn cả hai tháng Giêng và Hai, báo Thế Kỷ 21 lại tái ngộ bạn đọc trong số Tân niên này. Số Xuân đón Tết với những món ăn khác lạ, nay thực đơn lại trở lại bình thường, các mục thường xuyên, các loại bài về chính trị, xã hội, lịch sử, văn học v.v... lại xuất hiện. Yến tiệc chỉ thích hợp với dịp lễ lạc, bữa ăn thường nhật mới thực sự cho chúng ta dưỡng chất quanh năm.

Với sự đề nghị và giúp đỡ của nhạc sĩ Cung Tiến, năm nay chúng ta sẽ ra một số đặc biệt về nhạc sĩ Mozart. Thế giới đang kỷ niệm 250 năm ngày sinh của nhạc sĩ thiên tài này, Thế Kỷ 21 cũng sẽ đóng góp phần mình với một số báo có chủ đề về Mozart. Thoạt đầu đã định sẽ ra số đặc biệt vào chính số báo Tân niên này, nhưng sau thấy gấp rút quá, nên dời qua số tháng Năm. Nhưng nhạc sĩ Cung Tiến lại vừa mới biết là có việc bận bất ngờ trong thời gian sắp tới, nên số báo đặc biệt về Mozart lại được dời một lần nữa, lần này thì chắc chắn sẽ vào số ***tháng Bảy, 2006****. Vậy trước mắt chúng ta còn hơn ba tháng để chuẩn bị. Kính mời quý văn hữu và bạn đọc tích cực đóng góp bài vở, tài liệu cho chủ đề này, và xin gửi về Tòa soạn trước ngày 10 tháng Sáu năm nay.*

Ngoài ra, một chủ đề khác cũng được dự trù thực hiện trong năm nay: về cuộc cải cách ruộng đất do đảng Cộng sản Việt Nam phát động cách đây nửa thế kỷ. Chúng tôi kêu gọi quý vị góp sức để cùng nhau ghi lại một trang sử đẫm đầy máu nhân dân Việt Nam trong thời bình. Thời gian ra số đặc biệt này sẽ xin thông báo sau, nhưng bài vở, tài liệu thì chúng tôi bắt đầu nhận ngay từ hôm nay.

Và sẵn đây, xin thông báo ***số điện thoại mới của Trị Sự:***

(714) 892- 9414 Ext. 141

Xin cám ơn quý vị, và chúc quý vị một năm an lành.

Độc Giả Mới

Nguyễn Văn Dũng-AR; Rhodos Copenhagen-Denmark; Phạm Đình Vinh-FL; Nguyen Khanh Tho-CA; Nguyen Tang Huy-Greece; Phan Van Anh-France; Nguyen Thanh Loan-CA.

Độc Giả Gia Hạn

Nguyen Huu Nam-Canada; Bui Thi Ngoc Loan-Germany; Han N Vu MD-CA; Tran Thi Trinh-MA; Vinh Vu-PA; Tan Dinh Vo-EL Monte; Ba Nguyen-CA; Nguyen Van Nhuong-CA; Nguyễn Phong Châu-Canada; Lưu Cẩm Ngân Hà-DE; Lê Duy Chánh-CA; Duong Thieu Dzung-MD; Lê Văn Tiết-CT; Hoàng Tân-CA; Nguyễn Thanh Trang-CA; Nguyễn Thị Loan-Germany; Nguyễn Kim Xuyến-IL; Philip Phú Văn Bùi-CA; Bình Nguyễn-MN; Rev Pham Tue-LA; Vo Doan Nhan-CA; Nguyen Van Trung-Canada; Trần Đình Lệ-France; Lương Hoàn Châu-France; Nguyen Ly-CA; Diep H Luu-OH; Nghia Huu Le-CA; Deichmanske Bibliotek-Norway; Bergen Offentlige Bibliotek-Norway; Trương Văn Tấn-Germany; Ha Thuc Chu-WA; Nguyễn Xuân Hoàng-08840; Hao Nguyen-CA; BNF-AL; Nguyen Tang Huy-Greece; Le Thi Lan-TX; Pham Trong Sach-OR; Nguyễn Quang Bình-CA; Võ Văn Điệu-KS: Lê Đình Khôi-CA; Võ Việt Hùng-CA; Vũ Định-CA; Dương Đức Như-TX; Loc Vu-CA; Kathy Tran-CA; Dan Dinh Can-CA; Phan Văn Bính-Japan; Do Anh Tai-CA; Nguyen D Tuong-Canada; Hà Thị Bích-MD; Dinh M Vinh-TX; Nguyen Van Phu-OR; Dr. To Ngoc Bui-CA; Le Huong-CA; Tran T Ngoc Dung-CA; Dau T Le. MD-VA; Đinh Cường-VA; My Nguyen-CA; Lan Nguyen-VA; Ha Son-TX; Ho Lan Anh-CA; Hà Thị Minh-CA; Đào Tấn Chương-FL; Toan Truong-CA; Nga Ton-CA; Loi V Vuong-FL; Vo Thanh Sum-Australia; Le Thanh Phong-France; Tuong Nang Tien-CA; Nguyen Ba Thach-FL; Uyen Jackson-CA; Trang Thi Viet Hong-KS; Hồ Tấn Một-WA; Hoàng Tâm Hilton-MD; Linh Cong Phan-CT; Nguyen Thi Thu & Dat-CA; Luong Phan-CA; Hung Dang-CA; Lien Huong Hanlon-TX; City of Hindmarsh & Woodville LIB-Australia; City of Maribyrnong LIB-Australia; Le Duc Minh-France; Phu Le-OH; Nguyen Tri Thuc-MN; Diep H. Luu-OH; Nguyen Thu Nga-CA; Ven. Thích Tâm Châu-Canada; Huynh Hong Mai-FL; Trần Ái-CA; Pham Hue-VA; Le Thi Thu Nga-Canada; Nguyen Thi Loan-Germany; Le Minh Tien-Canada

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Joseph N. Duc Minh-CA; Chi Do Pham-Laos; Monsieur Phan Van Anh-France; BNF MAG-AL.

NHỮNG GÓP Ý VỚI ĐẠI HỘI X

NGÔ NHÂN DỤNG

Gần đây có rất nhiều bài với nội dung "Góp ý với Đại hội Đảng lần thứ mười," xuất hiện ở Việt Nam, nhân dịp Trung ương Đảng đưa ra bản dự thảo báo cáo chính trị, một thứ tài liệu ấn định quốc sách trong dăm năm sắp tới. Có những ý kiến rất độc đáo, nói thẳng vào các vấn đề và phê bình một cách nghiêm chỉnh. "Kiến nghị năm điểm của nhà báo Phan Thế Hải đề nghị bỏ điều 4 trong hiến pháp, bài "Góp ý ..."của Tướng Đặng Văn Việt, đã về hưu, nói thẳng chủ nghĩa Mác đã lỗi thời. Nhưng bài góp ý của ông Nguyễn Trung, cựu đại sứ Việt Nam tại Thái Lan và Australia tạo được nhiều tiếng vang nhất. Hiện tượng này cho thấy vai trò quan trọng của truyền thông, ở Việt Nam cũng như bất cứ nơi nào. Các bài của Phan Thế Hải và Đặng Văn Việt phổ biến rất hạn chế trên mạng lưới. Những lời tâm huyết của ông Nguyễn Trung, cựu trợ lý của ông Võ Văn Kiệt, hiện ở trong ban cố vấn của ông Phan Văn Khải, được đăng trên Tuổi Trẻ, một tờ báo có uy tín nhất nước, rồi lên mạng lưới của báo này. Mạng thông tin VietnamNet còn phỏng vấn ông Nguyễn Trung một bài dài, rồi đăng tiếp những bài khác của ông để trả lời những người góp ý kiến. Cả hai mạng thông tin này đều nằm trong vòng kiểm soát của ban Tư tưởng, Văn hóa đảng Cộng Sản.

Cuộc trao đổi trên mạng lưới được gọi là "Hiện tượng Nguyễn Trung" cho thấy rất nhiều đảng viên cộng sản khát khao được bầy tỏ ý kiến một cách tự do, nhất là những ý kiến ngoài khuôn khổ do giới lãnh đạo đảng vạch ra. Chắc chắn những người ở ngoài đảng Cộng Sản còn muốn được lên tiếng nhiều hơn. Tất nhiên, các ý kiến "bất đồng" hoặc "phản kháng" không bao giờ được phép phổ biến. Chúng ta có thể tưởng tượng nếu các bài viết của những người có ý kiến khác với giới lãnh đạo đảng như Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Phan Thế Hải, Đặng Văn Việt, vân vân, cũng được phổ biến tự do thì dư luận còn sôi nổi biết hơn hiện tượng Nguyễn Trung nhiều.

Dù sao đây cũng là một hiện tượng đáng khích lệ. Càng nhiều người đóng góp ý kiến về việc nước càng tốt, dù chỉ phổ biến trên mạng lưới internet bị kiểm soát. Giới thanh niên ở nước ta cần tập thói quen thảo luận, tranh biện các vấn đề chung của đất nước. Dù chỉ một con số nhỏ tham dự, các ý kiến rồi sẽ có lúc được truyền bá rộng hơn.

NHỮNG Ý KIẾN MẠNH BẠO

Nhà báo Phan Thế Hải nhận xét bản Báo cáo chính trị "vẫn là giọng văn cũ, khái niệm cũ, có nhiều thứ không còn hợp thời," và "sự đổi mới toàn diện vẫn chưa thấy đâu." Vẫn còn "nhiều nút cổ chai chưa được giỡ bỏ." Ông dùng một hình ảnh, trong lúc thế giới chạy trên xa lộ mỗi năm có hàng trăm loại phương tiện mới, "chúng ta vẫn kiên trì (dùng) một phương tiện cũ kỹ từ thế kỷ XIX" – ám chỉ chủ nghĩa Mác. Một khuyết điểm của chế độ hiện tại là tính chất đảng trị, không tôn trọng pháp luật, "Dân chúng thay vì phải học luật là (phải) học nghị quyết." Đảng đè trên nhà nước tạo nên "một bộ máy khổng lồ song trùng . . . 64 tỉnh thành có 64 ông chủ tịch, 64 ông bí thư, 64 bộ máy tỉnh ủy." Hơn 600 quận, huyện cũng vậy. Từ đó đẻ ra tham nhũng và phí phạm. Ông Phan Thế Hải so sánh Việt Nam có sáu triệu người ăn lương của dân đóng thuế trong khi Thái Lan chỉ có hai triệu. Kết luận hiển nhiên là phải xóa bỏ điều 4 trong hiến pháp hiện nay, bỏ độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng Sản. Ông Phan Thế Hải cũng đề nghị xét việc trở lại Hiến pháp năm 1946, một điều đã được nhiều người nêu lên.

Trong một cuộc phỏng vấn với đài Á châu Tự do, ông Phan Thế Hải chỉ trích việc biến chủ nghĩa Mác Lênin thành một "quốc giáo" bắt mọi người phải học. Ông cũng mạnh bạo đề nghị bỏ cụm từ "xã hội chủ nghĩa" trong danh xưng của Việt Nam, bãi bỏ những trói buộc còn lại trong cơ chế, và phải tôn trọng những ý kiến khác biệt. Ông Phan Thế Hải, một phóng viên chuyên về kinh tế, cũng chỉ trích đường lối "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" vì cái tên đó tự mâu thuẫn.

Bài viết đầu tiên của ông Nguyễn Trung mang tựa đề "Thời cơ vàng của Đảng ta" – "đảng ta" là đảng Cộng Sản Việt Nam. Ông Nguyễn Trung nhắm vào các đảng viên cộng sản, có thể ảnh hưởng tới họ trong Đại hội X sắp tới. Nếu những lời điều trần thiết tha của ông có thể làm cho nhiều người trong đại hội đó lắng nghe và thay đổi theo chiều hướng ông gợi ra, thì đây đã là một đóng góp đáng ca ngợi của ông. Người ở ngoài đảng có thể cảm thấy những lá thư của Nguyễn Trung vẫn còn giọng văn tuyên truyền quá nặng nề và ông không dám nói thẳng những đề nghị thay đổi cần thiết, như các ông Phan Thế Hải. Nhưng ta phải thông cảm với tác giả, vì ông muốn bài viết của ông được phổ biến rộng rãi trên các mạng lưới của đảng. Trong mấy bài sau, ông Nguyễn Trung có nêu lên một số tựa đề như "Người tài bị đố kỵ và không được trọng dụng;" hoặc "Dân Chủ là chấp nhận nhiều ý kiến trái chiều" thì đó cũng là những ý kiến khá rõ rệt, không nói minh bạch như cố Trung tướng Trần Độ: "phải có tự do bầu cử, tự do ngôn luận."

Một điểm đáng chú ý là khi bàn về các khó khăn hiện nay của nước ta, và những khó khăn riêng của đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Nguyễn Trung không đổ lỗi cho người ngoài mà tìm nguyên nhân ở ngay bên trong, tự mình gây ra. Ông viết: "Thực là phiến diện nếu chỉ một bề đổ hết mọi tội lỗi cho bên ngoài..." Không đổ lỗi cho "những thế lực thù địch" như các lãnh tụ cộng sản khác (ông có nhắc tới một lần) mà ông còn khuyến cáo đảng Cộng Sản "không tự chuốc lấy kẻ thù cho mình." Đây là một lời khuyên chí tình, do kinh nghiệm lịch sử. Trong quá khứ, đảng Cộng Sản Việt Nam đã tạo ra bao nhiêu kẻ thù cho cả nước Việt Nam. Nếu như đảng Cộng Sản không

chủ trương xâm chiếm miền Nam từ năm 1959 thì đã không khiến cho miền Bắc bị Mỹ ném bom gây bao nhiêu tang tóc. Nếu sau năm 1975 không chạy theo Liên xô, cho hải quân Nga lập căn cứ ở Cam Ranh, thì đã không bị Trung Quốc "dậy cho một bài học," bài học kéo dài hàng chục năm. Mà học phí thì quá đắt. Nếu không đem quân sang chiếm Cam Bốt thì không đến nỗi làm chết vô ích thêm 50 ngàn thanh niên nữa. Nói xa hơn, ngay từ đầu thì việc chọn lựa theo chủ nghĩa Cộng Sản, rồi bắt tất cả quốc dân đứng về một phía trong cuộc tranh chấp giữa hai khối tư bản, cộng sản thế giới, đã là tự tạo thêm kẻ thù cho mình, những kẻ thù thứ dữ! Đáng lẽ thấy người ta sắp đánh nhau thì phải biết mà tránh đừng chen chân vào mới phải. Lại nhất định đứng hàng đầu trong cuộc tranh chấp toàn cầu đó, hy sinh cả nước cho một giấc mơ quốc tế hão huyền, thì thật là dại dột quá. Sau Đại chiến Thứ Hai, các nước cựu thuộc địa trên thế giới đều đứng lên giành độc lập. Những nước nào không bị lôi cuốn theo chế độ cộng sản thì không gặp những khốn đốn như dân nước ta. Bài học rất chí tình: Đừng bao giờ chuốc lấy kẻ thù. Tất nhiên ông Nguyễn Trung không thể nói hết các ý này, nhưng lời khuyên "không tự chuốc lấy kẻ thù cho mình" khiến người đọc có suy nghĩ phải nhớ lại những "bài học" đau thương đó.

Trong bài "Thời cơ vàng" ông Nguyễn Trung cũng gắn hai chữ Tự Do nhiều lần đi liền với hai chữ Dân Chủ. Đây cũng là một điều mà các người lãnh đạo đảng Cộng Sản vẫn tránh, cho thấy ông ông Nguyễn Trung dám đụng tới một điều cấm kỵ, mặc dù ông không khai triển thêm về hai khái niệm gắn liền đó. Ông Nguyễn Trung dùng lối văn có giọng "tuyên truyền" rất nặng, đó cũng là một điều khiến những người không ở trong đảng Cộng Sản không cảm thấy thoải mái khi đọc các bài của ông. Nhưng đối với các đảng viên cộng sản thì đây lại là một phương cách thích hợp.

Trong một bài viết dài tám trang, ngay trang đầu ông đã nhắc tới bốn năm lần những "Sự nghiệp cách mạng của đất nước, thành tựu cách mạng của đất nước" vân vân. Thêm vào đó là những từ ngữ sôi động lòng người như, "ấm no, tiến bộ, độc lập, thống nhất, dân tộc, nhân loại, hòa bình, hữu nghị, phát triển," vân vân. Và ông sử dụng thoải mái những chữ: "tự hào, quyết tâm, năng động, cực kỳ trọng đại, khát vọng thiêng liêng, hào khí của đất nước," vân vân. Phần lớn các từ ngữ đó có thể tìm thấy trong các bài diễn văn của quý ông Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh, Nguyễn Phú Trọng, vân vân, mà không làm cho ai cảm động. Nhưng bài viết của ông Nguyễn Trung lại lôi cuốn. Vì một đặc điểm khác trong lời văn của ông Nguyễn Trung là ông diễn tả bằng tình tự rất nồng nàn. Ông dùng những từ khích động như, "nhức nhối, đầy máu và nước mắt, chưa từng có, thách thức hiểm nghèo, lần đầu tiên, lần đầu tiên nhắc lại lần nữa, chiến tranh tàn khốc, đau nỗi nhục mất nước, đau mối nhục nước nghèo, đau nỗi đau của dân tộc, yêu thiết tha hơn nữa tổ quốc của chúng ta, tất cả cho tổ quốc của chúng ta. . ." Khi tình cảm được

khích động như vậy thì người đọc rất dễ bị lôi cuốn, nhưng cũng dễ bỏ qua các ý tưởng chính, vì không được mời suy nghĩ một cách tỉnh táo.

Ai đã đọc bài "Thời cơ vàng của Đảng ta" của ông Nguyễn Trung thì chắc sẽ cảm thấy nhẹ nhàng khi đọc bài "Góp ý vào bản báo cáo chính trị đại hội X của Đảng" của Tướng Đặng Văn Việt. Ông Nguyễn Trung có lối văn đầy tình cảm, rất hùng hồn; còn ông Đặng Văn Việt nói thẳng tuột, giản dị, đọc đến đâu hiểu ngay ông muốn nói gì. Như ông tự thú, "Việt này không biết cách nói vòng vo, không quen uốn ba tấc lưỡi nịnh bợ ai."

Ông Đặng Văn Việt cũng nói thẳng là "Phải từ bỏ chủ nghĩa Mác- Lênin;" chủ nghĩa Mác Lênin đã lạc hậu, đã trở thành một "sức cản đối với sự tiến hóa của xã hội." Vốn là một đảng viên cộng sản và một tướng lãnh lừng danh, ông Đặng Văn Việt không ngần ngại viết thẳng rằng chủ nghĩa Cộng Sản "không theo đúng quy luật phát triển xã hội của loài người, của lòng người;" nói rõ hơn, "thật là ảo tưởng, thật là không tưởng kỳ lạ." Ông Đặng Văn Việt cũng nói như ông Phan Thế Hải, là bây giờ chủ nghĩa Cộng Sản được biến thành một tôn giáo. Ông bảo cứ chính thức công nhận nó là một "Đạo Mác" đi, trong đạo đã có sẵn 2 triệu 6 đảng viên là các tín đồ! Nhưng, ông lại viết: "Người theo chủ nghĩa cộng sản luôn được khuyến khích đến cái ác, trái với các đạo giáo khác trên thế giới."

Sau khi đã phân tích những sai lầm nghiêm trọng của đảng Cộng Sản làm đất nước chậm tiến trong 30 năm qua, khác lối ông Nguyễn Trung có nhắc đến các thành tựu, Tướng Đặng Văn Việt cũng đề nghị phải từ bỏ chủ nghĩa Mác, từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, từ bỏ chuyên chính vô sản và độc quyền lãnh đạo. Những lời kết luận của Tướng Đặng Văn Việt vẫn có giọng ôn hòa khi ông nhắm vào Đại hội X. Ông đề nghị: Phe bảo thủ bớt bảo thủ đi. Phe tiến bộ phải không câu nệ câu – chữ. Bãi bỏ chế độ Thái thượng hoàng. Làm tốt công tác nhân sự. Vân vân.

CẦN THẢO LUẬN BÌNH TĨNH, MẠCH LẠC

Khi ông Nguyễn Trung hỏi: "Sĩ phu Bắc Hà thời nay sao im hơi lặng tiếng?" thì một người cảm thấy "se lòng" khi đọc câu hỏi trên là luật sư Lê Quốc Quân, 35 tuổi. Ông Lê Quốc Quân đã làm chuyên gia cho các dự án nước ngoài, rồi "bỏ làm thuê cho nước ngoài" để "31 tuổi, tôi trở thành doanh nhân." Nhưng lúc vào việc ông Lê Quốc Quân mới nhìn rõ một sự thật là "phong bì là vũ khí phổ thông nhất của các doanh nhân," tức là muốn làm việc thì phải hối lộ. Ông Lê Quốc Quân tâm sự: "Bạn bè tôi nhiều người bỏ nước ra đi vì nói rằng mình sinh nhầm thời và đã không ít lần tôi cũng có ý nghĩ như vậy." Nhưng bây giờ ông Lê Quốc Quân đã gạt bỏ ý nghĩ bi quan "sinh bất phùng thời" đó, ông nguyện "sẽ hoạt động luật sư cho người nghèo."

Lá thư của Lê Quốc Quân cho chúng ta một niềm hy vọng. Những thanh niên 30, 40 tuổi mà đang tâm toa rập với bọn tham nhũng, chỉ lo đem tiền đi hối lộ để kinh doanh kiếm lời, thì đáng lo cho tương lai đất nước. Cũng rất đáng lo nếu họ lại chán nản, than vãn mình "sinh bất phùng thời" như các thanh niên sống trong thời Pháp thuộc, than "Lũ chúng ta đầu thai nhầm thế kỷ!"

Lê Quốc Quân viết rằng, "tổ quốc đang cần những tranh luận mạch lạc và sâu sắc nhất." Đó là một ý kiến rất đáng hoan nghênh. Muốn thực hiện được "những tranh luận mạch lạc và sâu sắc" thì chúng ta cần phải có những điều kiện gì? Tất nhiên muốn có "những tranh luận mạch lạc và sâu sắc" thì phải có tự do báo chí, tự do ngôn luận. Nếu không, sẽ chỉ có những ý kiến một chiều, vuốt đuôi, kiểu một câu trung kèm một câu nịnh. Nhưng sau khi các ý kiến đã được trao đổi trên các diễn đàn tự do rồi, thì làm sao thực hiện được các ý kiến xây dựng, bổ ích? Tất nhiên phải có tự do hội họp, tự do lập hội, lập đảng. Nếu không thì dù có bao nhiêu ý kiến cũng bỏ vào thùng rác hết. Ông Lê Quốc Quân kể kinh nghiệm của chính ông: Có ý kiến nhưng không dám đề nghị lên "lãnh đạo;" phải "thổi" các ý tưởng của mình cho các cố vấn ngoại quốc, để họ "cố vấn lại" thì cấp lãnh đạo người Việt mới nghe! Dân tộc thiếu tự tin như vậy hay sao? Quả thật, chúng ta cần có "những tranh luận mạch lạc và sâu sắc" như ông Quân phát nguyện: "Tôi không im hơi lặng tiếng nữa và tôi tin rằng hàng triệu thanh niên Việt Nam đang và sẽ nói."

Để cho cuộc thảo luận chung của các bạn thanh niên được "mạch lạc và sâu sắc" thật, trước hết chúng ta nên tránh tự đánh lừa mình bằng những ngôn từ hoa mỹ, những hình ảnh lạc quan không có thật. Không tự đánh lừa chính mình.

Chẳng hạn, ông Nguyễn Trung viết về niềm 'tự hào" của đảng Cộng Sản, hai chữ "tự hào" được ông nhắc lại nhiều lần với câu hỏi: "Không tự hào sao được..." Ông kể ra một thành tích là

sau 20 năm "đổi mới" thì lợi tức theo đầu người của nước ta đã tăng gấp hơn ba lần. Nghe nói "tăng ba lần" thì thấy ghê thật, nhưng có đáng tự hào lắm hay không? Sau 20 năm mà lợi tức tăng ba lần có nghĩa là trung bình mỗi năm tăng được khoảng 5,6 phần trăm. Ví thử cứ tiếp tục tăng trưởng 5,6 phần trăm như vậy, thì tương lai ra sao? Thử so sánh GDP đầu người của nước ta với một nước nhỏ bé như Swaziland ở Phi châu. Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới về lợi tức theo đầu người năm 2004, thì Việt Nam đạt được 550 đô la Mỹ một năm, so với Swaziland là 1.660 đô la. Nếu Việt Nam tăng được gấp ba thì bằng người dân xứ Swaziland. Với tỷ lệ tăng trưởng 5,6 phần trăm, cũng phải mất 20 năm nữa dân mình mới bằng dân họ hiện nay. Tất nhiên, trong thời gian đó họ cũng tiến, mình lại chạy đuổi tiếp! Trong bài "Thời cơ vàng" ông Nguyễn Trung cũng nhắc đến Thái Lan. Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, năm 2004 GDP đầu người của Thái Lan là 2.540 đô la một năm, gấp 4,6 lần dân Việt Nam. Nếu muốn bằng Thái Lan bây giờ và nếu tỷ lệ tăng trưởng của GDP theo đầu người Việt Nam lên được 8 phần trăm một năm, cũng phải mất 20 năm nữa. Trong thời gian đó, tất nhiên dân Thái Lan cũng vẫn chạy về phía trước.

Ông Nguyễn Trung kể ra nhiều thành tích: "Lần đầu tiên... Việt Nam trở thành một quốc gia xuất khẩu và trên thực tế (sic) là đã có quan hệ kinh tế, thương mại với hầu hết các quốc gia trên thế giới." Như vậy có gì đáng nêu lên một cách hùng hồn để gọi là thành tựu hay không? Bang giao với các nước khác, mua hàng, bán hàng với các nước khác, là những chuyện rất bình thường trong đời sống của một quốc gia, có gì đáng tự hào hay không? Ông Nguyễn Trung lập lại ý kiến đó một cách hùng hồn hơn nữa: "Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam chúng ta có tất cả các cường quốc trên thế giới là đối tác kinh tế quan trọng, là thị trường quan trọng của nước mình! Trên hết cả, lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Việt Nam là đối tác với tất cả các cường quốc trên thế giới ... Lần đầu tiên trong lịch sử của mình Việt Nam có khả năng thực hiện được ước vọng là giương cao ngọn cờ hữu nghị và hợp tác, vì hòa bình và phát triển của mọi quốc gia trong cộng đồng thế giới."

Đối với những nước như Swaziland hoặc Thái Lan, các "thành tựu" trên là điều tự nhiên, chẳng có gì đáng nêu lên một cách dõng dạc như vậy. Tại sao ông Nguyễn Trung muốn nhấn mạnh điều này? Chắc hẳn có ẩn ý. Nếu không, ông sẽ bị coi là gây nên những ảo tưởng cho giới thanh niên.

Trong tạp chí *Tia Sáng*, số 4 năm 2006, ra ngày 18 tháng Hai, ông Phan Việt viết một bài phê bình một vị tiến sĩ về những lời hô hào rất hùng hồn nhưng vô ích. Phan Việt hỏi vị giáo sư đã đi học ở Mỹ, "Lẽ ra, thay vì kêu gọi thanh niên... phải biết vươn mình như Thánh Gióng, anh nên kêu gọi thanh niên học tập cho tốt, trở thành những người lao động lành nghề và có trách nhiệm. Có đội ngũ lao động như thế thì Việt Nam mới mong có thể thu hút đầu tư hay gia công xuất khẩu gì đó; chứ hiện nay trên thị trường Mỹ, đi đâu cũng chỉ thấy hàng gia công từ Trung Quốc, họa hoằn lắm mới thấy hàng từ Việt Nam. Lẽ ra, thay vì làm cho người ta có ảo tưởng rằng cả thế giới đang nhìn vào Việt Nam, rằng thời cơ Thánh Gióng đã đến với Việt Nam, anh nên nói một cách khách quan rằng thời cơ là cho tất cả thế giới và Việt Nam thực sự chỉ là một phần nhỏ trong cả thế giới; muốn đi lên thì cứ bình tĩnh mà cải tổ từng bước, đừng ảo tưởng vào sự lớn vụt hay vươn mình nào vì quán tính của cách suy nghĩ và tư duy cũ còn rất nặng nề tại Việt Nam." Bài của Phan Việt không nhắc đến bài "Thời cơ vàng" của ông Nguyễn Trung, nhưng ông cũng nhắc khéo rằng "thời cơ là cho tất cả thế giới và Việt Nam thực sự chỉ là một phần nhỏ trong cả thế giới ..." Chỉ khi nào chúng ta bình thản nhìn vào sự thật, lúc đó mới có thể thảo luận một cách mạch lạc và sâu sắc.

Nhưng chúng ta có thể đoán rằng ông Nguyễn Trung không có ý ru ngủ các đảng viên cộng sản bằng ảo tưởng. Vì khi nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu "Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam ..." ông chỉ muốn người đọc thấy 20 năm vừa qua đảng Cộng Sản đã thay đổi, dù chỉ thay đổi nửa chừng, cũng đã giúp nước Việt Nam đi rất xa về phía trước. Ông đặt câu hỏi: "Nếu không tự đổi mới ..., đất nước ta sẽ đang ở đâu?" Ông viết rõ hơn: "Nên tự hỏi ... để đoạn tuyệt với mọi quán tính bảo thủ lạc hậu." Viết như vậy, có thể khiến người đọc nhận ra tất cả thời gian trước năm 1986 là một sự phí phạm vô ích, vì các chính sách sai lầm của đảng Cộng Sản Việt Nam. Cũng vậy, khi ông Nguyễn Trung đề cao một thành tích, "Lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay Việt Nam bây giờ không có kẻ thù chiến lược." Nói như vậy là nhắc lại một ý nêu lên ở trên: Đừng chuốc lấy kẻ thù – vì các

chính sách sai lầm như trong quá khứ!

KẺ THÙ CỦA NHÂN DÂN TA LÀ AI?

Một yếu tố khiến lá thư của ông Nguyễn Trung nhận được hàng ngàn lá thư góp ý kiến là lối văn ông cởi mở. Ông đặt những câu hỏi, nhiều khi ông nói lơ lửng "Hoặc là ... Hay là ..." để cho độc giả tự tìm câu trả lời. Ông diễn tả những băn khoăn thao thức chứ không lên mặt dậy dỗ. Mà thanh niên nước ta bây giờ đang chứa trong lòng biết bao nhiêu băn khoăn thao thức. Khích động được mối xúc động, khơi gậy được mối quan tâm của nhiều người để họ cùng lên tiếng về tương lai của chính họ, đó là một đóng góp quý báu của ông Nguyễn Trung trong bài viết trên.

Nếu lọc bỏ bớt những lời văn hoa có mục đích khích động, thì cuối cùng, bài "Thời cơ vàng" của ông Nguyễn Trung có những điều gì đáng nhớ? Ông nói lên những ý tưởng nào mới hay không?

Ông Nguyễn Trung hỏi: "Kẻ thù của nhân dân ta trên con đường thực hiện khát vọng thiêng liêng này là ai?" Ông trả lời: "Trước hết đó là sự lạc hậu, là ý thức chưa đầy đủ về sự lạc hậu của mình ..." Đây là một ý tưởng được ông nhắc lại nhiều lần với lối viết đủ nhẹ nhàng để không trở thành lời lên án giới lãnh đạo. Vậy liều thuốc "để chiến thắng kẻ thù này" là gì? Ông Nguyễn Trung trả lời, là "Phát huy tự do dân chủ ... giác ngộ đầy đủ vai trò một dân tộc tự do là chủ nhân ông của một đất nước độc lập tự do."

Nhiều người sẽ lắc đầu cho rằng những chữ "Phát huy tự do dân chủ" đó đã cũ, đã nhàm rồi. Ông Đỗ Mười cũng nói, ông Nông Đức Mạnh cũng nói được. Nhưng điều chúng ta có thể ghi nhận là ông Nguyễn Trung không chỉ hô khẩu hiệu "Dân Chủ" không thôi mà còn nhắc nhiều lần đến hai chữ "Tự Do." Các đảng Cộng Sản thế giới từ xưa vẫn nói đến Dân Chủ nhưng họ đều tránh hai tiếng Tự Do. Nói Dân Chủ mà không có tự do thì vô nghĩa. Từ thời thượng cổ ở Hy Lạp người ta đã dùng một thứ chế độ gọi là dân chủ, nhưng không có tự do. Quyền tham gia việc nước (trong thành thị ở Hy Lạp) giành riêng cho một nhóm người "có quyền công dân," nhóm người có quyền quyết định này có khi là thiểu số. Đó là một thứ quyền thế tập, người ngoài không được hưởng, những người cha là "công dân" mà mẹ không phải "công dân" cũng không được hưởng. Có lúc họ mở rộng quyền công dân cho lớp "con tư sinh" này, (giống như cho phép các nhà tư doanh cũng được làm đảng viên,) nhưng điều đó cũng không kéo dài.

Cho nên, nói đến hai chữ Tự Do đã là một tiến bộ, đặt hai chữ này trước hai chữ Dân Chủ cũng là cố ý. Trên thế giới ngày nay có nhiều nước dân chủ mà thiếu tự do, người ta gọi là *illiberal democracy*. Trong khi các lãnh tụ cộng sản khác chỉ nói đến "dân chủ hóa" trong đảng thì ông Nguyễn Trung nói đến "phát huy tự do dân chủ trong đảng" và "phát huy tự do dân chủ trong cả nước." Trong bài Thời cơ vàng, ông thường dùng hai tiếng "tự do dân chủ" chung với nhau. Ngay hai chữ Tự Do cũng dễ bị hiểu lầm nên dễ đánh lừa người nhẹ dạ. Ông Nguyễn Trung đã nêu thêm một điều mới khi ông phân biệt khái niệm "dân tộc tự do" với "đất nước tự do." Vì từ lâu nay các lãnh tụ cộng sản ở nước ta cũng như ở nước khác thường đánh lừa mọi người khi nói đến hai chữ Tự Do, vì thường họ chỉ nhấn mạnh đến quyền tự do của cả quốc gia chứ không phải của các công dân trong đó. Hai chữ Tự do đó có nghĩa tự do cho một tập thể, không phải quyền tự do của những con người trong tập thể. Nếu một quốc gia được hoàn toàn tự quyết định số phận của mình, không cho các nước khác ảnh hưởng tới mình mà gọi là chế độ có Tự Do, thì những nước Miến Điện, Bắc Hàn hiện nay đều tự do cả. Có ai muốn hưởng thứ quyền tự do như vậy hay không?

Cho nên, Tự Do Dân Chủ phải là quyền tự do của con người, của từng người một, chứ không thể nói tự do xuông. Tất nhiên, ông Nguyễn Trung là một đảng viên cộng sản và ông không thể đặt vấn đề tự do cá nhân nếu không muốn bị khai trừ. Nhưng phân biệt hai khái niệm đó đã là một tiến bộ.

Sau khi nói ngay rằng liều thuốc "để chiến thắng kẻ thù lạc hậu" là "Phát huy tự do dân chủ," ông Nguyễn Trung đặt thêm câu hỏi "Vậy kẻ thù đối với vai trò lãnh đạo của Đảng ta là ai?" Và ông trả lời: "Kẻ thù nguy hiểm nhất đối với vai trò lãnh đạo của Đảng ta là sự hẫng hụt về trí tuệ và phẩm chất ..." Hiện tượng "hẫng hụt về trí tuệ và phẩm chất" trong văn chương nghe thì nhẹ nhàng; nhưng được ông nhắc lại nhiều lần, cho thấy điều ông muốn nhắc nhở các đảng viên cộng sản là họ phải công nhận một sự thật: "Đảng ta" còn yếu kém lắm, cả về hiểu biết và trong tư cách đạo đức. Khi cả "trí tuệ" lẫn "phẩm chất" đều thiếu, đều kém, thì nhất định không xứng đáng đóng vai trò lãnh đạo!

Về hiểu biết, trong một đoạn khác ông Nguyễn Trung mô tả thế giới ngày nay đã và đang thay đổi rất nhanh, "có nhiều vấn đề hoàn toàn mới khiến nhận thức của chúng ta (tức Đảng Cộng

Sản) phải đuổi theo sau nhưng không kịp." Về tư cách đạo đức thì ông Nguyễn Trung chỉ cần nhắc tới hai chữ "tham nhũng" là ai cũng hiểu rồi.

Vậy "Đảng ta" đối phó với tình trạng "hẫng hụt" này ra sao? Ông Nguyễn Trung nêu lên một mối nguy là họ trốn tránh không nhìn thẳng vào các hẫng hụt đó. Ngược lại, đảng Cộng Sản có thể sẽ "chỉ lựa chọn sự bảo vệ quyền lãnh đạo của Đảng" mà thôi. Ông Nguyễn Trung, theo lối văn khôn ngoan của ông, chỉ cảnh cáo: "lựa chọn nào, hệ luỵ ấy." Nhưng ngay sau đó, ông mượn lời những người đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của đảng Cộng Sản mà nói: "Đảng Cộng Sản Việt Nam không thể bước qua cái bóng của mình." Hình ảnh bóng đè được ông nhắc lại một lần nữa khi đặt câu hỏi, liệu "Đảng Cộng Sản Việt Nam có vượt qua được cái bóng của mình không?" Chúng ta không khỏi liên tưởng đến tập truyện ngắn Bóng Đè của Đỗ Hoàng Diệu mới được xuất bản trong nước. Bỏ qua yếu tố tình dục trong đó, người đọc có thể nhận thấy hình ảnh một con người "bị bóng đè;" bị bóng ma của cả cha, ông đè, qua những tấm hình trên bàn thờ, bị đè không thoát được mà còn đóng vai đồng lõa. Nhắc đến những tấm hình treo trên bàn thờ thì ở Việt Nam ai cũng hiểu nó là những hình gì.

Ông Nguyễn Trung tránh né rất khéo. Thay vì tự mình trả lời, ông đóng vai "người tường thuật" các "ý kiến" của người khác, như, "Người đảng viên bây giờ có quá nhiều đặc quyền đặc lợi, đã dính chặt vào cái ghế cầm quyền của mình rồi! Không thay đổi được." Ông Nguyễn Trung không bầy tỏ ý kiến về lời phê bình đó. Ông còn cảnh cáo ngay: "Đưa hai tay bịt tai lại, hay phùng má đạo to búa lớn đối với ý kiến trên, cả hai việc này đều vô nghĩa." Đây là một lời nói chí tình. Lần đầu tiên một vị cố vấn cho ông thủ tướng ở Việt Nam công nhận tình trạng các đảng viên cộng sản chỉ lo "dính chặt vào cái ghế quyền lợi" là sự thật, và là một mối nguy của đảng Cộng Sản. Ông Nguyễn Trung được nhiều người góp ý không phải chỉ vì lối văn tha thiết đầy tình cảm của ông, nhưng còn vì thái độ thẳng thắn nhìn vào sự thật như vậy khiến người ta sẵn sàng muốn nói chuyện với ông.

Một điều nhiều người thắc mắc là ông Nguyễn Trung có kiên quyết bảo vệ "vai trò lãnh đạo" của đảng Cộng Sản Việt Nam hay không? Khi đọc các lời lẽ biện luận trong bài "Thời cơ vàng" cho vai trò lãnh đạo của đảng, chúng ta thấy những đoạn lý luận yếu ớt nhất. Ông Nguyễn Trung viết một tiền đề: "Không có một sự nghiệp chấn hưng đất nước của bất cứ dân tộc nào lại không đòi hỏi sự lãnh đạo của lực lượng tinh hoa của chính dân tộc đó." Đây là kiểu nói lúc nào cũng đúng, ở Việt Nam hay ở Congo cũng vậy, giống như người ta nói "không có người nấu phở nào lại không dùng nước lèo." Sau một đoạn dài ông Nguyễn Trung viết thêm, "Sự lãnh đạo cần phải có này là đòi hỏi tất yếu, ..." Sau vài trăm chữ nữa, ông kết luận: "Chính vì những lẽ vừa trình bầy, sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng là đòi hỏi tất yếu."

Quý vị đảng viên cộng sản đọc các câu trên sẽ hài lòng. Họ sẽ chấp nhận ông Nguyễn Trung là "phe ta," ông ấy chỉ lo bảo vệ "Đảng ta." Kết quả như vậy là rất tốt, vì họ sẽ lắng nghe các lời báo động của ông.

Người ta sẽ không để ý những lỗ hổng trong các giòng lý luận đó. Ông Nguyễn Trung đi từ tiền đề xuống kết luận nhưng thiếu mệnh đề ở giữa. Đáng lẽ sau khi phát biểu tiền đề, ông phải chứng minh thêm rằng "Đảng Cộng Sản là lực lượng tinh hoa" của dân tộc, thì tam đoạn luận mới đầy đủ và chinh phục được người đọc. Ông đã lờ đi, không làm việc đó. Đối với nhiều đảng viên cộng sản thì không sao, vì tất nhiên họ nghĩ họ là lực lượng tinh hoa rồi. Nhưng đối với các độc giả bình thường thì họ không thấy ông Nguyễn Trung chứng minh được điều đó ở chỗ nào cả. Ngược lại, trong đoạn giữa ông còn khuyến cáo về tình trạng "hụt hẫng cả trí tuệ lẫn phẩm chất" của Đảng ta. Không thể coi như vậy lại là "tinh hoa" được!

Khi nghe quá nhiều những lời lẽ chứa đầy xúc động, trí óc của con người cũng sẽ bị căng cứng, khó tiêu hóa những gì mình nghe, rất khó suy nghĩ mạch lạc và sâu sắc, như luật sư Lê Quốc Lân yêu cầu. Muốn thảo luận một cách tỉnh táo, chúng ta cần nghĩ và nói giản dị, thẳng thắn như ông Đặng Văn Việt.

Suốt bao nhiêu năm người Việt Nam cứ phải nghe các bài diễn văn hùng hồn, có cả các thi sĩ làm thuê viết các khẩu hiệu cho thắm thiết hơn. Nghe nói mãi mà sự thật nó không được như vậy. Chính vì thế mà xẩy ra tình trạng "vô cảm," lãnh đạm.

Bây giờ chúng ta muốn bàn những chuyện cụ thể, chuyện tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội cho đất nước, để chạy theo kịp người ngoài. Nên tránh lối nói văn hoa; nên bớt kích động tình cảm mọi người mới phải. Đây là một thời cơ vàng cho mọi người tập nói năng giản dị.

Đài-Loan và vấn-đề tranh-chấp tại đảo Ba-Bình (Trường-Sa)

TRƯƠNG NHÂN TUẤN

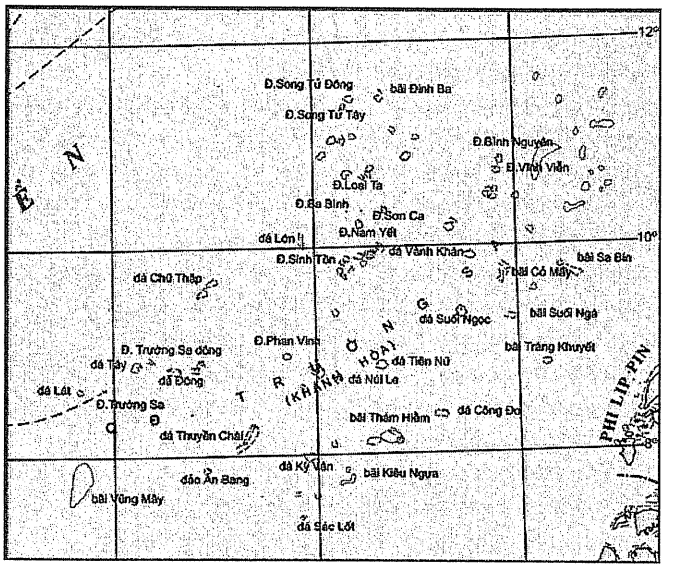

Trong những ngày đầu năm 2006 đã có nhiều sự-kiện đáng chú-ý giữa Việt-Nam và Đài-Loan. Nổi bật là vụ Đài-Loan tuyên-bố xây phi-đạo tại đảo Ba-Bình thuộc quần-đảo Trường-Sa. Sau đó là vụ công-nhân tại các xí-nghiệp có vốn đầu-tư nước ngoài đồng-loạt đình-công đòi tăng lương mà phần lớn các xí-nghiệp này thuộc Đài-Loan. Hai vấn-đề này có nhiều dấu-hiệu cho thấy có quan-hệ với nhau: Phải chăng, bằng phương-tiện kinh-tế, Việt-Nam trả-đũa?

I. Đài-Loan vi-phạm Qui-Tắc Hành-Sử (Code de Conduite) ASEAN 2000?

Ngày 29 tháng 12 năm 2005, ông Lê Dũng, phát-ngôn nhân thuộc Bộ Ngoại-Giao CSVN lên tiếng phản-đối việc Đài-Loan tuyên-bố dự-án dây-dựng lại sân bay trên đảo Ba-Bình (tức đảo Itu Aba) thuộc quần-đảo Trường-Sa. Theo báo-chí Đài-Bắc đăng-tải trước đó thì Đài-Loan *«sắp xây một phi-trường nhỏ trên một đảo nằm trong vùng Trường-Sa để sử-dụng vào mục-đích nhân-đạo.»* Phát-ngôn nhân Bộ Ngoại-Giao Đài-Loan xác-nhận rằng *«đây chỉ là dự án nhằm hỗ trợ cho công tác tuần duyên, đánh bắt cá, và các nhu cầu về cấp cứu y tế, chứ không mang mục đích quân sự.»* (1)

Ông Lê Dũng nói rằng *«dự-án xây phi-cảng trên đảo Ba-Bình là hành-động vi-phạm chủ-quyền nghiêm-trọng đối với Việt-Nam, ảnh-hưởng tiêu-cực đến hòa-bình, ổn-định và sự hợp-tác đang tăng-gia trong khu-vực.»* Ông này cũng tái xác-định *«chủ-quyền của Việt-Nam ở Trường-Sa và Hoàng-Sa, đồng-thời yêu-cầu Đài-Loan phải ngưng ngay hoạt-động xây-dựng, và sẽ phải chịu hoàn-toàn trách-nhiệm về mọi hậu-quả do Đài-Loan gây ra.»*

Tuy-nhiên, phía Đài Loan bác-bỏ lời cáo-buộc này và cho biết họ sẽ tiếp-tục công-tác xây dựng.

Ngày 05 tháng 1 năm 2006, Thứ-Trưởng Quốc-Phòng Đài-Loan, ông Michael Tsai tuyên-bố rằng *«việc xây-dựng phi-đạo ở Trường-Sa có ý-nghĩa chiến lược. Phi-đạo mà phía Đài Loan đang tiến-hành xây-dựng trên đảo Ba-Bình, thuộc quần đảo Trường-Sa, có khả-năng phục-vụ cho mục-đích quân-sự.»*

Phát-biểu trước các đại-biểu Quốc-Hội Đài-

Loan, ông Tsai nhấn mạnh rằng *«phi-đạo này có ý-nghĩa chiến-lược, có khả-năng cảnh-báo trước bất kỳ sự tấn-công nào từ phía Bắc-Kinh.»*

Lời tuyên bố này trước hết cho thấy có sự thiếu thống-nhất giữa hai bên bộ Quốc-Phòng và bộ Ngoại-Giao Đài-Loan. Nhưng sự thật chắc phải là những gì ông Tsai tuyên-bố trước Quốc-Hội.

Việc này làm cho những «Qui-Tắc Hành-Sử - Code de Conduite» đã được các nước ASEAN đề-nghị vào tháng 3 năm 2000 với các nước có tranh-chấp tại Trường-Sa — đặc-biệt là với Trung-Quốc — lần nữa bị vi-phạm nặng-nề.

«Code de Conduite» có các nguyên-tắc như sau: Các nước quan-hệ cam-kết : 1/ không sử-dụng vũ-lực và giải-quyết những tranh-chấp bằng những nỗ-lực hòa-bình. 2/ Cam-kết giữ nguyên-trạng (statue quo) và không làm điều gì có thể gây trở-ngại thêm (những tranh-chấp tại Trường-Sa). 3/ Giữ những quan-hệ đối-thoại và trao đổi thông-tin giữa các bên. 4/ Ngưng mọi việc thăm-dò và khai-thác liên-quan đến dầu-hỏa và khí đốt. 5/ Thông-báo mọi cuộc thao-diễn quân-sự cũng như mọi cuộc chuyển quân trong vùng. 6/ Phi-quân-sự hóa và thay-thế những nhân-viên quân-sự tại đây bằng nhân-viên dân-sự. 7/ Hợp-tác trong chiều-hướng bảo-đảm an-ninh cho thuyền-bè qua lại trong vùng. 8/ Hợp-tác để chống hải-tặc và buôn bán trái phép ma-túy, vũ-khí. 9/ Hợp-tác trong các công-tác khoa-học và bảo-vệ môi-sinh. 10/ Tìm một giải-pháp đa-phương và thỏa-đáng cho các bên tranh-chấp.

Dự-án xây-dựng lại phi-đạo tạo đảo Ba-Bình cho thấy Đài-Loan đã có ý-định không tôn-trọng Qui-Tắc Hành-Sử của ASEAN ở các điểm 2 và 6. Nhưng trước đây vài tháng, ba nước Việt-Phi-Trung đã thỏa-thuận với nhau trong việc cùng thăm-dò dầu khí ở khu-vực biển thuộc Trường-Sa. Việc thỏa-thuận này dựa lên điểm 10 của «Qui-Tắc Hành-Sử 2000» nhưng lại không cho Đài-Loan tham-dự. Như thế các nước Trung-Cộng, Việt-Nam và Phi có vi-phạm Qui-Tắc Hành-Sử 2000 không? Phải chăng dự-án xây-dựng của Đài-Loan là một sự trả-đũa đến Việt-Nam, Phi-Luật-Tân và Trung-Cộng vì ba nước này loại Đài-Loan trong việc thăm-dò tài-nguyên tại đây? Phản ứng của Đài-Loan chánh-đáng hay không sẽ tùy-thuộc vào quyền chủ-quyền đảo quốc này ở đảo Ba-Bình.

Nhưng đồng-thời lời tuyên-bố của Thứ-Trưởng Bộ Quốc-Phòng Đài-Loan trước Quốc-Hội của đảo-quốc này đã để lộ ra một vấn-đề chiến-lược: *cảnh-báo trước bất-kỳ sự tấn-công nào từ phía Bắc-Kinh.* Việc xây-dựng thuần-túy phi-đạo chắc-chắn không thể dùng vào việc «cảnh-báo trước» những tấn-công của Bắc-Kinh. Người ta sẽ hiểu ngay rằng đằng sau việc xây phi-đạo là việc dựng lên những hệ-thống ra-đa tối-tân (dùng vào việc phát-hiện quĩ-đạo hỏa-tiễn và tàu ngầm), bổ-túc cho khuyết-điểm của các vệ-tinh. Xây-dựng phi-trường có thể chỉ là bề mặt. Và những loại ra-đa tối-tân có khả-năng «cảnh-báo bất-kỳ mọi tấn-công của Bắc-Kinh» chỉ Hoa-Kỳ mới có. Hoa-Kỳ có đứng sau quyết-định chiến-lược của Đài-Loan không?

Vấn-đề tranh-chấp giữa các nước chung quanh Biển Đông về chủ-quyền các đảo Trường-Sa lần nữa lại trở thành một vấn-đề thời-sự. Lần này mức-độ tranh-chấp có thể không chỉ ngừng lại ở những lời phản-đối qua các công-hàm ngoại-giao như thường-lệ. Mọi phản-bác từ nay có thể kèm theo một biện-pháp trả đũa mạnh hơn, thuộc phạm-vi ngoại-giao, kinh-tế, thậm chí quốc-phòng.

Và Việt-Nam có những khả-năng nào để phản-ứng cho thích-hợp với tầm quan-trọng của sự việc?

Bài viết này thử đưa ra một số dữ-kiện và giả-thuyết để tìm câu trả lời cho các vấn-đề phức-tạp đã đặt ra ở trên.

II. Sơ-lược lịch-sử và nguyên-nhân tranh-chấp tại quần-đảo Trường-Sa

1/ ***Vấn-đề chiến-lược***: Hiện nay nhiều quốc-gia trong vùng Biển Đông tranh-chấp chủ-quyền về hai quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa. Quần-đảo Hoàng-Sa hoàn-toàn do Trung-Hoa kiểm-soát sau khi nước này dùng vũ-lực tấn-công quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa trấn giữ nơi đây ngày 19 tháng 1 năm 1974. Quần-đảo Trường-Sa, hiện nay có các nước Việt-Nam, Phi-Luật-Tân, Đài-Loan, Trung-Cộng và Mã-Lai chiếm-đóng một hay nhiều đảo. Việt-Nam tuyên-bố chủ-quyền một phần lớn các đảo tại đây. Trung-Cộng và Đài-Loan thì đòi toàn-bộ biển Đông cùng các đảo trong biển này. Phi-Luật-Tân đòi một phần phía Đông Trường-Sa. Mã-Lai chỉ đòi hỏi các đảo ở phía Nam Trường-Sa. Brunei cũng dành một góc của vùng biển

tại đây.

Việc tranh chấp chủ-quyền vì thế rất phức-tạp. Người ta có thể đặt câu hỏi vì sao có tới bấy nhiêu nước lại quan-tâm đến những đảo san-hô không có người sinh-sống, đất-đai không thích-hợp cho việc trồng-trọt, nước nôi thiếu thốn, lại còn chịu đựng những điều-kiện thời-tiết khắc-nghiệt (thống-kê từ năm 1911 đến 1965 cho thấy rằng trung-bình có tới 9.6 cơn bão hàng năm trong vùng Biển Đông) và xây-dựng một cách tốn-kém những công-sự quân-đội tại các đảo mà họ đã chiếm? Chắc-chắn việc nầy không nhằm để bảo-vệ những ngư-phủ lui tới đánh cá hay vì những mỏ phosphates - ước-lượng khoảng 10 triệu tấn — có ở trên một vài đảo. Nguyên-nhân phải đến từ các yếu-tố có tầm quan-trọng lớn hơn.

Thật vậy, tầm quan-trọng các đảo này do tự-tại. Các đảo không người sinh-sống này (2) được các nước trong vùng quan-tâm vì lý-do vị-trí của nó. Từ Trường-Sa, kiểm-soát những hải-trình nối Thái-Bình Dương hay Đông-Á với Ấn-Độ Dương. Việc này đã giải-thích tại sao nước Pháp — lúc đó ở Đông-Dương — đã chiếm đóng hai quần-đảo từ thập-niên 30 và vì sao mà quân đội Nhật đã chiếm đóng trong khoảng thời-gian Đệ-Nhị Thế-Chiến. Khi cuộc-chiến kết-thúc, sự phát-triển vượt bực của ngành hàng-không cũng như những tiến-bộ về các kỹ-thuật quốc-phòng đã làm cho tầm quan-trọng về chiến-lược của hai quần-đảo đó tăng thêm. Nước nào kiểm-soát hai quần-đảo này không những kiểm-soát Biển Đông mà còn sử-dụng chúng như những căn-cứ không-quân khống-chế các nước chung-quanh.

Những thập-niên sau này, sự phát-triển nhanh-chóng luật-lệ về biển và những khám-phá các túi dầu khí có thể khai-thác được dưới thềm lục-địa của các đảo làm cho Trường-Sa có thêm một tầm quan-trọng mới. Sự tranh-chấp vì vậy không chỉ vì vị-trí chiến-lược các đảo, mà vì các đảo còn là phương-tiện đòi hỏi sở-hữu vùng biển bao quanh đảo. Luật mới về biển cho phép các quốc-gia có chủ-quyền tại các hải-đảo hay quần-đảo có được quyền sở-hữu về những nguồn tài-nguyên thiên-nhiên ở dưới nước (cá), dưới đáy biển (nodules) hay dưới thềm đáy biển (dầu hỏa, khí đốt) thuộc các đảo này cho tới 200 hải-lý tính từ bờ. Vì vậy các quốc-gia chung-quanh biển Đông lên tiếng dành chủ-quyền. Họ dựa lên lịch-sử, luật quốc-tế hay dựa lên công-ước liên-quan luật về biển 1982 để tuyên-bố chủ-quyền. Nhiều bản-đồ được in ra, đường biên-giới được vẽ lại, sát-nhập những vùng biển vào trong lãnh thổ quốc-gia.

Sự quan-trọng về chính-trị, chiến-lược và kinh-tế của hai quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa lớn đến mức không một tuyên-bố chủ-quyền mà không gây những phản-đối dữ-dội. Vì thế vấn-đề chủ-quyền các đảo trở thành một tranh-chấp tổng-quát về biên-giới, nó làm xấu đi những liên-hệ ngoại-giao các nước trong vùng. Tranh-chấp gay-gắt nhất là tranh-chấp giữa Trung-Cộng và Việt-Nam, hai bên cùng dành chủ-quyền trên toàn-bộ hai quần-đảo và cùng dựa lên những chứng-cớ lịch-sử cũng như luật-pháp.

2/ ***Tranh-chấp chủ-quyền***: Dựa trên lịch-sử thì Việt-Nam có chủ-quyền sớm nhất tại hai quần đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa. Dân-tộc Việt-Nam từ lâu đã khám-phá Hoàng-Sa và Trường-Sa, đã chiếm-hữu và liên-tục hành-sử chủ-quyền của mình tại các đảo thuộc hai quần- đảo này. Từ khi ký-kết hiệp-ước 1884 với triều-đình nhà Nguyễn, nước Pháp đã thay mặt Việt-Nam trong những quan-hệ ngoại-giao với các nước ngoài đồng thời bảo-đảm chủ-quyền cùng toàn-vẹn lãnh-thổ của Việt-Nam. Theo tinh-thần của hiệp-ước này, nước Pháp tiếp-tục hành-sử chủ-quyền của Việt-Nam tại Hoàng-Sa và Trường-Sa. Để phù-hợp với luật-pháp quốc-tế thời đó, Pháp-Quốc tuyên bố các đảo Trường-Sa thuộc về Việt-Nam qua các hành-động như sau:

Ngày 13 tháng 4 năm 1930, thông báo hạm La Malicieuse đã ra Trường Sa và kéo quốc kỳ Pháp trên một điểm cao. Thông cáo ngày 23 tháng 9 năm 1930 đã thông báo cho các cường quốc khác về sự chiếm đóng của Pháp trên quần đảo Trường Sa.

Từ ngày 13 tháng 4 năm 1930 đến 12 tháng 4 năm 1933, chính-phủ Pháp đã gởi những đội-ngũ hải-quân thả neo liên-tiếp trên những đảo chính của quần-đảo Trường-Sa. Đó là: Trường-Sa (Spratley), An-Bang (Caye Amboine), Itu Aba, nhóm hai đảo Sóng-Tụ, Loại-Ta, Thị-Tứ.

Ngày 21 tháng 12 năm 1933, Toàn-Quyền M.J. Krautheimer ký một nghị-định sát-nhập những đảo Trường-Sa, An-Bang, Itu Aba , Sóng-Tụ, Loại-Ta, Thị-Tứ vào tỉnh Bà-Rịa.

Trong khoảng thời-gian Đệ-Nhị Thế-Chiến, quân-đội Nhật chiếm đóng Hoàng-Sa. Sau khi Nhật đầu-hàng, lạm-dụng điều-khoản của Hiệp-Ước Posdam, Trung-Hoa đưa quân chiếm các đảo Phú-Lâm (l'ile Boisée) thuộc Hoàng-Sa và Ba-Bình (Itu Aba) thuộc Trường-Sa ngày 7 tháng 1

năm 1947. Chính Hoa-Kỳ đã kêu-gọi Tưởng Giới Thạch kiểm-soát đảo này vì trước đó đã được Nhật-Bản sử-dụng để đánh Phi-Luật-Tân và Mã-Lai. Trước hành-động này chính-phủ Pháp lên tiếng phản-đối nhưng không thành-công trong việc buộc Trung-Hoa phải rời khỏi nơi đây. Sau 1949, phe Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài-Loan thì đảo Phú-Lâm (thuộc Hoàng-Sa) do Trung-Cộng kiểm-soát nhưng Đài-Loan vẫn còn giữ đảo Ba-Bình (Trường-Sa). Ngày 20 tháng 5 năm 1956, Đài Loan đã cho xây-dựng cơ-sở quân-sự kiên cố. Một sân bay nhỏ và một cầu tàu được xây lên.

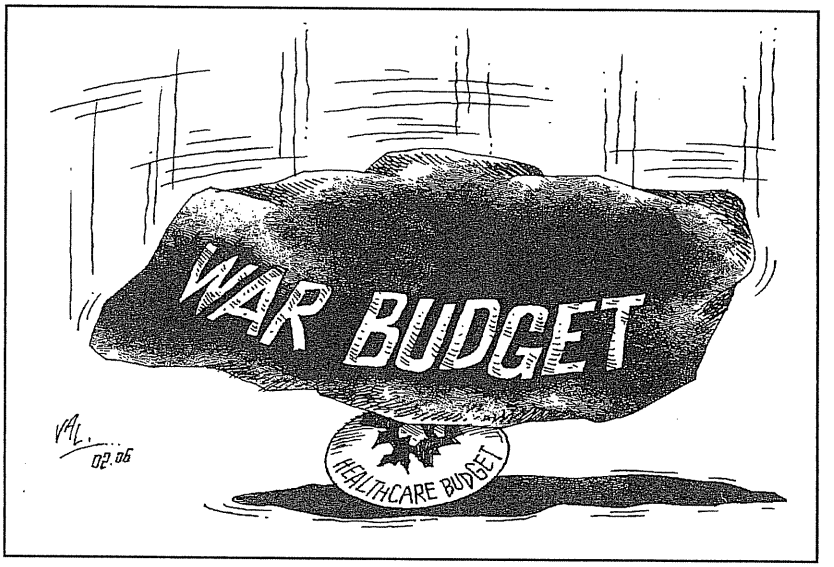

Cho đến 1975, tại Trường-Sa, chỉ có Việt Nam và Đài-Loan có mặt tại đây. Việt-Nam có chủ-quyền 37 đảo và chiếm đóng bảy trên đảo. Đài-Loan chiếm đảo lớn nhất là đảo Ba-Bình (Itu Aba). Đảo Ba-Bình thuộc nhóm «Tizard,» (3) ở tọa-độ (10 độ 23' Bắc, 114 độ 22' Đông) là đảo lớn nhất ở Trường-Sa. Đảo có chu-vi 2,8 km, diện-tích 43,2 hectares và có một vòng đá san-hô bao chung quanh. Chiều dài đảo là 1470m, chiều rộng 500m, có độ cao trung-bình 2,8m. Trên đảo có mọc các loại cây dừa, chuối, đu-đủ, cây cọ cao khoảng 7m và nhiều bụi rậm, có một giếng nước và nhiều công-sự bỏ hoang ở phía Tây-Nam. Một phi-đạo dài 230m ở phía Nam Tây-Nam của các công-sự nói trên. Đảo Ba Bình ngoài tên Itu Aba Island, Trung-Hoa gọi là Taiping dao.

Đảo Ba-Bình tọa-lạc trong vùng biển mà các nước Việt-Nam, Phi-Luật-Tân, Trung-Hoa cùng đòi chủ-quyền.

Riêng Trung-Cộng, mặc dầu từ 1949 lên tiếng đòi hỏi chủ-quyền toàn Biển Đông và các quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa nhưng đến năm 1987 thì không có mặt tại đây. Sau khi khám phá có mỏ dầu hỏa, Phi nhanh-chóng đổ quân chiếm đóng bảy đảo phía Đông-Bắc, sau đó chiếm thêm một đảo nữa, đó là Commodore Reef, ở xa hơn về phía Nam. Đảo nầy Mã-Lai cũng lên tiếng dành chủ-quyền với Phi. Mã-Lai nhập cuộc năm 1983, chiếm ba đảo mà trong đó có đảo Swallow Reef, chỉ cách đảo Amboya Cay của Việt-Nam 60 cây số, nhưng đảo này cũng bị Phi và Mã-Lai dành chủ-quyền. Phía VN, từ 1978 đến 1988 chiếm thêm 15 đảo nữa, tổng-cộng là 21 đảo, trong đó đảo Trường-Sa (Spratley) và South West Cay. Về phía Trung-Cộng thì đổ bộ vào các năm 1987 và 1988 lên bảy vị-trí về phía Tây và Tây-Nam, trong vùng của Việt-Nam. Một vụ chạm súng đã xảy ra ngày 14 tháng 3 1988 giữa hải-quân hai nước, làm ba tàu VN bị chìm và hơn 70 người chết. Đây là cuộc hải-chiến đầu tiên kể từ tháng 1 năm 1974, lúc hải-quân Trung-Cộng cưỡng chiếm Hoàng-Sa. Năm 1992, Trung-Cộng đánh chiếm một vị-trí của VN trên Trường-Sa là đảo d'Eldad Reef, tổng-số đảo chiếm đóng là chín. Trước đó không lâu, vào tháng 2 năm 1992, quốc-hội Trung-Cộng thông-qua một dự-luật về hải-phận quốc-gia đòi chủ-quyền toàn-bộ quần-đảo Trường-Sa.

Vấn-đề tranh-chấp tại đây vì thế vô cùng phức-tạp.

III. Những sai lầm của CSVN trong vấn-đề giải-quyết tranh-chấp tại Trường-Sa

Từ khi «cướp được chính-quyền» những nhà lãnh-đạo CSVN đã liên-tục phạm sai lầm về mọi mặt. Trong việc giải-quyết những tranh chấp tại Trường-Sa họ đã có những sai-lầm đáng kể, quan-trọng nhất là công-hàm của Phạm Văn Đồng ký 14 tháng 9 năm 1958 cũng như những lời tuyên-bố vô-ý-thức của các nhà ngoại-giao

Việt-Nam trong khoảng thời-gian đó. Qua những lần lên tiếng để bào-chữa trước dư-luận quốc-tế về những hành-vi xâm-lăng Hoàng-Sa và Trường-Sa, Bắc-Kinh không bao giờ quên đưa ra những yếu-tố này như là những bằng-chứng mà CSVN công-nhận chủ-quyền của Trung-Cộng tại hai quần-đảo trên. Nhờ những tuyên-bố ngu-xuẩn đó mà hành-vi xâm-lăng của Trung-Cộng được xem là hành-vi «giải-phóng.» Việc này sẽ không quá trầm-trọng nếu CSVN không phạm-thêm những sai lầm khác sau này.

Sau khi Trung-Cộng dùng vũ-lực chiếm các bãi đá thuộc Trường-Sa (1987, 1988, 1992) đáng lẽ các bãi này sẽ vô-dụng cho Trung-Cộng vì các yếu-tố như sau:

1/ Theo Quốc-Tế Công-Pháp, Trung-Cộng sẽ không có quyền chủ-quyền trên các đảo này vì họ chiếm của Việt-Nam bằng vũ-lực. Đây là một hành-vi xâm-lăng.

2/ Các bãi đá này không được chiếm-hữu. Lý ra, nếu các đảo này không thuộc Việt-Nam theo các bằng-chứng lịch-sử thì chúng không thuộc chủ-quyền của nước nào. Vì theo tập-quán quốc-tế, một đảo chỉ có thể được chiếm-hữu nếu đảo này không bị ngập nước và đủ diện-tích để xây nhà ở. Các bãi đá mà Trung-Cộng đánh chiếm của Việt-Nam thì tất-cả đều chìm hay lấp-xấp trên mặt nước, sẽ bị nước phủ lúc thủy-triều cao.

3/ Các bãi đá này đã được Trung-Cộng đắp nền, xây cất lên thành những pháo-đài trơ-vơ giữa biển. Đây không thể gọi là «đảo» theo như định nghĩa của luật biển 1982. Nếu chúng là đảo thì sẽ phải là đảo nhân-tạo. Như thế, nếu không phải là đảo, hay chỉ là đảo nhân-tạo, thì các bãi đá này không có lãnh-hải cũng như vùng kinh-tế độc-quyền. Như thế Trung-Cộng không có tư-cách và không có quyền gì để khai-thác tài-nguyên tại đây.

Nhưng vì thái-độ của CSVN mà Trung-Cộng không những đã chính-thức được quyền khai-thác tại đây mà còn có luôn quyền chủ-quyền tại các bãi đá nói trên. Thật vậy, tháng 3 năm 2005, Trung-Cộng và Phi-Luật-Tân thỏa-thuận với nhau để thăm-dò dầu-khí tại vùng biển Trường-Sa. Thay vì phản-đối, CSVN đã nhanh-chóng thỏa-thuận với hai nước trên để cùng thăm-dò với họ. Vùng biển được thăm-dò là vùng biển thuộc chủ-quyền của Việt-Nam. Hành-động của CSVN vì vậy đã chính-thức-hóa sự hiện-diện của Trung-Cộng tại vùng biển của Việt-Nam. Việc này CSVN công-nhận chủ-quyền các bãi đá của Việt-Nam đã bị Trung-Cộng xâm-lăng các năm 1987, 1988 và 1992.

Trong quan-hệ với Đài-Loan, CSVN vì quá lệ-thuộc vào Trung-Cộng nên đã có một quan-niệm dứt-khoát không cần-thiết về quan-hệ giữa Đài-Loan và Trung-Cộng.

Quan-niệm của quốc-tế về Trung-Hoa là chỉ có một nước Trung-Hoa. Liên-Hiệp-Quốc chỉ có một đại-diện dành cho Trung-Hoa và Hoa-Kỳ đã loại phe họ Tưởng ở Đài-Loan ra khỏi ghế đại-diện này từ năm 1970. Phe Quốc-Dân Đảng cầm-quyền Đài-Loan trước đây và đảng CS Trung-Hoa cầm-quyền hiện nay tại Bắc-Kinh, dầu đã là kẻ thù không đội trời chung của nhau, nhưng ít nhất hai bên đều đồng ý với nhau ở một điều cơ-bản: Quốc-gia Trung-Hoa chỉ có một. Đài-Loan sẽ «giải-phóng» lục-địa hay lục-địa sẽ «thống-nhất đất nước» là chuyện chưa biết, nhưng quốc-gia Trung-Hoa chỉ có một. Mặt khác, trong vấn-đề chủ-quyền ở Biển-Đông, Đài-Loan và Bắc-Kinh có cùng một lập-trường.

Như trên có viết, đảo Ba-Bình được sát-nhập hành-chánh vào Nam-Kỳ (Cochinchine) năm 1929. Nhưng chỉ đến ngày 18 tháng 4 năm 1930 đảo mới chính-thức chiếm-hữu do chiến hạm "Malicieuse" và được ghi vào Công-Báo ngày 26 tháng 5 năm 1933. Sự hiện-diện của Đài-Loan hiện nay tại đảo Ba-Bình hoàn-toàn sai trái và họ không có chủ-quyền tại đây. Tư-cách của Đài-Loan không khác tư-cách của Trung-Cộng: chiếm đất từ một quốc-gia khác.

Quan-niệm của Việt-Nam về Đài-Loan và Trung-Cộng là "một bên" hay "hai bên" trong các thương-lượng về chủ-quyền tại Trường-Sa đáng lẽ là một chọn-lựa chiến-lược mà thái-độ khôn-ngoan là không lựa-chọn thái-độ nào.

Riêng về quan-hệ của Việt-Nam với các nước ASEAN, rõ-ràng Việt-Nam đã không tạo được thế liên-minh chiến-lược để cùng đối-phó với sự bành-trướng của Trung-Cộng tại Trường-Sa. Mặc dầu các năm 1995-2000 đã không thiếu cơ-hội. Trung-Cộng, cường-quốc đang lên, đã vận-dụng khéo-léo mọi phương-diện để xé lẻ khối ASEAN ra và vô-hiệu hóa sự chống-đối của từng nước một. Sự quan-hệ hiện nay giữa Phi và Trung-Cộng xem ra còn khắng khít hơn là quan-hệ giữa Phi và các nước trong khối ASEAN.

VI. Kết-Luận: Thái-độ của CSVN ngày hôm nay trước vấn-đề Đài-Loan.

Năm 2004, Việt Nam đã phải hủy bỏ một

chương trình du lịch bằng máy bay ra vùng đảo Trường Sa sau khi có sự phản đối từ phía Trung Quốc, mặc dầu Việt-Nam có đầy đủ bằng-chứng để chứng-minh chủ-quyền của mình tại đây. Trong những lần tranh-chấp với Trung-Cộng, phía CSVN luôn luôn lép vế bởi vì CSVN không làm gì khác ngoài nhượng-bộ. Việt-Nam hiện nay suy kém, hoàn-toàn không có một khả-năng nào về ngoại-giao, kinh-tế hay quân-sự để trả đũa lại Trung-Cộng.

Đối với Đài-Loan cũng thế, ngày hôm nay Đài-Loan tuyên-bố xây-dựng phi-trường trên đảo Ba-Bình, ông Lê Dũng, đại-diện Bộ Ngoại-Giao CSVN lên tiếng phản-đối và Đài-Loan tức thời bác-bỏ những lời phản-đối này. Việt-Nam chắc-chắn cũng sẽ không có một khả-năng nào có thể trả-đũa Đài-Loan, mặc dầu thế-lực Đài-Loan chỉ bằng ngón chân của Trung-Cộng.

Về quân-sự, hải-quân Việt-Nam đã để lộ ra những yếu-kém không thể tha-thứ được. Điển-hình là biến-cố Vịnh Bắc-Việt xảy ra vào đầu năm 2005, hải-quân Trung-Cộng ngang-nhiên xâm-phạm lãnh-hải Việt-Nam, giết chết một số ngư-dân Việt-Nam, tịch-thu thuyền-bè và bắt đi một số người khác mà hải-quân Việt-Nam đã không có một phản-ứng nào. Hải-quân Việt-Nam đã không bảo-vệ được lãnh-hải của quốc-gia cũng như không bênh-vực được người dân lúc lâm-nạn, mặc dầu đây là bổn-phận chính của quân-đội.

Đối với Đài-Loan thì chúng ta cũng đừng nên hy-vọng, lực-lượng hải-quân Việt-Nam chỉ đủ làm trò cười chứ không đủ để răn-đe đảo-quốc này.

Về ngoại-giao, Việt-Nam hiện nay không có uy-tín hoặc tư-cách gì để trừng-phạt Đài-Loan. Việt-Nam cần Đài-Loan hơn là Đài-Loan cần Việt-Nam. Khối ASEAN thì lỏng-lẻo, hổn ai nấy giữ.

Về kinh-tế cũng vậy, trong vấn-đề đầu-tư, Việt-Nam là kẻ nắm đằng chuôi. Đài-Loan có nhiều cách trả-đũa Việt-Nam về kinh-tế, thí-dụ, không cho người Việt sang Đài-Loan làm việc, mà Việt-Nam không có cách nào để bắt-bẻ lại.

Vậy Việt-Nam có cách nào trả đũa Đài-Loan hay không?

Hiện nay tại Việt-Nam công-nhân một số xí-nghiệp có vốn nước ngoài đình-công. Lý do đình-công là nhân-công đòi tăng lương. Ban đầu thì hầu hết các xí-nghệp đình-công thuộc về Đài-Loan nhưng sau đó việc đình-công ngày một lan rộng và hiện nay khoảng 50% các xí-nghiệp đình-công thuộc về Đài-Loan. Trong khi đó, các xí nghiệp quốc-doanh, lương công-nhân tại đây (trung bình 300.000 đồng/tháng) ít hơn lương công-nhân tại các xí-nghiệp Đài-Loan (500.000 đồng/tháng), lại không đình-công đòi tăng lương. Mặt khác, việc đình-công đồng-bộ và nhịp-nhàng tại các xí-nghiệp cùng với thái-độ «ngó lơ» của công-an, khiến người ta nghĩ rằng các cuộc đình-công này đã được tổ-chức chu-đáo và người đứng sau các cuộc đình-công là chính-quyền CSVN.

Như thế, nhìn chung, người ta liên-tưởng ngay Đài-Loan đang bị Việt-Nam trả-đũa về kinh-tế. Nhưng nhìn sâu vấn-đề, giả-sử nhà-nước CSVN chủ-trương việc này, rõ-ràng họ đang tự hại lấy mình.

Ông Phan Văn Khải ra nghị-định cho tăng lương tối-thiểu lên 40% và hiệu lực vào đầu tháng 2-2006. Đây rõ-ràng là một biện-pháp tùy-tiện để chữa cháy bởi vì việc này sẽ khó áp-dụng vì nhiều lý-do mà lý-do chính là Việt-Nam phải chịu những ràng-buộc với các hợp-đồng đã ký-kết với các nước đầu-tư. Nhà nước Việt-Nam có thể bị kiện ra tòa vì tội không tôn-trọng hợp-đồng ký-kết. Ông Khải đã phải dời việc áp-dụng tăng lương đến tháng 4-2006 và không có hy-vọng nào ở thời điểm này lời hứa của ông Khải được thực-hiện. Uy-tín ông Khải vốn không có bao nhiêu trước quốc-tế nay càng thê-thảm trước quốc-dân. Nhưng chắc-chắn công-nhân sẽ tiếp-tục đình-công và việc này khiến người ta liên-tưởng đến Liên-Đoàn Đoàn-Kết của Ba-Lan. Nhưng sự im-lặng đến mức «nóng ruột» của những nhân-vật «tranh-đấu cho dân-chủ» tại Việt-Nam làm cho người ta e rằng Việt-Nam thiếu một Walesa.

Vì vậy các vụ đình-công khó có thể do nhà-nước CSVN tổ-chức, giật dây nhằm trả đũa Đài-Loan. Trong việc này, nếu tính về thiệt-hại, Đài-Loan thiệt 1, Việt-Nam thiệt 10. Giả-sử chủ Đài-Loan không tăng lương và rút về nước hay việc đình-công kéo dài, thiệt-hại do nạn thất-nghiệp và thất-thu thuế có thể làm cho chế-độ sụp đổ.

Nhưng dầu thế nào, việc đình-công hiện nay không thể do tự phát. Báo-chí ngoại-quốc đề-cập đến một giả-thuyết là việc đình-công xảy ra do các phe trong đảng CSVN tranh nhau để hạ uy-tín lẫn nhau trong việc chạy đua dành quyền-lực. Tuy nhiên, một yếu-tố khác trong vấn đề Đài-Loan là yếu-tố Trung-Cộng. Rõ-ràng Đài-Loan tuyên-bố xây-dựng phi-đạo để «phòng-hờ

mọi cuộc tấn-công của Trung-Cộng.» Đây là một hành-động của phe khuynh-hướng một «nước» Đài-Loan độc-lập. Đối-tượng của Đài-Loan là Trung-Cộng mà sau lưng Đài-Loan sẽ có mặt của Hoa-Kỳ. Vì vậy, bằng mọi giá, Trung-Cộng phải trả đũa.

Như thế, rất có thể phe thân Trung-Cộng trong đảng CSVN đã là chủ-chốt trong việc này. Họ làm việc này cho Trung-Cộng. Từ lâu, «Tàu Cộng» đã ra mặt tranh-chấp với «Tàu Tưởng» trong việc dành chỗ để đầu-tư tại Việt-Nam. Tàu Cộng rất muốn độc quyền tại Việt-Nam nhưng ở thế trâu chậm uống nước đục và không có vốn mạnh bằng Tàu Tưởng nên phải chịu lép vế. Đài-Loan rút vốn khỏi Việt-Nam là Tàu-Cộng tức-khắc thế chân và như thế sẽ lọt vào bẫy của Trung-Cộng.

Đòn phép của Trung-Cộng mượn tay Việt-Nam đánh Đài-Loan, bên nào chết, hay hai bên cùng chết, thì Trung-Cộng đều hưởng lợi, nhưng đây chỉ là màn mở đầu. Chắc-chắn hiện nay Trung-Cộng đã có kế-hoạch hành-quân chiếm đảo Ba-Bình trong tay Đài-Loan, trước khi đảo này được trang-bị hệ-thống ra-đa tối-tân và trước khi đảo này được hải-quân Hoa-Kỳ bảo-vệ.

Về phương-diện chiến-lược, Biển Đông là không-gian sinh-tồn của Trung-Cộng. Quyền-lợi sinh-tử của họ là ở đây. Khi Hoa-Kỳ đồng-ý để Trung-Cộng chiếm Hoàng-Sa trong tay Việt-Nam năm 1974 thì Hoa-Kỳ đã hàm ý công-nhận điều này. Nếu Hoa-Kỳ ủng hộ Đài-Loan độc-lập và giúp đảo quốc này xây dựng đảo Ba-Bình thành một đơn-vị quân-sự nhằm ngăn-chặn bước tiến của Trung-Cộng thì Hoa-Kỳ đã thay đổi chiến-lược. Hoa-Kỳ đã ý-thức được sự đe-doạ nguy-hiểm của Trung-Cộng trong tương-lai.

Nếu vậy, quyền-lợi sinh-tử của Trung-Cộng bị xâm-phạm. Nước này không thể ngồi yên. Vấn-đề là khi nào Trung-Cộng «giải-phóng» đảo Ba-Bình? (Người viết dùng từ của những người cộng-sản chỉ việc xâm-lăng: Giải-phóng và thống-nhất). Người ta thường đưa cái mốc 2008 là năm Trung-Cộng tổ-chức Thế-Vận-Hội tại Bắc-Kinh. Trung-Cộng không thể gây xáo-trộn trước 2008, việc này có thể ảnh-hưởng xấu đến Thế-Vận-Hội Bắc-Kinh 2008 mà họ đã đầu-tư hàng chục tỉ đô-la. Nhưng Trung-Cộng lo-ngại việc «cứt trâu để lâu hóa bùn,» khi Ba-Bình nằm dưới cây dù của Hoa-Kỳ thì Trung-Cộng khó lòng đụng đến. Đảo này trở thành khúc xương khó nuốt.

Thử đóan Trung-Cộng giải-quyết vấn-đề đảo Ba-Bình trước 2008 hay sau 2008?

Hiện nay chưa thấy cụ-thể những biện-pháp trả-đũa Đài-Loan của Trung-Cộng. Nhưng nếu Đài-Loan, vì lo ngại Trung-Cộng, chỉ «nói mà không làm,» thì vấn đề «thống-nhất» đất nước vẫn là mối lo hàng đầu của đảng CS Trung-Hoa. Ba-Bình (cũng như Đài-Loan) vẫn phải «trở về» với đất mẹ. Đây là trách-nhiệm quan-trọng nhất của đảng CS Trung-Hoa, vì nó khẳng-định tính «chính-thống» đảng lãnh-đạo.

Nếu tình-hình Đài-loan không thay đổi, tức việc «nói và làm» đi đôi với nhau, rất có thể Trung-Cộng sẽ «giải-phóng» Ba-Bình trước 2008 và sẽ «thống-nhất» Đài-Loan sau 2008. Khi đó đảo Ba-Bình sẽ không còn là đảo «sóng êm» nữa (ba là sóng, bình là êm). Nó sẽ trở thành đảo Ba-Đào!

Về phần Việt-Nam, sau hơn 30 năm cai-trị cả nước, đảng CSVN đã làm đất nước tụt hậu thê-thảm từ mọi mặt. Không người dân Việt-Nam nào không cảm thấy nhục-nhã với tình-hình đất nước hiện nay. Xã-hội, kinh-tế, giáo-dục, quân-sự... đều suy-thoái đến tận đáy. Nhục quốc-thể, vì sao nên nỗi mà Việt-Nam không có một biện-pháp nào trả-đũa lại những nước đã xâm-lăng, cướp đất của nước mình? Lịch-sử dân-tộc chưa bao-giờ có những nhục-nhã như ngày hôm nay.

Con đường duy-nhất thoát khỏi nhục-nhã là nước Việt-Nam phải giàu và mạnh. Muốn làm được việc này chỉ còn một con đường duy-nhất: Dân-chủ-hóa chế-độ.

Nhưng thói quen thường hay phạm sai-lầm của CSVN, người ta e rằng khi họ ý-thức được thì việc này đã trở thành quá muộn!

Những ngày đầu năm Bính-Tuất.

1. Những chữ nghiêng trích từ RFA.

2. «Code de Condiute» được đề nghị từ Tuyên Bố Chung của các nước ASIAN về Biển Đông vào năm 1992.

3. Xem các bài viết của Sơn Hồng Đức, Nguyễn Huy, Trịnh Tuấn Anh trong «Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa trong tập san Sử Địa số 29 (Saigon 1075) về đặc tính thiên nhiên và các nguồn tài nguyên tại đây.

3. Đặt tâm điểm quần đảo tại vị trí (9 độ Bắc, 114 độ Đông), ta có thể phân chia quần đảo làm bốn nhóm địa lý. Nhóm Tizard, trải dài 30 dặm từ Đông sang Tây và 8 dặm từ Bắc xuống Nam. Đây là một bãi san hô (récif) kết tạo nên, làm nền tảng cho nhiều đảo và cồn cát, có hình vành, giữa là một đầm (lagon). Những đảo chánh (cao hơn mặt biển) của Trường Sa thì ở trên bãi nầy.

Tham vọng hạch tâm của Ba Tư:

Liệu thế giới có tránh khỏi cuộc đại chiến sắp tới?

MAI LOAN

Ông Niall Ferguson, giáo sư sử học tại Đại Học Harvard, vừa mới viết một bài bình luận được đăng trên tờ Telegraph ở Anh Quốc vào ngày 15 tháng Giêng vừa qua với tựa đề "Những nguyên nhân của cuộc Đại Chiến năm 2007?" Bài viết nói về một tình trạng giả định trong tương lai khi các sử gia nghiên cứu lại những nguyên nhân của cuộc đại chiến khốc hại giữa khối Hồi-giáo và Do Thái (và dĩ nhiên sẽ kéo theo Hoa Kỳ) để tìm hiểu xem những giải pháp nào có thể hoá giải được cuộc xung đột đẫm máu và khốc liệt đó nếu như được cả hai bên chấp nhận và thực hiện lúc bấy giờ.

Đây là một bài viết với một loại hành văn khá lý thú và đáng chú ý, với mục đích muốn người đọc thử xét xem phải chăng nhân loại đang chứng kiến những diễn biến cho một cuộc đại thế chiến sắp xảy ra trong tương lai gần, khi mà tình hình tại Trung Đông, vốn đã bất an từ nhiều năm qua, nhưng đến đầu năm 2006 xem chừng như càng ngày càng có cơ nguy trầm trọng hơn; và cả hai bên trong cuộc xung đột càng cương quyết giữ vững lập trường của mình, nhất quyết không nhượng bộ đối phương, khiến cho chiến tranh – lần này sẽ lớn gấp bội lần những cuộc chiến của năm 1991 hay 2003 – có thể nổ ra.

Nguyên nhân đầu tiên để có thể gây ra cuộc xung đột là vai trò quan trọng của vùng Trung Đông trong kho tài nguyên dầu hoả cần thiết cho toàn thế giới. Thật vậy, một mặt thì ai cũng biết là các kho giếng dầu trên thế giới không nằm trong vùng này đã được khai thác tận tình và sớm cạn kiệt. Mặt khác, với đà tăng trưởng mạnh mẽ tiếp tục kéo dài về mặt kinh tế của các nước khổng lồ Á Châu như Trung Cộng và Ấn Độ thì nhu cầu tiêu thụ năng lượng trên thế giới càng ngày càng tăng vọt đến mức khẩn thiết.

Nguyên nhân thứ hai là sự khác biệt về dân số. Trong khi tỉ lệ sinh sản tại Âu Châu bắt đầu xuống thấp dưới mức quân bình kể từ thập niên 1970 thì tại các nước thuộc khối Hồi-giáo mức này cũng tụt xuống nhưng với tốc độ chậm hơn nhiều. Điển hình như tại Ba Tư (Iran), kể từ sau cuộc cách mạng năm 1979 của giáo chủ Khomeini với chủ trương bảo thủ xã hội – qua việc cho phép thành hôn sớm và ngăn cấm thuốc ngừa thai – thành phần trẻ trong dân số tăng vọt với số lượng trẻ em ra đời mỗi ngày một tăng. Vào năm 1995, có đến 2/5 dân số tại Ba Tư là dưới 14 tuổi. Đến năm 2007 thì thế hệ thanh niên dồi dào này đã sẵn sàng ứng chiến. Sự sung mãn của khối lượng thanh niên ở các quốc gia Hồi-giáo so với các xã hội Âu Châu lão hoá còn được bồi đắp thêm bởi một sự thay đổi trong cán cân dân số quan trọng khác. Vào năm 1950, dân số tại Anh cao gấp ba lần dân số tại Ba Tư. Nhưng đến năm 1995 thì sự cách biệt này đã bị san bằng và nếu đà này tiếp tục thì đến năm 2050 dân số Ba Tư sẽ cao hơn 50% dân số tại Anh. Tuy vậy, người dân ở Âu Châu có thể vẫn chưa chịu nhận thức về sự khác biệt lớn mạnh này với những hậu quả thay đổi nghiêm trọng. Trong tiềm thức, có thể họ vẫn nghĩ và xem thường Trung Đông như là một vùng thuộc địa cũ mà họ có thể kiểm soát dễ dàng giống như họ đã đạt được kể từ giữa thế kỷ 20.

Và nguyên nhân thứ ba, có lẽ quan trọng hơn hết, là yếu tố văn hoá. Kể từ cuộc cách mạng năm 1979, không phải chỉ riêng tại Ba Tư mà gần như phần lớn các nước trong khối Hồi-giáo đều bị cuốn theo một trào lưu mới với niềm tin tôn giáo hăng say đến gần như quá khích, hoàn toàn ngược lại với tiến trình thế-tục-hoá xã hội tại các nước Âu Châu, biểu hiện qua số con chiên ngoan đạo siêng đi lễ ở các nhà thờ càng ngày càng giảm và ảnh hưởng của Giáo hội Công Giáo La Mã ở các quốc gia Âu Châu

không còn mạnh như xưa nữa. Mặc dù có ít quốc gia chịu chạy theo thể chế chính trị thần quyền như mô hình của Ba Tư, người ta cũng phải nhận thấy một sự thay đổi về thể chế chính trị đã xảy ra khắp nơi. Tại nhiều nước, các chế độ phong kiến hay độc tài quân phiệt từng thống trị các xã hội Hồi-giáo từ giữa thập niên 1950 đang dần dần chịu nhiều áp lực từ những thành phần giáo điều quá khích.

Có thể nói là tinh thần giáo điều cực đoan để tạo ra một cái gọi là "chủ thuyết Hồi-giáo" (*Islamism*) cũng có sức mạnh đáng kể như những chủ thuyết cực đoan đã xảy ra trong thế kỷ 20 như chủ thuyết cộng sản hay chủ nghĩa phát-xít. Chủ thuyết Hồi-giáo được coi như là một ý thức hệ chống lại phương Tây, chống lại tư bản và chống lại Do Thái. Như trường hợp thí dụ của Tổng thống Ba Tư là ông Mahmoud Ahmadinejad với những lời tuyên bố hung hăng và hàm hồ với đại ý cho rằng vụ *Holocaust* (trại tập trung giết dân Do Thái thời Đức Quốc Xã) là một "chuyện thần thoại hoang đường," và quốc gia Do Thái là một vết nhơ ô uế "cần phải được xoá sạch khỏi bản đồ thế giới."

Từ trước đến nay, những kẻ chạy theo chủ thuyết Hồi-giáo không có chọn lựa nào để đấu tranh chống lại kẻ thù khác hơn là phương tiện khủng bố. Từ trên dải Gaza của Palestine cho đến phố Manhattan của New York, những anh hùng tử vì đạo là những người ôm bom cảm tử hay dám lái máy bay đâm sầm cho nổ tung các toà cao ốc. Thế nhưng khi đến phiên của ông Ahmadinejad thì phe này bắt đầu mong muốn đi tìm một thứ vũ khí đáng ngại và độc hại hơn là những giây bom đeo vào người. Quyết định của ông và ban lãnh tụ cầm quyền của Ba Tư muốn đẩy mạnh chương trình nghiên cứu năng lượng hạch tâm (nhiều phần là để thực hiện vũ khí nguyên tử hơn là năng lượng cho nhu cầu dân sự) là nhằm mục đích đem lại cho Ba Tư một thứ quyền lực mới như một nước ngổ ngáo khác là Bắc Hàn đã tạo được ở vùng Đông Á: đó là cái khả năng có quyền thách thức siêu cường Hoa Kỳ, cũng như có thể tiêu diệt một đồng minh chiến lược của Hoa Kỳ trong vùng.

Phần cuối của bài viết diễn tả tình trạng phân vân của chính quyền Bush trước những chọn lựa để giải quyết vấn đề: một bên là những phần tử diều hâu theo phái tân-bảo-thủ lúc nào cũng vẫn chủ trương Hoa Kỳ có thể và cũng cần phải ra tay trước, mở các cuộc oanh kích lên các căn cứ quân sự và hạch tâm của Ba Tư như trường hợp Không lực của Do Thái đã ra tay khi tấn công bất ngờ phá tan tành lò phản ứng nguyên tử của Iraq tại Osirak vào năm 1981. Phe này cho rằng Hoa Kỳ đã có sẵn các căn cứ quân sự đóng tại hai nước sát nách Ba Tư là Iraq và A Phú Hãn (Afghanistan). Ngược lại, cũng có một phe ôn hoà và thực tế hơn, với tiếng nói của ngoại trưởng Condoleezza Rice, thì cố vấn TT Bush cần nên lựa giải pháp ngoại giao để giải quyết vụ xung đột. Phe này cho rằng không những công luận tại Âu Châu mà đa số dân chúng tại Hoa Kỳ cũng chống lại một cuộc chiến tấn công Ba Tư. Lý do chính là vì cuộc tấn công Iraq vào năm 2003 đã hoàn toàn mất chính nghĩa khi Hoa Kỳ không tìm ra được dấu vết của cái gọi là vũ khí tàn sát quy mô như đã buộc tội chính quyền Saddam Hussein giấu diếm trước đó, cũng như là sự thất bại của quân đội Mỹ đã không dẹp tan được lực lượng phiến quân tại Iraq tiếp tục chống cự và chiến đấu bằng các vũ khí thô sơ như bom nội hoá nhưng có tác dụng tiếp tục gây tình trạng bất an cũng như mỗi ngày mỗi gia tăng con số quân nhân Mỹ phải bỏ mạng.

Thế là cuộc tranh cãi kéo dài trong suốt năm cho dù nội vụ được đem ra trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc để quyết định có nên trừng phạt hay phong toả cấm vận Ba Tư hay không. Mặc dù có những nghị quyết đưa ra để lên án hành động của Ba Tư, nhưng hai nước có quyền phủ quyết là Nga Sô và Trung Cộng vẫn không chịu giải pháp tấn công quân sự, cho nên nội vụ lại càng kéo dài như tình trạng đã xảy ra trước ngày khai hoả cuộc chiến năm 2003 càng khiến cho nhiều thành phần phản chiến tiếp tục lên tiếng chống đối mạnh mẽ. Lần này thì chỉ còn một lãnh tụ khác trên thế giới có thể tiếp tục hỗ trợ cho ý chí cương quyết của TT Bush: thế nhưng đó không phải là Thủ Tướng Tony Blair của Anh Quốc, chính trị gia đã mất hết uy tín tại nội địa sau vụ Iraq khiến cho dân chúng Anh chế riễu xem thường là một thứ "chó con của Bush" và giờ đây đang sửa soạn rời khỏi chính trường – mà là ông Ariel Sharon, Thủ Tướng Do Thái, lãnh tụ cương quyết dùng sức mạnh áp đảo của quân đội mình để thẳng tay đàn áp và dẹp tan mọi cuộc nổi loạn của quân dân Palestine. Oái oăm thay, ông Sharon đã không còn khả năng nữa sau một cơn đột quỵ khiến ông phải được đưa vào bệnh viện để

giải phẫu cấp cứu và sau đó lâm vào tình trạng hôn mê dài lâu.

Trong tình trạng tranh cãi tiếp tục đó thì Ba Tư tiếp tục đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu để tinh chế chất *uranium*, và với các mô hình cấu trúc các loại đầu đạn nguyên tử mà họ đã mua được từ trước trên thị trường chợ đen, cuối cùng cũng đã sở hữu được một quả bom nguyên tử. Thế là giờ đây thì Teheran đã lắp đặt xong một phi đạn nguyên tử để nhắm thẳng tới thủ đô Tel Aviv của Do Thái. Trong khi đó thì chính quyền cực hữu của tân thủ tướng Benjamin Netanyahu cũng đã có sẵn từ lâu một phi đạn nguyên tử với toạ độ nhắm thẳng ngược lại đến thủ đô Teheran của Ba Tư.

Cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai quốc gia có vũ khí nguyên tử đã nổ ra và kéo dài từ năm 2007 đến năm 2011, đánh dấu một sự thất bại của chính sách ngoại giao, và cũng có thể báo hiệu một sự bắt đầu cáo chung của thời kỳ siêu cường áp đảo của Hoa Kỳ vì Trung Cộng đã đe doạ là sẽ nhảy vào can thiệp với phe của Ba Tư, giúp cho các lực lượng quân dân Shiite ở Iraq nổi lên chống đối để đẩy lui quân đội Hoa Kỳ phải rút ra khỏi các căn cứ trên lãnh thổ Iraq.

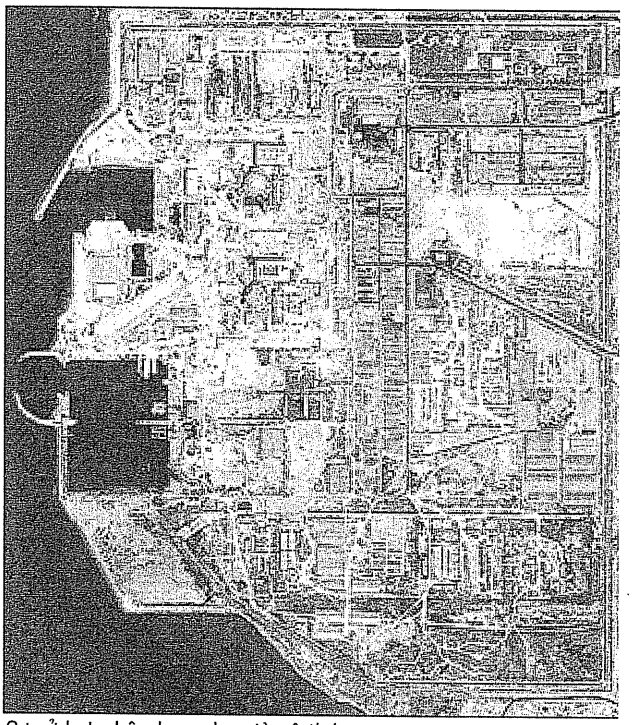
Cơ sở hạt nhân Iran chụp từ vệ tinh

Bài viết kết luận rằng các sử gia nghiên cứu lại lịch sử có thể nhận định cuộc đại chiến đó phải chăng đã minh chứng và bào chữa hùng hồn cho chủ thuyết tiền kích của chính quyền Bush, vốn đã bị nhiều người chỉ trích là kiêu căng và nguy hiểm. Vì nếu như chủ thuyết đó được đem ra áp dụng sớm vào năm 2006 thì tham vọng hạch tâm của Ba Tư đã bị dẹp tan với một cái giá phải trả – dù là một cuộc chiến to lớn khác tại vùng Vịnh – tương đối vẫn còn thấp hơn là cuộc đại chiến 2007-2011.

Trước khi bàn đến tính khả thi của viễn cảnh đó (với lập luận gián tiếp ủng hộ cho chính sách sẵn sàng dùng sức mạnh quân sự để giải quyết vụ khủng hoảng hạch tâm hiện nay của Ba Tư), tưởng cũng nên nhìn lại quá trình lịch sử của Ba Tư trong chương trình nghiên cứu hạch tâm cũng như sức mạnh quân sự của nước này và tương quan với thế của Hoa Kỳ trong vùng hiện nay để có thể hiểu rõ thêm vấn đề cũng như tiên đoán xem rằng giải pháp quân sự liệu có xác suất thành công hay không.

NGUỒN GỐC CHƯƠNG TRÌNH HẠCH TÂM CỦA BA TƯ

Chương trình nghiên cứu hạch tâm của quốc gia này đã bắt đầu từ thời vua Shah Reza Pahlavi quyết định mua một lò phản ứng nguyên tử của Hoa Kỳ vào năm 1959. Vị vua này lúc đó có dự án to lớn để canh tân quốc gia mình với một hệ thống khoảng 23 lò biến điện nguyên tử, tuy nhiên Hoa Kỳ không có chống đối và không coi đó là một hiểm hoạ vì một mặt chế độ quân chủ này được coi là một đồng minh của Mỹ và Anh sau khi họ đã giúp lật đổ chính phủ của Thủ Tướng Mossadeq vào năm 1953, một chính trị gia Ba Tư có tinh thần quốc gia độc lập, và mặt khác, vua shah không đòi mua các kỹ thuật để tinh luyện chất *uranium* hay tái chế biến các thỏi nguyên liệu để tích tụ chất *plutonium*, là những nguyên liệu chính để có thể chế bom nguyên tử.

Tiến trình để hình thành một quả bom nguyên tử phải đi qua ba giai đoạn tuần tự là đào mỏ để lấy quặng, rồi chế biến chuyển đổi thành hơi khí để sau cùng tinh chế nguyên liệu *ura-*

nium.

ĐÀO MỎ: *Uranium*, một hoá chất được khám phá từ thế kỷ 18, có mặt ở nhiều nơi trên thế giới, nhưng dưới dạng rất ít như dấu vết. Đến năm 1938, hai nhà vật lý học Otto Hahn và Fritz Strassmann của Đức chứng minh được rằng *uranium* có khả năng tự tách thành nhiều phần tử nhỏ hơn đồng thời cũng tạo ra một năng lượng lớn. Các phần tử của *uranium* cũng có đặc tính di động lẹ và tách rời nhau để bám vào các phân tử khác, một hiện tượng gọi là nhiễm xạ (*radiation*) tạo nên một năng lượng rất mạnh có thể phá huỷ các chất này, tức là có thể phá huỷ hay tiêu diệt các tế bào của con người. Đầu tiên chất đá quặng *uranium* được đào lên từ các mỏ, rồi nghiền nát và tinh lọc lại trước khi được nén lại một chất cứng như bột màu vàng, được gọi là "*yellow cake*." Tại Ba Tư, các mỏ quặng *uranium* được tìm thấy tại Saghand, miền đông nam nước này.

CHUYỂN ĐỔI: Ở giai đoạn này, chất *uranium* cứng sẽ được chế biến trong các lò hoá học qua nhiều giai đoạn khác nhau bằng cách pha chế thêm các chất *hydrogen* hay *fluor* để đổi từ dạng cứng sang thành hơi khí hoặc thành chất lỏng để sau đó có thể được tinh chế đặc biệt hơn. Lò chuyển đổi chế biến này được đặt nằm tại một căn cứ ở Isfahan, phía tây nam của Ba Tư.

TINH CHẾ: Đây là giai đoạn quan trọng nhất khi người ta tìm cách tinh luyện hơi khí *uranium* bằng cách đẩy vào các lò quay ly tâm (*centrifuges*) để tách rời các phân tử nòng cốt khỏi các hoá chất thừa thải khác để rồi từ đó cô đọng các nguyên tử *uranium*. *Uranium* có hai chất đồng vị (*isotopes*) chính là U-238 và U-235 (có đặc tính nhiễm xạ mạnh hơn). Khi chất lỏng *uranium* được bỏ vào các ống ly tâm và cho quay với tốc độ cực nhanh, từ 50,000 đến 70,000 vòng một phút, các phân tử U-238, có tỉ trọng nặng hơn, sẽ bị lực ly tâm rút bám vào các bờ thành trong khi U-235 nhẹ hơn sẽ nằm ở giữa ống, giúp cho việc gom góp lại để đặc chế lại dễ dàng hơn. Nếu mức độ tinh chế thấp khoảng 5% thì người ta có thể sản xuất ra được chất *uranium* đậm đặc nhẹ (*low-enriched uranium* LEU), vật liệu cần thiết để có thể đưa vào các lò phản ứng nguyên tử để sản xuất năng lượng cho nhu cầu điện lực dân sự trong nước. Nhưng khi mức độ tinh chế lên cao đến khoảng 90% thì sẽ tạo ra được chất *uranium* đậm đặc cao (*high-energy uranium* HEU), tức là có khả năng cao dễ tạo ra một hiện tượng hoá học gọi là tách ly hạt nhân (*fission*) kèm theo phản ứng tức thời tạo ra một sức mạnh kinh khủng hàng trăm triệu vôn (*volts*). Do đó chất HEU được coi là một nguyên liệu chính yếu để tạo thành một quả bom nguyên tử vì khi các nguyên tử *uranium* được tách phân thì sẽ nổ ra một sức chấn động kinh hoàng khủng khiếp hơn tất cả các loại bom hay chất nổ khác. Tại Ba Tư hiện nay, có rất nhiều lò tinh chế *uranium*, hoặc vẫn được còn che giấu hoặc được công khai hoá như tại Bushehr, Arak và Natanz, nơi đang được nói nhiều nhất gần đây với việc chính quyền Ba Tư quyết định xé các niêm phong của Cơ Quan Nguyên Tử Lực Quốc Tế IAEA để tự ý mở lại các chương trình nghiên cứu này mà không chịu sự giám sát của các thanh tra IAEA.

Vấn đề tranh cãi hiện nay là chủ ý thực sự của chính quyền Ba Tư muốn tinh chế chất *uranium* cho mục đích nào. Phía TT Ahmanidejad và các giáo chủ lãnh đạo Ba Tư thì cho rằng họ muốn nghiên cứu để dùng vào mục đích sản xuất điện năng cho nhu cầu dân sự, và cho rằng đó là cái quyền tối hậu của quốc gia họ như đã quy định trong hiến chương của NPT (*Non Proliferation Treaty*) của các quốc gia cùng tham dự trong kế hoạch kiểm soát việc phổ biến năng lượng nguyên tử. Dĩ nhiên, Hoa Kỳ và Tây Âu thì không thể nào tin vào lời giải thích này vì hai lý do đơn giản: Ba Tư là một quốc gia nằm trên khối trữ lượng dầu hoả khổng lồ (khoảng 10% tổng số lượng trên toàn thế giới), đứng hàng thứ ba chỉ sau Saudi Arabia và Iraq; và hơn thế nữa những nỗ lực nghiên cứu để tinh chế đã kéo dài một cách kín đáo trong thời gian qua mà không thông báo theo đúng quy luật của IAEA và chỉ báo cáo lại sau khi đã bị một tổ chức đối lập và ly khai tiết lộ với giới chức tình báo nước ngoài.

Sau khi cuộc cách mạng Hồi-giáo nổ ra vào năm 1979, chính quyền Mỹ bắt đầu lo ngại về kế hoạch hạch tâm của Ba Tư và chú tâm nhiều vào dự án lò nguyên tử tại Bushehr ở miền nam nước này do Nga Sô giúp đỡ xây dựng. Đây là một kế hoạch lâu dài mà Ba Tư muốn nhờ Nga Sô thiết lập với kinh phí khoảng 800 triệu Mỹ-kim, bắt đầu từ năm 1995. Sau giai đoạn đầu thiết lập xong lò phản ứng nguyên tử Bushehr-1, thì Nga sẽ tiếp tục xây dựng thêm ba lò phản

ứng khác. Tổng thống Vladimir Putin của Nga thì hứa hẹn với Hoa Kỳ và Anh Quốc rằng Nga sẽ không cung cấp thẳng các nguyên liệu *uranium* cốt yếu cho Ba Tư trừ khi nước này chịu ký kết tham dự vào các quy định kiểm soát chặt chẽ của cơ quan giám sát IAEA.

Thế nhưng, vào tháng 8 năm 2002, một nhóm các người đối lập Ba Tư lưu vong, trong tổ chức National Council of Resistance of Iran NCRI, đã tố cáo rằng chính quyền Ba Tư đã che giấu một lò tinh chế tại Natanz cũng như một lò chế biến nước có trọng lượng nặng (*heavy water*), thường được dùng để tích tụ chất *plutonium*, một nguyên liệu khác để chế bom nguyên tử, tại Arak. Cơ quan IAEA, dưới sự điều động của tổng giám đốc Mohamed ElBaradei, liền bắt đầu điều tra nội vụ bằng cách gửi các toán thanh tra đến tận nơi để xem xét và thu thập một số bằng chứng để nghiên cứu. Cho đến nay, họ vẫn chưa có bằng chứng xác đáng và cụ thể để bổ sung cho lập luận của Hoa Kỳ và nhóm NCRI rằng chính quyền Ba Tư đang có kế hoạch phát triển vũ khí hạch tâm, tuy nhiên họ vẫn còn khá nhiều hoài nghi về sự thành tâm của chính quyền Ba Tư đã không thật sự khai báo hoàn toàn các chương trình hoạt động trong nước mà có thể còn giấu diếm ở nhiều chỗ khác nhau.

Do đó một giải pháp dung hoà đã được đề ra, do ba nước Tây Âu là Anh, Đức và Pháp chủ động, nhằm điều đình với Ba Tư tạm thời đình hoãn các chương trình nghiên cứu để cho các thanh tra của IAEA có dịp tìm kiếm và nghiên cứu kỹ hơn và để đánh đổi lại, hứa sẽ cung cấp một số viện trợ về kỹ thuật và kinh tế cho Ba Tư. Lý do chính mà ba nước Tây Âu này muốn chủ động là vì không muốn cho Hoa Kỳ hay Do Thái, với những thành phần diều hâu chủ chiến, có thể sẽ tiếp tục hung hăng áp dụng chính sách tiền kích bằng cách ra tay tấn công để oanh kích các nơi tình nghi là các lò nguyên tử ở Ba Tư như Không lực Do Thái đã dội bom tan tành lò phản ứng Osirak ở Iraq vào năm 1981. Tuy nhiên, lần này Ba Tư đã học khôn, và có thể đã tản mác các lò nghiên cứu ở hàng trăm địa điểm khác nhau trên toàn cõi lãnh thổ, và do đó tình báo của Do Thái và Hoa Kỳ, vốn bị chứng tỏ không mấy hiệu quả gì lắm sau vụ tấn công Iraq vào năm 2003, chưa chắc đã có đủ dữ kiện để bảo đảm cho chiến dịch oanh kích này được thành công. Ngược lại, những vụ oanh kích này nổ ra sẽ dẫn đến một cuộc chiến khốc liệt hơn khi mà quân đội của Ba Tư, vốn mạnh và đông hơn so với Iraq, sẽ sẵn sàng trả đũa khiến cho chiến trường Trung Đông, vốn đã không bình yên gì trong nhiều thập niên qua, sẽ còn có cơ nguy nổi sóng khủng khiếp hơn nữa. Khi Ba Tư quyết định xé các niêm phong này để tự ý mở lại các cuộc nghiên cứu thì thoả hiệp tạm thời coi như không còn giá trị, do đó mới dẫn đến việc Tây Âu và Hoa Kỳ quyết thúc đẩy IAEA đưa nội vụ trình lên Hội Đồng Bảo An LHQ để giải quyết tiếp như tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Thoạt đầu, các nỗ lực của ba nước Tây Âu không đạt được kết quả khả quan nào, một phần vì không có sự ủng hộ triệt để của Hoa Kỳ vốn vẫn còn mang nặng tinh thần nghi kỵ các chế độ ngổ ngáo trong cái gọi là "trục ma-quỷ" mà TT Bush đã lên án mạnh mẽ trước đó. Vì thế cho nên phía Tây Âu không thể nào đưa ra những hứa hẹn viện trợ kinh tế và kỹ thuật đáng giá để cho Ba Tư có thể xuôi lòng chịu từ bỏ tham vọng hạch tâm. Thế nhưng đến đầu năm 2005 thì TT Bush, vì nhiều lý do khác nhau trong đó có yếu tố quan trọng là biết mình cũng không thể nào uy hiếp được Ba Tư bằng lời đe doạ quân sự sau khi vẫn còn chật vật với sự sa lầy của quân đội Mỹ tại Iraq trong một thời gian dài, đã chấp nhận đứng đằng sau Tây Âu để tiến hành đường lối ngoại giao hầu mong giải quyết mối nguy khủng hoảng mới này.

Tuy nhiên, có lẽ quyết định nhập cuộc theo đường lối ngoại giao của Hoa Kỳ này đã đến quá trễ, và cùng với sự kéo dài sa lầy của quân đội Mỹ, phía Ba Tư thấy rõ hay tự tin rằng dù muốn hay không, chưa chắc Hoa Kỳ và Tây Âu có thể áp lực được phía đối phương phải nhượng bộ. Cùng lúc đó thì tại Ba Tư, một nhân vật mới là đô trưởng Mahmoud Ahmanidejad, một chính trị gia cực hữu đã từng hăng hái tham dự vào cuộc cách mạng 1979 từ thời trai trẻ, lại được đắc cử vào chức vụ tổng thống để thay thế vị tiền nhiệm vốn được coi là ôn hoà hơn. Trong khi Hoa Kỳ còn phải tiếp tục lo đối phó với nhiều khó khăn và chống đối khắp nơi từ Á Châu sang đến Nam Mỹ thì Ba Tư lại được Nga Sô chiếu cố và Trung Cộng cũng đặc biệt lưu tâm để ký kết các giao kèo dài hạn cung cấp nguồn dầu thô cần thiết cho cường quốc kinh tế đang tiếp tục phát triển không ngừng này. Có thể vì quá tự tin hay không, giờ đây Ba Tư nghĩ rằng dẫu cho có phá lệ không tuân theo

những đòi hỏi kiểm soát gắt gao của IAEA, Hoa Kỳ và Tây Âu cũng chưa chắc có biện pháp nào hữu hiệu để đối phó, cả về hai mặt kinh tế và quân sự. Về mặt kinh tế, tuy rằng Ba Tư có thể sẽ mất nguồn thu nhập do khối dầu hoả xuất cảng mỗi ngày khoảng 2,5 triệu thùng dầu thô cũng như mất khả năng nhập cảng nguồn nhiên liệu xăng cần dùng cho nhu cầu nội địa khiến cho dân chúng trong nước phải thắt lưng buộc bụng, nhưng đổi lại những hậu quả thiệt hại cho kẻ chủ động cấm vận cũng không kém phần quan trọng, nhiều phần là sẽ tạo ra một cơn chấn động tức thời về giá dầu hoả tăng vọt trên thị trường, và có thể dẫn đến một tình trạng suy thoái kinh tế trầm trọng hơn trên toàn thế giới. Tuy nhiên, về mặt quân sự, vốn vẫn được coi là một trong những biện pháp thích được sử dụng bởi các chính trị gia cầm quyền ở những cường quốc như Hoa Kỳ, thì sự tính toán của chính quyền Ba Tư mới là điều đáng chú ý để nghiên cứu thêm.

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA GIẢI PHÁP QUÂN SỰ

Dĩ nhiên không phải đợi đến giờ này thì các chiến lược gia quân sự ở Ngũ Giác Đài mới nghĩ đến kế hoạch quân sự trong việc giải quyết khủng hoảng của Ba Tư. Gần như mọi người đã đồng ý với kết luận rằng ý định cuộc tấn công Iraq đã thực sự nẩy mầm ngay từ sau vụ nổ bom khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 do lời cố vấn của Thứ trưởng Quốc phòng Paul Wolfowitz, một trong những lý thuyết gia rường cột cho chủ thuyết tân-bảo-thủ, cho TT Bush là đối thủ cần nhắm đến để triệt hạ là chính quyền của Saddam Hussein chứ không phải là phe cầm quyền Taliban ở A Phú Hãn chỉ có cái tội là đã chứa chấp cho tổ chức al-Qaeda của Osama bin Laden hoạt động trong nhiều năm trước. Do đó các kế hoạch quân sự để giải quyết cơn khủng hoảng hiện nay chắc chắn phải được các lãnh tụ quân sự ở Hoa Thịnh Đốn cũng như ở Tel Aviv nghiên cứu kỹ lưỡng trong thời gian qua với những bảng chiết tính về lợi và hại để cho các chính quyền của Hoa Kỳ và Do Thái có thể dễ dàng hay đắn đo suy nghĩ trước khi lấy quyết định khai hoả.

Riêng tại Hoa Kỳ, việc tái đắc cử của TT Bush đã được mọi người trong chính quyền coi đó là một bằng chứng hùng hồn rằng quốc dân Hoa Kỳ đã ủng hộ chính sách tham chiến của chính phủ. Nó càng giúp củng cố thêm vai trò của phe tân-bảo-thủ trong hàng ngũ các viên chức dân sự lãnh đạo ở Ngũ Giác Đài, những người đã tích cực đẩy mạnh chính sách tấn công Iraq trước đây. Theo lời tiết lộ của một cựu viên chức tình báo cao cấp, Tổng Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld đã gặp toàn bộ các tướng lãnh chỉ huy của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực sau kết quả bầu cử vào cuối năm 2004 và tóm gọn cuộc nói chuyện với họ một cách đại cương rằng những kẻ chống đối cuộc chiến đã có dịp cất lên tiếng nói nhưng người dân Hoa Kỳ đã không chịu nghe theo lời của họ.

Nhà báo Seymour Hersh, trong một bài phóng sự được đăng trên tuần báo New Yorker vào cuối tháng Giêng năm 2005, đã kể về một kế hoạch bí mật của quân đội Mỹ đang nghiên cứu về giải pháp tấn công bằng quân sự lên Ba Tư trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Hersh là một ký giả kỳ cựu và uy tín, thường thu thập được rất nhiều dữ kiện và tài liệu khả tín do nhiều nguồn tin quan trọng cung cấp, và cũng chính là ký giả đầu tiên tung ra loạt bài phanh phui vụ xì-căng-đan các hình ảnh binh sĩ Mỹ hành hạ tù nhân Iraq tại Abu Ghraib gây chấn động thế giới vào đầu tháng 5-2004.

Liền sau đó, Bộ Quốc Phòng đã lên tiếng cải chính, cho rằng bài báo "có nhiều sai lầm thiếu sót" liên quan đến việc hoạt động của các toán đặc công do thám nhảy vào Ba Tư nhưng không hoàn toàn phủ nhận nội dung chính. Nói theo lời kể của một viên chức cao cấp là "*Chiến dịch sắp tới sẽ là Ba Tư. Hoa Kỳ đã tuyên chiến và tất cả những kẻ xấu, cho dù có ở nơi nào đi nữa, cũng sẽ là kẻ thù. Đây là dịp a-lát-sô cuối cùng, chúng ta có thêm bốn năm nữa để thực hiện và hy vọng rằng sau đó có thể tự hào rằng mình đã thắng trong cuộc chiến chống khủng bố.*"

Sau đó thì PTT Dick Cheney cũng lên tiếng trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình với những lời lẽ diều hâu cố hữu, đặc biệt với lời hăm doạ hé mở cho rằng có thể không lực của Do Thái sẽ ra tay tấn công trước để bảo toàn cho sự an nguy của nước này và để mặc cho thế giới sẽ phải thu lo hay gánh chịu những hoang tàn đổ vỡ sau đó (*cleaning the mess afterwards*).

Bush và Cheney có thể là người đã đề ra chính sách, nhưng người điều hành kế hoạch chính là tổng trưởng Rumsfeld. Một loạt những sắc lệnh (*executing orders*) của Phủ Tổng Thống đã được ban hành cho phép thực hiện các chiến dịch hành quân bí mật với nhiều toán đặc công nhảy vào lòng địch trải dài trên khoảng 10 nước khác nhau tại vùng Trung Đông và Nam Á để dọ thám nhắm vào các mục tiêu có thể là cơ sở hoạt động của các nhóm khủng bố. Quyết định này của TT Bush được coi như là cho phép ông Rumsfeld được toàn quyền tự tung tự tác trong các chiến dịch tình báo bí mật mà không sợ bị ràng buộc lôi thôi như cơ quan tình báo trung ương CIA phải bị kiểm soát. Theo luật hiện hành của Hoa Kỳ, tất cả các hoạt động bí mật của CIA trên các nước khác đều phải có sắc lệnh của TT ký ban hành và sau đó đều phải tường trình hoạt động và báo cáo lên các uỷ ban tình báo ở hai viện trên Quốc Hội. (Luật lệ này đã được ban hành sau một loạt các vụ xì-căng-đan trong thập niên 70 liên quan đến việc CIA theo dõi các tổ chức trong nội địa cũng như dính líu đến các vụ mưu sát các lãnh tụ ngoại quốc). Lần này, Ngũ Giác Đài sẽ rất thoải mái, không còn bị ràng buộc hay bị kiểm soát bởi các vị dân cử hay xét nét trên Quốc Hội. Thậm chí, các viên chức còn không dùng đến từ ngữ "hành quân tình báo mật" (*covert operations*) vì nó gợi ý đến hoạt động cố hữu của CIA mà lại nói đến "thám báo đen" (*black reconnaissance*) như là một phần của hoạt động quân sự.

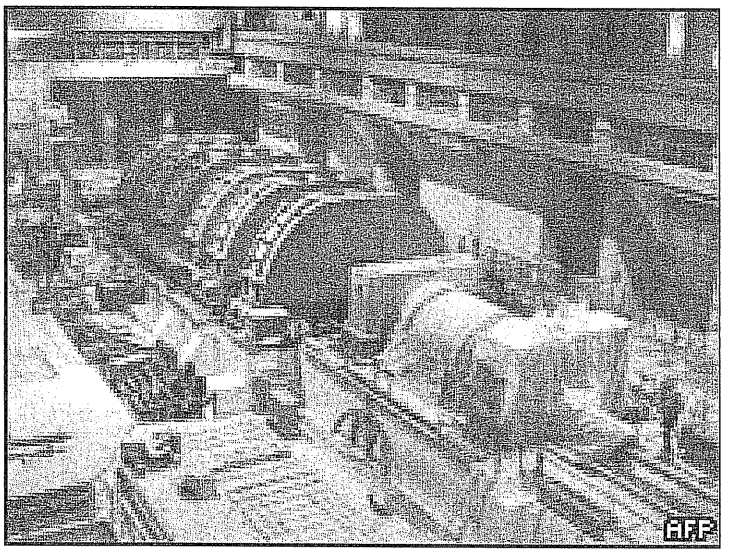

Bên trong cơ sở hạt nhân Iran

Tuy vậy, chính quyền Bush vẫn nhấn mạnh đến giải pháp ngoại giao để giải quyết các vụ xung đột này thay vì cứ đòi hăm he dùng vũ lực như trường hợp đối với Iraq. Nữ ngoại trưởng Condoleezza Rice, trong lúc vẫn chỉ trích Bắc Hàn là một trong sáu quốc gia được coi như là "*tiền đồn của bạo quyền*" và cũng đã kết tội "*vài kẻ không được dân bầu*" đang lãnh đạo Ba Tư, ngụ ý các giáo chủ cầm quyền, với thành tích vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, nhưng vẫn nhấn mạnh rằng giải pháp quân sự (tức là việc Hoa Kỳ có thể tấn công Ba Tư) không nằm trong lịch trình hành động của Hoa Kỳ, ít ra là trong lúc này.

Phản ứng của Ba Tư cũng nhanh chóng và dữ dội không kém. Các lãnh tụ Hồi-giáo đã đưa ra những kế hoạch hay chương trình động viên dân chúng trong nước để sẵn sàng ứng chiến và bảo vệ tổ quốc trước kẻ thù "đế quốc Mỹ." Các tờ báo ở thủ đô Teheran liên tiếp đưa ra nhiều bài viết nói về các kế hoạch động viên lực lượng quân dân Basiji khoảng bảy triệu đoàn viên, một khối đông đáng kể đã được huy động trong các đợt tấn công biển người mà Ba Tư đã tung ra trước đây để đối phó với quân đội Iraq của Saddam Hussein trong cuộc chiến năm 1980. Cùng lúc đó trên màn ảnh truyền hình ở Ba Tư, các vị chỉ huy quân sự cũng thường mở các cuộc thao diễn quân sự và đem ra trình làng một số phi đạn tầm xa Shahab-3 có tầm hoạt động xa đến hơn 1200 cây số, ngụ ý biểu dương về khả năng có thể tấn công dễ dàng nhiều nước trong vùng, nhất là Do Thái.

Dĩ nhiên cho đến giờ này khó ai hiểu rõ là những hoạt động biểu dương rầm rộ như trên phải chăng là một hình thức của việc động viên thực sự để nhằm ứng chiến hay nhiều phần chỉ là một hình thức tuyên truyền. Vì hầu

hết các chuyên gia phân tích thời sự đều cho rằng các nhà lãnh đạo của Ba Tư đều muốn nhấn mạnh đến một kết quả khốc liệt về nhân mạng cho binh lính Mỹ có thể thiệt hại cao nếu như cuộc chiến xảy ra để khiến cho quần chúng Hoa Kỳ có thể lo sợ và các nhà lãnh đạo của Mỹ cũng phải ngần ngừ hay chùn bước.

Nasser Hadian, giáo sư về chính trị học tại đại học Teheran và cũng là giáo sư thỉnh giảng tại đại học Columbia nhận định khá chính xác: "*Rõ ràng hiện nay có một cuộc chiến tranh tâm lý. Áp lực của nhiều nước trên thế giới cũng như của dư luận tại Hoa Kỳ cũng rất quan trọng, nhưng cũng chưa đủ để ngăn chặn một cuộc tấn công có thể xảy ra. Điều duy nhất có thể ngăn chặn một cuộc chiến xảy ra là khi nào Hoa Kỳ biết chắc mình sẽ phải trả một cái giá rất đắt cho một cuộc chiến.*" Nói một cách khác, không có áp lực nào trên thế giới có thể ngăn cản ý định của chính quyền Hoa Kỳ, ngoài trừ khi người dân Mỹ hết còn lòng dạ muốn tham chiến khi thấy con em mình bắt đầu phải bỏ mạng hơi nhiều ở những chiến trường xa xôi.

Tháng 12 năm 2004, Ba Tư đã loan tin về hai cuộc tập trận giả quy mô nhất chưa từng thấy, quy tụ đến khoảng 120,000 quân nhân cùng với hàng ngàn xe tăng, trực thăng, thiết giáp hỗ trợ v.v... trải dọc theo biên giới phía tây. Cùng lúc đó báo chí tại Ba Tư cũng loan tin là không lực của họ đã sẵn sàng để bắn hạ tất cả các phi cơ nào xâm phạm vào không phận Ba Tư. Tuy nhiên họ cũng không phải là những tay mơ, không muốn huy động các giàn ra-đa mỗi khi có các chiếc máy bay không người lái (*drones*) xuất hiện vì sợ rơi vào bẫy của Hoa Kỳ có thể đang dò la tung tích các hệ thống ra-đa phòng thủ này để chấm toạ độ và sửa soạn tấn công sau này như đã xảy ra tại Iraq. Do đó các màng lưới tình báo và do thám của Hoa Kỳ cho đến nay vẫn chưa nắm được những dữ kiện và thông tin chính xác về những nơi được coi là tình nghi. Sáng kiến này, trớ trêu thay, lại đến từ các sĩ quan không quân Ba Tư vốn đã từng thụ huấn tại Hoa Kỳ trước đây nên đã biết rõ hệ thống hoạt động và chiến thuật điều hành của bộ máy quân sự, và như thế đã quay ngược trở lại để đối đầu với Hoa Kỳ bằng cách tiếp tục giữ kín vị trí của nhiều giàn ra-đa phòng không và địa điểm chiến lược quan trọng.

Trên lý thuyết, quân lực của Ba Tư gồm khoảng 350,000 quân nhân hiện dịch và hơn 220,000 lính trừ bị. Lực lượng Vệ Binh Cách Mạng, thành phần ủng hộ nòng cốt của các giáo sĩ Hồi-giáo, được coi như là một thành phần tinh nhuệ của quân lực Ba Tư với khoảng 120,000 người.

Về chiến cụ, Ba Tư có khoảng 2000 xe tăng, 300 phi cơ, hàng trăm chiếc trực thăng, ba chiếc tiềm thuỷ đĩnh và khoảng hơn một chục giàn phóng phi đạn Scud của Nga tương tự như loại mà quân đội của Saddam Hussein đã nhắm tấn công vào Do Thái hồi năm 1991, cũng như một số các phi đạn tầm xa Shabbab-3 chế tạo theo kỹ thuật của Bắc Hàn có khả năng bay xa. Mới đây, Ba Tư cũng đã mua nhiều phi đạn bình phi (*cruise missiles*) X-55 của Ukraine vào năm 2001, có khả năng bay xa ngàn dặm, tức là trên lý thuyết có thể phóng thẳng tới nhiều nước tại Âu Châu.

Tuy nhiên theo nhận định của ông Anthony Cordesman, một chuyên viên phân tích quân sự trong vùng, thì đa số các chiến cụ của Ba Tư đều thuộc loại cũ hoặc khá lỗi thời, và cũng ở trong tình trạng không toàn hảo. Trong cuộc chiến với Iraq kéo dài tám năm trong thập niên 80, Ba Tư đã bị hao hụt từ 50 đến 60% sức mạnh của mình, và rồi sau đó cũng không được bổ sung lại bởi những thứ vũ khí tối tân khác.

Thế nhưng, Ba Tư vẫn còn những lá bài nguy hiểm khác có thể khiến cho kẻ thù phải dè dặt trước khi ra tay tấn công. Đó là những cơ quan tình báo trải rộng địa bàn hoạt động tại nhiều nơi như Lebanon, Palestine, Jordan, A Phú Hãn, Hồi Quốc (Pakistan), Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, các nước tại Trung Á cũng như Bắc Phi và kể cả Âu Châu và Hoa Kỳ. Ba Tư cũng là quốc gia yểm trợ mạnh mẽ cho các tổ chức khủng bố Hồi-giáo quan trọng khác như Hezbollah và Hamas, tiếp tục giữ thế đối trọng với Do Thái khiến cho nước này không thể nào an tâm được. Với khả năng kiểm soát miền bắc của eo biển Hormuz, nơi mà tất cả các tàu dầu đều phải đi qua để rời khỏi vùng Vịnh, quân lực của Ba Tư có thể tấn công bắn chìm nhiều tàu bè chuyên chở và làm tắc nghẽn trục lộ giao thông chính trên hai vùng Vinh Ba Tư và Vịnh Oman, một sớm một chiều có thể khiến cho thị trường và sinh hoạt sản xuất trên thế giới phải rúng động, dẫn đến những hậu quả nguy hiểm có thể làm tê liệt nền kinh tế

toàn cầu.

Sau cùng, một lá bài tẩy khác mà Ba Tư có thể làm cho các nhà lãnh đạo quân sự của Mỹ phải chùn chân là khả năng của họ có thể ảnh hưởng mạnh lên tình hình tại Iraq, nơi mà đa số giới lãnh đạo gốc Shiite đang nắm quyền đều có thiện cảm với giáo hội Shiite ở Ba Tư cũng như đã từng sống tị nạn tại đây trong thời gian dài khi bị Saddam uy hiếp. Chỉ nhìn sơ tình hình tại Iraq khi mà Hoa Kỳ đã hoàn toàn khống chế trong gần ba năm qua mà vẫn chưa dẹp xong được các nhóm nổi loạn chống đối tiếp tục gây thiệt mạng cho binh lính Mỹ và tạo ra tình trạng bất an hiện nay thì người ta cũng hiểu rằng nếu như cả Syria lẫn Iran đều thả lỏng biên giới của mình để cho đủ thứ thành phần có thể xâm nhập vào Iraq trợ giúp cho phe nổi loạn, thì điều này có thể là nỗi điên đầu cho các vị tướng lãnh chỉ huy của Hoa Kỳ, vốn đang sợ mệt mỏi và sợ sẽ bị sa lầy lâu dài tại Iraq, chắc chắn sẽ không còn tự tin nhiều khi phải ba bề thọ địch chỉ riêng ở một chiến trường Trung Đông.

Ngoài ra về mặt quân sự, chưa chắc Hoa Kỳ sẽ được sự ủng hộ của hai đối thủ chiến lược quan trọng khác là Nga Sô và Trung Cộng, cho dù cả hai nước này đồng ý trong quyết định tường trình của IAEA ra trước Hội Đồng Bảo An LHQ để cứu xét việc vi phạm của Ba Tư.

Tưởng cũng nên nhắc lại là tuy Nga Sô đã mất hẳn vị thế siêu cường để có thể so sánh ngang hàng với Hoa Kỳ sau ngày sụp đổ chế độ Sô-Viết vào đầu thập niên 90, nhưng nếu quốc gia này cương quyết chống lại ý định tấn công của Hoa Kỳ thì quân lực Mỹ đã không thắng dễ dàng tại chiến trường Iraq trong hai cuộc chiến năm 1991 và 2003. Trong chiến dịch hành quân Bão Sa Mạc năm 1991, liên quân do Hoa Kỳ lãnh đạo dưới thời TT Bush bố quy tụ hầu hết các nước trên thế giới tham gia và ủng hộ, kể cả Nga và Trung Cộng, nên do đó đã đẩy lui dễ dàng quân đội của Iraq khỏi Kuwait. Sau đó, trong vòng 10 năm liên tiếp, dưới áp lực cấm vận và trừng phạt của Liên Hiệp Quốc, không quân Hoa Kỳ và Anh Quốc tiếp tục khống chế phần lớn không phận của Iraq, bắn hạ gần toàn bộ những ổ phòng không của Iraq còn sót lại, và nhờ đó mới có thể dễ dàng tiến nhanh bằng đường bộ từ phía nam kéo về thủ đô Baghdad trong thời gian ngắn vào tháng 3-2003. Nếu như Trung Cộng hay Nga tiếp tục chi viện hay bán cho Saddam Hussein một số các phi đạn tầm xa hay hoả tiễn tầm nhiệt lợi hại và các thứ vũ khí phòng không tối tân khác, thì con số thiệt mạng của quân đội Mỹ có thể lên đến hàng ngàn người trong những ngày tháng đầu tiên của cuộc chiến chứ không có lẻ tẻ vài chục người như đã xảy ra, và như thế chưa chắc các nhà lãnh đạo trong chính quyền Bush có thể huênh hoang và tự tin để mở cuộc chiến tấn công.

Riêng Trung Cộng đã ký một thoả ước thương mại đầu tư hàng chục tỷ Mỹ-kim để mong tìm nguồn năng lượng dầu thô và khí đốt của Ba Tư trong lâu dài hầu bảo đảm cho nền kinh tế tiếp tục đà phát triển mạnh của con rồng châu Á này. Với quyết định này, Trung Cộng cũng bắn tiếng luôn là sẽ sẵn sàng dùng quyền phủ quyết tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc để ngăn chặn bất cứ nghị quyết nào để trừng phạt hay tấn công Ba Tư.

Thái độ ra mặt ủng hộ Ba Tư của hai đối thủ lợi hại với Hoa Kỳ là Trung Quốc và Nga đã khiến cho giải pháp quân sự tấn công Ba Tư không còn là chuyện dễ dàng như các chính trị gia hiếu chiến phe tân-bảo-thủ mơ mộng có thể tiếp tục đẩy mạnh sau khi đã lập được đầu cầu tại Iraq. Với địa hình địa thế khó khăn nhiều hơn cho Hoa Kỳ so với Iraq, cộng với lực lượng quân sự tương đối cũng còn mạnh hơn nhiều với so quân đội của Saddam Hussein, lần này bộ tham mưu của Bạch Cung sẽ thấy cục xương Iran xem ra có phần khó nuốt hơn nhiều. Nó sẽ không dai như cái gân gà tại Iraq khiến cho anh khổng lồ Hoa Kỳ phải dằng dưa lâu dài "*nuốt không xong nhả thì tiếc*", mà sẽ cứng ngắc to lớn như cục xương gây mắc nghẹn khốn khổ hơn nhiều nếu như cứ ỷ y ngoan cố muốn vồ nuốt ngay.

Do đó, mặc dù những khó khăn và có thể nói là thất bại của giải pháp ngoại giao để đối phó với mối nguy từ Ba Tư đã khiến cho chính quyền Bush phải bị chỉ trích là lơ là và bất lực bởi các chính trị gia của cả hai phe hữu cũng như tả – nghị sĩ John McCain của Cộng Hoà và nghị sĩ Hillary Clinton của đảng Dân Chủ – nhưng người ta cũng thấy rằng giải pháp quân sự để ngăn chặn tham vọng hạch tâm của Ba Tư cũng chưa chắc là một chọn lựa có hứa hẹn gì khả quan hơn hay không.

Houston, Texas 10-02-2006

Hồi giáo - Hí họa - Tự do Báo chí, và các vụ Bạo động

ĐINH XUÂN QUÂN
(Kabul – Afghanistan)

Tuần báo châm biếm Charlie Hebdo của Pháp đăng lại toàn bộ 12 bức tranh châm biếm và thêm một bức hí hoạ về nhà tiên tri Mouhammad ôm đầu với dòng chữ "Thật là mệt khi được những kẻ ngốc yêu mến." Và ngay trang nhất, chạy dòng chữ "Tiên tri Mohammed bị phe quá khích qua mặt."

Các tổ chức Hồi giáo Pháp xin tòa án cố gắng ngăn chặn tờ tuần báo Charlie Hebdo đăng lại 12 bức tranh hí họa, vốn được đăng lần đầu tiên tại Đan Mạch do tờ Jyllands-Posten từ tháng 9 năm ngoái và được đăng lại trên nhiều tờ báo châu Âu. Tòa án đã bác bỏ yêu cầu này vì cho là họ không phạm luật.

Cùng với việc đăng lại 12 bức biếm họa của tờ Jyllands-Posten, Charlie Hebdo còn đăng những tranh biếm họa các tôn giáo khác, như Cơ Đốc giáo và Do Thái giáo, ở trang cuối cùng. Số phát hành của Charlie Hebdo tăng vọt ở Paris. Tờ báo cũng đăng lời giải thích về việc in lại các bức hí họa của tổng biên tập, ông Philippe Val.

Tổng thống Pháp chỉ trích tờ tuần báo châm biếm này đăng hí hoạ là khiêu khích. Ông Chirac nói, "Bất kỳ điều gì có thể làm tổn thương đến tín ngưỡng của người khác, đặc biệt là niềm tin tôn giáo, thì cần phải tránh. Tự do ngôn luận phải trong khuôn khổ tinh thần trách nhiệm." "Tôi lên án mọi hành động khiêu khích, những cử chỉ có thể làm bùng lên sự giận dữ." Ông Chirac cũng nhấn mạnh rằng "Về vấn đề các bức hí hoạ và phản ứng ở thế giới Hồi giáo, tôi muốn nói rằng nếu tự do ngôn luận là một trong những nền tảng của Cộng hoà Pháp, thì sự khoan dung và tôn trọng mọi tín ngưỡng tôn giáo cũng vậy." Chirac lên án các cuộc tấn công bạo động nhằm vào công dân và sứ quán Pháp, Đan Mạch và các quốc gia châu Âu khác tại những nước Hồi giáo và cho rằng theo luật pháp quốc tế, "các chính phủ sở tại phải chịu trách nhiệm về sự an toàn của người nước ngoài và tài sản bên trong lãnh thổ của họ."

Người Hồi giáo tại Palestine, Libăng, Syria, Afghanistan, và một số nước khác đã bày tỏ sự tức giận với các văn phòng đại diện châu Âu. Tại Đan Mạch và Pháp đã có một số lời đe doạ đánh bom nhằm vào những tờ báo đăng tranh biếm hoạ. Trước đó, nhiều tờ báo Pháp, trong đó có tờ Le Monde, Liberation và France-Soir, đã đăng các bức hí hoạ nói trên để bày tỏ sự đoàn kết với tờ Jyllands-Posten của Đan Mạch.

Tại Washington DC, Tổng thống Hoa Kỳ cùng với quốc vương Abdullah của Jordan nhân dịp này, đã hô hào các chính phủ can thiệp để chấm dứt bạo động phát sinh từ các cuộc biểu tình phản đối hí họa về tiên tri Mohammad. TT Bush nói "Hãy tôn trọng tài sản và tính mạng của các nhà ngoại giao công tác ở hải ngoại," ám chỉ các vụ tấn công sứ quán Đan Mạch và Tây Phương ở thủ đô một số nước Hồi giáo. "Khi chúng ta chứng kiến những cuộc phản đối có bạo động và phá hoại, kết thúc bằng sinh mạng của những người vô tội, thì hoàn toàn không chấp nhận được" - ông nhắc lại rằng các tôn giáo là vì hòa bình và khoan dung.

Tại Copenhagen, Thủ Tướng Đan Mạch ông Ramussen tuyên bố rằng đã đến lúc ngưng bạo động để đối thoại và hợp tác. Ông nói cuộc khủng hoảng này đang gây ra bất trắc khắp thế giới, ai cũng có thể là mục tiêu của bạo động. Nhà lãnh đạo Đan Mạch khẳng định rằng tự do tư tưởng và tự do báo chí là nền tảng của dân chủ, nhưng tự do bày tỏ cần phải được thực hành theo cách tôn trọng tín ngưỡng của người khác.

Tại London, Thủ Tướng Tony Blair hi vọng rằng tiếng nói của đa số tín đồ Hồi Giáo ôn hòa không bị lấn lướt - ông nói "Rõ ràng là các cộng đồng Hồi Giáo khắp thế giới ghét khủng

bố, cũng không ủng hộ những kẻ kích động bạo lực hay vinh danh chủ nghĩa khủng bố."

Ông Kmeleddin Ihsanoglu, Tổng Thư Ký tổ chức Nghị Hội Hồi Giáo (OIC) tuyên bố trước khi bạo động bùng nổ trên đường phố rằng nên phản ứng theo cách văn minh với hí họa về tiên tri Mohammad. Ông giải thích rằng cần phân biệt tẩy chay và biểu tình ôn hòa là những phản ứng có thể chấp nhận được, nhưng bạo động là bất thường.

Tại Jakarta, chính phủ và các nhà lãnh đạo Hồi Giáo tại Indonesia hô hào các nhóm biểu tình phản đối hí họa về tiên tri Mohammad chớ để các cuộc tụ họp biến thành mất kiểm soát. Theo ngoại trưởng Hassan Wirajuda nói các nhóm cực đoan có thể lợi dụng cơ hội để gây căng thẳng giữa các tôn giáo.

Tại Afghanistan, đặc biệt thủ đô Kabul, các cuộc biểu tình đã gây nhiều phiền hà về giao thông nhưng đa số là ôn hòa. Tại các địa phương, cảnh sát đã bắn chết năm hay sáu người biểu tình, mưu toan tấn công một căn cứ quân sự Hoa Kỳ tại thị trấn Qalat ở miền nam. Hàng trăm người đã đốt xe và ném đá vào cảnh sát dù họ đã nổ súng chỉ thiên cảnh cáo — và sau đã quay súng nhắm đám biểu tình khi họ mưu toan tấn công căn cứ Hoa Kỳ. Ít nhất 10 người tại Aghanistan đã thiệt mạng quanh vụ phản đối tranh châm biếm nhà tiên tri Muhammad.

Tại Baghdad, phe Shiite ủng hộ việc phản đối ôn hòa, chỉ trích việc đốt phá các tòa đại sứ. Tại Palestine, trên 300 người đã vào trụ sở của đại diện EU (Âu châu) tại thành phố Hebron. Tại Kashmir, Bangladesh, Bosnia-Herzegovina và tại Thổ nhĩ kỳ, tín đồ Hồi giáo đã xuống đường.

Như vậy là các tín đồ Hồi giáo trên thế giới đã xuống đường phản đối các hí họa vẽ tiên tri Muhammed mang khăn có hình trái bom. Theo người Hồi giáo thì việc vẽ tranh tiên tri Muhammed là cấm kị.

Vậy tại sao có sự cách biệt giữa một bên là các nước Tây phương nơi mà tự do ngôn luận và báo chí là quan trọng tuyệt đối, và một bên là các nước Hồi giáo coi sự tự do ấy có thể như là phạm vào tín ngưỡng của họ?

Bối cảnh các nước Hồi giáo

Tại các xứ Hồi giáo khi viếng các đền thờ Hồi giáo ta không bao giờ thấy hình ảnh, tượng của tiên tri Muhammad, khác với các tôn giáo như Phật, Ấn Độ, Thiên Chúa chỗ nào cũng nhiều tượng, nhiều hình ảnh. Hồi giáo không thờ tượng mà duy nhất chỉ có mấy chữ "Allah — Ông Trời." Bàn thờ chỉ được viết chữ mà thôi, vẽ hình là phạm thượng.

Trong nhiều thế kỷ, văn hóa Hồi giáo rất phồn thịnh. Nhiều môn toán học, một số lâu đài hay kiến trúc tại các nước Âu châu và Trung Á hiện nay là do văn hóa Ả Rập hay Hồi giáo. Qua việc xâm chiếm hay trao đổi thương mại, ảnh hưởng Hồi giáo - Ả rập đã lan tràn từ Trung đông sang Âu châu qua Bắc Phi, qua Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ theo vùng ven biển Đại Trung Hải — Bosnia, Kosovo, v.v. Có khi Hồi giáo đã tiến chiếm đến Áo và đã có nhiều tranh chấp giữa Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. Ảnh hưởng Ả Rập và Hồi giáo đã bị ngăn chặn tại Pháp. Tại Á châu Hồi giáo đã mở ảnh hưởng lên miền Bắc qua các nước Trung Á (Uzbekistan, Tajikistan, Tân Cương) tại phía Nam qua các việc trao đổi thương mại với Malaysia, Indonesia, tại Việt Nam qua vương quốc Chàm.

Trong hai thế kỷ gần đây văn hóa và ảnh hưởng Hồi giáo đã biến đổi với sự suy đồi của vương quốc Thổ Nhĩ Kỳ và của các nước Ả rập trước sức mạnh quân sự của Tây phương, Anh-Pháp xâm chiếm vùng Trung Đông làm thuộc địa. Đa số biên giới các nước Trung Đông là hậu quả của thời thuộc địa do Anh và Pháp xâm chiếm vẽ ra. Gần đây với vụ gây dựng Israel sau đệ nhị thế chiến vào 1947 đã gây nhiều bất công cho dân Palestine. Việc các nước Tây phương nhất là Mỹ ủng hộ và nghiêng hẳn về Israel đã gây nhiều phẫn nộ. Và phẫn nộ tiếp tục với việc Mỹ xâm chiếm Irak mà cuối cùng đã không tìm thấy những vũ khí hủy diệt hàng loạt. Khác với vụ Kuwait dưới thời TT Bush cha, không có nước A rập nào tham chiến với Mỹ.

Hiện nay dân chúng các nước Ả rập hay Hồi giáo ít có dân chủ, học vấn thấp (tại Afghanistan 40% biết đọc và biết viết), dân chúng tin là các chính phủ có thể can thiệp và phạt báo chí đi "sai đường lối," và còn nhiều phe quá khích, cực đoan, hơi chút là đòi giết, đòi chém đầu. Tại đây các "giáo sĩ" trình độ học không quá lớp 6, chỉ biết học thuộc lòng kinh Koran mà không qua một lớp chính quy nào cả. Tại Indonesia thì dân chúng có mức hiểu biết tuy cao hơn nhưng nhìn chung thì trình độ học thức và hiểu biết còn thấp, các giáo sĩ cũng ít học,

nhưng tình trạng ở đây khá hơn vì có sự phân chia rõ ràng giữa đạo và đời, quốc gia có luật lệ rõ ràng.

Trong bối cảnh này, việc bạo động trong các quốc gia Hồi giáo không có gì là lạ mặc dù các báo chí tại đây không đăng hí họa. Theo ông Zahor Afghan, biên tập tờ Erada, thì việc bạo động làm ông ngạc nhiên. Theo ông thì giới báo chí không hề đăng hí họa nhưng truyền nói. Tôi hỏi nếu một người trong gia đình anh làm lỗi anh có nên phạt cả gia đình hay không, thì anh ta nói là không. Vậy khi một tờ báo Đan Mạch vẽ hí họa tại sao lại đốt các sứ quán Đan Mạch? Đan Mạch là một nước có tự do tôn giáo, chấp nhận đa tôn giáo, hiền hòa và một nước viện trợ giúp cho các nước Hồi giáo kể cả Afghanistan nhiều nhất trên thế giới. Anh ta đòi hỏi chính phủ Đan Mạch trừng phạt báo chí làm

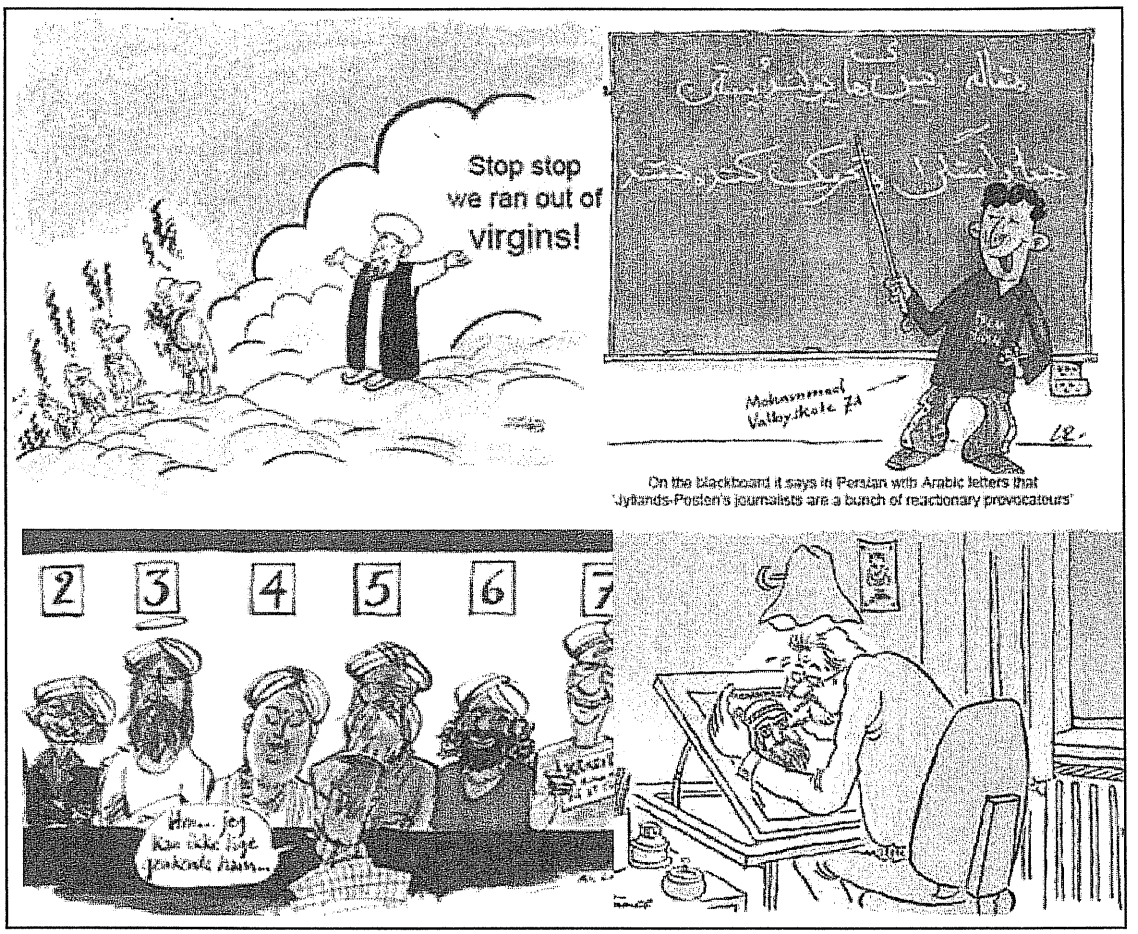

Một số các hí họa gây máu lửa

thanh nói về việc này. Nhiều người (Taliban — Pakistan) đã lợi dụng biến cố này xúi dục dân bạo động. Tại căn cứ Mỹ ở Qualat, hai người Pakistan bị bắt trong vụ bạo động. Họ muốn khích động tinh thần chống ngoại bang, chống tây phương để gây mất ổn định.

Hiện nay tôi đang làm việc tại Kabul, tôi có hỏi một anh người Afghanistan cùng sở về những tranh hí họa này, thì anh ta nói là rất phẫn nộ vì các hí họa chế diễu tiên tri Muhammad. Tôi hỏi anh ta có thấy hí họa hay không thì anh ta nói là chưa thấy nhưng nghe hí họa đó. Tôi cắt nghĩa là tại một nước dân chủ tự do, báo chí độc lập không ai được kiểm soát, kể cả chính phủ. Tôi cũng hỏi anh ta là khi Hồi giáo Taliban bắn phá các tượng Phật tại tỉnh Bahmian có ai ở Afghansitan phản đối hay không? Làm việc gì cũng cần ôn hòa và công bằng, phải có cái nhìn rộng rãi nhiều phía, chứ không thể chỉ biết có phần của mình. Bạo động phần lớn là do trình độ thấp kém, cái nhìn thế giới chật hẹp hạn chế. Người mà tôi nói chuyện đã có bằng Đại học, làm việc ở một cơ quan trung ương của chính phủ, mà sự hiểu biết

về dân chủ và quyền tự do báo chí còn lờ mờ như vậy, huống hồ đám quần chúng đông đảo thiếu học!

Tại các nước tây phương thì sao?

Tại Âu châu nhiều tờ báo Pháp, trong đó có Le Monde, Liberation và France-Soir, tại Ý có tờ Correa della Serra đã đăng các bức hí hoạ để bày tỏ sự đoàn kết với tờ Jyllands-Posten của Đan Mạch. Họ cho là không thể chấp nhận bị kiểm sóat tự do ngôn luận, đe dọa tự do báo chí.

Tờ tuần báo Charlie Hebdo một tờ báo chuyên về hí họa, nuôi dưỡng tính trào phúng trong dân chúng tại Pháp, khi đăng lại các hí họa đã cho là "Khi những kẻ quá khích bòn rút sự nhượng bộ của các nền dân chủ, cho dù bằng lời đe dọa hay hành động khủng bố, những nền dân chủ sẽ không lùi bước" như biên tập viên Philippe Val viết. Nhiều báo tại Tân Tây Lan và các nước khác cũng tải đăng vì tinh thần bảo vệ tự do báo chí.

Báo chí Tây phương đòi hỏi tự do báo chí nhưng với tinh thần trách nhiệm.

Còn các chính phủ A rập thì sao?

Tại Afghanistan nhiều giáo sĩ kêu gọi dân chúng bình tĩnh, nên có tinh thần tha thứ, theo họ thì giống như tiên tri Muhammad vậy. Nhưng tại đây, truyền thông, tin tức và liên lạc còn là một một vấn đề, đa số dân chúng còn dựa vào các giáo sĩ ít học, ít hiểu biết, mỗi thứ Sáu giảng đạo cho họ tại các địa phương.

Nhiều "bàn tay lợi dụng nước đục thả câu" sách động gây rối như vụ phe Hồi giáo Sunny và Shiite tranh chấp tại thành phố Herat hay gây đổ máu tại Pakistan. Tranh chấp giữa hai phe Hồi giáo Sunny và Shiite cho thấy vấn đề tín ngưỡng ở đây rất phức tạp.

Nhiều nước A rập như A rập Saudi, Jordan, v.v. cũng ủng hộ thái độ ôn hòa - không dùng bạo lực phản đối, đốt phá tài sản. Các giáo sĩ cũng kêu gọi bình tĩnh sau khi các vụ xuống đường vượt khỏi tầm tay kiểm sóat của các chính phủ.

Liệu đây có phải là một cuộc va chạm văn hóa?

Vào thế kỷ 13-14 giáo hội Công giáo đã chi phối đời sống tại Âu châu. Lịch sử cho thấy là tín ngưỡng và khoa học là hai điều khác nhau và vì vậy tổ chức xã hội Âu châu đã tiến từ chỗ tín ngưỡng hoàn toàn chi phối đời sống đến chỗ chia cách đời và đạo. Ngày nay tôn giáo đã có một chỗ đứng riêng, ngoài chính quyền.

Hiện nay tình trạng tại các nước Hồi giáo không mấy khác Âu châu vào thế kỷ 13-14. Hiểu biết đời và đạo lẫn lộn. Tình hình đó gây nhiều khó khăn cho nền chính trị tại Trung đông. Thêm vào đó, các nước Hồi giáo thấy Mỹ thiên vị Israel, không công bằng với Palestine đang bị đè nén.

Trong bối cảnh đó, tại Washington DC thì bà Ngoại trưởng Rice tố cáo Syria và Iran đổ thêm dầu vào lửa và đã có nhiều âm mưu gây khó khăn cho Mỹ. Syria trả lời sở dĩ có tinh thần chống Mỹ tại Trung đông là vì Mỹ chiếm Irak và những gì đang xẩy ra tại Palestine, khi Israel được sự hỗ trợ của Mỹ chiếm đất của người Palestine. Iran thì cho rằng dù không có vấn đề nguyên tử của nước này thì dân Hồi giáo vẫn phản đối Mỹ, chương trình nguyên tử của Iran không liên quan gì đến việc này.

Tại Afghanistan, phát ngôn viên Mỹ cho biết Mỹ đang tìm hiểu việc có thể có các tổ chức quá khích đã xuí dục dân bạo động hay không, mặc dù các giáo sĩ vẫn kêu gọi chỉ nên phản đối một cách ôn hòa. Nhiều người cho là các vụ xuống đường chống biếm họa bị lợi dụng gây rối đi đến chỗ chống Mỹ (mà thực ra Mỹ không dính gì vào việc này). Một số các vụ đổ máu đã xảy ra tại các căn cứ quân sự xa thủ đô Kabul.

Nhìn chung thì nguyên do khủng hoảng loại này không phải do va chạm văn hóa mà chủ yếu là do trình độ hiểu biết. Thế giới Hồi giáo dường như đã ngủ yên trong nhiều thế kỷ, khi thức tỉnh đã thấy thế giới tiến quá xa. Tại Afghanistan hiện nay không phải là đang sống vào năm 2006 cũng không phải là năm Bính Tuất, mà là năm 1384. Ở đây, đời và đạo còn dính liền với nhau. Nước Hồi giáo Afghanistan cần nâng cao trình độ giáo dục, để ra khỏi thời Trung cổ ngay giữa thế kỷ 21 này, dân chúng cần hiểu biết nhiều hơn để xã hội trở thành ôn hòa hơn, để biết chấp nhận sự khác biệt giữa Shiite và Sunny, giữa đạo và đời, và với các tôn giáo khác nữa.

Tại Afghanistan câu ngụ ngôn Pháp sau đây còn rất hợp thời: "Couleur et religion sont deux choses qui ne se discutent pas" — Màu sắc và tôn giáo là hai điều không nên bàn cãi tranh luận.

Viết từ Kabul, tháng Hai 2006.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
NHIỆM-KỲ BUSH II: NĂM ĐẦU ĐẦY KHÓ KHĂN

CỔ LŨY

Đầu năm mới chính-quyền của tổng-thống George W. Bush đã chấm-dứt năm đầu tiên trong nhiệm-kỳ thứ nhì; cuộc chiến của Mỹ ở Iraq, cuộc chiến gắn liền với chính-quyền mà nhiều nhà quan-sát chính-trị xem như sẽ định-nghĩa và đánh giá chính-quyền, cũng sắp bước vào năm thứ ba. Những khó-khăn của chính-quyền như tăng thêm với các vấn-đề trong nước (xin xem Hối-Mại Quyền-Thế Kiểu Mỹ, Thế-Kỷ 21 tháng Mười-một,2005, *cùng người viết) cùng các khủng-hoảng liên-hệ trực-tiếp đến chiến-tranh Iraq và mặt-trận "chống khủng-bố" rộng-lớn (xin xem* Nhiệm-Kỳ Bush II: Khủng-Hoảng Lớn Bắt Đầu, Thế-Kỷ 21, tháng Mười-hai, 2005, *cùng người viết). Những tin- tức khá phấn-khởi —dù là tạm thời— về mặt kinh-tế như bị chìm-đắm hay bỏ quên giữa những câu hỏi chính-trị dồn đến. Như trong một bi-kịch hay mối nhân-quả, những lợi-điểm chính-quyền rút từ hai cuộc chiến lớn và nhỏ nói trên như quay ngược lại biến thành những nhược-điểm có tác-động bất-lợi cho chính-quyền và đảng Cộng-hòa trong kỳ bầu-cử quốc-hội năm 2006 và bầu-cử tổng-thống năm 2008.*

Kỳ tổng-tuyển-cử năm 2004 cho ông Bush nhiệm-kỳ thứ hai và đảng Cộng-hòa đa-số lớn hơn trong hai viện quốc-hội. Bắt đầu nhiệm-kỳ năm 2005 tổng-thống hứa-hẹn những thay đổi lớn-lao; cố-vấn Karl Rove được tâng là kiến-trúc-sư đưa đến thành-công; các lãnh-tụ Cộng-hòa nghênh-ngang đầy tự-tín. Một năm sau: ông Rove đang bị điều tra tội hình, cố-vấn Lewis Libby đã từ-chức chờ ngày ra tòa, ông Tom DeLay, lãnh-tụ đa số hạ-viện bị mất chức và chờ ngày ra tòa vì tội "giặt tiền," ông Bill Frist, lãnh tụ đa-số thượng-viện đang bị điều-tra vì lem-nhem tiền bạc, tòa Nhà Trắng và nhiều nhân-vật trong khối đa-số Cộng-hòa ở Quốc-hội đang lo-sợ những phanh-phui về hối-mại quyền-thế dính dáng với tay lốp-bi gộc Jack Abramoff —đã nhận tội và bắt đầu nêu những tên tuổi quanh thủ-đô Hoa-Thịnh-Đốn (xin xem hai số Thế-Kỷ 21 nói trên).

Ông Bush bắt đầu nhiệm-kỳ hai với tham-vọng sửa-đổi tận gốc chương-trình An-sinh Xã-hội, viết lại nguyên hệ-thống thuế-khóa, bình-định chiến-trường Iraq, gia-tăng quyền-lực hành-pháp trong cuộc chiến chống khủng-bố —và cuối-cùng không thực-hiện được những tham vọng này, gây chia-rẽ trong đảng Cộng-hòa và bị mất ủng-hộ của dân-chúng. Tòa Nhà-Trắng cũng phải đương-đầu với những chỉ-trích rằng tổng-thống quá cô-lập, chỉ hiểu và nhìn thực-tế một chiều qua con mắt của một số cố-vấn thân-cận rất hạn-chế.

Từ năm 2003, với loạt bài về chính-quyền Bush và chiến-tranh chống khủng-bố cũng như cuộc xâm-chiếm Iraq người viết đã nhắc đến những hành-động và mầm-mống tác-hại của một chính-quyền chọn con đường đế-quốc huych-toẹt nhất trong lịch-sử Mỹ cận-đại. Với một ít bi-quan người viết từng quan-sát phản-ứng của dân-chúng Mỹ và thế-giới để nhận-xét những giới-hạn của tự-do dân-chủ Tây-phương, nhất là sau khi an-ninh của Hoa-Kỳ bị đe-dọa từ vụ Hồi-giáo quá-khích tấn công tháng Chín 2001.

Tổng-thống Bush và dân-chúng Mỹ nói chung thường lên tiếng chê-bai nhiều nước khác trên thế-giới thiếu dân-chủ tự do (đây cũng là một lý-do chính để chính-quyền xâm-lăng và chiếm-đóng Iraq). Khi làm chuyện chê-bai này, chính-quyền và dân-chúng như không để ý đến những đe-dọa an-ninh lớn-lao về chính-trị, quân-sự, kinh-tế và văn-hóa trực-tiếp trên mệnh nước và đời sống người dân qua cả thập-niên hay thế-kỷ —những đe-dọa thường hạn-chế tự-do dân-chủ. Nhưng với đe-dọa an-ninh đầu-tiên, một cuộc tấn-công "khủng-bố" tương-đối là nhỏ trên đất Mỹ (so với thiệt-hại vật chất và nhân-mạng ở các nước khác), chính-quyền đã thẳng tay gạt qua một bên những tự-do dân-chủ căn-bản có từ mấy trăm năm— và người Mỹ với tất cả những phương-tiện truyền-thông và giáo-dục hàng đầu trên thế-giới đã như không đủ khả-năng ngăn chính-quyền của mình làm chuyện này.

Bài sau đây nhìn lại năm đầu trong nhiệm-kỳ hai và cuộc chiếm-đóng Iraq gần ba năm của chính-quyền George W.Bush.

CỔ-LŨY

Năm năm vừa qua của chính quyền George W. Bush cho thấy chống khủng bố và việc Hoa-Kỳ xâm chiếm Iraq là "chính nghĩa" và lý do sống (raison d' être) của chính quyền George W. Bush sau bầu cử không ngay thẳng năm 2000 và đắc cử không mấy ngoạn mục năm 2004. Chống khủng bố và cuộc chiến Iraq, dù muốn dù không, thành cái định nghĩa cho chính quyền hiện nay và đưa đến những hệ quả địa dư chính trị lâu dài.

Loạt bài cùng người viết về chiến tranh của Hoa-Kỳ ở Iraq từ năm 2003 từng trình bày ba lý do chính chính quyền Bush đưa ra để xâm lăng và chiếm đóng Iraq. Ba lý do chính là: Iraq có vũ khí với tầm sát hại lớn (WMD, Weapons of Mass Destruction); liên hệ giữa tổng thống Iraq Saddam Hussein và khủng bố cuồng tín Al Quaeda, và nỗ lực "dân chủ hóa" Iraq cũng như vùng "Trung-Đông" của chính quyền Bush. Năm 2005 cuộc chiến toàn cầu và ở Iraq tiếp tục phần nổi bật trên chính trường Mỹ.

I. CHỐNG KHỦNG-BỐ VÀ IRAQ: CÁI GIÁ PHẢI TRẢ.

Gần ba năm sau cuộc chiếm đóng Iraq, ba lý do trên đã bị chứng minh bởi thực tế cũng như các điều tra, nghiên cứu của giới truyền thông quốc tế cũng như giới trí thức chuyên viên đại học là hoàn toàn sai lạc. Bên ngoài gần hai-phần-ba dân chúng nghĩ rằng chính quyền "cố tình lừa dối" ("intentionally misled") dư luận để đi vào Iraq. Những nhân vật chủ chốt cuộc chiến như tổng thống, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld, giới quân sự, tình báo, ngoại giao cũng phải công nhận sai lầm hoặc đổ lỗi lẫn nhau. Độc nhất còn lại là phó tổng thống Dick Cheney, và có lẽ một hai viện nghiên cứu bảo thủ vẫn khăng khăng nêu ba lý do trên làm cái cớ cho cuộc chiến.

Bước vào năm thứ tư cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố (G-WOT, Global War On Terrorism) ở A-Phú-Hãn (Afghanistan) hay cuộc chiến toàn cầu chống bạo hành cực đoan (G-SAVE, Global Struggle Against Violent Extremism, một cái tên thu ngắn gọn kiểu Mỹ; vì giới tôn giáo bảo thủ không bằng lòng lắm với tên này chính quyền phải đổi lại là G-WOT như cũ) và xiển dương dân chủ năm thứ ba ở Iraq kết quả xem ra không khả quan lắm với khủng bố gia tăng gấp bội ở hai nơi cũng như khắp thế giới. Bên cạnh đó có những cái giá cao chồng chất chính quyền phải trả vì những "sa lầy," nhất là ở Iraq.

A. Cái giá dễ thấy

Cái giá phải trả trước mắt là những chi tiêu tiền bạc (lấy từ thuế của người dân và công, kỹ, thương) ghê gớm ở hai mặt trận nóng A-Phú-Hãn và Iraq.

Cuối tháng Giêng 2006, tổng thống George W. Bush như thường lệ đọc diễn văn về tình hình liên bang trước quốc hội cùng dân chúng trong nước và thế giới. Về mặt G-WOT hay G-SAVE tổng thống không đưa ra những gì mới lạ, chỉ lập lại những lý luận và sự kiện cũ. Nhưng ông cũng khéo léo không nhắc nhở đến những chi phí quá mức lớn lao vào hai mặt trận. Ngay trong cùng tuần, hai ngày sau khi đọc diễn văn ông xin quốc hội thêm bẩy-mươi tỉ phụ trội cho cuộc chiến, đưa tổng số ngân sách ở hai mặt trận lên đến 120 tỉ đô-la cho tài khóa năm 2006—trung bình mười tỉ một tháng, mức chi tiêu kỷ lục sau vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín, 2001. Phần lớn số tiền này sẽ dùng vào mặt trận Iraq mà tổng số chi tiêu từ ba năm trước là 250 tỉ đô-la. Nếu kể thêm số chi tiêu ở A-Phú-Hãn từ 2001 tổng số lên đến 500 tỉ —gần bằng số chi tiêu trong 13 năm chiến tranh Mỹ ở Việt-Nam trước đây tính theo thời giá.

Mức chi tiêu lớn lao ghê gớm như trái ngược hẳn với kế hoạch giảm quân số Mỹ ở Iraq (vì áp lực của dân chúng và bầu cử cuối năm nay) trong những tháng tới —và, cũng như ở Việt-Nam trước đây, mức gia tăng chi tiêu này không có mục đích tái thiết mà chỉ nhằm vào trang bị quân cụ và an ninh binh sĩ Mỹ cũng như huấn luyện lính Iraq.

Mức gia tăng chi phí cũng trái ngược hẳn với những dự phóng chi tiêu chính quyền đưa ra dân chúng và quốc hội với mục đích lấy ủng hộ của dân chúng và thỏa thuận của quốc hội để xâm chiếm Iraq. Người ta còn nhớ cố vấn kinh tế cho tòa Nhà Trắng Lawrence Lindsey bị mất chức khi ông dự đoán, sáu tháng trước khi ông Bush ra lệnh xâm chiếm Iraq, rằng cuộc chiến tưởng là nhanh chóng sẽ phải cần từ một đến hai trăm tỉ. Và tướng tư lệnh lục quân Eric Shinseki cũng về hưu ở bộ quốc phòng vì dám dự đoán phải cần đến hàng trăm ngàn binh sĩ để xâm chiếm Iraq (tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld nói chỉ cần vài chục ngàn; quân số Mỹ và "liên minh"

hiện gồm khoảng 160 ngàn ở Iraq). Đầu mùa xuân 2003, trước khi xâm chiếm Iraq, những nhân vật cao cấp trong chính quyền trong đó phải kể thứ trưởng quốc phòng Paul Wolfwowitz, kiến trúc sư chính của cuộc xâm chiếm, cả quyết rằng số dầu dự trữ ở Iraq sẽ giúp nhiều vào việc giảm chi phí cho cuộc chiếm đóng lâu dài. Gần ba năm sau lợi tức dầu hỏa không thấy đâu, và ngay sau tổng tuyển cử cuối năm nhà nước Iraq ra lệnh tăng giá dầu nhớt người tiêu thụ Iraq phải trả lên hơn ba trăm phần trăm, gây thêm khó khăn và phản đối từ phía người dân vốn đã khốn đốn vì thiếu ổn định an ninh và kinh tế.

Con số bẩy-mươi tỉ sẽ được cộng thêm vào số năm-mươi tỉ đã chấp thuận cho Iraq và A-Phú-Hãn năm 2006, đẩy tới tổng số chi tiêu chưa từng thấy. Nhiều người chỉ trích lối xin tiền quá mức cho ngân sách năm nay, với lý luận rằng bộ quốc phòng cố ý xin nhiều tiền hơn mức cần thiết năm nay để tài khóa năm sau có thể xin ít tiền hơn, và từ đó chứng minh là có tiến bộ ở hai chiến trường nên cần ít ngân sách hơn. Chính quyền cũng áp dụng trò chơi con số này vào các dự phóng kinh tế: bằng cách dự phóng lợi tức nhà nước thấp, rồi sau đó đưa ra con số lợi tức thu vào cao hơn mức dự phóng nhà nước có thể "chứng minh" là kinh tế đi lên rất mạnh.

Hai giáo sư Linda Bilmes, thuộc viện đại học Harvard và nguyên thứ trưởng bộ Thương-mại, và Joseph Stiglitz, thuộc viện đại học Columbia và giải Nobel kinh tế năm 2001, nhận xét chi phí chiến tranh G-WOT hay G-SAVE lớn lao nói trên thật ra chỉ là phần nhỏ nhú trên mặt nước của một băng sơn khổng lồ nằm phía dưới. Chính quyền chỉ đưa ra con số chi phí nhìn thấy hiện nay trên chiến trường mà không kể đến những chi phí hàng thập niên sau khi chiến tranh chấm dứt. Những chi phí này bao gồm dịch vụ y tế suốt đời và lợi tức tàn tật cho cựu chiến binh và dịch vụ đặc biệt toàn thời gian cho con số gần mười-sáu ngàn rưỡi binh sĩ (tính đến nay) bị tật nguyền nặng. Đây cũng không kể chi phí thay thế chiến cụ (gấp năm lần thời bình) và những khoản tiền thưởng lớn lao và những lợi nhuận khác để cựu quân nhân chịu tái đăng ký. Trên hết cả, vì chính quyền tài trợ chiến tranh bằng tiền đi vay quá số tiền vay thường lệ (phần lớn từ nước ngoài như Trung-Hoa, Nhật-Bản và Âu châu), số phân lời phải trả lên rất cao.

Hai giáo sư kinh tế cũng nhìn sang cái giá phải trả về mặt kinh tế và xã hội. Giá kinh tế thật cho thương vong dân sự (trung bình là sáu triệu đô-la) cao gấp bội giá chính quyền trả cho binh sĩ thương vong (nửa triệu). Khoảng bốn-mươi phần trăm binh sĩ trong hai cuộc chiến hiện nay lấy từ các đơn vị Vệ-binh Quốc-gia (National Guards) và Trừ-bị (Reserve) bán thời gian hay ít hơn nữa. Khi thành binh sĩ toàn thời gian lợi tức những binh sĩ này nhận được ("lương lính," từ chính phủ trả) rất là thấp so với lợi tức họ kiếm được trước đây trong công việc dân sự (trước khi bị động viên toàn thời gian). Những "lính mới" này đều nhận lợi nhuận thấp hơn trước gấp bội, ảnh hưởng trực tiếp vào cá nhân, gia đình và kinh tế quốc gia nói chung. Rộng hơn nữa,vì chiến tranh đi cùng với bất ổn thế giới, giá cả nhiên liệu cũng gia tăng gấp bội, ảnh hưởng dây chuyền vào mọi hoạt động kinh tế trong nước. Bao gồm tất cả, tổng số chi phí cho cuộc chiến lên tới hai tỉ tỉ đô-la.

Con số chi phí cao đến mức độ hai tỉ tỉ này khiến hai nhà kinh tế đặt ra nhiều câu hỏi. Thứ nhất, con số này khác hẳn những con số tòa Nhà Trắng đưa ra trước chiến tranh. Cố vấn kinh tế Lindsey nói trên đưa con số chi phí tới mức hai trăm triệu và rồi bị mất chức vì nó "quá cao." Chi phí tổng thống đưa ra cho toàn cuộc chiến là sáu-mươi triệu. Tại sao ước lượng quá thấp đến vậy? Ở khắp tất cả cơ quan khác trong chính quyền mọi dự án, kế hoạch đều có phân tích lợi và hại (cost-benefit analysis). Cuộc chiến ở Iraq là cuộc chiến có chọn lựa tính toán, một "dự án" vĩ đại, nhưng nay dân chúng mới vỡ nhẽ ra là chính quyền không có tính toán phân tích về chi phí thật sự, mà chỉ đưa ra bề ngoài lạc quan để chính quyền dễ đạt thỏa thuận của dân chúng và quốc hội cho xâm chiếm Iraq. Thứ hai, lẽ ra chính quyền phải sửa soạn cuộc chiến cẩn thận hơn để có thể bảo vệ tính mạng binh sĩ tốt hơn và làm giảm số chi tiêu. Một nghiên cứu của bộ quốc phòng sau này cho thấy nếu binh sĩ được trang bị áo giáp tốt hơn ngay từ đầu, số thương vong đã xuống thấp hơn con số gần hai ngàn rưỡi và mười-sáu ngàn nói trên, và đã bớt được chi phí lớn lao cũng như thảm kịch cho bao gia đình.

Thứ ba, câu hỏi căn bản nhất là chính quyền có cần phải tấn công Iraq và chi phí như trong ba năm qua không? Nhìn lại giai đoạn trước khi tấn công Iraq có rất ít lý do để tấn công ngay, và nhiều lý do để đi chậm lại. Chính sách *đe dọa sử dụng vũ lực của chính quyền* có hiệu lực làm cho Iraq

phải để các thanh tra vũ khí thuộc Liên-Hiệp-Quốc trở lại Iraq để kiểm soát vũ khí WMD như chính quyền rêu rao nói trên. Các thanh tra LHQ nói họ chỉ cần thời gian ngắn để hoàn tất cuộc kiểm soát. Nhiều đồng minh chặt chẽ với Hoa-Kỳ, trong đó phải kể Pháp và Đức, kêu gọi Hoa-Kỳ huởn huởn chờ kết quả thanh tra vũ khí. Và trên hết không có lý do chính đáng nào để xâm chiếm Iraq —như sau này giới truyền thông mới cho biết, và chính quyền chịu nhận— khi "sự thật" về tin tức về WMD và liên hệ giữa Saddam Hussein và khủng bố Al Qaeda dựa trên hai nhân vật đầu thú và các chính khách Iraq hoạt đầu hoàn toàn là sai lạc (Xin xem loạt bài về Iraq nói trên).

Từ những con số và sự kiện trên hai kinh tế gia đi đến kết luận: kinh tế Mỹ sẽ mạnh mẽ gấp bội nếu chính quyền đầu tư vào Hoa-Kỳ thay vì đầu tư vào Iraq và A-Phú-Hãn. Nếu chính quyền chịu đợi kết quả thanh tra WMD, thay vì ào ào đi vào Iraq như để biến đây thành chuyện đã rồi, kết quả thanh tra này có thể đã giúp chính quyền để dành cho quốc gia ít nhất là một tỉ tỉ đô-la —đủ để cải tổ và tài trợ chương trình An-sinh Xã-hội (hiện nay đi đến chỗ bế tắc khủng hoảng) một-trăm-năm-mươi năm nữa.

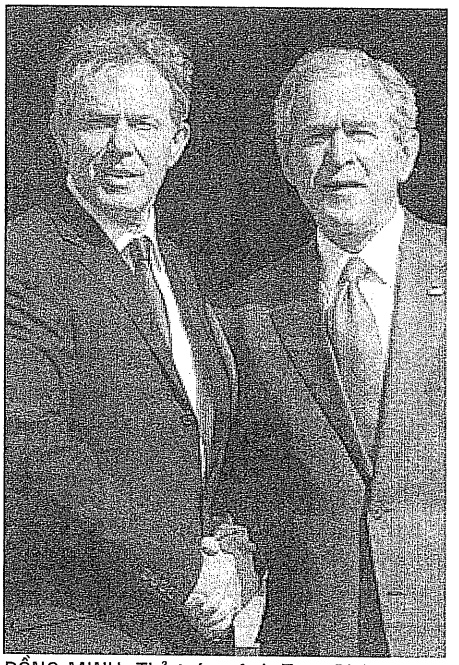

ĐỒNG-MINH: Thủ-tướng Anh Tony Blair và Tổng-thống Bush tại Hoa-Thịnh-Đốn ngày 31 tháng Giêng bàn-định cách xâm-chiếm Iraq.

B. Kết quả hơn bốn năm chống khủng bố

Với cái giá phải trả trên, những thành quả gì đã đạt được từ cuối năm 2001, khi chính quyền tung ra cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu? Có rất nhiều tin tức, báo cáo và giải thích từ mọi nơi mọi phía, và từ khắp mọi cấp bực. Nhưng khác với cái nhìn lạc quan lạ lùng từ phía phó tổng thống Dick Cheney rằng "khủng bố đang rẫy chết," nhìn chung và rõ rệt nhất là khủng bố không thuyên giảm mà lại gia tăng. Sau bầu cử tổng thống ở A-Phú-Hãn, mức độ khủng bố gia tăng khiến các báo cáo về thiệt hại chiến trường phải đều đặn bao gồm danh sách binh sĩ Mỹ thương vong hàng tuần ở đây, và các lãnh chúa sứ quân (nay đều có danh hiệu tướng, tá hay tổng, bộ trưởng trong chính quyền Hamid Karzai) đẩy mạnh sản xuất và xuất cảng thuốc phiện và heroin đến mức A-Phú-Hãn chính thức trở thành một nước độc dược ma túy (narco state) hàng đầu như nước Colombia (Nam Mỹ) trước đây. Ở Iraq từ mùa hè qua với hiến pháp mới và tổng tuyển cử "thành công" cuối năm trung bình mỗi tháng có tới hai ngàn vụ tấn công khủng bố, một ngàn người Iraq và hàng chục binh sĩ Mỹ thương vong; số binh sĩ Mỹ thương vong năm qua đã gia tăng gấp đôi số thương vong năm 2004. Giới quan sát quân sự xác nhận nội chiến đã thành hình giữa dân quân nổi dậy phần lớn là Sunni, với trợ lực của các thánh chiến sĩ (Jihadist) và "khủng bố" từ ngoài Iraq tới tham chiến, và lực lượng an ninh nằm trong tay phái Shiite. Ở phía bắc Iraq, người Kurd rất thành công trong kỳ bầu cử (dù chỉ chiếm hai-mươi phần trăm dân số Iraq) đang ráo riết đòi tự trị. Trong tám lần liên tục thăm dò dư luận dân chúng của viện Gallup Poll năm qua, năm-mươi-bốn phần trăm người Mỹ nghĩ rằng đi vào Iraq là sai lầm hoàn toàn.

Theo phân tích thẩm quyền của ông Oliver Roy, một chuyên gia về Hồi giáo và khủng bố với nghiên cứu mới nhất, *Globalized Islam: The Search for a New Ummah*, kết quả không khả quan lắm. Ông Roy viết, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của chính quyền Bush định là một đáp ứng với một đe dọa toàn cầu với ba mục tiêu chiến lược rõ rệt. Mục tiêu quan trọng nhất là tiêu diệt Al Qaeda và ngăn ngừa mạng lưới khủng bố này dựng lại địa bàn trốn lánh ở bất cứ nơi nào. Từ đây chính quyền thấy cần phải chiếm đóng lãnh thổ và thiết lập những chế độ dân chủ và thân thiện với Hoa-Kỳ có khả năng bền vững. Cho đến nay mục tiêu này chưa đạt được.

Hai chính quyền "dân chủ" ở A-Phú-Hãn và Iraq không tồn tại nổi nếu không có hỗ trợ quân sự trực tiếp của Hoa-Kỳ,và do đó lực lượng Mỹ

phải trải mỏng ra đến mức nguy hiểm ở cả hai nơi —và từ đây không thể nghĩ đến chuyện sử dụng vũ lực ở Bắc Hàn (nơi đã có WMD) và Ba-Tư (Iran, nơi sắp có WMD). Những khó khăn và bất ổn chính trị nội tại cũng như toàn vùng là nhược điểm đe dọa hai chính quyền "dân chủ." Trong khi đó Al Qaeda đã rất linh động về mặt địa dư: tổ chức không có bản doanh, không có quân đội chính thức, không cương lĩnh ngoài mục tiêu chung của Hồi-giáo cực đoan là chống đối hệ thống kinh tế và văn hóa, giá trị Tây phương bằng vũ khí của người bị đối thủ lớn mạnh gấp bội đe dọa—khủng bố và chiến tranh du kích. Những chiến dịch quân sự Mỹ cho đến nay chưa tiêu diệt được các nơi trốn lánh ở ngay Hồi-Quốc (Pakistan) hoặc các lãnh tụ khủng bố quan trọng; ngược lại, chính quyền Bush đẩy nhiều người Hồi giáo ôn hòa đi về hướng cực đoan và đưa ngọn cờ "chính nghĩa Jihad" vào tay những lãnh tụ như bin Laden, al Jawahiri và al Zarqawi. Hiện nay có hai trận chiến rõ rệt: một chống lại Al Qaeda, một chống quân nổi dậy ở Iraq; cả hai hầu như hoàn toàn độc lập với nhau. Những lý do chính quyền Bush đưa ra để xâm chiếm Iraq tan biến nhanh chóng khi không tìm thấy chút WMD nào, và khi liên hệ phối hợp giữa Saddam Hussein và Al Qaeda bị chứng minh là hoàn toàn sai lạc. Lý do thứ ba —mang dân chủ tự do đến "Trung Đông" như cách tốt nhất để tiêu diệt mầm mống khủng bố— biến thành một mục tiêu chiến lược đặt trên căn bản sai lầm cho rằng mầm mống khủng bố nằm ở vùng "Trung-Đông." Thành phần Al Qaeda cực đoan hoạt động ở Tây phương là người Hồi giáo đã Tây phương hóa, như khủng bố Hồi giáo ở Anh sống ngay ở Luân-Đôn, Đức, Hòa-Lan, Pháp, Bỉ, Tây-Ban-Nha, vân vân. Những thay đổi chính trị ở "Trung-Đông" không thay đổi lý do tại sao những người đã Tây phương hóa ngả hướng về thánh chiến. Dân chủ hóa là một con dao hai lưỡi: viễn tượng dân chủ hóa rất là xa xôi hoặc, nếu gần thì là chuyện hình thức bên ngoài thôi —có hiến pháp, có ứng cử, bầu cử không nhất thiết là có tự do dân chủ pháp trị. Tệ hơn nữa, bầu cử dân chủ rất có thể chính thức hóa quyền hành của tôn giáo hay "khủng bố," như giáo phái Shiite ở Iraq, Ba-Tư, Hamas ở Palestine mới đây, cũng như phong trào Muslim Brotherhood (Hamas và Al Qaeda bắt nguồn từ đây) một ngày gần đây ở Ai-Cập (Egypt), cũng như ở thành trì quân chủ mục rữa như Saudi Arabia.

Chính quyền Bush không đạt nổi mục tiêu thiết lập những chế độ dân chủ, ổn định và thân thiện với Hoa-Kỳ. Dù một chính quyền tương đối ổn định có thành hình ở Iraq sau kết quả bầu cử cuối năm 2005, ảnh hưởng tích cực đối với các láng giềng trong vùng cũng không đến mấy. Những xáo trộn, bạo hành chính trị ở Iraq ba năm qua làm băng hoại tiến trình dân chủ ở Syria, Ba-Tư và Saudi Arabia. Ở cả ba nơi này những thành phần cực đoan quá khích đang trên đà đi lên thay vì những người ôn hòa. Tệ hơn nữa, với áp lực trong nước mỗi ngày một lớn lao, thất vọng vì tình hình Iraq từ mùa Hè 2005 và gần bầu cử 2006, chính quyền Bush sẽ phải bằng mọi cách chứng minh kết quả không thực để giảm quân số chiến trường Iraq —nhưng mọi rút quân khỏi Iraq sẽ nâng cao thanh thế Al Qaeda, củng cố vai trò Ba-Tư trong vùng và gây nghi ngờ về cả quyết xiển dương dân chủ của chính quyền.

Mục tiêu chiến lược thứ ba của Hoa-Kỳ là tiêu diệt những nước đứng ngoài cộng đồng thế giới ủng hộ khủng bố và tìm cách phát triển vũ khí hạch nhân. Iraq với Saddam Hussein là một nước loại này; bên cạnh là Ba-Tư. Nhưng cuộc chiến ở A-Phú-Hãn và Iraq đã làm Hoa-Thịnh-Đốn mất khả năng "tính sổ" Ba-Tư (như tổng trưởng Rumsfeld nói trước đây) bằng quân sự. Hiện diện quân sự của Hoa-Kỳ ở Iraq ngay cạnh và A-Phú-Hãn không mấy xa không phải là đe dọa mà lại là một bảo đảm an toàn cho Ba-Tư. Tuy không thể nói chắc là Hoa-Thịnh-Đốn sẽ không tấn công quân sự (phó tổng thống Cheney, thường lầm lỳ đưa ra những giải thích "không tưởng" và giải pháp vô trách nhiệm, có gợi ý là không lực Do-Thái có thể làm chuyện này, tuy nhiên khả năng máy bay Hoa-Kỳ bán chuyển cho Do-Thái không bảo đảm thành công mỹ mãn; hơn nữa, nếu Do-Thái làm chuyện này hậu quả chính trị và quân sự ghê gớm khôn lường sẽ xảy ra), những nhì nhằng "sa lầy" ở Iraq cho Ba-Tư lối thoát hay ít nhất cũng là mua được thêm thời gian. Đồng thời Ba-Tư cũng hưởng lợi rất nhiều từ chính quyền Bush: chẳng cần động thủ và chịu thiệt hại nào Ba-Tư không còn phải lo ngại về hai kẻ thù lớn, Saddam Hussein ở Iraq và Taliban Ở A-Phú-Hãn; chính quyền sắp thành hình đúng kiểu "dân chủ" ở Iraq sẽ gồm đa số Hồi giáo Shiite, cùng giáo phái với người Ba-Tư và gồm những lãnh tụ từng lưu vong và được Ba-Tư cưu mang trước đây.

Các chuyên gia về ngoại giao ở châu Âu và

"Trung Đông" còn nhìn thấy mục tiêu chiến lược thứ tư trong cuộc chiến chống khủng bố của chính quyền Bush: kiểm soát sản xuất dầu hỏa. Nhưng chính quyền như không kiểm soát nổi những vùng sản xuất dầu ở Iraq hiện nay, một phần vì an ninh nhưng phần chính là thị trường, chứ không phải chủ quyền nguồn dầu, quyết định giá cả trên thế giới. Nhưng niềm tin rộng lớn trong thế giới A-Rập và Hồi giáo nói chung (đại đa số thuộc giáo phái Sunni) vẫn nghĩ rằng mục tiêu thật sự của chính quyền Bush là lấy các vùng sản xuất dầu của người Sunni Iraq (khoảng hai-mươi phần trăm ở Iraq) và trao vào tay người Hồi giáo Shiite (khoảng sáu-mươi phần trăm ở Iraq) trong một cộng tác với Ba-Tư (đại đa số là người Shiite). Dù đúng hay sai niềm tin này là yếu tố kết chặt người A-Rập chống đế quốc và phái Sunni truyền thống ở nhiều nơi, gồm cả chiến địa đẫm máu Falloujah, Ar Ramadi, Tal Afar thuộc tỉnh Al Anbar miền tây Iraq,hai nước Syria và Saudi Arabia bên cạnh.

Nhìn theo chiều hướng này ông Oliver Roy kết luận, một thành quả có thực và độc nhất của cuộc chiến chống khủng bố mà Hoa-Thịnh-Đốn không bao giờ nghĩ tới: đẩy "Trung Đông" lại thành một vùng bị chia cắt bởi chủng tộc và tôn giáo thay vì đi tới con đường "dân chủ."

II. "TỰ-SÁT": DÂN-QUYỀN VÀ TỰ-DO Ở HOA-KỲ NĂM QUA

Sau cuộc tấn công khủng bố Hoa-Kỳ tháng Chín 2001, trong cuộc phỏng vấn với truyền hình A-Rập Al Jazeera, Osama bin Laden có tuyên bố: những giá trị của văn hóa Tây phương dưới sự lãnh đạo của Hoa-Kỳ đã bị tiêu diệt. "Những đỉnh cao tượng trưng cho tự do, nhân quyền và nhân bản đã sụp đổ... Tôi cho biết trước, tự do và nhân quyền ở Hoa-Kỳ sẽ bị hủy diệt." Lúc bấy giờ nhiều người xem đây là tuyên truyền đầy kiêu căng hoặc những vọng ngôn; năm vừa qua cho thấy tuyên bố của bin Laden có vẻ gần sự thật.

Theo phân tích của giáo sư Faisal Devji (thuộc viện đại học New School University ở Nữu-Ước, và qua tập nghiên cứu mới nhất về thánh chiến Hồi giáo, *Landscapes of the Jihad: Militancy, Morality, Modernity*) cuộc tấn công nhằm vào Nữu-Ước và Hoa-Thịnh-Đốn tự chúng không mấy quan trọng đối với khủng bố thánh chiến. Theo bin Laden, quan trọng hơn là phản ứng, phương cách hành động đáp ứng với khủng bố: Tây phương sẽ tiêu diệt chính những tự do dân chủ của mình khi đương đầu với khủng bố. Al Qaeda không chỉ tấn công để làm tổn thương Hoa-Kỳ mà còn nhằm tiêu diệt những tự do dân chủ Tây phương lấy làm căn bản. Tiêu diệt cái bản chất Tây phương —bằng cách tiêu diệt những tự do dân chủ— sẽ cho thấy cái rỗng tuếch và giả hiệu của Tây phương. Oái oăm thay, để đạt mục tiêu này Hoa-Kỳ phải —trong đoản kỳ— trở thành hùng mạnh hơn chứ không phải yếu ớt đi, vì từ vị trí hùng mạnh này Hoa-Kỳ có thể dập tắt dân chủ tự do hữu hiệu hơn. Bin Laden tin rằng những thiệt hại vật chất cuộc tấn công gây ra là nhỏ bé so với những gì Hoa-Kỳ sẽ tự đặt để lên chính mình; và đây cho thấy những tính toán khá đơn giản: cuộc tấn công là một đầu tư tiên khởi vào những kinh hoàng tiếp theo— Tây phương sẽ tiêu diệt chính mình.

A. Những phát giác năm qua

Sau cuộc tấn công tháng Chín 2001, tổng thống Bush, và nhất là phó tổng thống Cheney, tổng trưởng Rumsfeld cùng giới lãnh đạo tân bảo thủ (néo-conservatives; xin xem loạt bài cùng người viết nói trên), nắm lấy cơ hội chống khủng bố G-WOT nhằm nâng cao và đặt quyền hành pháp lên trên hết —gạt tất cả quyền lập pháp, tư pháp và nhất là quyền thứ tư trong một xã hội dân chủ thực sự (báo chí và giới truyền thông nói chung) qua một bên. Đây chưa kể những lạm dụng về kinh tế, làm giầu vì chiến tranh, và hối mại quyền thế khi thiếu những nhánh quyền khác ngăn ngừa thăng bằng quyền lực nhà nước (checks and balances). Nhánh hành pháp có quá nhiều quyền lực và hành động ngoài luật pháp và hiến pháp đến nỗi chính quyền gần giống như một nước quân chủ và tổng thống Bush được gọi là "tổng thống vua chúa" (imperial president). Năm 2005, với những khó khăn quân sự, chính trị nan giải ở Iraq bao trùm lên chính quyền, những chất vấn và phát giác dồn dập đến từ phía công luận, giới truyền thông, lập pháp và tư pháp.

Thứ nhất, giới truyền thông phát giác việc chính quyền bí mật nghe lén những giao thông liên lạc trong nước bằng điện thoại và điện tử (domestic spying, hay chính xác hơn là wiretapping, eavesdropping) trong nỗ lực "đào xới tin tức, tài liệu" ("data mining") trên dân chúng trong nước mà không có sự thỏa thuận của tư pháp. Đây là vi phạm rõ rệt quyền của người dân theo Tu-chính-án thứ Tư trong Hiến pháp Mỹ bảo vệ

dân chúng chống lại những dò xét, theo dõi và tịch thu nắm giữ bất hợp pháp bởi chính quyền (illegal "Search and Seizure") và những quyền riêng tư ("Privacy" rights) thiêng liêng. Nguyên cuối năm qua, nhật báo hàng đầu trong nước, tờ *New York Times* tung ra tin mật cho thấy tổng thống Bush có thể đã vi phạm luật pháp và hiến pháp quốc gia. Tin này được tung ra ngày 16 tháng Mười-hai vừa qua —rất là chậm vì tờ *Times* đã biết tin hơn cả năm trước mà không chịu đăng ngay, một phần thể theo lời yêu cầu của tòa Nhà Trắng. Nhiều người nghĩ việc đăng tin chậm này ảnh hưởng trực tiếp và sâu xa vào bầu cử tổng thống cuối năm 2004, vì ảnh hưởng bất lợi lớn lao của tin này có thể làm cho liên danh Bush-Cheney mất phiếu trong một cuộc tranh cử ngang ngửa sát nút. Tin này cho thấy tổng thống Bush đã cho phép Cơ-quan An-ninh Quốc-gia (National Security Agency, NSA, một cơ quan liên bang bí mật đến độ giới tình báo gọi nó là "NSA, No Such Agency" hoặc là "NSA, Not Saying Anything") theo dõi người sống trên đất Hoa-Kỳ mà không cần trát của một tòa án đặc biệt cho phép chuyện này. Việc tổng thống cho phép này đã làm quốc hội và giới bảo vệ quyền riêng tư của người dân phản đối kịch liệt, vì tổng thống (hành pháp) đã cố ý "qua mặt" luật FISA và tòa án liên bang có nhiệm vụ giám sát việc chính quyền theo dõi điều tra những hoạt động gián điệp và khủng bố.

Đi vào chi tiết hơn, dựa trên phỏng vấn những viên chức liên bang cao cấp tờ *Times* tìm ra là ngay sau vụ tấn công tháng Chín 2001, tổng thống Bush cho phép NSA đón chặn và theo dõi những liên lạc điện thoại và điện thư (e-mail) quốc tế. Theo luật FISA (Foreign Intelligence Surveillance Act, Luật Theo-dõi Tình-báo Hải-ngoại, năm 1978) chính quyền có thể đón chặn và theo dõi những liên lạc này bởi người ngoại quốc và từ nước ngoài vào đất Mỹ. Nếu những liên lạc này xảy ra trong đất Mỹ hay từ người trên đất Mỹ ra ngoài chính quyền chỉ được phép ngăn chặn theo dõi, hay "nghe lén, đọc lén," sau khi tòa án FISA cho trát (phép) làm chuyện này. Vi phạm của chính quyền là đã cố ý nghe lén, đọc lén người trong nước mà không có phép của tòa án FISA, và vi phạm quyền riêng tư cũng như quyền từ Tu-chính-án thứ Tư của người sống trên đất Mỹ rất thiêng liêng trong hiến pháp — mà tổng thống phải thề tôn trọng và bảo vệ khi nhậm chức. Về mặt pháp lý đây là những vi phạm cực kỳ nghiêm trọng có thể đưa đến việc giải nhiệm (impeachment) tổng thống; nạn nhân của những vi phạm này có thể lật ngược những buộc tội nặng nề của chính quyền, vì phương cách lấy bằng chứng buộc tội họ vi phạm luật pháp hoặc hiến pháp (nhiều người sống ở Hoa-Kỳ bị buộc tội khủng bố có bằng chứng hẳn hoi đang chống án trên căn bản này và có hy vọng trắng án).

Vì mức độ nghiêm trọng của những vi phạm rõ rệt và khó bào chữa được, ngày 17 tháng Mười-hai, một ngày sau khi tờ *Times* đăng tin, tổng thống Bush phải xác nhận chương trình theo dõi "nghe lén" có thực, nhưng vì thiếu căn bản pháp lý bào chữa cho chương trình ông lại lôi "con ngáo ộp" (boogey man) khủng bố đe dọa dân Mỹ, đất Mỹ để biện minh cho hành động của mình, và để tung hỏa mù đánh lạc dư luận đại đa số dân chúng không theo dõi và hiểu biết tin tức. Thứ nhất, không ai đặt câu hỏi về trách nhiệm của tổng thống chống khủng bố để bảo vệ đất Mỹ, dân Mỹ; chính luật FISA là căn bản pháp lý cho những hành động cần thiết. Vi phạm luật pháp và hiến pháp xảy ra khi, trái với luật FISA, chính quyền "nghe lén" người trong nội địa Mỹ mà không có trát tòa án FISA. Tòa án FISA bí mật gồm mười-một quan tòa (một quan tòa FISA đã từ chức ngay tức khắc để phản đối thái độ coi thường tư pháp và hiến pháp của tổng thống), mở cửa hoạt động không ngừng 24 tiếng một ngày và bảy ngày một tuần. Chính quyền có thể lấy trát tòa bất cứ lúc nào; nếu khẩn cấp quá, chính quyền có thể hành động ngay và xin trát tòa sau (trong vòng 72 tiếng đồng hồ). Tính theo con số, đã có hơn mười-tám ngàn trát tòa FISA cấp phát ngay cho chính quyền để "nghe lén" trong nước, với chỉ có bốn trường hợp quá quắt bị từ chối. Những con số trên cho thấy cả chục ngàn người (nếu không nói là cả trăm ngàn như nhiều giới quan sát cho biết, vì máy điện toán phải dò xét cả triệu liên lạc mới tìm ra một ít người khả nghi) đã bị nghe lén, theo dõi mà không có trát tòa FISA vì lệnh của tổng thống.

Người ta không rõ tại sao tổng thống quyết định vi phạm luật pháp và hiến pháp như nói trên khi việc xin trát tòa từ phía tư pháp vô cùng dễ dàng. Trong bối cảnh hồ hởi chống khủng bố chính quyền cũng rất dễ làm áp lực quốc hội thay đổi luật lệ cho phép hành pháp không phải xin trát tòa FISA; nhưng giới lập pháp (các ủy ban tư pháp và tình báo ở hai viện quốc hội) không hề nghe tổng thống nhắc nhở, đề nghị việc

này. Bị phản ứng mạnh từ phía giới truyền thông hướng dẫn dư luận dân chúng và giới lập pháp —gồm cả giới lãnh đạo cao cấp Cộng-hòa trong quốc hội— tổng thống đưa ra lý do: giới lập pháp đã chấp thuận cho NSA nghe lén trong nước mà không cần trát tòa khi, một tuần sau khủng bố tháng Chín 2001, quốc hội cho phép hành pháp sử dụng vũ lực để chống lại Al Qaeda. Quốc hội xác định đây là hai chuyện hoàn toàn không có liên hệ với nhau, và tổng thống đã hành động theo "ý ông hiểu" chứ không phải "ý định của quốc hội" khi cho phép dùng vũ lực chống khủng bố ("congressional intent," đại diện cho ý của dân chúng và cao trên hết). Ông Bush cũng nói thêm là lập pháp có được khuyến cáo về chuyện này, nhưng thực tế chỉ có tám người trong toàn thể quốc hội được điều trần —và tám nhân vật này không được nhắc lại cho ai biết cũng như không được ghi chép hay bàn tán gì cả.

"GIẢI-ĐỘC": Ngoại-trưởng Condoleezza Rice (với Thủ-tướng Đức Angela Merkel) giải-thích Hoa-Kỳ không chuyển tù-nhân ra nước ngoài để tra-tấn.

Tư pháp cũng được khuyến cáo, nhưng đã không chấp thuận việc nghe lén trái luật. Tháng Ba 2004, các viên chức cao cấp chính quyền phải vào tận nhà thương, nơi tổng trưởng tư pháp John Ashcroft đang được giải phẫu, để ép ông làm áp lực với thứ trưởng tư pháp James Comey và nhân vật thứ ba trong bộ Jack Goldsmith bỏ quyết định cấm chính quyền nghe lén bất hợp pháp. Ông Ashcroft từ chối, và cả ba nhân vật này đều rời bộ tư pháp không lâu sau đó. Nhưng tháng Tư 2004, ông Bush lại tuyên bố chắc nịch, "khi nói về săn đuổi khủng bố, chúng ta cũng nói phải có trát tòa trước khi làm chuyện này." Giữa tháng Hai 2006, Luật-sư-đoàn Hoa-Kỳ (ABA, American Bar Association) lên án việc ông Bush ra lệnh nghe lén người trong nước mà không có trát tòa, và buộc tội ông đi quá quyền lực hành pháp qui định rõ rệt trong hiến pháp Mỹ.

Nhiều nhà quan sát chính trị và giới truyền thông nhận xét rằng trong năm năm qua chính quyền Bush đã vi phạm luật pháp và hiến pháp rất nhiều lần với chiêu đề chống khủng bố và an ninh quốc gia (cũng như thắng cử 2004, và nắm được đa số hai viện trong quốc hội với chiêu đề này) mà chưa hề bị hậu quả gì. Có lẽ từ đây đưa đến thái độ kiêu căng vì quyền lực (arrogance of power), đứng trên luật pháp và công luận quốc gia cũng như quốc tế, coi thường những định chế và phương cách cư xử hợp hiến và hợp pháp trong nếp sống dân chủ tự do và bang giao quốc tế —có thể nói là những "tự sát" theo lời Bin Laden nói trên.

B. Những phát giác và phản đối

Phát giác và phản đối những vi phạm luật pháp và hiến pháp của chính quyền đều khởi từ giới truyền thông và báo chí nói riêng, trong đó phải kể những nhật báo hàng đầu như tờ *New York Times, Washington Post* và *Los Angeles Times*, với sự trợ lực can đảm của nhiều viên chức trong ba nhánh phân quyền nói trên. Trước hết là những phát giác và phản đối chính quyền vi phạm nhân quyền ngược đãi "tù nhân" tại Abu Ghraib ở Iraq, và căn cứ vịnh Guantanamo dưới quyền Hoa-Kỳ ở Cuba cả ba bốn năm nay mà không hề bị buộc tội gì. Từ mùa Hè năm qua, bắt đầu với những tố cáo bởi tổ chức nhân quyền Human Rights Watch, báo chí lại làm nổ bùng những vụ CIA và FBI liên tục vi phạm công pháp quốc tế bắt cóc công dân ở nước ngoài (điển hình là Abu Omar ở Ý bị chuyển cho Ai-Cập tra tấn, và Khaled Marsi ở Đức bị chuyển qua nhà tù CIA ở Macedonia rồi A-Phú-Hãn để tra tấn mấy tháng trời rồi sau bị vứt xuống vùng núi ở Albania không có thông hành và tiền bạc trong người; hai người Hồi giáo này đang kiện chính quyền Bush và các hãng hàng không liên hệ) và chuyển qua không phận và phi cảng có thỏa thuận của Anh, Đức, Ý, Ba-Lan đến các trung tâm hay nhà tù do CIA điều khiển ở quốc gia thứ ba như Ai-Cập, Jordan, Ma-

Rốc, A-Phú-Hãn, Hồi, Ba-Lan, Lỗ-Ma-Ni (Romania), Uzbekistan—và nhiều nước Đông-Âu khác vừa thoát ách cộng sản nghèo đói cần viện trợ cũng như thỏa thuận của Hoa-Kỳ cho vào tổ chức NATO. Các nước thiếu luật pháp này tha hồ tra-tấn dã man và lấy cung khai cho Hoa-Kỳ trong chương trình "Extraordinary Rendition," theo một văn thư mật của bộ quốc phòng ngày 17 tháng Ba, 2004 —văn thư này không bị luật sư của bộ quốc phòng và quan tòa liên bang ở Hoa-Thịnh-Đốn Rosemary Collyer phủ nhận trong vụ kháng án của mười-ba người Yemen bị bắt vì tình nghi khủng bố. "Extraordinary Rendition" đã xảy ra và tiếp tục, dù tháng Mười-một 2002 phân tích luật pháp của FBI đã kết luận rằng việc chuyển "tù nhân" kiểu này là cố ý qua mặt luật lệ Mỹ cấm tra tấn dã man —ngay cả bàn tính về chuyện này không thôi cũng mang tội hình.

Tuần lễ đầu tháng Mười-hai 2005, chính quyền Đức báo cáo có đến 430 chuyến bay của CIA qua không phận hay đến những căn cứ Mỹ ở Đức như phi trường Ramstein. Cuối năm 2005, tờ *Gazeta Wyborcza* ở Ba-Lan báo cáo nhiều máy bay Gulfstream (phản lực loại nhỏ, dành cho các nhân vật chính quyền cao cấp hoặc các công ty lớn) của CIA hoặc FBI hạ cánh xuống phi trường quân sự Szczytno-Szymany phía bắc Ba-Lan ít nhất năm lần từ tháng Mười-hai 2002. Máy bay Boeing 737 cỡ lớn thuộc CIA cũng đến phi trường trên năm 2003. Human Rights Watch tố cáo phi trường Kogalniceanu thuộc Lỗ-Ma-Ni gần Hắc Hải trước đây có thể là một nhà tù bí mật của CIA. Lỗ-Ma-Ni đang nộp đơn vào NATO nên rất kín đáo lo sợ tố giác này ảnh hưởng đến đơn xin của mình.

Tháng Mười-hai ngoại trưởng Condoleezza Rice phải làm chuyến Âu du để "giải độc" về những chuyện tờ *Washington Post* đưa ra về hệ thống nhà tù CIA ở Đông Âu cùng những nơi khác, và bằng cớ về "extraordinary rendition;" về tin của tờ *New York Times* nói rằng viên chức cao cấp Mỹ tin rằng những gì "khui" được từ Khalid Sheik Mohammed, một thành viên Al Qaeda, không thể dùng ở tòa án Mỹ vì đây là kết quả từ tra tấn, cũng như tin giả tạo nối Al Qaeda với Saddam Hussein, mà chính quyền dùng làm lý do xâm chiếm Iraq, "khui" được từ tay khủng bố Ibn Ay-Shaykh al-Libi bị bắt ở A-Phú-Hãn và chuyển cho Ai-Cập "thẩm vấn." Tờ *Post* cho thấy bà Rice tiếp tục biện luận rằng: "Chính sách Mỹ nói rằng thẩm vấn đúng phép phải phù hợp với Nghị quyết ở Geneva cấm tra tấn (cấm đối xử độc ác, vô nhân đạo và hạ nhân phẩm tù nhân)." Nhưng bà không giải thích định nghĩa của chính quyền Bush về "bổn phận của Hoa-Kỳ;" theo chính quyền "đối xử độc ác, vô nhân đạo và hạ nhân phẩm tù nhân" không bị ngăn cấm nếu những chuyện này xảy ra ngoài đất Mỹ. Ngay trên tờ *Wall Street Journal,* một tờ báo được xem là bảo thủ nòng cốt của "tư bản Mỹ," ông Abraham Sofaer, nguyên cố vấn luật pháp thuộc bộ ngoại giao dưới thời Cộng-hòa bảo thủ Ronald Reagan và tổng thống Bush bố, viết rõ rệt Nghị quyết Geneva cấm tra tấn "không cho phép bất cứ một ngoại lệ ngược đãi tù nhân nào, kể cả chiến tranh, bất ổn chính trị trong nước hoặc bất cứ tình trạng khẩn cấp nào... Nhận định rằng vì lối cư xử, hành động của kẻ thù trái luật đến độ mình có thể phát minh ra những ngoại lệ là một công thức đưa đến chủ quan và đứng ngoài luật pháp."

Giữa tháng Hai 2006, sau cuộc điều tra mười-tám tháng về gần năm trăm "tù nhân" bị giam cầm ở vịnh Guantanamo nói trên Ủy-hội Nhân-quyền Liên-Hiệp-Quốc đưa ra kết luận chính quyền Bush có những chính sách và hành động theo đúng định nghĩa pháp lý về tra tấn như buộc chặt người tuyệt thực phản đối vào ghế và nhồi nhét đồ ăn bằng ống nhựa qua lỗ mũi, giam cầm biệt lập dài hạn, những vi phạm tín ngưỡng, và nghi thức tôn giáo của tù nhân. Cuộc điều tra được dựa trên phỏng vấn với tù nhân đã được thả, tài liệu của chính quyền, báo cáo từ báo chí, các luật sư của tù nhân và một bản câu hỏi với trả lời từ chính quyền. Chính quyền cấm tuyệt các nhà điều tra LHQ không được liên lạc với tù nhân, nhưng khi báo cáo đi ra công luận phát ngôn viên bộ ngoại giao Mỹ tuyên bố báo cáo không dựa trên phỏng vấn tù nhân. Chính quyền tin rằng Hồng-Thập-Tự quốc tế là cơ quan hợp lý để đến Guantanamo quan sát, nhưng báo cáo của HTT lại không được công bố ra ngoài. Báo cáo của LHQ đòi Hoa-Kỳ đóng cửa trại tù ở Guantanamo, chấm dứt những cách thẩm vấn bộ quốc phòng Mỹ cho phép vì chúng vi phạm quyền được kết tội rõ ràng và ra tòa, tự do tôn giáo và tôn trọng thể xác, sức khỏe tinh thần của tù nhân. Ngoài ra LHQ còn khuyến cáo việc mang tù nhân về lãnh thổ Mỹ để xét xử đúng luật hiến pháp, và xem những lý do chính quyền Bush đưa ra để giam giữ họ vô hạn định là một

bóp méo công pháp quốc tế. Tổ chức nhân quyền Human Rights Watch năm qua cũng nêu danh chính quyền Bush là một trong những chính quyền vi phạm nhân quyền nghiêm trọng nhất.

Có lẽ nhận thức rằng giới truyền thông có ảnh hưởng đến dân chúng rất nhiều, chính quyền đã làm trò ngược hẳn tự do dân chủ ở Iraq, nơi mà chính quyền xâm chiếm để "xiển dương dân chủ tự do cho nguyên vùng Trung Đông." Cuối năm qua tờ *Los Angeles Times* khui ra thêm việc bộ quốc phòng ký giao kèo hai-mươi triệu đô-la với Lincoln Group, một công ty Mỹ mới lập ra năm 2003 ở Hoa-Thịnh-Đốn để gài tin vào báo chí Iraq. Những tài liệu đầy "phấn khởi" này do các "nhà báo" quân sự viết, được dịch sang tiếng Iraq, nhằm quảng bá những "tin tức" không có thực nhưng có lợi cho cuộc xâm chiếm. "Tin tức" được Lincoln Group chuyển đến báo chí Iraq; báo nào đăng sẽ nhận được tiền trả công. Ngoài Lincoln Group còn nhiều giao kèo khác nữa với báo chí và đài phát thanh Iraq mà bộ quốc phòng nói là "để ngang ngửa với giới truyền thông Hồi giáo," nhất là đài truyền hình vệ tinh tư nhân Al Jazeera có trụ sở ở Qatar và uy tín nhất trong thế giới Hồi giáo.

Ngày 22 tháng Mười-một vừa qua, tờ *Daily Mirror* ở Luân-Đôn (Anh) lại đưa ra tin rất phản dân chủ tự do về chính quyền Bush liên quan đến "Trung Đông." Tin này cho thấy một văn thư dài năm trang giấy trong đó tổng thống Bush muốn giội bom tiêu diệt tiếng nói của đài truyền hình nói trên —ở một nước đồng minh với Hoa-Kỳ— và thủ tướng Anh Tony Blair phải thuyết phục ông ngừng chuyện này lại. Văn thư mật này ghi nhận những trao đổi, bàn luận rất chi tiết giữa lãnh tụ hai nước trong tháng Tư 2004, khoảng một năm sau tấn công vào Iraq —một giai đoạn cực kỳ khó khăn vì những chống đối quyết liệt và đẫm máu ở đây, từ những nhóm nổi dậy mà cho đến nay Hoa-Kỳ chưa biết đích xác gồm những ai. Văn thư mật này được chuyển từ ông David Keogh, một viên chức chính quyền về truyền thông đến ông Anthony Clarke trong Nghị-viện Anh và bị lộ ra ngoài. Tòa Nhà Trắng tuyên bố không thèm trả lời vu khống này, nhưng chính quyền Tony Blair lại đe dọa nếu *Daily Mirror* công bố nội dung văn thư này, tờ báo sẽ bị xử tội vi phạm luật Bí-mật Quốc-gia ngăn cấm công khai hóa tin tức mật nhà nước. Tổng giám đốc Al Jazeera, ông Waddah Khanfar tuyên bố những phát ngôn ở hai thủ đô trên "không trả lời thỏa đáng những nghi vấn của Al Jazeera... và báo chí khắp thế giới... Các phát ngôn này chỉ làm gia tăng nghi ngờ và tin đồn khắp nơi." Năm 2001, văn phòng Al Jazzera ở Kabul, thủ đô A-Phú-Hãn, bị bom Mỹ nổ tung và năm 2003 phóng viên Al Jazeera bị bom Mỹ giết chết ở Baghdad, thủ đô Iraq. Trong cả hai trường hợp giội bom viên chức Mỹ đều phủ nhận tin Hoa-Kỳ nhắm triệt hạ Al Jazeera.

Cũng từ Luân-Đôn 2005, ông Philippe Sands, giáo sư công pháp quốc tế và một luật sư sáng lập tổ hợp luật sư uy tín Matrix (nơi phu nhân thủ tướng Blair làm việc), đưa ra một bằng cớ "tự sát" như Bin Laden nói nữa trong tập sách mới, *Lawless World* (tạm dịch, Một Thế-giới Vô Luật-Pháp —năm năm của chính quyền Bush). Tập sách này không viết hoàn toàn về quyết định xâm chiếm Iraq mà nhiều trường hợp khác trong đó chính quyền Bush, với thông đồng của chính quyền Blair, đã triệt hạ nguyên cả hệ thống định chế quốc tế "đặt căn bản trên luật pháp" mà Hoa-Kỳ và Anh đã cố xây dựng sau Thế chiến II. Ông Sands lý luận và chứng minh rằng Hoa-Kỳ và Anh đã có những hành động phá hoại các cột trụ của bang giao quốc tế như Hiến-chương LHQ, Tuyên-ngôn Nhân-quyền và Quyết-nghị Geneva về tù nhân. Ở một chương trong tập sách về hai ông Bush và Blair bàn cách xâm chiếm Iraq ngày 31 tháng Giêng, 2003 —biết chắc rằng không có đủ bằng cớ để thuyết phục Hội-đồng Bảo-an LHQ cho phép tấn công Iraq— ông Sands cho biết ông Bush đưa ra xảo thuật: sơn máy bay thám thính U-2 của Mỹ với dấu hiệu LHQ và bay vào không phận Iraq để "dụ" Iraq bắn hạ máy bay này và từ đây lấy được phép của LHQ tấn công Iraq. Phát giác này dựa theo văn thư quan trọng viết bởi ông David Manning, cố vấn an ninh của ông Blair bấy giờ và hiện nay là đại sứ Anh tại Hoa-Kỳ.

Những "tự sát" vì chiêu bài an ninh quốc gia nói trên chắc chắn sẽ tiếp tục. Mới đây trong hội nghị chiến lược của đảng, ông Karl Rove, phó đổng lý văn phòng phủ tổng thống, cố vấn uy tín nhất và "kiến trúc sư" sự nghiệp chính trị của ông Bush, lại đưa ra thông điệp "an ninh quốc gia/ chống khủng bố" làm khẩu hiệu tranh cử cuối năm 2006 và phương cách giữ đa số Cộng-hòa trong quốc hội. Nếu mất đa số về phía Dân-chủ, phe Cộng-hòa sẽ vô cùng vất vả chống đỡ nỗ lực giải nhiệm tổng thống Bush từ đây cho đến kỳ bầu cử tổng thống cuối năm 2008.

QUY NGƯỠNG ĐỨC DALAI LAMA THỨ MƯỜI BỐN

PHẠM CÔNG THIỆN

Đôi lời *- Năm nay, 2006, Đức Đạt Lai Lạt Ma đang sắp trở lại Pháp Quốc để giảng dạy về Giáo Lý Phật Giáo, đặc biệt về Tổ Sư Long Thọ và về Bồ Đề Tâm (Bodhicitta).*

Hội Phật giáo Tây Tạng của toàn thể nước Pháp có cho người đại diện liên lạc với tôi nhiều lần tại Mỹ và mời tôi nhận làm thông dịch cho Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Pháp; tôi phải từ chối, vì lúc này còn nhiều việc cần sự có mặt của tôi ở Mỹ; gần đây người đại diện ấy lại mời tôi viết một bài thực ngắn để giới thiệu Phật Giáo Tây Tạng và Đức Đạt Lai Lạt Ma cho cộng đồng Pháp Việt ở Pháp Quốc. Tôi liền viết ngay bằng tiếng Pháp, và sau đó dịch lại từ chữ Pháp sang chữ Việt.

Tôi xin gửi anh Phạm Phú Minh để tùy tiện sử dụng trong khuôn khổ Tạp chí Thế Kỷ XXI.

Phạm Công Thiện

California, Mỹ Quốc, ngày 21 tháng Hai, 2006

*

HOMMAGE À SA SAINTETÉ LE QUATORZIÈME DALAI LAMA

Tout l'enseignement du Bouddhisme Tibétain se tient et se retient dans un seul mot, mot unique, mat diaphane, mot-diamant, mot foudroyant: Bodhicitta.

Tout se tient au coeur du Possible et de la douleur immense du monde, d'une petite fleur qui se retient dans l'épanouissement fulgurant, dans la Demeurance de l'Être.

Et pourtant... tout se retient dans l'Essence de l'Éveil total, du Vide transfigurant, de la Plénitude rayonnante du Non-Être dans la Non-Demeurance de l'Esprit immémorial.

Bodhicitta? C'est le Coeur de l'Éveil suprême, du Non-Dual de tout ce qui vient, revient et advient, de tout ce qui arrive et n'arrive pas dans le Silence transparent de l'Impossible.

Bodhicitta? C'est la "parousie" de la Grande Compassion à l'égard de tout ce qui s'inquiète, souffre, se tourmente, cherche et recherche, se detruit, "s'emmerde" dans le Jeu perpétual de l'Enfer et du Paradis bien "poétique."

Bodhicitta? C'est le Vide, Mère de tout les Bouddhas, Essence de toute parole qui se retient dans un mot-soleil, dans un mot-lune: À...

Sa Sainteté la 14ème Dalai Lama est là, en face de toute l'humanité souffrante, et demeure toujours comme l'incarnation et la réincarnation épanouissante de la Grande Commpassion et de la Sagesse immarcessible qui fait irruption dans les ténèbres de cette Terre bien douloureuse.

PHẠM CÔNG THIỆN

California, USA, le 3 Février 2006

QUY NGƯỠNG ĐỨC DALAI LAMA THỨ MƯỜI BỐN

Tất cả giáo lý của Phật Giáo Tây Tạng nằm trọn vẹn và giữ lại trọn vẹn trong một chữ thôi, một chữ duy nhất, một chữ xuyên quang, chữ kim cương, chữ sấm sét: Bodhicitta.

Tất cả đứng lại giữa lòng của cái Có Thể (Khả Tính) và của cả niềm thống khổ mênh mông của thế giới, của một cái bông bé nhỏ còn khép nép giữ gìn bản thân mình trong sự đơm bông trọn vẹn tuyệt vời, trong chỗ ở của Tính Thể.

Dù thế... tất cả còn được giữ lại trong Thể Tính của sự Giác Ngộ viên mãn, của Không Tính, chuyển tướng và xuyên tướng, của sự tràn trề sung mãn rực ngời bừng chiếu của Vô Tự Tính trong cái vô sở trú của tâm thức bất vong, bất khả ức niệm.

Bodhicitta? Bồ Đề Tâm? ("Lòng Bồ Đề" – theo cách dịch của nhà thơ lớn nhất của dân tộc: Nguyễn Du). Lòng Bồ Đề là trái tim của Giác Ngộ Vô Thượng, của Bất Nhị trong tất cả những gì đang đến, trở về lại và sẽ đến, trong tất cả những gì xảy ra và không xảy ra giữa lòng Im Lặng lưu ly, trong sáng từ Bất Khả Tính.

Bodhicitta? Bồ Đề Tâm? Lòng Bồ Đề? Đây là sự hiện diện trọn vẹn rực ngời của lòng Đại Bi đối với tất cả chúng sinh lo âu, đau đớn, tự hành hạ, đi tìm và đi kiếm, rồi lại tìm kiếm nữa, tự hủy hoại hình hài sắc thân, hủy hoại tinh thần lý trí, tự quần quại vây bẩn trong trò chơi thường hằng của địa ngục và thiên đường quá "thơ mộng."

Bodhicitta? Bồ Đề Tâm? Lòng Bồ Đề? Đây là Không Tính, Mẹ của tất cả Chư Phật, Thể Tính của tất cả Tiếng Nói, của Ngôn Ngữ còn giữ lại trong một chữ-mặt-trời, trong một chữ-mặt-trăng: À...

Đức Dalai Lama thứ Mười Bốn đang có mặt hiện nay trước nhân loại đau khổ, và Ngài vẫn còn ở lại mãi mãi như hiện thân và hóa thân viên mãn của lòng Đại Bi và của Đại Trí Huệ bất tàn phai, đang đột nhập rực ngời trong đêm tối hoang vu của trái đất vô cùng sầu khổ.

PHẠM CÔNG THIỆN

California, USA, ngày 3 tháng 2 năm 2006

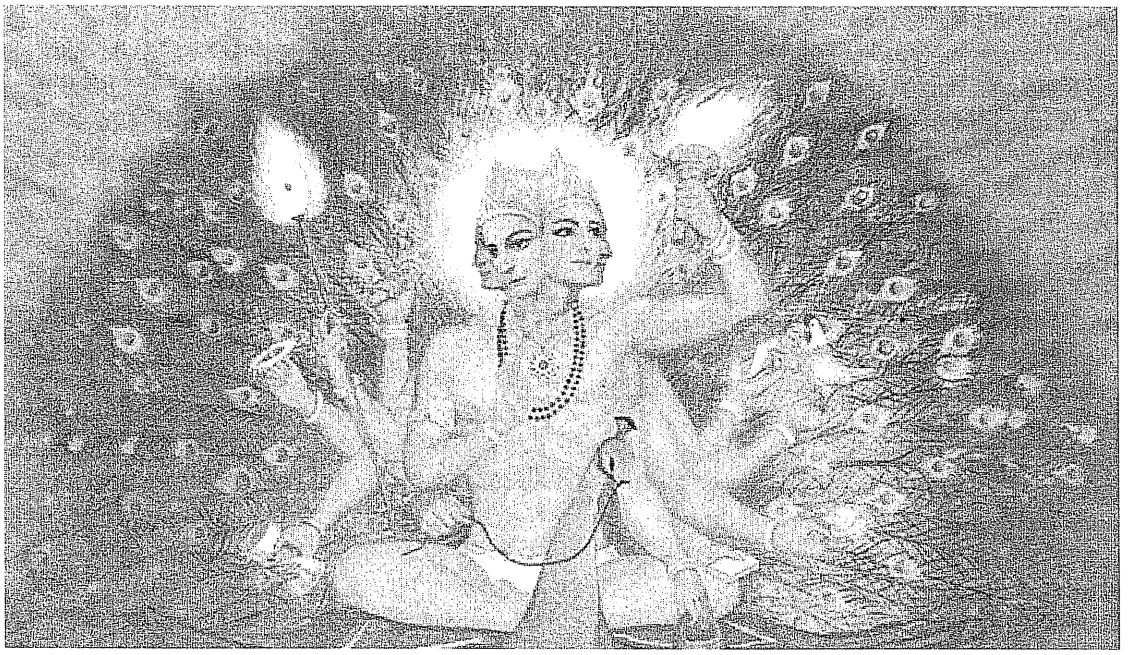

VÀI NÉT VỀ HUYỀN THOẠI ẤN ĐỘ

Phần một: Chuyện Mahabharata (1)

NGUYỄN HOÀI VÂN

Với trên 120 ngàn câu thơ, anh hùng ca Mahabharata là áng văn vĩ đại nhất của lịch sử nhân loại. Theo truyền thuyết thì tác giả của thi phẩm đồ sộ này là Vyasa, một nhân vật chúng ta sẽ gặp lại trong câu chuyện. Tuy nhiên, Vyasa chỉ tường thuật cho vị Thần đầu voi Ganesh viết lại. Chúng ta còn nhớ Ganesh chỉ có một ngà voi duy nhất vì chiếc ngà bên trái đã bị Ngài bẻ gãy dùng làm bút viết lên chuyện Mahabharata. Chính vì thế mà Ganesh cũng có tên là Ekdanta (ta liên tưởng đến chữ «dent» là «răng» trong tiếng Pháp, và chữ «édenté» là «mất răng»). Vẫn theo truyền thuyết, chỉ thoáng một cái, Ganesh đã viết xong hơn 120 ngàn câu thơ ! Đầu óc Ngài nổi tiếng là nhanh như điện chớp, tương ứng với thân pháp cực nhanh của Skanda, người em và cũng là «bản ngã thứ hai» của Ngài, với những đòn đánh chớp nhoáng không ai đỡ kịp (xem Thế kỷ 21 số 201-202, Xuân Bính Tuất). Ganesh quả xứng đáng là vị thần của giới văn sĩ vậy.

Trên mặt lịch sử thì người ta nghĩ là chuyện Mahabharata xuất phát từ những nguồn gốc khẩu truyền chìm sâu trong quá khứ, và chỉ bắt đầu được viết ra từ khoảng 400 năm trước Công Nguyên. Người Ấn dùng chuyện này để truyền đạt lại những huyền thoại, những hiểu biết, những truyền thống, tập tục, nền tảng triết lý của họ, kể cả những cách cư xử trong từng trường hợp, cách phòng chống bệnh tật, thuật dưỡng sinh, binh pháp, mánh lới chính trị v.v... Tôi liên tưởng đến các bộ chuyện Tầu từ Đông Chu Liệt Quốc, Tây Hán Chí đến Tam Quốc, với hàng trăm câu chuyện nho nhỏ trong đó, mỗi chuyện đều mang một bài học đáng suy gẫm. Kinh Bhagavad Gita, một bản kinh quan trọng vào bậc nhất của Ấn Giáo, cũng nằm trong Mahabharata.

Cốt lõi của chuyện Mahabharata là một cuộc chiến kinh thiên động địa giữa anh em nhà Pandava và anh em nhà Kaurava. Thật ra các thành phần tham chiến được lan rộng ra đến tất cả các đồng minh của hai gia đình này, tức đến toàn thể cái thế giới mà người Ấn biết được vào thuở ấy. Vì thế, cuộc chiến có thể được coi

như một cuộc thế chiến. Rồi, cũng như một cuộc thế chiến khác gần với chúng ta hơn, cuộc thế chiến xa xưa của Mahabharata cũng được kết thúc bằng một màn đụng độ kinh hoàng bằng vũ khí «giết người tập thể,» đặc biệt là vũ khí nguyên tử (hạt nhân) !

Phần lớn các vị Thần mà chúng ta đã được dịp làm quen trong phần một của loạt bài (Thế kỷ 21 số 201-202) đều góp phần vào cuộc chiến, một cách gián tiếp hay trực tiếp, ở phe này hay phe kia. Cần nói là nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến giết hại muôn vàn sinh linh này chính là lời than thở của một vị nữ thần. Thật vậy, Thần Đất, một ngày kia, than phiền là mình phải chở nặng trên lưng một nhân loại càng ngày càng đông đúc. Và, chư Thần đều nhất loạt đồng ý với quan điểm này, rằng cần phải giảm bớt số người trên mặt đất. Chư Thần đã đặt nền tảng, từ hàng ngàn năm trước, cho lý thuyết của nhà kinh tế học Malthus sau này ở đầu thế kỷ 19 vậy!

GIỚI THIỆU HAI PHE LÂM CHIẾN

Một bên là năm anh em Pandava, con vua Pandu (có nghĩa là mặt trắng - như chữ «pale» trong các tiếng Anh, Pháp), được hỗ trợ trực tiếp bởi Thần Krishna, hóa thân thứ tám của Thần Vishnu (nhớ kỳ trước: các hóa thân thứ chín và thứ mười không ai khác hơn là Đức Phật và... một dạng của Đức Ky Tô!). Kinh Bhagavad Gita chính là lời của Krishna nói với Arjuna, một trong năm anh em Pandava.

Bên kia, chúng ta có 100 anh em Kaurava, con vua mù Dhritarashtra (xin đề nghị quên ngay đi cái tên khó đọc của ông này để gọi ông là «Vua Mù» cho đơn giản). Anh em Kaurava được lãnh đạo bởi Duryodhana, người anh cả, và được hỗ trợ bởi Thần Shiva. Chúng ta còn nhớ trong kỳ trước: Shiva và Vishnu thật ra chỉ là hai mặt của một vị Thần, gọi là Hari Hara. Hai vị cũng kết hợp với Thần Brahma để trở thành một Thiên Chúa duy nhất, nhưng có Ba Ngôi, gọi là Tri Murti. Trong bài trước, tôi đã cùng quý bạn duyệt sơ qua chuyện của các Thần Brahma, Vishnu và Shiva, tức Ba Ngôi của một Chúa duy nhất, cùng với chuyện các «cặp Thần» đối xứng: Durka và Kali, Ganesh và Skanda. Chúng ta cũng không quên rằng tất cả các vị Thần đều là sự thị hiện của một Nguyên Lý duy nhất gọi là Brahman (đừng lầm với Brahma). Xa hơn nữa, mọi sự hiện hữu, từ con người đến súc vật và cỏ cây gỗ đá cũng là sự thị hiện của Nguyên Lý này. Riêng trong phạm vi Mahabharata, một vai trò rất quan trọng sẽ được dành cho Thần Krishna. Vì thế chúng ta bắt đầu bằng chuyện của vị Thần này.

KRISHNA : DOMINUS VOBIS CUM !

Krishna là vị Thần «nổi» nhất trong các vị Thần Ấn Độ, ngang ngửa với Rama (hóa thân thứ bảy của Vishnu). Những người Ấn ngoan đạo, thực hành một pháp môn gọi là Bakhti Yoga (Yoga của sự sùng bái), tối ngày cầu kinh lễ lạy, đại đa số đều lấy Krishna làm đối tượng. Krishna có đặc điểm là sống cùng một lúc với 16 ngàn bà vợ! Phải hiểu là Ngài ở trong tim của tất cả những ai yêu kính Ngài. Do Thái và Ky Tô Giáo cũng có khi sử dụng biểu tượng này.

Tuy nhiên, mặc dù có 16 000 bà vợ, Krishna lại đặc biệt thương yêu một người đẹp thứ 16 ngàn lẻ một! Nàng tên là Radha, một người đàn bà đã có chồng... Ôi ! Tình yêu cuồng nhiệt bao giờ cũng là một mối tình ngang trái! Ở đây cần đem câu chuyện vào bối cảnh xã hội Ấn khi tuyệt đại đa số các cuộc tình duyên đều được gia đình sắp đặt (An Nam ta cách đây không lâu cũng vậy). Người mình yêu thực sự gần như bao giờ cũng là người mà mình không thể cận kề. Tình là giây oan, yêu là ngăn trở, là cấm đoán, là tương tư vô vọng... Biểu tượng của Radha là: bất cứ ai, trong bất kỳ hoàn cảnh ngang trái nào, cũng đều có thể là đối tượng của tình yêu cuồng nhiệt của Krishna. Radha là trung gian để những ai kêu cầu Krishna có thể đạt được đến Ngài. Hare, một tên gọi khác của Radha, được tụng niệm trong câu thần chú nổi tiếng «Hare Krishna»!

Krishna sanh ra trong một hoàn cảnh khó khăn, được dưỡng dục bởi cha mẹ nuôi là những kẻ chăn bò, sống một tuổi niên thiếu nghèo hèn, lớn lên mang nặng một mối tình oan trái, nên rất dễ hòa đồng với nhân thế bình thường. Ngài lại có thêm một đặc điểm vô cùng quan trọng là cũng phải chết đi như mọi con người, nên càng làm tăng ý nghĩa nhập thế kết hợp với loài người.

KRISHNA GIÁNG SINH

Krishna giáng trần trong điều kiện rất đặc biệt, giữa một bà mẹ hờ cho mượn tử cung (một vấn đề thời sự) và một bà mẹ nuôi, chưa kể một ông cha nuôi, và một ông bác đồng thời cũng là cha hờ, muốn ăn thịt mình! Câu chuyện

như sau :

Kamsa là một quỷ vương ăn thịt người vô cùng nguy hiểm. Vishnu có bổn phận phải «giải quyết» ông này. Ngài sắp đặt một kế hoạch cùng với Nữ Thần Nidra. Nidra là vị Thần điều khiển giấc ngủ của Vishnu mang năng lực làm đóng mí mắt của Ngài (có một pháp môn tên là Yoga Nidra, tức Thiền... ngủ!). Có thuyết cho rằng Nidra là em của Vishnu, và cũng là Parvati, vợ của Shiva! Điều này không có gì là lạ, vì trong bài trước chúng ta đã hiểu rằng mọi Nữ Thần đều chỉ là một Nữ Thần duy nhất, xuất phát từ Nữ Tính của Shiva...

Kamsa từng soán đoạt ngôi Vua của thân phụ mình, nên luôn sợ bị người trong gia đình lật đổ. Một nhà tiên tri lại cho Kamsa biết một đứa con của Devaki, em gái ông, sẽ giết ông. Vì thế ông quyết định hạ sát tất cả các hài nhi mà Devaki hạ sanh. Sáu em bé đầu tiên, đều là con của chính Kamsa, bị mần thịt. Bào thai thứ bảy không phải là con của Kamsa mà là chính Vishnu hóa sanh vào bụng Devaki. Đồng thời bà Thần Ngủ Nidra nhập vào bụng của một chị nông dân chăn bò tên là Yasoda. Khi hai bà cùng lâm bồn thì hai hài nhi được đem tráo cho nhau. Như dự định, hóa thân của Nidra bị Kamsa lầm tưởng là con của Devaki, nên giết đi. Nidra thoát khỏi nhục thân của đứa bé, và bay lên trời dưới dạng một nữ thần có màu xanh đậm, sau khi bảo cho Kamsa biết: kẻ sẽ giết ông một ngày kia, đã chào đời bình yên.

Kẻ ấy không ai khác hơn là hài nhi Krishna, hóa thân của Vishnu, được giao cho vợ chồng Yasoda nuôi dưỡng, cùng với hai hài nhi khác cũng được cứu khỏi nanh vuốt của quỷ vương Kamsa, một trai, tên là Balarama, và một bé gái tên Subhadra. Balarama sẽ được biết đến như một «phụ tá» đắc lực trong các cuộc phiêu lưu của Krishna. Còn Subhara sau được gả cho Arjuna, một trong năm anh em Pandava, và sẽ cho ra đời kẻ sống sót duy nhất của cả hai nhà Pandava và Kaurava sau cuộc đại thế chiến hạch nhân. Nhưng đó là chuyện về sau.

Câu chuyện Kamsa như thế hoàn toàn tương hợp với chuyện Thần Chronos trong huyền thoại Hy Lạp. Trong bài trước, chúng ta đã biết Chronos thiến cha mình là Ouranos. Sau đó ông cũng được tiên tri là một trong các đứa con của ông sẽ nổi lên lật đổ ông. Ông liền ăn thịt tất cả các hài nhi mà vợ ông là Rhea hạ sanh. Đến khi em bé cuối cùng , là Zeus, chào đời, thì Rhea đưa cho ông nuốt một cục đá bọc trong khăn tã, thay vì đứa bé, và đem Zeus đi dấu ở đảo Crète, giao cho các Thần địa phương Naiades nuôi dưỡng. Zeus chính là nguồn gốc của chữ Deus, Dieu, tức Thiên Chúa trong Ky Tô Giáo.

Thật ra trong chuyện Kamsa cũng có thuyết cho rằng Balarama («phụ tá» của Krishna) và sáu hài nhi bị Kamsa giết không phải là con ông mà là con của Devaki và Vasudeva, chú của Arjuna, một trong năm anh em Pandava. Balarama được chuyển từ bụng của Devaki sang bụng của Rohini, người vợ thứ của Vasudeva để khỏi bị Kamsa giết. Còn Subhara thì là con gái của Rohini và Vasudeva, sau được gả cho anh họ mình là Arjuna, và sẽ sanh ra kẻ sống sót duy nhất của cả hai nhà Pandava và Kaurava.

CUỘC ĐỜI KRISHNA

Krishna lớn lên trong không khí đồng quê và tình yêu dạt dào của bà mẹ nuôi chăn bò. Ngài được hình dung như một chú bé bụ bẫm rất được cưng chiều nên đôi khi cũng có đôi chút ngỗ nghịch. Khi ở tuổi thiếu niên Ngài đem giấu quần áo của các phụ nữ đi lễ ở đền thờ và thích thú ngắm xem các bà này trần truồng chạy tức tưởi kiếm vải che thân! Khi lớn hơn chút nữa, cùng với «phụ tá» Balarama, Ngài chiến thắng các quỷ dữ tác hại trong vùng, có khi do chính Kamsa phái đến vì nghi ngờ Ngài là con của Devaki, ngày kia sẽ giết ông. Đôi khi Krishna cũng đứng về phía người dân nghèo hèn để chống lại chính các vị Thần, kể cả Indra, Vua của chư Thần: Krishna dạy dân chúng đừng đem lễ vật hiến cho Indra (tốn kém vô ích, chỉ làm giàu cho đám thày tu), mà nên để dành

Krishna

phụng dưỡng những... con bò (có ích lợi hơn). Indra giận dữ gây bão lụt đe dọa dân chúng. Krishna giơ ngón tay dời một quả núi đến che chở cho các làng mạc liên hệ. Từ truyền thuyết này, nguồn gốc của tập tục thờ bò được gán cho Krishna, bên cạnh những nguyên do có tính cách thực dụng (bò đem lại sữa, nguồn thức ăn bổ dưỡng cho những người ăn chay, hoặc quá nghèo không có thịt để ăn, phân bò cũng được phơi khô và dùng như củi, v.v...).

Như đã được định trước, khi trưởng thành, Krishna tìm đến hạ sát Kamsa. Ngài cũng nổi tiếng trong việc sát hại hai nhân vật khác là Jarasandha và Shishupala.

Trong chuyện Jarasandha, một vị Vua cưới hai chị em sanh đôi và thề sẽ yêu hai bà một cách đồng đều. Khổ nỗi hai bà không có con. Một Đạo Sĩ tặng nhà Vua một trái xoài, ăn vào sẽ thụ thai. Nhà Vua buộc phải xẻ ra, chia đều cho hai bà vợ. Hai bà ăn xong, thụ thai, nhưng mỗi bà lại chỉ sanh ra có một nửa hài nhi ! Họ quyết định đem vứt bỏ hai nửa hài nhi ấy ngoài đường. Một nữ quỷ tên là Jara đi qua, ráp hai nửa hài nhi này lại thành một đứa bé duy nhất và đem trả lại cho cha mẹ nó. Đứa bé được đặt tên là Jarasandha, nghĩa là «ráp lại bởi Jara.» Vị Đạo sĩ «xoài» tiên tri đứa bé sẽ trở thành một vị Vua có sức mạnh vô địch trong tất cả các vị Vua. Quả vậy, lớn lên, Jarasandha đánh bại tất cả các quân vương, tương tự như Lý Ngươn Bá, Đệ Nhứt Anh Hùng Truyện Thuyết Đường. Rồi, không những thế, ông còn quyết định bỏ tù tất cả các vị Vua thất trận, chờ đem thiêu sống họ để tế lễ Shiva ! Mặt khác, khi Krishna tổ chức bắt cóc công chúa Rukmini để kấy nàng làm vợ, thì Jarasandha đem quân ngăn cản, suýt làm cho Krishna thất bại, phải nhờ Balarama, người em «phụ tá,» cật lực cầm chân lực lượng truy kích. Krishna quyết định «xử lý» Jarasandha. Ngài thuyết phục Bhima, người thứ hai trong năm anh em Pandava, giao đấu với Jarasandha. Bhima được chỉ cho biết nhược điểm của đối thủ, nên giết Jarasandha bằng cách xé ông ra làm hai mảnh, khiến nhà cựu vô địch này quay trở về tình trạng như lúc mới mở mắt chào đời!

Như đã nói ở trên, Krishna có một người yêu là công chúa Rukmini. Nhưng nàng lại được hứa gả cho một vị vua tên là Shishupala. Ông này sanh ra với ba cái đầu, bốn cánh tay, và chỉ biết thốt lên những tiếng kêu cầm thú. Trước một trẻ sơ sinh như vậy, cha ông đã dự định giết bỏ đi, nhưng có một tiếng nói bảo rằng chỉ có vị Vua sẽ làm rụng hai cái đầu và hai cánh tay phụ trội của đứa bé khi đặt nó trên đùi mình, mới được giết nó. Vấn đề trở nên tréo cẳng ngỗng, vì nếu thế thì đứa bé trở nên bình thường, cần gì phải giết nó nữa? Bà mẹ tràn trề hy vọng (như mọi bà mẹ), và đặt đứa bé lên đùi của tất cả các đấng quân vương ghé qua nước bà. Krishna mò đến. Bà đặt đứa bé lên đùi Krishna. Hai cánh tay và hai cái đầu phụ trội (cùng một con mắt thứ ba) rụng xuống. Đứa bé trở thành bình thường, kể cả tiếng nói. Như thế, Krishna sẽ là kẻ giết đứa bé. Bà mẹ năn nỉ xin vị Thần chịu đựng đủ 100 sự hỗn láo xấc xược của Shishupala trước khi ra tay sát thủ. Krishna nhận lời, nhịn Shishupala, kể cả khi cậu này mồi chài Rukmini, người yêu của Ngài. Mãi đến màn xấc xược thứ 101, khi Shishupala diễu cợt và nghi ngờ tính cách quân vương của Ngài, thì Krishna mới phản ứng. Cần nói là Krishna đã trở thành một vị Vua sau khi giết chết Kamsa, ông quỷ vương, cha hờ, và bác ruột ăn thịt người của Ngài. Một vị Vua không thể để cho tư cách quân vương của mình bị nghi ngờ. Thế là Krishna tung "pháp luân" (một vũ khí của Vishnu) ra, xoay tít trên không trung bay đến cắt đứt cái đầu còn lại của Shishupala. Liền khi ấy, một vầng sáng thoát khỏi thân xác không đầu của Shishupala, đến quỳ xuống hành lễ trước Krishna, trước khi nhập vào thân thể của Ngài. Đối thủ của Krishna và chính Krishna thật ra chỉ là một. Chúng ta cũng nhớ lại trong chuyện Nữ Thần Kali, hình ảnh tia máu tuôn từ cái đầu bị Kali chặt đứt đặt trên mâm, chảy vào miệng của Kali. Cái đầu bị chặt cũng chính là đầu của Kali...

Sau cuộc thế chiến, Krishna, cùng với muôn vàn sinh linh đã bỏ mình trong khói lửa, cũng phải kinh qua sự chết. Một mũi tên của một người đi săn lầm lẫn bắn trúng gót chân Ngài, như trong chuyện anh hùng Achille của huyền thoại Hy Lạp và chuyện Siegfried trong huyền thoại Đức. Thế là Krishna từ trần... Nhưng đó là chuyện về sau, chúng ta sẽ có dịp nhắc lại.

Bây giờ xin đề nghị cùng quý bạn duyệt qua vài câu chuyện vui vui về nguồn gốc của các anh em Pandava và Kaurava.

ĐIỆP VIÊN 007 CỦA SỞ TÌNH BÁO NƯỚC TRỜI

Đạo Sĩ (brahmane) Kavya Ushanas là tuyên úy của tập đoàn ác quỷ Asuras (A dục). Ông

biết một phép thần thông có khả năng làm sống lại những ác quỷ bị giết trong các trận đụng độ với chư Thần. Điều này khiến các chiến dịch trừ quỷ dữ của chư Thần gặp trở ngại lớn lao (như trong chuyện Kali và Durga, xem kỳ trước). Chư Thần liền phái một điệp viên tên là Kacha, đến ăn cắp pháp môn bí mật của ngài tuyên úy nọ. Kacha giả trang làm một Đạo Sĩ tập sự, đến xin thọ giáo Kavya Ushanas. Rồi, như mọi điệp viên hào hoa phong nhã, chàng "thả dê" Devayani, con gái của Thày mình. Đám quỷ nghi ngờ Kacha và bắt anh ta giết đi rồi đem xác cho chó sói ăn. Không hại gì, vì đã có Devayani chạy đến khóc lóc đòi ông cha tuyên úy của mình phải dùng thần thông cứu Kacha sống lại. Úm ba la! Kacha rời bụng của bầy sói ráp lại hình hài đẹp trai như cũ! Đám quỷ lại giết Kacha, và lần này chặt xác anh ta thành thật nhiều mảnh, liệng xuống biển xâu. Cũng không sao, ông cha vợ tương lai lại «Úm Ba La» và Kacha lại phục sinh khỏe mạnh như trước. Đám quỷ rút kinh nghiệm và lần này sử sự tinh vi hơn. Chúng giết Kacha, lấy xác đốt thành tro, rồi lấy tro ấy cho Kavya Ushanas ăn. Vị tuyên úy bị đặt trước một khó khăn: nếu ông phục sinh cho Kacha, thì Kacha hiện nguyên hình hài ra khỏi bụng ông sẽ làm cho chính ông phải chết. Trước màn khóc lóc kêu nài của Devayani, Kavya Ushanas buộc cô phải chọn: hoặc cha mình hoặc tình nhân, chỉ một trong hai người được sống. Devayani, như mọi người đẹp, chọn... cả hai! Kavya Ushanas suy nghĩ... Có một cách! Ông truyền thụ cho Kacha ở trong bụng ông phép thần thông làm sống lại người chết, sau đó ông phục sinh cho Kacha, rồi đến phiên Kacha phục sinh lại cho ông. Thế là vui vẻ cả làng. Ngặt một nỗi, Kacha, chàng điệp viên hào hoa, đã làm xong sứ mạng, và phải trở về trình diện văn phòng Sở Tình Báo Thiên Quốc, với pháp môn phục sinh đã học được, để chư Thần tìm cách hóa giải. Khỏi nói là chàng không bao giờ chịu thành hôn với Devayani. Cô nàng giận dữ mắng chửi chàng điệp viên thậm tệ, với tất cả ngữ vựng phong phú của các người đẹp khi người tình vỗ cánh bay đi. Tuy nhiên, Kacha không thể bị nguyền rủa. Anh là một brahmane, cha anh là một vị Thần (tuy mẹ là phàm nhân). Devayani chỉ là con của một brahmane. Trong xã hội giai cấp của Ấn Độ, Devayani phải bị trừng trị. Kacha quyết định phạt nàng không bao giờ được thành hôn với một brahmane. Một hình phạt nhẹ nhàng nhưng rất thông minh, vì như thế, Devayani sẽ không còn có thể kỳ kèo chạy theo anh ta được nữa!

YAYATI, CUỘC NGOẠI TÌNH BỊ ĐỔ BỂ: CÁC ÔNG HAI VỢ NÊN XEM KỸ CHUYỆN NÀY!

Yayati, một vị Vua thuộc giai cấp chiến sĩ (Kshatrya — nguồn gốc của chữ «guerrier» trong tiếng Pháp) một hôm bắt gặp một cô gái té xuống giếng. Ông nhanh nhẹn chụp lấy tay phải của cô nàng và lôi được cô ta lên. Cô cho biết đã đưa tay phải cho Yayati nắm lấy nên nhất định đòi Yayati phải cưới cô ta! Việc người Pháp vẫn nói «xin bàn tay» của một phụ nữ để chỉ việc cầu hôn, có thể cùng chung nguồn gốc với tập tục này. Cô nàng nọ không ai khác hơn là Devayani. Cô tắm sông với Sharmishta, con gái của một vị Vua cũng thuộc giai cấp chiến sĩ. Một cơn gió, do Thần Indra gây nên, làm lẫn lộn quần áo của hai người. Sharmishta lấy lầm y phục của Devayani. Devayani đanh đá mắng chửi Sharmishta. Sharmishta nổi giận thộp cổ Devayani liệng xuống giếng. Yayati cứu Devayani, nhưng lại bị tiếng sét ái tình với Sharmishta. Devayani trả thù Sharmishta bằng cách buộc cô phải làm thị tỳ cho mình, vì Devayani là con gái của một brahmane, trong khi Sharmishta chỉ là con Vua. Yayati chộp lấy cơ hội «đấu tranh giai cấp» này, để tuyên bố không thể thành hôn với Devayani được vì ông cũng chỉ là một ông Vua thuộc giai cấp chiến sĩ không đủ tư cách để lấy con gái của một Đạo Sĩ brahmane. Ông brahmane tuyên úy Kavya Ushanas, cha của Devayani, can thiệp, niệm một thần chú thích nghi, và tuyên bố: «hôn nhân có thể được cử hành»! Chúng ta nhớ Devayani đã từng bị điệp viên Kacha rủa không được lấy chồng ở giai cấp brahmane... Thế là Yayati đành cưới Devayani, đồng thời giơ cả hai tay lẫn hai chân lên thề sẽ không bao giờ đụng đến Sharmishta. Và đương nhiên là chàng không giữ lời thề, tức tốc «đụng» Sharmishta, sanh ra ba người con, đem giấu rất kỹ. Đồng thời Yayati có hai con với Devayani. Một hôm, vợ chồng Yayati - Devayani và hai cậu quý tử đi dạo chơi trong một khu rừng thơ mộng. Có ba nhóc tì chạy chơi lang bang, nhìn thấy Yayati, mừng rỡ kêu lên: «Ba! Ba!» Thế là đổ bể. Ông Đạo Sĩ cha vợ phạt Yayati phải già đi tức khắc

hàng trăm tuổi: rụng răng, lưng còng, tay chân run rẩy, v.v... Devayani và ông cha Đạo Sĩ thương hại chấp nhận cho Yayati một lối thoát: ông có thể chuyển tuổi già của ông sang một trong năm đứa con hiện diện. Tuy nhiên, không đứa nào chịu nhận lãnh sự già yếu của cha mình, trừ một người con của Sharmishta tên là Puru, nhưng chỉ trong thời hạn một ngàn năm. Thế là Yayati trở lại son trẻ như trước, sống 1000 năm khổ hạnh trong rừng sâu, rồi thâu lại tuổi già đã nhượng cho con mình, trước khi từ trần. Puru, người con ngoại hôn nhưng có hiếu, lên ngai vàng kế vị Yayati. Hậu duệ của Puru sau này cho ra các anh em Pandava và Kaurava. Nhưng đó chỉ là hình thức, như chúng ta sẽ thấy ở một đoạn sau.

NÀNG CÔNG CHÚA HÔI MÙI CÁ

Một núi đá yêu một giòng sông. Núi giữ sông lại, không cho chảy đi. Vasu, một vị Vua, đi ngang, đá văng ngọn núi và giải thoát giòng sông. Giòng sông mang thai, sanh một nàng tiên. Vasu lấy nàng tiên. Ngày nọ nàng tiên cho biết nàng đang ở trong thời gian thuận tiện, và muốn được gần Vasu. Vasu đang đi săn, nhận được thông điệp của vợ, liền sửa soạn về nhà. Nhưng, khổ nỗi, tổ tiên của Vasu lại ra lệnh đòi Vasu phải hoàn tất cuộc săn và đem thú săn được về tế lễ. Lệnh tổ tiên không thể cãi. Nhưng sự ham muốn đã ngập tràn con người Vasu. Thế là Vasu xuất tinh trên một cái lá, trao lá ấy cho một chim ưng, dặn đem về cho vợ mình. Trên đường, chim ưng bị một con chim khác tấn công, làm rơi cái lá xuống một phụ lưu của sông Hằng. Một con cá nuốt tinh dịch của Vasu. Con cá ấy là một nàng tiên bị Brahma phạt phải đội lốt cá cho đến khi sanh được hai trẻ sanh đôi. Mười tháng sau, cá bị vướng lưới. Mổ bụng ra, có hai hài nhi, một nam một nữ. Cá hóa nàng tiên, cho biết đó là các con của Vasu. Hài nhi nam sau làm Vua. Hài nhi nữ tên là Satyavati sau trở thành một cô gái diễm kiều nhưng lại rất hôi mùi cá! Thân phụ nàng không chịu nổi mùi hôi, đem nàng tặng cho vị thủ lãnh dân chài trong vùng nhận làm con nuôi. Satyavati đánh cá với dân chài, sống đời bình dị cho đến khi một Đạo Sĩ say mê nhan sắc của nàng và đòi được gần nàng trên một cù lao. Satyavati từ chối, viện cớ có nhiều thuyền chài quanh đó. Đạo Sĩ vận dụng thần thông khiến một màn sương dầy đặc phủ quanh hai người. Satyavati đồng ý hiến thân cho Đạo Sĩ, với điều kiện ông phải làm cho nàng không còn hôi mùi cá nữa. Đạo Sĩ thỏa thuận, và xong việc, ra đi. Satyavati mang thai, sanh ra Vyasa, người sẽ kể chuyện Mahabharata cho vị Thần đầu voi Ganesh ghi lại. Tuy nhiên, cuộc đời tình ái của Satyavati chưa hết, và sẽ tiếp diễn với chuyện Shantanu.

THẦN VỆ NỮ PHIÊN BẢN ẤN ĐỘ!

Shantanu là hậu duệ của Puru người con ngoại hôn nhưng có hiếu của Yayati, anh chàng ăn vụng bị đổ bể đã nói ở trên. Buổi chiều nọ, Pratipa, thân phụ của Shantanu ngồi cầu nguyện bên bờ sông Hằng. Một vị nữ Thần hiện lên từ bọt nước, y hệt như nữ thần Aphrodite (Venus — Vệ Nữ) trong huyền thoại Hy Lạp-La Mã. Nàng đến ngồi trên đùi phải của nhà Vua và yêu cầu nhà Vua lấy nàng. Ông từ chối viện cớ đùi phải là chỗ ngồi của một nàng dâu chứ không phải của một người tình. Và ông chấp nhận để người con trai sẽ sanh ra của ông (là Shantanu), lấy nàng.

Nữ thần chính là Ganga, Thần sông Hằng, một phần của búi tóc của Shiva, như chúng ta đã được biết trong phần một của loạt bài. Thật ra, đầu mối của câu chuyện bắt đầu từ trước đó ít lâu, khi Ganga đến triều kiến Brahma. Một cơn gió nổi lên làm tung váy của Ganga. Chư Thần và chư Tiên đều ngoảnh mặt nhìn sang chỗ khác, ngoại trừ Mahabhisha, một vị Vua mới thoát vòng luân hồi lên được cửa Trời. Mahabisha bị phạt phải đầu thai trở lại, nhưng xin được đầu thai làm... chồng Ganga! Một chủng tử dục vọng khởi lên là biển dục tràn dâng không gì ngăn nổi vậy. Mahabisha đầu thai làm con Pratika, tức Shantanu, vị hoàng tử đã được hứa hôn với Ganga. Đồng thời, sẵn dịp xuống dương trần, Ganga cũng hứa giúp cho bảy vị Thần bị tội phải đi đầu thai, sớm được siêu thoát. Phương thức được thỏa thuận là: Ganga sẽ cho các vị này mượn tử cung của mình để đầu thai, và sẽ giết họ đi ngay khi mới sanh. Một người con cuối cùng sẽ không bị giết để đánh dấu cuộc tình tương lai với Shantanu, nhưng người con ấy sẽ không có hậu duệ.

Mọi chuyện được an bài ổn thỏa. Shantanu lớn lên, đi dạo bên bờ sông Hằng, thấy một Nữ Thần tuyệt đẹp hiện lên từ bọt nước (Venus!), yêu nàng như điếu đổ, v.v... Ganga đặt một điều kiện là Shantanu không được thắc mắc hay phản

đối trước bất kỳ việc gì nàng làm. Như dự liệu, Ganga mang thai, sanh con và giết ngay đứa trẻ sơ sinh, rồi vứt nó xuống sông mà nói: «Đây, ta làm phúc cho ngươi!» Bảy lần như vậy. Shantanu không dám thắc mắc, phản đối. Đến lần thứ tám, ông không chịu đựng nổi nữa, và kêu lên: «đừng giết con của chúng ta!» Ganga tuyên bố đứa trẻ sẽ sống nhưng Shantanu đã bội ước, nên nàng phải đem con quay về Trời. Đứa bé tên là Bishma, một nhân vật toàn hảo, mang những đức tính tốt nhất của bảy vị Thần đã được Ganga giúp. Bishma ở với mẹ một thời gian rồi quay về sống với cha. Bishma sẽ là vị Tướng Tổng Tư Lệnh của quân đội Kaurava sau này.

Shantanu ở lại dương trần một mình, và ít lâu sau, mê Satyavati, cô công chúa hôi mùi cá nay đã trở thành thơm như... mít (!) nhờ ăn nằm với vị Đạo Sĩ. Tuy nhiên, cha nuôi của Satyavati, tức người thủ lãnh ngư phủ, không chịu gả cô nàng cho Shantanu. Lý do, Shantanu đã có người thừa kế. Ông ngư phủ nọ muốn con của Satyavati sau này sẽ trở thành Vua, chứ không mãi mãi là loại thứ dân «trên răng dưới dế» như ông. Shantanu giao cho Bishma đi thương lượng xem có thể thỏa hiệp được cách nào hay không ? Ở đây chúng ta thấy một trường hợp thường dân làm khó dễ Vua Chúa... Bishma là bậc đại hiếu. Ông chấp nhận từ bỏ quyền thừa kế để con của Satyavati được làm Vua kế ngôi cha mình. Ngư phủ vẫn không chịu, và đòi Bishma phải thề sẽ không có con để chắc chắn sau này không có vấn đề tranh dành với hậu duệ của Satyavati. Bishma thương cha, nên cũng nhận lời. Thế là một cách vô tình, ông đã thực thi lời giao ước của Ganga, mẹ ông, với bảy vị Thần bị phạt đi đầu thai đã như đã nói ở trên: đứa con thứ tám, là ông, sẽ không bị giết, nhưng không được có con. Bishma được chư Thần tán dương, cho muôn ngàn cánh hoa rơi xuống quanh ông, và cho ông được đặc quyền muốn chết lúc nào cũng được, đồng thời có thể chọn kẻ sẽ giết mình. Chúng ta cũng nhận ra mưu trí của Shantanu, đẩy Bishma đi thương lượng việc hôn nhân của mình để Bishma «tự giác» hy sinh mà không cần mình phải đòi hỏi!

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRỞ THÀNH ĐÀN ÔNG (LẠI MỘT VẤN ĐỀ THỜI SỰ)

Rốt cuộc Shantanu và Satyavati lấy nhau, sanh ra hai người con. Cậu thứ nhất kế ngôi Vua của cha mình nhưng đi đánh giặc bị giết chết. Hoàng tử em kế vị lúc còn thơ ấu, Bishma phải làm Phụ Chánh. Ông rất lo lắng về việc kế thừa giòng dõi của cha mình, nên khi nghe nói Vua Kashi có ba cô con gái đẹp, ông liền nhảy lên chiến xa đi tìm vợ cho cậu vua em. Đàn bà đẹp được coi như có nhiều hy vọng có con hơn đàn bà xấu. Truyền thuyết tin tưởng như vậy, và gần đây có vài thống kê khoa học cũng xác nhận điều này. Bishma đến vương quốc của Kashi, nhằm lúc vị Vua này tập hợp các vị quân vương để chọn chồng cho ba cô con gái: Amba và hai cô khác. Bishma tuyên bố ông sẽ đem cả ba cô về cho em ông, bất chấp ý kiến của các đương sự, của gia đình họ cũng như của các vị Vua hiện diện! Nói là làm, Bishma tải ba cô công chúa lên chiến xa và quất roi chạy thẳng một mạch về nhà. Các Vua đuổi theo, nhưng đánh không nổi Bishma. Một anh cù nhầy nhứt định đòi đấu tay đôi với Bishma tên là Shalva. Bishma hạ sát ngựa và người đánh xe của anh nhưng phục sự dũng cảm nên tha cho anh ta sống. Sau này công chúa Amba cho biết anh chàng nọ chính là người yêu của nàng. Bishma thấy thế bèn không cưỡng hôn cô nàng với em mình nữa. Amba trở lại với Shalva, nhưng bị Shalva ghen tuông ruồng bỏ. Nàng muốn về với Bishma, nhưng đương nhiên là cũng bị Bishma từ chối. Cô nàng tức giận tự thiêu, và thề sẽ giết Bishma để trả thù duyên phận lỡ làng. Sau cô đầu thai và nhờ người cho mượn dương vật để thành đàn ông! Sau đó, trong trận thế chiến, Bishma sẽ chấp nhận để cô giết ông một cách thảm khốc. Xin nhắc lại là Bishma có đặc quyền được chọn người giết mình. Thế là, Bishma, con người rất mực đạo đức, chỉ cần sử sự ngang tàng một lần duy nhất cũng đủ để đem lại hậu quả vô cùng tai hại cho cuộc đời mình.

VUA MÙ VÀ VUA BẠCH TẠNG RA ĐỜI

Hai cô công chúa em của Amba được gả cho chú bé Vua em của Bishma. Mần ăn sao đó, chỉ ít lâu sau, cậu này kiệt sức chết. Mẫu Hoàng Satyavati đòi Bishma phải lấy hai bà hoàng góa bụa để nối dõi tông đường. Bishma khước từ vì đã thề không có con khi đi hỏi Satyavati cho phụ thân mình. Thấy thế mẫu hoàng mới thố lộ câu chuyện bà đã có một người con với vị Đạo Sĩ cùng bà làm tình giữa sương mù và đã hóa phép cho bà không còn hôi mùi cá. Người con

ấy là Vyasa, tác giả chuyện Mahabharata, hiện là một nhà khổ tu sống trong rừng sâu hẻo lánh. Vyasa linh cảm mẹ ông cần đến ông nên lò mò đến. Ông liền được giao cho công tác tức tốc làm tình với hai bà Hoàng Hậu góa mà Bishma đã tải về bằng chiến xa, để lưu truyền nòi giống. Luật lệ cho rằng trong trường hợp này các đứa con sanh ra sẽ thuộc giòng giõi người quá cố. Ngặt một nỗi là Vyasa, như các nhà khổ tu, rất hôi hám, râu tóc bờm sờm, quần áo rách rưới, không mấy gì hấp dẫn ! Bà Hoàng thứ nhất nhắm tịt mắt lại khi ăn nằm với ông. Kết quả: sanh ra ông Vua Mù, cha của 100 anh em Kaurava. Bà Hoàng thứ hai thấy ông nhảy lên giường mình thì mặt tái nhợt đi. Kết quả: sanh ra ông Vua Mặt Trắng Pandu, cha của năm anh em Pandava. Vyasa tình nguyện tái công tác thêm lần nữa với bà Hoàng số một, vì ông biết con bà sẽ bị mù, nên trên nguyên tắc không thể làm Vua. Tuy nhiên, vào phút chót, bà để cho một tỳ nữ thay mình làm việc chăn gối với Vyasa. Nữ tỳ chấp hành tốt đẹp, nên sanh ra Vidura, hoàn toàn khỏe mạnh, không bị khuyết tật như hai người trước, nhưng không được chấp nhận vào quý tộc. Có thuyết cho rằng Vidura chính là Thần Dharma (Pháp Thần) hóa sanh, do bị tội vì đã trừng trị một Đạo Sĩ bằng một hình phạt quá nặng đối với lầm lỗi của ông.

CẢ MỘT KẾ HOẠCH!

Như quý bạn đã nhận ra: Vua Mù và Vua Bạch Tạng Pandu chính là hai anh em cùng cha khác mẹ. Các con của họ tức năm anh em Pandava và 100 anh em Kaurava, là những anh em họ. Tất cả đều đã từng chung sống, vui đùa, ăn học, v.v... trong cùng một tòa lâu đài trong suốt tuổi niên thiếu của họ. Vì sao có sự xích mích trầm trọng đến độ phải nổi lên một cuộc thế chiến nguyên tử tàn khốc tiêu diệt tất cả, để chỉ còn một người duy nhất sống sót? Chúng ta sẽ bàn đến chuyện này trong bài viết sau.

Tạm thời, xin cùng quý bạn nhận xét rằng: để cho các phe lâm chiến, Kaurava và Pandava, được hiện hữu, đã phải xảy ra biết bao nhiêu là câu chuyện tròng tréo phức tạp, bao nhiêu biến cố rắc rối quanh co, tuy có vẻ «tình cờ,» nhưng đàng sau lại tiềm ẩn bàn tay «lông lá» của các vị Thần. Chúng ta hẳn chưa quên là nguồn gốc của cuộc chiến tranh chính là sự kiện nhân loại đã trở thành quá đông đúc, tuyệt đối cần phải làm giảm nhân số. Chư Thần đã thỏa thuận với nhau để làm việc này, và những lắt léo phức tạp đưa đến chiến tranh đều không nằm ngoài một kế hoạch chu đáo đã được các Ngài định sẵn.

Ngày nay, vấn đề được nêu lên trong Mahabharata có thể trở thành thời sự. Thật vậy, Thần Đất thở than là gì ở thời đại chúng ta, nếu không phải là một cách diễn dịch sự tàn phá môi trường địa cầu, sự lãng phí khủng khiếp tài nguyên thiên nhiên mà trái đất đã phải mất nhiều triệu năm để tích tụ thành? Trữ lượng dầu hỏa chỉ còn 40 năm, khí đốt 70 năm, uranium 55 năm. Hàng năm diện tích rừng bị phá hủy rộng bằng gần nửa diện tích của nước Việt Nam và mỗi ngày từ 100 đến 300 giống sinh vật biến mất trên mặt địa cầu... Rồi, khi tài nguyên khiếm hụt đồng thời nhân số loài người lại gia tăng, thì sự tranh dành tài nguyên ắt cũng phải trở thành gay gắt. Từ tranh dành tài nguyên đến chiến tranh, cục bộ rồi toàn diện, chỉ là một bước nhỏ. Bước nhỏ ấy lại thường được khuyến khích bởi một số trào lưu tôn giáo. Thánh chiến thường được xây dựng trên quyền lợi kinh tế. Người nghèo được «chư Thần» khuyến khích đứng lên tấn công các nước giàu bị hóa trang thành quỷ dữ. Khi niềm hy vọng phát triển không còn là một viễn tượng thực tế, thì người nghèo không ngần ngại lao vào phiêu lưu, vào đấu tranh lãng mạn, vào lý lẽ hủy diệt của chủ nghĩa Hư Vô... Ở phía bên kia lằn ranh, người giàu càng ngày càng sống trong lo sợ, càng phải xây cao hơn nữa những bức tường che chở sự phú hữu thừa mứa của mình. Rồi, một ngày kia, khi đám dân nghèo chầu chực bên ngoài trở nên quá đe dọa, thì «chư Thần» sẽ thì thầm vào tai họ: «các anh đã làm hết cách để tiêu diệt nạn nghèo đói, nhưng không thành công, nay chỉ còn một giải pháp...» Giải pháp nào thưa Quý Ngài? Hay là... tiêu diệt những người nghèo đói?

Thế là những anh em cùng chơi đùa, ăn ngủ, học tập với nhau trong cùng một khu vườn, sẽ quên đi tình huynh đệ, mà quay sang đánh giết hủy diệt nhau, như chương trình đã được «chư thần» quy định. Như Thượng Đế đã an bài...

20 tháng 2 năm 2006

trang nhà: http://perso.wanadoo.fr/nguyen.hoai.van/

NGÔ NHÂN DỤNG

Bonjour Việt Nam

Tôi chắc quý vị sẽ cảm động khi nghe Phạm Quỳnh Anh hát bài Bonjour Việt Nam. Cô ca sĩ 19 sinh trưởng ở Vương quốc Bỉ và bài ca của nhạc sĩ Marc Lavoine viết bằng tiếng Pháp. Người Việt khắp thế giới có thể nghe bài hát này trong mạng lưới điện toán toàn cầu. Cho nên trong mấy tháng qua, Bonjour Việt Nam đã nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp nơi, ở ngoài và trong nước. Cô Phạm Quỳnh Anh đã phải viết thư xin các mạng lưới ngưng phổ biến, vì cô và ông Lavoine chưa chính thức thu âm bài này, sẽ xuất hiện trong một đĩa sắp ra.

Những người Việt ở tuổi 50, 60 có vẻ thích bài này hơn các bạn trẻ dưới 30. Việc đầu tiên tôi muốn làm là gửi ngay bài hát cho các con tôi, mỗi con ở một nơi. Mời các con nghe, không phải để "tuyên truyền" các cháu với khẩu hiệu "Un jour, j'irai là bas," (Có ngày tôi sẽ về thăm xứ đó) nhưng để chia sẻ một niềm rung cảm rất mạnh. Khi trong lòng mình đang rung động thật thì thế nào cũng muốn chia cảm xúc của mình với những người thân yêu.

Lời bài hát rất bình dị, có thể nói nhiều câu rất khuôn sáo, đối với lớp tuổi chúng tôi. Như kể lể hình ảnh đôi mắt sếch, những cảnh tượng chiến tranh, những chợ nổi, những thuyền tam bản, vân vân. Nhưng chúng ta không thể đòi hỏi nhiều hơn ở một nhạc sĩ ngoại quốc viết ca khúc về một đất nước không phải quê hương anh. Đây không phải là Sibelius viết Finlandia, không phải Smetana viết Ma Vlast. Nhưng chính những lời lẽ bình dị khuôn sáo đó cũng là một điểm son. Chúng ta đâu có thể đòi hỏi cái gì độc đáo hơn khi muốn nói chuyện với các bạn trẻ người Việt dưới 30 tuổi, với cô Phạm Quỳnh Anh chưa đầy 20? Và cả những người lớn tuổi hơn mà 30 năm nay xa quê hương? Các tâm tình chân thật bao giờ cũng bình dị. Giống như những thứ chúng ta đã học trong Quốc văn Giáo khoa thư, đọc đến thuộc lòng:

"Những người đàn bà khom lưng trên ruộng lúa như các bà mẹ của tôi" (Les femmes courbées dans les rizières pour mes mères).

Dù hình ảnh các phụ nữ đó đã được dùng hàng vạn, hàng triệu lần, đến khi cất lên thành tiếng hát thì giai điệu vẫn làm nhiều người nhỏ lệ. Đây là những giọt lệ hân hoan chứ không sầu thảm. Vì đó là những giọt lệ của tình yêu. Yêu đất nước, yêu ngôi nhà thời thơ ấu, yêu mẹ, yêu cha. Chúng ta không có lý do nào để đau khổ khi mình đang yêu thương thật sự. Nhưng có thể khóc khi trong lòng ngập đầy hạnh phúc.

Tôi thường không nhớ đến mẹ tôi khi nhìn hình ảnh những người phụ nữ Việt Nam khom lưng trên ruộng lúa. Mẹ tôi rất sợ đỉa. Nhưng nghe câu hát trên tôi vẫn nhớ tới mẹ. Những hình ảnh khuôn sáo đó, dù lập lại bao nhiêu lần, vẫn có khả năng "chạm tới tâm hồn tôi, gốc rễ tôi, đất nước của tôi" (toucher mon âme, mes racines, ma terre). Quả thật như vậy. Trong tâm hồn, trong gốc rễ, trên mặt đất ở quê hương, thế nào chúng ta cũng thấy hình bóng một bà mẹ, những bà mẹ của mình. Thử nghe lại bài hát lần nữa. Ai chẳng cảm thấy đang gặp lại mẹ mình, mẹ của mẹ mình, mẹ của mẹ, của mẹ mình! Bao nhiêu là các bà mẹ, bao nhiêu thế hệ, từ bao đời đến nay! Các bạn trẻ sinh trưởng ở nước ngoài cũng có thể cảm thấy như vậy, có thể không?

Un jour, j'irai là bas! Một ngày nào, tôi sẽ về chốn đó. Để nói "Chào, Việt Nam." Trong bài hát của Marc Lavoine, Phạm Quỳnh Anh đã lập đi lập lại câu này. Un jour, j'irai là bas pour te dire bonjour, Việt Nam. Đó là một lời hứa hẹn với người tình tên là Việt Nam? Một lời tự phát nguyện mình sẽ trở về thăm quê cha, quê mẹ? Hay đó chỉ là những lời bất ngờ chợt thốt lên từ trái tim, tự nhiên như khi chúng ta buột miệng nói: Mẹ ơi, con yêu mẹ! Un jour, j'irai là bas!

Les temples et les Bouddhas de pierre pour mes pères. Les femmes courbées dans les rizières pour mes mères... Suốt trong bài ca, cô Phạm Quỳnh Anh hát hai chữ Vietnam với giọng người ngoại quốc, nghe như Viết Nam, theo đúng lời ca tiếng Pháp. Nhưng trong câu chót, riêng hai tiếng chót, cô phát âm rất rõ ràng: Việt Nam. Có dấu nặng, nghe đúng là tiếng Việt. Đúng là người Việt Nam gọi tên nước Việt Nam bằng tiếng nước mình. Tiếng hát người con gái đó xác

nhận mình là người Việt Nam. Nghe cái dấu nặng khi cô hát một tiếng "Việt" đó, không nặng lòng sao được!

Hạnh phúc có thật

Ngay bây giờ, một ngày mùa Đông có nắng ấm ở một nơi xa quê nhà một nửa vòng trái đất, tôi nhìn nắng và nhớ đến mẹ mình. Không phải bà mẹ khom lưng cấy lúa, nhưng một bà mẹ trong hình ảnh một tấm vải đen đang phơi nắng trên sân nhà, ngày này qua ngày khác. Đó là những ngày mùa Đông ở một làng quê miền Bắc Việt Nam, khi tôi lên năm sáu tuổi. Mẹ hứa sẽ may cho tôi một cái quần. Mẹ đã dệt vải, đêm này qua đêm khác. Dưới ngọn đèn dầu leo lét, mẹ ngồi trên khung cửi gỗ trong nhà, bóng người đạp cửi chiếu lên vách đất, tiếng gỗ cọt kẹt. Bao nhiêu đêm mới dệt xong tấm vải. Dệt xong vải rồi, phải nhuộm đen, vì quần áo trắng rất dễ lấm bẩn, phải giặt, mà ở nhà quê người nghèo như chúng tôi thì không có xà phòng. Giặt nhiều lần sẽ làm cho quần áo dễ cũ, rách sớm hơn, lại tốn tiền. Quần thâm áo vải nâu vẫn là tiêu chuẩn. Ở làng tôi, quần áo trắng là một thứ xa xỉ, ai có cũng chỉ mặc trong những dịp lễ, tết.

Ở nhà quê tất nhiên không có thuốc nhuộm, muốn nhuộm nâu thì dùng củ nâu, mà mua củ nâu thì tốn tiền, có thể mất một bữa cơm. Nhuộm đen có thể dùng bùn ao. Vét bùn đen từ dưới đáy ao lên, càng vét tự đáy sâu thì bùn vớt lên càng đen nhánh và mịn màng. Đem nhúng tấm vải vào bùn, vò cho bùn thấm vào vải thật kỹ. Xong, đem phơi khô, khô rồi lại đem ra ao giặt lại. Phơi nắng một lần nữa, khô rồi, lại đem nhúng bùn lần thứ hai. Rồi lại phơi, lại giặt cho hết bùn. Rồi lần thứ ba, lần thứ tư, càng nhiều lần càng bền. Cho đến khi tấm vải có mầu đen tuyền, đen thẫm; và mặt vải dầy hẳn lên, mặc mùa đông mới ấm. Mẹ dệt và nhuộm thâm tấm vải cho cả ba con lớn chứ không riêng cho tôi. Tết năm đó tôi có quần mặc, quần mới. Vải cứng quá cho nên gió bấc cứ luồn cả vào bên trong, lạnh cả đùi và hai cẳng chân. Nhưng nó bền lắm. Chỉ tiếc, tuổi trẻ lớn lên rất nhanh; khi quần mặc ngắn quá mẹ phải đem đi bán để mua vải may cho tôi cái quần khác, mỏng hơn.

Les femmes courbées dans les rizières pour mes mères. Nói chung, các bà mẹ người Việt mình ai cũng phải khom lưng. Khom lưng trên ruộng. Ở thành phố khom lưng quét nhà, lau nhà, giặt quần áo trong thau, trong chậu. Tôi thì nhớ nhất là hình ảnh mẹ mình sau khi đi chợ về lội ven bờ ao hay trên cầu ao, thò tay vét bùn. Mẹ run rẩy, vì sợ đỉa. Mẹ khom lưng thò tay móc từng vốc bùn từ đáy lên, thọc tay xuống thật sâu, nước ngập lên đến bả vai, nghiêng mình thọc xuống sâu nữa. Rồi nhìn mẹ lần lượt nhúng cả tấm vải trong chậu bùn đen, mẹ ngồi xuống, vòng hai cánh tay vò đi vò lại cho chất bùn thấm vào từng thớ sợi. Rồi đem trải tấm vải dài trên sân phơi nắng. Phơi mấy ngày rồi, lại khom lưng trên cầu ao vò đi vò lại cho đất tan ra hết. Hôm sau lại vét bùn, lại nhúng vải trong bùn, rồi đem phơi lần nữa. Mỗi lần thấy tôi đứng nhìn, chân run lập cập, co ro lạnh vì chưa có quần mặc, mẹ lại an ủi: Chờ mấy nắng nữa thôi con ạ. Càng ruộm bùn nhiều lần thì vải nó càng dầy, mặc nó bền con ạ. Thế nào con cũng có quần mặc trước Tết.

Những lúc đó, nghe lời mẹ hứa, lòng tôi thật vui sướng. Tôi ngồi xếp bằng trên thềm, lấy chân sưởi ấm chân mình, nhìn tấm vải ướt đẫm bùn phơi trên sân đang hứng nắng ấm. Mình được sưởi nắng, tấm vải thâm cũng được sưởi nắng. Lòng tràn ngập niềm vui, nghĩ mình thế nào Tết cũng có quần mặc. Dù lúc đó còn nhỏ nhưng tôi cũng cảm thấy công ơn mẹ đang lo cho mình, bây giờ còn nhớ được. Không cần ai dậy. Vì công ơn của mẹ phơi ngay trước mắt, dài mấy thước, đen nhánh trong nắng ấm mùa Đông. Đó là những giờ phút hạnh phúc. Hạnh phúc có thật, sờ thấy được. Mẹ thường giao cho tôi việc bế em, nếu anh tôi bận và chị tôi phải theo mẹ ra chợ. Một hình ảnh không bao giờ quên là có bữa tôi ngồi ôm đứa em bé trong lòng, tôi khám phá ra là khi bế em thì hai cái đùi mình để trần cũng được ấm áp. Lúc đó tôi mới năm sáu tuổi, đó là mùa Đông đầu tiên phải bế em, cho nên đó cũng là một khám phá rất mới mẻ cho một đứa trẻ. Khám phá mới, hiểu biết mới, thêm một niềm hạnh phúc nữa. Từ hôm đó tôi hay tình nguyện bế em giúp mẹ.

Thử tưởng tượng lại coi, những buổi sáng mùa Đông lạnh giá ở miền Bắc, được ngồi ôm cậu em bé ấm áp trên đùi, nhìn tấm vải quần của mình phơi trên sân, mặt trời đang phà hơi nóng xuống hun sấy cho tấm vải thâm khô dần, cho những hạt bùn mịn nhiễn bám chặt hơn, vải dầy thêm. Nắng đang sưởi khô từng sợi một, ánh nắng bạc nhẹ nhàng cũng chứa đầy niềm hy vọng. Nay mai Tết đến mình sẽ có cái quần mới, không cần bế em mà vẫn ấm hai cái đùi.

Đó là những giờ phút hạnh phúc khó quên

trong đời. Làm sao phai nhòa đi được? Chắc vì vậy tôi đã nhớ mãi cảnh ngồi bế em phơi nắng đó, đầm ấm, hạnh phúc, suốt 60 năm qua. Không bao giờ quên. Quả thật, tôi yêu mẹ tôi; chẳng thể nào nói hết được. Nghĩa là không thể nói ra cho ai hiểu được.

Un jour, j'irai là bas! Un jour, dire bonjour à ton âme, Việt Nam! Cứ hát, nghe hát, như thủ thỉ nói cho mẹ mình nghe, hát và nói mãi không chán. Tiếng hát của tình yêu cũng là tiếng hát của hạnh phúc. Hạnh phúc có thật, hạnh phúc đang phơi nắng, đang ngồi trông tấm vải sắp may quần áo mới, ấm áp.

Nghẹn ngào cho đến bao giờ?

Mọi năm cứ đến Tết là những người có máu mặt ở Hà Nội thường chúc tụng nhau "Năm nay thắng lớn!" Thắng đây, tức là thắng cá độ bóng đá. Năm tới lại sắp có giải túc cầu thế giới, nhưng Tết này không ai dám chúc nhau thắng cá độ nữa! Nếu có người lỡ quen miệng chúc một câu thì người nghe phải cải chính liền: "Không dám! Nhà cháu chả bao giờ biết cá độ là cái gì cả!" Nhiều người quá khích còn cấm con cháu không cho đi đá banh nữa, sợ người ta hỏi có phải cha, chú nhà anh hâm mộ đá bóng lắm hay không? Chả dại.

Nhưng một điều đáng ngạc nhiên là sau khi vụ lấy tiền nhà nước đánh cá độ lớn như vậy vỡ lở ra mà từ cụ thủ tướng đến cụ chủ tịch nước, cả ông vua toàn quyền sinh sát là cụ Tổng Bí thư, chẳng ai thèm nói một câu nào cả. Cứ coi như chuyện trẻ em đánh nhau ngoài đầu ngõ dớ dẩn tí thôi!

Khi vụ Bùi Tiến Dũng đánh cá độ bóng đá nổ ra, nhiều người Hà Nội bèn nhìn lên trời coi sao xem có hiện tượng gì lạ hay không. Vì câu chuyện xẩy ra cứ như chuyện đùa, nhưng nổ ra rồi thì lớn quá, ai cũng kinh hoàng. Bắt đầu chỉ là một vụ cảnh sát đi bắt một nhóm đánh bạc nho nhỏ ở giữa Bách Thảo. Toàn là các "chiến sĩ công an" đang dự lớp tập huấn nghiệp vụ, một chiến sĩ đã chống cự rất hăng, phải nổ súng mới bắt được. Đưa về trụ sở cảnh sát bắt bạc, cách đó chừng một cây số, mới biết Bùi Quang Hưng, vị chiến sĩ công an cứng đầu chống cự hăng nhất, là tài xế của ông Trưởng phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội. Và "cấp tốc" khám nhà anh Hưng này thì tìm ra ngay các hồ sơ đánh cá độ còn lưu trữ trong máy vi tính, với những con số hàng triệu mỹ kim. Sau đó báo chí loan tin số tiền đánh cá lên nhiều triệu đô la Mỹ.

Người Hà Nội tự hỏi: Tại sao cảnh sát đi bắt bạc như chuyện tình cờ mà lại nhắm đúng cái ổ lớn như thế? Và tại sao ngay lập tức tìm trúng đầu mối với tang chứng đầy đủ như thế? Tất phải có đầu mối, có biện chứng hẳn hoi chứ chẳng chơi. Nhưng dân chúng thì chẳng ai biết cái đầu mối nào nằm ở đâu, tha hồ mà nghe tin đồn. Cái này là các cụ ở trên đang tính giết nhau đây? Các cụ muốn giải quyết nhau trước ngày Hội nghị thứ 13 của Trung ương Đảng khóa Chín? Hay là ngay trong bộ Công An có nhiều người nhìn cảnh tham nhũng tràn lan, ngập đến tận cổ, buồn nôn quá chịu không nổi bèn ra tay, đặt các cụ trước một sự việc đã rồi? Ai bảo lãnh cho những công an phá đám như vậy? Không được ăn thì đạp đổ? Ai biết đâu là sự thật? Có khi chẳng bao giờ biết cái gì là sự thật hết! Người dân chỉ biết rằng nếu ở trên các cụ vẫn "giữ đoàn kết như giữ con ngươi trong mắt mình" như lời Bác dậy, thì những thằng dân đóng khố đứng ngoài lề sẽ chẳng bao giờ biết các cụ đã làm gì nhau hết! Đánh cá mất hàng triệu đô la vẫn im lặng như tờ!

Nhưng nếu có một ông Giám đốc Bùi Tiến Dũng nắm quyền ở một tổng công ty trong bộ Giao thông Vận tải bẩy tám năm trời mà đánh cá độ lớn như thế, thì làm sao mà lấy vải màn che mắt thánh? Làm sao các quan ở trên lại không biết, để tới giờ này mới khám phá ra, nhờ một vụ tình cờ đi bắt bạc ở hồ Bách Thảo? Người trần mắt thịt không biết, chứ ai tin được là các quan có thần nhãn lại không biết? Nhưng nếu các quan biết hết, biết từ lâu rồi, thì tại sao bỗng vào giờ này lại đem khui ra? Khui ra đúng vào năm sắp họp đại hội Đảng, sắp sửa trình diện đào kép mới lên sân khấu? Nó giống như những vụ khui hồ sơ Võ Nguyên Giáp viết thư cho quan toàn quyền Tây hồi xưa. Nó giống như vụ Nguyễn Hà Phan bị tố đã được chiêu hồi thời chiến tranh mà che giấu. Giống như chuyện ông Đỗ Mười bỗng dưng đem nộp một triệu mỹ kim đã được tư bản Nhật tặng với tư cách tổng bí thư đảng. Làm sao tin được đây là một vụ bắt bạc tình cờ?

Bùi Quang Hưng đã sử dụng một tiệm vàng ở phố Tạ Hiện để đổi tiền Việt Nam sang mỹ kim rồi chuyển qua Ma Cao, Nga, Hồng Kông từ bao năm nay, làm sao che dấu các thánh được? Cả tháng sau ngày Bùi Quang Hưng bị bắt, các tên tuổi mới được tiết lộ, chứng tỏ nhiều cuộc chạy chọt đã diễn ra, ngay trong lúc Hội nghị Trung ương Đảng đang họp. Họp mà chắc không ai có

thời giờ bàn chuyện dự thảo báo cáo chính trị, chỉ bàn nhau toàn những chuyện ai đánh cá độ bóng đá bao nhiêu! Cái "đảng lãnh đạo" mải lo bàn chuyện đánh cá độ cho nên không có thời giờ tự lãnh đạo lấy mình nữa!

Đó là thảm cảnh của một nước 80 triệu dân mà số mạng được đặt trong tay một đảng cầm quyền suốt nửa thế kỷ, nắm vững sơn hà trong tay nhờ cái còng số tám. Họ nắm quyền sinh sát trong tay, muốn làm gì thì làm. Họ bao che cho nhau, bưng bít cho nhau, báo chí cũng bị lãnh đạo, dân làm sao biết cái gì được? Một ông Bùi Tiến Dũng vừa là tổng giám đốc vừa là bí thư đảng ủy tổng công ty, vừa là một trong bẩy thường vụ đảng ủy trong bộ Giao thông Vận tải. Ông lại được Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đề cử vào Trung ương Đảng cùng với hai ông bộ trưởng, thứ trưởng cùng bộ.

Mỗi năm ông Dũng ký giấy chi tiêu hàng ngàn tỷ đồng, gần chục năm trời, đến nay thằng dân mới biết. Ông ta chịu trách nhiệm với ai? Ông chỉ đánh bạc chơi mà đã phóng tay đánh vài triệu mỹ kim một tháng, thì không biết ông còn chi tiền ở những chỗ khác bao nhiêu? Ông đem nộp lên trên bao nhiêu, trên lại nộp lên trên nữa bao nhiêu? Bùi Quang Hưng ngoài việc chuyển tiền đánh cá độ và bán độ các trận cầu lớn, còn lo chuyển ngân cho bao nhiêu ông lớn khác?

Nhiều độc giả ở Hà Nội đã viết trên mạng lưới rằng họ "nghẹn ngào" khi đọc những tin tức về vụ cá độ bóng đá này. Nghẹn ngào là làm sao? Có lẽ cả nước chúng ta đều phải ôm mặt khóc. Khi nhớ đến những nông dân liều chết đi biểu tình đòi thêm vài triệu đồng Việt Nam bồi thường đất đai bị truất hữu để làm đường, làm cầu, làm sân golf cho du khách chơi. Những người nắm trong tay hàng chục ngàn tỷ đồng "xây dựng;" trong đó cũng có tiền bồi thường đất đai cho các nông dân bị mất ruộng cầy, các quan đó đem tiền đi vui chơi bài bạc. Thằng dân biểu tình năn nỉ xin thêm tiền có người bị bắn chết, các quan thí cho chút tiền đem chôn. Hãy nghĩ tới hàng ngàn phụ nữ Việt Nam không có phương kế sống phải bán mình ra nước ngoài, sống làm vợ khắp người ta; trong khi các quan chức vui chơi vứt hàng triệu mỹ kim qua cửa sổ. Hãy nghĩ đến những trẻ em 10 tuổi không được đi học vì cha mẹ không có tiền đóng lệ phí sau khi trường công đã được "xã hội hóa." Hãy nghĩ đến các bệnh nhân không có tiền mua băng, bông, tiền mua kim chích khi vào nhà thương, vì bệnh viện cũng được "xã hội hóa." Tại sao đất nước mình nó thảm như vậy? Có lẽ cả nước chúng ta nên ôm mặt khóc với nhau.

Chỉ có một cách chấm dứt thảm cảnh này. Là chấm dứt luôn chế độ độc tài độc đảng. Tại sao dân mình khổ như vậy, bị đè nén lâu như vậy mà không thoát ra được? Có phải chỉ vì một chế độ độc tài đảng trị cứ nhất định lãnh đạo, không chịu buông tha dân tộc mình hay không? Có nước nào chịu nhục nhã lâu như vậy mà chỉ biết nghẹn ngào với nhau hay không? Nghẹn ngào cho đến bao giờ?

Cần một phong trào Công đoàn Tự do

Quý vị thử cho ý kiến về lời phát biểu này: "Hệ thống các xí nghiệp cạnh tranh tự do và kinh tế thị trường tự do là nền tảng tốt nhất cho tương lai thế giới." Nếu quý vị đồng ý với câu đó, tức là quý vị tin tưởng ở hệ thống "kinh tế tư bản." Vì khi muốn gọi kinh tế tư bản bằng một cái tên khác, người ta dùng chữ "kinh tế thị trường tự do."

Đại học Maryland ở Mỹ mới làm một cuộc nghiên cứu dư luận về thái độ của mọi người đối với hệ thống kinh tế tư bản. Họ phỏng vấn 20,791 người trong 20 quốc gia. Đối với câu hỏi trên, có 71 phần trăm người Mỹ đồng ý. Tức là ở nước Mỹ có tới 29% dân chúng không tin tưởng vào kinh tế tư bản. Nhưng ở Trung Quốc, bất ngờ, có tới 74 phần trăm người trả lời đồng ý với lời phát biểu trên. Tỷ lệ người Trung Hoa tin tưởng ở "kinh tế tư bản" đông hơn cả dân Mỹ! Bài học là, người ta càng sống lâu trong chế độ cộng sản thì lại càng mong thay đổi để được sống với kinh tế tư bản!

Vì khi nhìn vào các nước theo "kinh tế thị trường tự do" thì người ta cũng thấy các nước đó thường theo chế độ dân chủ. Tức là mọi người phải có quyền tự do hội họp và tự do lập hội, thí dụ như lập nghiệp đoàn. Không những các "xí nghiệp cạnh tranh tự do," mà còn các nghiệp đoàn cũng tự do hoạt động để bảo vệ những người đi làm công nữa. Ở những nước mới "tư bản hóa" nhưng theo chế độ dân chủ, dù còn là dân chủ sơ khai, quyền lập nghiệp đoàn đều được công nhận là một quyền tự do căn bản.

Ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, giới lao động chưa được hưởng thứ quyền căn bản này. Họ càng có lý do mong mỏi chế độ kinh tế tự do được thi hành thật sự, ít nhất để họ có quyền đình công hợp pháp.

Trong mấy tháng qua, đã nghe tin những cuộc đình công rộng lớn trong các xí nghiệp vốn nước

ngoài. Trước Tết, có 14, 15 cuộc đình công ở các khu chế xuất trong vùng gần Sài Gòn. Tổng số công nhân tham dự các cuộc đình công đã lên tới 60,000 người. Những vụ đình công này đều ngoài vòng pháp luật, giản dị vì luật pháp của chính quyền xã hội chủ nghĩa này lo bảo vệ các chủ nhân xí nghiệp chứ không bảo vệ công nhân. Sau khi phong trào lên mạnh, ông Phan Văn Khải đã phải ký lệnh tăng lương tối thiểu, lên 780 ngàn đồng một tháng, nhưng lại chỉ áp dụng cho các xí nghiệp ngoại quốc làm chủ thôi. Sau Tết phong trào đình công lan ra tới Hải Phòng. Hai phần ba trong 6,000 công nhân trong Công ty Sao Vàng ngưng làm việc đòi tăng lương theo luật mới. Vì ban giám đốc nại cớ chủ nhân của công ty trách nhiệm hữu hạn này là người Việt Nam chứ không phải ngoại quốc, cho nên vẫn chỉ trả 400 ngàn đồng một tháng. Nhưng công ty Sao Vàng này chuyên thầu làm hàng da, giầy cho các công ty Đài Loan; và giới lao động không ngu đến nỗi không hiểu rằng các ông chủ thật sự của Sao Vàng là người Đài Loan! Đáng lẽ công ty phải đổi tên là Mặt Trời Trắng mới đúng, vì cờ Trung Hoa Dân quốc mang hình "Thanh thiên, Bạch nhật."

Tại sao công nhân làm cho xí nghiệp nước ngoài lại được lãnh lương tối thiểu cao hơn? Trên mặt kinh tế thì không có gì để biện minh hết. Chính phủ muốn giúp các xí nghiệp trong nước cạnh tranh dễ dàng hơn các xí nghiệp ngoại quốc? Vô lý, vì các công ty vốn của ai thì muốn làm một đôi giầy cũng dùng bấy nhiêu nguyên liệu, bấy nhiêu công nhân. Giá thành sản phẩm, khả năng cạnh tranh không khác gì nhau, tại sao bắt các công nhân ở Hải Phòng nhịn ăn nhịn mặc, thua kém các công nhân ở các khu chế xuất Tân Thuận, Linh Trung? Đúng ra, xét về chi phí kinh doanh thì đáng lẽ chính các công ty ngoại quốc mới cần trả lương công nhân thấp hơn các công ty Việt Nam, để giá thành sản phẩm ngang nhau. Vì họ phải trả lương các quản đốc người ngoại quốc cao hơn, họ bị đánh thuế cao hơn, thuê nhà đất cũng cao hơn. Tại sao các ông chủ bản xứ lại trả lương công nhân ít hơn? Giữ tiền lại để cúng cho ai? Hay là để đi đánh bạc?

Các lý thuyết gia của đảng Cộng Sản sẽ biện hộ rằng các xí nghiệp trong nước, tư doanh hoặc quốc doanh, phải trả lương thấp hơn vì hiệu quả công việc thấp quá. Nếu cứ để cho hiệu năng công việc thấp như vậy thì các ông các bà cứ nắm lấy quyền lãnh đạo làm cái gì mà không chịu nhả ra?

Thời Cơ Vàng của Lao động Việt Nam

Sau những vụ đình công đầu tiên hồi trước Tết, bà Cù Thị Hậu, chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã lỡ miệng nói rằng công nhân ở các doanh nghiệp nhà nước cũng từng đình công, tất nhiên, cũng đình công bất hợp pháp. Một ngày sau, những lời tuyên bố đó biến mất trên các mạng lưới!

Bà Cù Thị Hậu cho biết các công nhân muốn đình công thì phải đi qua công đoàn ở trong xí nghiệp. Nhưng bà lại than là ngay những người là chủ tịch công đoàn cũng lo mất việc, họ có thể bị chủ nhân đuổi. Luật pháp các nước tư bản không bao giờ cho phép các xí nghiệp đuổi những lãnh tụ nghiệp đoàn một cách vô lý như thế.

Bà Cù Thị Hậu cũng than rằng công đoàn của bà khó làm việc vì không có ngân sách, không có tiền quỹ để trợ giúp các công nhân khi họ đình công nghỉ việc, mất lương. Các công đoàn độc lập ở các nước tư bản bao giờ cũng có "quỹ đình công" để trang trải món chi tiêu đó! Bà Cù Thị Hậu cũng nói luật lệ đình công đòi hỏi phải mất 20 ngày làm các thứ thủ tục, mà trong các thủ tục có việc phải ra hội đồng hòa giải, cái hội đồng này thì lại do chính giám đốc xí nghiệp ngồi chủ tọa! Thế thì ai hòa giải cái gì, hòa giải với ai?

Cuối cùng thì người ta phải hiểu rằng cái tổ chức gọi là công đoàn của các chế độ cộng sản chỉ lo bảo vệ giới chủ nhân. Vì ngày xưa, chỉ có nhà nước và đảng Cộng Sản là chủ nhân ông mà thôi. Đảng làm chủ, đảng cũng đóng vai đại biểu công nhân, khỏi cần nói nhiều. Nhưng bây giờ đã cho phép tư nhân, kể cả các đảng viên, và cho người ngoại quốc vào làm chủ doanh nghiệp, mà luật lệ vẫn bảo vệ các chủ nhân như cũ! Công đoàn trong chế độ cộng sản chỉ là một guồng máy để kiểm soát công nhân chứ không tranh đấu cho họ. Ông Lê Trung Nghĩa, chủ tịch công đoàn các khu chế xuất vùng Sài Gòn than với nhà báo: "Công đoàn hiện không kiểm soát nổi tư tưởng họ (tức các công nhân) nên khó vận động chỉ bằng lý lẽ." Rõ ràng là ông Nghĩa xác nhận vai trò của ông là "kiểm soát" của người lao động. Bản tin trên mạng lưới trong nước nói là "Cơ quan an ninh thành phố đã triệu tập một số đối tượng quá khích." Nghe hai chữ "triệu tập" người ta lại nhớ đến những lệnh triệu tập người miền Nam đi học tập. Không biết những công

nhân bị triệu tập thì được báo phải mang bao nhiêu ngày cơm?

Nhưng phong trào đình công lan rộng từ Nam ra Bắc cho thấy giới lao động Việt Nam không ngu si dốt nát mà cũng không hèn.

Có dư luận cho rằng những vụ đình công phát xuất từ vùng quanh Sài Gòn là do phe cánh của các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh xúi dục để gây tiếng xấu cho phe cánh của ông Võ Văn Kiệt. Họ muốn chứng tỏ các đàn em của ông Kiệt không có khả năng "kiểm soát" lao động. Cho nên ngay sau các vụ đình công đầu tiên xẩy ra, các người lãnh đạo công đoàn cùng Sài Gòn đã nhất tề đứng lên phân trần rằng họ không có lỗi, mà lỗi là từ Hà Nội. Vấn đề mà các công nhân tranh đấu là đòi tăng lương tối thiểu, mà lương tối thiểu là thẩm quyền của chính quyền Hà Nội! Ông đại diện công đoàn Bình Dương còn nói rõ là ở địa phương của ông "một số doanh nghiệp đã có phương án tăng lương cho người lao động. Hầu hết đều ... đợi quyết định bằng văn bản của thủ tướng!" Như vậy là đổ tội cho ông Phan Văn Khải và Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đặc trách về kinh tế! Nhưng các vụ đình công ở Hải Phòng thì do ai xúi dục để làm hại ai? Không lẽ lại nhắm hại ông Đoàn Duy Thành, người từng đứng đầu Hải Phòng, mới viết cuốn hồi ký kể tội ông Đỗ Mười, dù chỉ mới kể 20 phần trăm!

Dù không tin những lời đồn đại hậu trường này là sự thực, giới lao động Việt Nam cũng biết thêm một điều: Trong lúc các quan trên lo đấm đá lẫn nhau để chuẩn bị Đại hội Mười, đây là một cơ hội tốt để người lao động Việt Nam đứng lên đòi hỏi các quyền lợi chính đáng của họ. Cần gì, hãy đứng lên đòi lấy, ngay bây giờ. Không nên bỏ lỡ thời cơ hiếm có này. Xin gọi đây là một "Thời Cơ Vàng của Lao động Việt Nam!" Trong một chế độ kiểm soát chặt chẽ như thế mà các công nhân bảo được nhau, cùng phát động đình công trong hàng chục xí nghiệp trong một buổi. Như vậy, hoặc là các công nhân có tài tổ chức qua mặt tất cả mạng lưới công an; hoặc là chính anh chị em công an cũng đồng tình với các công nhân! Vì họ cũng chán ngấy cảnh sống trong một chế độ mà họ vừa bị sai bảo đóng vai kìm cặp dân, vừa bị mang tiếng tham nhũng dù có gì béo bở thì các sếp lớn đã ăn hết! Nếu có một làn sóng ngầm sôi sục bên trong chế độ như thế, thì làn sóng công nhân đình công hãy nổi lên. Đúng là thời cơ vàng đã đến rồi!

Trong năm nay quốc hội Việt Nam tính sẽ đem bàn một dự luật về các hội gọi là các hội phi chính phủ, NGO. Giới công nhân ở Việt Nam phải tranh đấu để dự luật này không đặt ra một thứ hạn chế nào đối với "quyền lập hội" của người lao động. Chẳng hạn, Đảng có thể viết thêm một điều nói rằng, "Luật này không áp dụng cho các tổ chức, câu lạc bộ, đoàn thể của công nhân!" Người lao động phải tranh đấu lấy một quy chế riêng cho các nghiệp đoàn tự do, vì cái tổ chức gọi là "công đoàn" ở Việt Nam hiện nay chỉ là một cánh tay của đảng Cộng Sản mà thôi.

Những vụ "đình công tự phát" trong mấy tháng qua cho thấy một cái mặt nạ của chế độ cộng sản đã bị lật ngửa. Họ không là "đại biểu của giai cấp công nhân." Chắc chắn không. Nói ngược lại là nói dối, là mị hoặc. Trong bản Dự thảo Báo cáo Chính trị Đại hội X của đảng Cộng Sản, mục số XIV vẫn viết: "Đảng Cộng Sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân ... đại biểu trung thành của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ..." Có ai tin được không? Nói vậy mà không biết xấu hổ! Tờ báo điện tử của đảng này, trong tháng trước, vẫn còn quả quyết về những "thành tựu" của chủ nghĩa Cộng Sản: "Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, chủ nghĩa Xã hội đã trở thành hiện thực, chế độ áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản đã bị xóa bỏ, đem lại quyền tự do và vai trò làm chủ xã hội cho nhân dân lao động ..." Họ nói thật hay nói đùa đây?

Giới lao động Việt Nam hãy cứ yên cầu đảng Cộng Sản thực hiện những khẩu hiệu của họ. Không cần đòi họ thay đổi thể chế cũng được. Cứ đứng ra tự tổ chức lấy những nghiệp đoàn độc lập, tự do và tự nguyện của họ, giống như Công đoàn Đoàn Kết ở Ba Lan hồi 1980. Rồi nhân thời cơ đó, đòi quốc hội phải làm ra luật lệ mới về thể lệ thành lập nghiệp đoàn tự do. Xin phép "đạo văn" ông Nguyễn Trung: Người lao động Việt Nam phải "nắm bắt lấy cơ hội vàng, thời gian vàng này!" Tại sao đi làm công cho các ông chủ Hàn quốc, ông chủ Đài Loan thì được lãnh lương cao, còn làm cho các ông chủ người Việt và nhà nước Việt Nam thì lãnh lương thấp? Các ông chủ người Việt cần giữ tiền lại để đi cá độ hay sao? Phải hỏi thẳng vào mặt họ những câu hỏi như vậy. Phải đòi được tự do tổ chức, tranh đấu cho quyền lợi của giới lao động. "Khát vọng này là cháy bỏng! Khát vọng này là thiêng liêng," như ông Nguyễn Trung đã viết. Người lao động không có gì để mất, ngoài cái còng số tám!

Tôi đi bệnh viện... nhi đồng

Phóng sự của
QUỲNH THOA/*Người Việt*

Đúng 22 giờ đêm, các nhân viên bảo vệ bệnh viện Nhi Đồng 2, thành phố Sài Gòn, với chiếc máy bộ đàm dắt ở hông, mạnh tay kéo rèn rẹt những chiếc cửa sắt, khiến những bệnh nhân tuổi nhi đồng đang say giấc giật mình khóc òa và những thân nhân của bệnh nhi đang ngồi hóng mát ngoài hành lang vội vã lách người chạy trở vào trong, đồng thời chiếc ti vi đang mở oang oang trong các phòng đồng loạt phụt tắt... Đêm dần vào khuya, tiếng các em nhỏ khóc văng vẳng. Mỗi dãy lầu bệnh viện đã được "cách ly" hoàn toàn, thật an toàn vì "nội bất xuất, ngoại bất nhập" với những phòng bệnh ở mỗi tầng xài chung một chiếc toilet ở đầu cầu thang có chiếc cửa xộc xệch...

Ở bệnh viện này, đi đâu cũng thấy những chiếc bảng nhỏ ghi hàng chữ cảnh báo: "Đề phòng trộm cắp." Ở trên khung cửa kính mỗi phòng cũng thế. Ban ngày, ngay tại quầy thu tiền viện phí, các nhân viên bệnh viện liên tục gọi loa nhắc nhở các thân nhân bệnh nhi hãy lưu ý hãy đề phòng bọn trộm cắp, móc túi, lừa đảo đang trà trộn vào giữa các đám đông... Vào các giờ "cao điểm" là khi các thân nhân chăm sóc bệnh mệt mỏi, lơ đễnh, các nhóm nhân viên bảo vệ lại chia nhau ngồi canh chừng ở đầu các hành lang mỗi tầng lầu.

Bệnh nhân quá đông chính là nguyên nhân gây nên bầu không khí ngột ngạt ở đây. Cả thành phố này chỉ có hai bệnh viện nhi đồng (Nhi Đồng 1 và Nhi Đồng 2) vậy mà bệnh nhân từ khắp các tỉnh miền Tây, miền Trung đổ đồn về đây. Anh Vinh, người Đà Lạt bảo rằng, suốt từ ngày 20 Tết Âm Lịch đến nay anh ngồi riết ở trong các bệnh viện. Đầu tiên là người cháu trai của anh bị xe tông gãy chân, phải nằm viện ở Đà Lạt năm ngày, tiền viện phí hết gần một triệu đồng, vậy mà vết thương cứ rỉ máu hoài, khiến phải cấp tốc chuyển viện về Sài Gòn. Sau đó, chính thằng con trai bảy tuổi của anh bị bạn trong lớp đẩy ngã gãy tay. Rút kinh nghiệm, anh không đưa con vào bệnh viện tỉnh nữa, mà chạy thẳng về Sài Gòn cho chắc ăn.

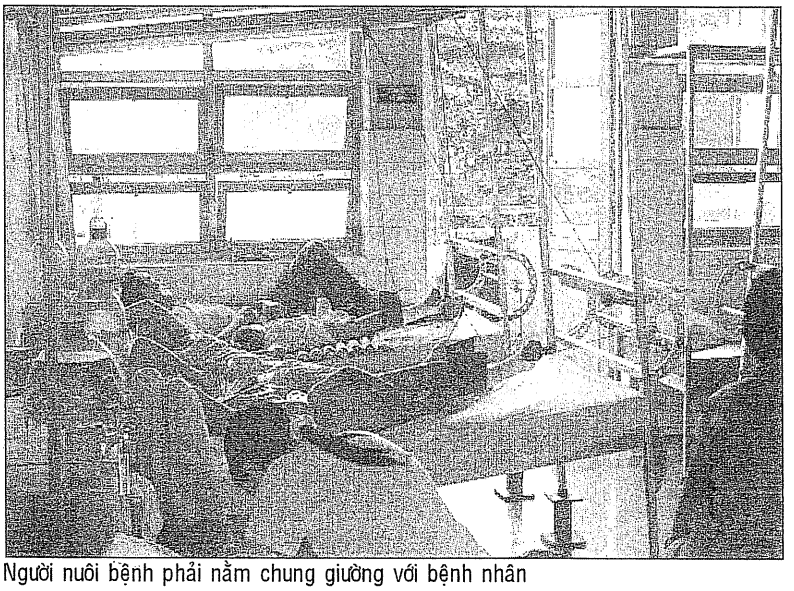
Người nuôi bệnh phải nằm chung giường với bệnh nhân

Theo anh, lý do người dân ở tỉnh khi có con nhỏ bị đau bệnh bằng mọi giá phải đem đến một trong hai bệnh viện nhi ở Sài Gòn vì nhiều lí do. Trước hết là do các bác sĩ ở tỉnh trình độ chuyên môn rất kém và thái độ làm việc quan liêu. Thứ hai là viện phí rất đắt đỏ so với thu nhập của người dân. Anh Vinh kể, thằng cháu anh về nhập viện ở đây chín ngày mà chỉ tốn có 120,000 đồng mà

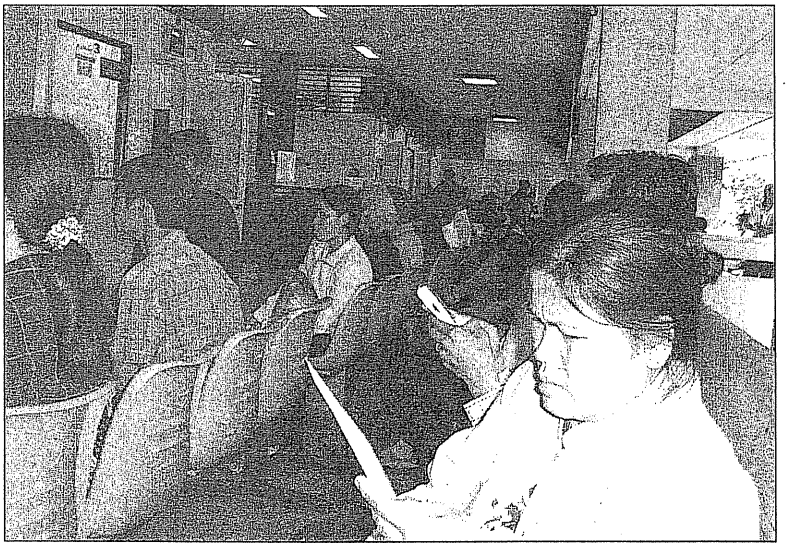

Phòng đợi luôn luôn đông người

ngày nào cũng có ba bữa ăn miễn phí. Còn riêng anh, cứ tới giờ anh lại cầm gà-mên xuống khuôn viên bệnh viện xếp hàng nhận bữa cơm từ thiện...

Xét về mặt nhân đạo, bệnh viện này đã làm trọn khả năng của mình. Nhưng dạo một vòng, không khỏi nao lòng trước những gì nhìn thấy.

Trên tầng hai khu B không gian được tận dụng triệt để. Ngoài hành lang phơi đầy quần áo, bên cạnh là những giỏ rác, là chiếc rãnh nước chạy suốt hành lang giữa trưa nắng bốc mùi hôi. Trong giờ làm việc, mà hành lang vẫn đầy người nhà bệnh nhân trải chiếu ngồi, nằm khắp nơi. Trên những chiếc ghế nhựa đủ màu sắc xanh đỏ trước các phòng khám, nhiều chiếc còn vương những vệt trăng trắng đã khô quánh lại, có lẽ những em nhỏ đã không ngăn được cơn nôn bất chợt. Có vệt hình như là chất thải của bé.

Gần đây, bác sĩ Trần Đông A, người nổi tiếng qua ca mổ tách rời cặp song sinh Việt -Đức đã phát biểu ước mơ của mình là mong có một Bệnh viện Nhi đồng 3 ở Sài Gòn , là nơi chữa bệnh hoàn toàn miễn phí cho bệnh nhi nghèo. Bây giờ, trẻ dưới sáu tuổi đã được chữa bệnh miễn phí, nhưng phần đông các bé ở tỉnh lên đây, nghĩa là đã vào bệnh viện khác tuyến, nghĩa là vẫn không được chữa chạy miễn phí... Chợt nhớ lại chuyện đứa cháu nội của tay quan tham, thứ trưởng Bộ thương mại, Mai Văn Dâu được mẹ dùng vô số các tờ giấy bạc trăm ngàn xếp làm bướm, làm thuyền... nghịch chơi. Tất nhiên các bé đều ngây thơ, nào có tội tình gì.

Có một buổi trưa, hai phụ nữ xinh đẹp, sang trọng được phép bệnh viện đã ghé vào các phòng, hỏi thăm các bé nghèo nhất và tặng quà... Khi các chị đã đi, mẹ của một bệnh nhi đã chia nửa số tiền cho cho hai bà mẹ khác trong phòng - một người có bé trai với các ngón tay ngón chân dính chặt vào nhau, người kia có bé gái phải mổ khớp háng - vì đưa con ra phòng khám, nên không nhận được quà của hai người phụ nữ tốt bụng kia... Tôi chợt nhận ra rằng, trong xã hội đầy rẫy những nhiễu nhương đến bất công này, vẫn còn có những tình người ấm áp. Nó sưởi ấm những căn phòng chật hẹp đầy mùi thuốc men và hơi người, những hành lang bệnh viện lạnh lùng vào đêm khuya. Bởi mỗi đứa trẻ là một thiên thần và tất nhiên chúng không có tội tình gì cả.

Q.T.

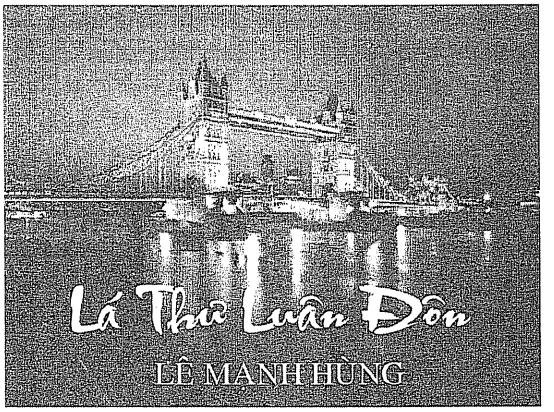

Những món nợ của lịch sử

Lịch sử như người ta vẫn thường nói chỉ bao gồm những gì mà một nước muốn nhớ. Nhưng có lẽ chính vì vậy mà những sự chạm trán giữa các quốc gia trong quá khứ đã làm phức tạp thêm những quan hệ hiện nay. Điển hình nhất là tình trạng căng thẳng giữa Nhật Bản, Trung Quốc và Nam Hàn chung quanh những hành động của quân đội Nhật trong thế chiến thứ hai. Và Nhật không phải là quốc gia độc nhất mà bóng ma của quá khứ ảnh hưởng đến hiện

tại. Mùa hè vừa qua chính nước Pháp cũng đã trải qua một cú *shoc* những vụ bạo động tại các khu nhà ổ chuột ở vùng ngoại ô mà người ta cho rằng đó chính là những giòng "tái bút" di sản của thời chế độ thực dân Pháp.

Với đế quốc Anh là một đế quốc rộng lớn còn hơn đế quốc Pháp và thực dân Anh đi chinh phục các nước còn sớm hơn thực dân Pháp thì những bóng ma của di sản lịch sử chắc chắn còn nhiều hơn nữa. Và ta có thể thấy rõ những ám ảnh này trong quan hệ của Anh với các nước Trung Đông, đặc biệt là với Iran.

Trong những ngày qua, các cuộc biểu tình bạo động đã nổ ra liên tục tại các nước Trung Đông chống lại Đan Mạch và các nước châu Âu khác vì báo chí các nước này đã đăng lại những bức hý họa phỉ báng Hồi giáo và nhà tiên tri Muhamed. Thế nhưng dù rằng chính quyền và báo chí Anh và Mỹ đã lên tiếng chứng tỏ không đồng ý với việc đăng tải những bức hý họa này nhưng Mỹ và đặc biệt là Anh vẫn bị nghi ngờ nhiều nhất là có những ý đồ đen tối đối với vùng. Đối với Mỹ thì điều này cũng dễ hiểu. Sau các vụ Iraq và Afghanistan, Mỹ vẫn bị coi như là "đế quốc áp bức lớn của thế giới" (The World Oppressor) và luôn luôn được coi như là đứng đầu trong danh sách kẻ thù. Thế còn Anh thì sao? Có lẽ những lời nói sau đây của Seyed Razi Abbasian, một người buôn bán đồ cổ tại một cửa tiệm nhỏ ngay xế cửa tòa đại sứ Anh tại Tehran có thể cho ta thấy rõ ký ức của những chuyện cũ ảnh hưởng thế nào đối với hiện tại. "Chúng tôi chưa bao giờ thấy cái gì tốt từ phía người Anh cả. Kể từ khi chúng đặt chân lên đất này cách đây 700 năm, chúng tôi chưa thấy chúng làm một cái gì tốt." Trong một đất nước bị chia rẽ làm nhiều phe phái như Iran, quan điểm của Abbasian là quan điểm hầu như là độc nhất có được sự đồng ý của hầu hết những người Iran thuộc đủ các thành phần xã hội, kinh tế và khuynh hướng chính trị.

Việc nhìn thấy bàn tay của đế quốc Anh đằng sau mọi chuyện xảy ra cho thế giới Hồi giáo đã trở thành lăng kính qua đó người dân Iran giải thích cả những chuyện nội bộ của họ. Ngay cả đến Mỹ, "con quỷ dữ số một" (The great Satan) cũng nhiều khi bị mô tả như là một chàng trai lực lưỡng nhưng ngu đần bị những thế lực đen tối ở Luân Đôn điều khiển. Như Mansooreh Ettehadie, một giáo sư giạy sử và cũng là một nhà văn, nói "Suốt từ 200 năm nay kể từ khi chúng tôi có quan hệ chính trị với người Anh, chưa bao giờ có chuyện gì hại đến Hồi giáo mà họ không dính vào. Thành ra cảm giác chung tại Iran là ngay cả chuyện này cũng phải có bàn tay của họ."

Và như Ettehadie nêu ra, có nhiều lý do lịch sử để cho người Iran nghi ngờ người Anh. Theo Ettehadie, đầu thế kỷ thứ 20, đế quốc Anh đã cạnh tranh với đế quốc Pháp và đế quốc Nga để dành quyền kiểm soát Iran. Và sự thành công của đế quốc Anh tại vùng Trung Đông cũng như việc Anh kiểm soát cái giếng dầu lửa trù phú của Iran trong nhiều năm đến nay vẫn còn để lại một niềm cay đắng vấn vương trong tâm khảm của những người Iran. Ngoài ra còn nhiều chuyện gây ra những bực tức nữa; tỷ như trong nhiều năm, Iran không có cả một ngân hàng trung ương của mình mà phải trông cậy vào một ngân hàng Anh để phát hành tiền tệ của mình.

Và như mọi học sinh trung học Iran đều biết, chính tình báo Anh đã chủ mưu việc lật đổ chính quyền dân cử của thủ tướng Mossadegh và đưa lên ngôi vị bạo chúa Mohammed Reza Pahlevy mà triều đại trị vì kéo dài tới khi cuộc cách mạng Hồi giáo 1979 nổ ra mới hết. Việc nhìn thấy bàn tay của Anh đằng sau mọi chuyện đã thấm nhuần sâu vào trong đầu óc người Iran nhất là trong những người đứng tuổi đến nỗi nó đã trở nên một điều thông thường để người ta nói đùa với nhau. Một trong những tiểu thuyết hài hước được ưa chuộng nhất tại Iran, cuốn "Ông chú tôi, Napoleon" đã diễu việc người Iran nhìn thấy bàn tay của người Anh đằng sau mọi chuyện đen tối xảy ra cho nước mình.

Gần đây khi Anh, Hoa Kỳ và các nước châu Âu khác đang làm áp lực để đưa Iran ra trước Hội Đồng Bảo An về các hoạt động nghiên cứu hạch tâm của Iran thì tình trạng căng thẳng giữa Anh và Iran càng tăng thêm. Các viên chức Iran nhìn thấy bàn tay của tình báo Anh trong cả mấy vụ đánh bom ở miền nam Iran gần đây và cả mấyvụ rơi máy bay nữa. Và dù rằng trong việc đưa ra Hội Đồng Bảo An, Anh chỉ làm chung với Hoa Kỳ, Pháp và Đức nhưng vẫn bị Iran coi như là kẻ chủ mưu.

Nếu có một sự kiện lịch sử hiện đại nào mà vẫn tiếp tục làm cho người Iran căm hận người Anh nhất thì đó là cuộc đảo chính năm 1953 lật đổ chính quyền của thủ tướng Mohammed Mossadegh và đưa quốc vương Reza Pahlevi,

trước đó đã bỏ chạy ra khỏi nước, trở lại lên ngôi. Mặc dầu, cơ quan chủ mưu là CIA chứ không phải tình báo Anh, nhưng người Iran vẫn nhất quyết cho rằng chính MI 6 mới là kẻ giật dây. Mustafa Jahangard, chủ một quầy hàng bán rau quả tại chợ chính của Tehran cương quyết khẳng định "Chính bọn Anh phải chịu trách nhiệm trong việc lật đổ thủ tướng Mossadegh." Và khi được hỏi anh ghét nước nào nhiều hơn, Mỹ hay Anh thì Jahangard đầu tiên phân biệt giữa dân chúng Mỹ mà anh cho là "tốt" và chính phủ Mỹ bị coi là "xấu." Thế nhưng Jahangard đã không làm sự phân biệt này đối với Anh. Theo Jahangard "Bọn Anh tệ hơn nhiều. Bọn họ gian giảo lắm."

Và ngay cả khi chính phủ Anh có những hành động gì thuận lợi cho Iran thì cũng bị nhìn bằng một con mắt nghi ngờ là có âm mưu gì bên trong đó. Sau khi ngoại trưởng Jack Straw của Anh khẳng định rằng các nước phương Tây không hề có ý định dùng biện pháp quân sự chống lại Iran mặc dầu Hoa Kỳ vẫn tuyên bố là không loại trừ mọi biện pháp nào để ngăn chặn Iran có vũ khí hạch tâm, tờ *Resalat*, một nhật báo của Iran đã đăng một bài xã luận dài tựa đề là "Bàn tay của Anh chống lại an ninh của chúng ta" trong đó viết "Anh quốc, nước thực dân cũ, đã dính tay vào trong mọi hành động tội ác này. Một trò bịp bợm khác của Anh là mỗi khi âm mưu bí mật của họ bị lộ ra, thì họ vội vàng lấy một lập trường hoàn toàn hữu nghị, chống lại lập trường của Mỹ đối với Iran. Nhưng khi tình hình trở lại bình thường thì họ lại tiếp tục âm mưu cũ."

Đúng là "perfide Albion," hay nói theo kiểu Việt Nam chúng ta, "gian như Tào Tháo."

Bầy quạ vương giả

Những ai đã từng đến Luân Đôn đều có nghe nói, và có thể đến thăm tòa lâu đài có tên là "Tower of London" vì nơi đây là nơi được trưng bầy kho tàng, những của cải quý giá của hoàng gia Anh trong đó ngoài những mâm, đĩa, hồ rượu bằng vàng khối chói lọi còn có những chiếc vương miện và những thanh bảo kiếm, hoặc quyền trượng dát vàng và nạm những viên ngọc đủ loại cực kỳ quý giá. Đặc biệt trong khối những viên ngọc quý này có hai viên kim cương lớn nhất thế giới mà hầu hết mọi người khi nhìn thấy lần đầu tiên đều khó tin rằng chúng là những viên kim cương thật sự, bởi vì ngay cả sau khi cắt rồi và nạm trên chiếc quyền trượng và vương miện của nữ hoàng Anh, một viên vẫn còn to bằng quả trứng ngỗng và viên kia to bằng quả trứng gà.

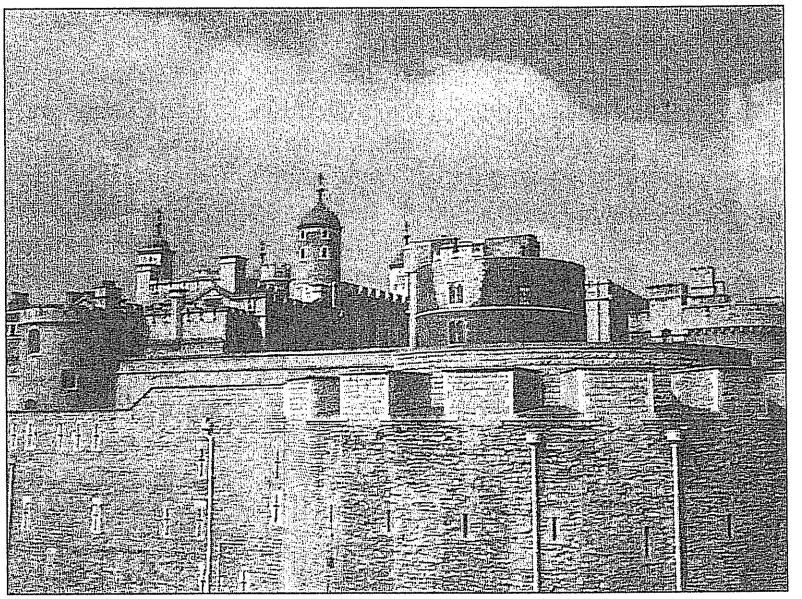

Tower of London

Ngay từ lúc mới xây, tòa lâu đài này đã có những quan hệ mật thiết với triều đại đang ngự trị hiện nay tại Anh Quốc. Ngay sau khi chiếm được nước Anh và lập nên triều đại mới vào năm1066, quận công Normandy, William "the Conqueror" đã cho đuổi mấy làng dân Anh tại đó và cho xây tòa lâu đài này để chế ngự toàn bộ thành phố Luân Đôn. Những đám dân Anh này bị cấm không được ở gần mà phải ở xa tòa lâu đài ít nhất là một dặm. Chính vì vậy mà cho đến nay thành phố Luân Đôn còn có một khu gọi là Mile End (Hết một dặm) là vì chuyện đó. Trong nhiều thế kỷ sau đó, tòa lâu đài này là nơi ở của các đời vua Anh cho đến khoảng thế kỷ thứ 15 mới hết. Lâu đài sau đó trở thành một nơi giam giữ các tù nhân thuộc giai cấp quý tộc, một trại binh, và bây giờ là một viện

bảo tàng.

Vì quan hệ giữa tòa lâu đài này với vương triều Anh mật thiết như vậy thành ra tại Anh có một huyền thoại. Từ xưa, tại tòa lâu đài này có một bầy quạ raven lớn. Và theo huyền thoại này thì khi nào bầy quạ này chết hết hay bỏ tòa lâu đài này đi thì tòa lâu đài này sẽ đổ sụp và vương quốc Anh cũng đến lúc tiêu diệt. Thành ra từ xưa các thế hệ giữ tòa lâu đài này luôn luôn chăm sóc và o bế những chú quạ này để chúng không bỏ đi. Những chú quạ này được tự do đi lại chung quanh tòa lâu đài này, và mỗi chú hầu như có một người riêng phục vụ. Hiện nay tòa lâu đài Tower này có sáu chú quạ đang sống. Mỗi chú có một tên riêng và một chỗ đậu riêng.

Những chú quạ raven này sống tự do như vậy từ 350 năm nay và trong suốt thời gian này không bao giờ bị nhốt vào chuồng cả. Ngay cả trong thế chiến thứ hai khi Luân Đôn bị Đức Quốc Xã oanh tạc thường xuyên, những chú quạ này vẫn được tự do tự tại ở ngoài. Thế nhưng nay, nguy cơ cúm chim H5N1 đã thành công trong việc buộc các chú quạ này vào chuồng, một điều mà cả không quân Đức, lẫn những trận bão tuyết gay gắt nhất cũng không làm được.

Theo ông Derrick Coyle người phụ trách bầyquạ này từ 22 năm nay thì bầy quạ này thông minh lắm và chúng có thể nói chuyện với ông được. Khi nhốt mấy chú quạ này vào chuồn, ông cho biết "Tôi nói chuyện với chúng; và chúng rất là bình tĩnh." Theo ông Doyle thì cứ một ngày bốn lần ông mặc một bộ đồ cách ly vô trùng, và cẩn thận ngâm giầy vào trong một dung dịch khử trùng trước khi mang đồ ăn vào thăm các chú quạ này mà tên lần lượt là Branwen, Hugine, Munin, Gwyllum, Thor và Baldrick tại lầu Brick Tower, một trong những tòa lầu lớn của lâu đài. Ông cho biết bộ đồ vô trùng này không phải là để bảo vệ cho ông mà là cho mấy chú quạ. Với tốc độ mà bệnh cúm chim này lan truyền đi trên thế giới, theo ông Coyle, mình không thể nào coi thường được.

Bệnh cúm chim H5N1 đã lan truyền sang đến tám nước thuộc Liên Hiệp châu Âu trong đó có cả Pháp là nước láng giềng gần nhất của Anh. Mặc dầu chính phủ Pháp đã ra lệnh cho các nhà nông phải nhốt các loại gia cầm vào chuồng khi bắt đầu phát hiện chim rừng bị bệnh, nhưng vừa qua, một trại nuôi gà tây (turkey) của Pháp đã bị lây bệnh mặc dầu những con gà tây này đã bị nhốt ở trong chuồng ngay khi người ta tìm thấy một con vịt trời bị chết gần đó. Tại Anh này, chính phủ cũng đang rất lo ngại và đang đưa ra kế hoạch chủng ngừa cũng như là nhốt những loại gia cầm thả tự do vào chuồng một khi bệnh dịch lan truyền đến Anh. Nhưng có lẽ để bảo đảm cho chắc rằng tòa lâu đài Tower và vương quốc Anh không bị sụp đổ, các người chịu trách nhiệm cho mấy chú quạ này đã đưa các chú vào chuồng ngay từ khi chưa có dấu hiệu gì lan truyền bệnh cúm tại Anh cả.

Và mặc dầu lần đầu tiên bị nhốt, nhưng những chú quạ này có vẻ đã thích ứng được tốt với hoàn cảnh mới. Theo ông Coyle "Ngày đầu tiên chúng có vẻ căng thẳng, nhưng nay thì chúng ăn rất ngon miệng, và Thor, chú quạ biết nói đã buột lên 'good morning' khi tôi vào thăm chúng ngày hôm sau." The Coyle thì các chú quạ vẫn ăn món ăn bình thường của chúng tức là trứng luộc, táo, bánh mỳ, gan và thịt gà và có thêm cả vitamin nữa.

Theo các viên chức phụ trách các tòa lâu đài của hoàng gia chịu trách nhiệm về việc bảo trì và gìn giữ lâu đài Tower này thì họ lo ngại nhất là chim rừng có bệnh có thể đậu xuống sân tòa lâu đài và truyền bệnh cho đám quạ này. Họ không e ngại bầy quạ này bỏ đi vì cánh của mấy chú quạ này đều bị cắt cụt để các chú không thể bay đi được, không sợ vi phạm một điều luật đưa ra từ thời vủa Charles đệ nhị (khoảng thế kỷ 18) trong đó tòa lâu đài Tower bao giờ cũng phải có ít nhất là sáu chú quạ raven.

Mấy chú quạ này bị nhốt như vậy khiến cho du khách đến thăm tòa lâu đài Tower này cũng cảm thấy buồn, vì chúng rất được du khách ưa thích. Những con quạ raven này cũng là một trong những loài chim thông minh nhất, và có một văn hóa riêng. Chúng có lẽ còn chung thủy hơn người nữa vì một khi kết đôi rồi thì chúng sống với nhau suốt đời. Theo ông Coyle, thì Thor và Muni là "hai vợ chồng" và vào hàng lớn tuổi nhất trong bầy quạ. Tuy rằng hãy còn trẻ so với tuổi thọ của loài chim này. Chú quạ lớn tuổi nhất trong bầy mới có 17 tuổi, trong khi một trong những chú quạ cũ của lâu đài tên là Jim Corw đã sống đến năm 44 tuổi mới chết.

Dân chúng Anh thì có vẻ hài lòng là chính quyền tôn trọng truyền thống và đưa bầy quạ

này vào nơi an toàn. Một trong những du khách đến thăm tòa lâu đài tower là John Harrison, một người chuyên bán các loại máy điều hòa không khí ở Manchester cho biết "Thần thoại và truyền thống là những cái gì làm cho nước này trở thành nổi tiếng" thành ra ông rất hài lòng khi thấy mấy chú quạ này được giữ an toàn mà không phải đưa đi ra khỏi lâu đài. "Quá nhiều truyền thống của nước này nay đã bị mất. Tôi mừng là truyền thống này vẫn còn." Còn Paddy Harverson, người phát ngôn của hoàng tử Charles mà với tư cách là người thừa kế ngai vàng nước Anh chắc chắn là không muốn mấy chú quạ này bị mệnh hệ gì thì cho biết "Chúng tôi rất vui mừng khi thấy mấy chú chim này được an toàn."

Shakespeare

Năm nay là lần đầu tiên trong lịch sử, toàn bộ các tác phẩm của văn hào William Shakespeare sẽ được trình diễn trong một mùa kịch tại Anh. Nhưng những buổi trình diễn này không phải chỉ là những buổi trình diễn bình thường. Những năm vừa qua, tại nước Anh này người ta có khuynh hướng "hiện đại hóa" các tác phẩm cổ điển tỷ như biến bộ opera trường thiên "*Das Ring des Nibelungen*" của Wagner vốn tả lại cuộc chiến giữa các thiên thần và đám khổng lồ trong thần thoại Nhật Nhĩ Man thành ra một cuộc tranh chấp giữa hai băng đảng chẳng hạn. Và Shakespeare cũng không tránh khỏi được "hiện đại hóa" như vậy.

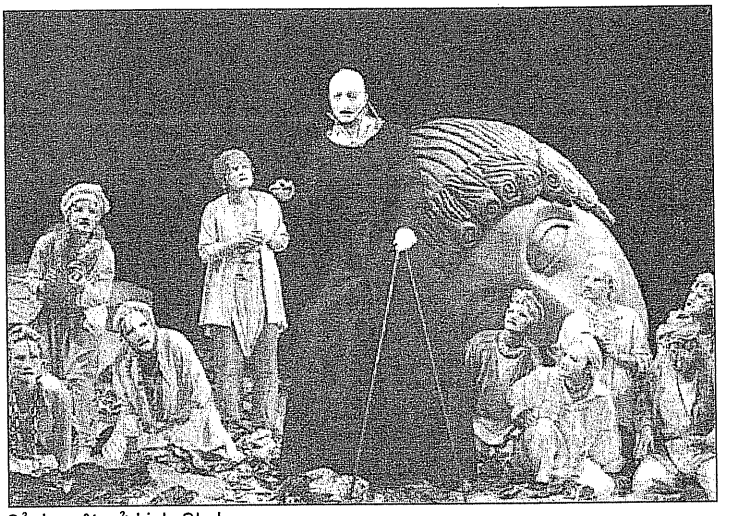
Cảnh một vở kịch Shakespeare

Loan báo những chi tiết của chương trình liên hoan dự trù sẽ chi phối trung tâm kịch Shakespeare tại Stratford - upon - Avon quê hương của văn hào này từ ngày 23 tháng 4 năm nay cho đến sang năm. Giám đốc liên hoan Shakespeare này, bà Deborah Shaw cho biết, các vở kịch Shakespeare được đưa ra trình diễn sẽ có đủ thứ hổ lốn từ đông đến tây mà có thể nói là chưa bao giờ thành phố Stratford được thấy.

Chẳng hạn như một đoàn múa rối Mỹ trụ sở tại New York có tên là Tiny Ninja Theatre sẽ trình diễn phiên bản vở *Hamlet* của họ với các diễn viên là những hình nộm ninja tý hon bằng nhựa. Và khán giả có thể nhìn qua một lỗ hổng trong phòng kín để thấy nàng Ophelia chết đuối trong một ly nước. Và nếu thính giả thấy rằng như vậy chưa đủ lạ, họ có thể đi coi đoàn kịch Hoàng Thổ của Trung Quốc trình diễn vở *King Lear* hoán chuyển sang Tầu với câu chuyện nay xảy ra tại Thượng Hải và ông vua già bây giờ trở thành "lão bản" của một cơ sở kinh doanh khổng lồ. Và người ta cũng có thể coi đoàn kịch Tiếng hát của con dê (Song of a Goat) của Ba Lan trình diễn Macbeth bằng tiếng Ba Lan trong đó có cả trò đi trên lửa và những bài hát ngũ âm như kiểu cổ nhạc Việt Nam cũng như là vở *Titus Andronicus* bằng tiếng Nhật.

Ban kịch Hoàng gia Shakespeare (Royal Shakespeare Company), cột trụ chính của chương trình liên hoan này cho biết "toàn bộ những hoạt động trình diễn dự trù cho năm nay là nhằm hấp dẫn tất cả mọi người dù thích xem kịch hay không thích xem kịch." Thành ra chương trình liên hoan này dự trù có cả một trận đấu bóng tròn giữa hai đội Montague vs Capulet cũng như là một buổi nói chuyện của ông tổng giám mục Canterbury Rowan William về "Shakespeare và óc tưởng tượng sáng tạo" (Shakespeare and the Creative Imagination).

Shakespeare có thể là đại biểu cho thiên tài có óc tưởng tượng sáng tạo, nhưng những đồng bào của ông lúc này cũng không phải là thiếu đầu óc đó, nhưng nó hướng về một chiều khác. Và điều đó đã thể hiện trong một báo cáo gần đây của chính phủ Anh về thư viện.

Theo thống kê này, trong vòng mười năm

qua, dân Anh đã không còn mê thích những câu chuyện tình cảm lãng mạn và những tình sử kéo dài nhiều thế hệ mà chuyển sang mê các truyện trinh thám và xã hội "đen"; càng đen tối càng nhiều tội phạm càng tốt.

Nếu vào năm 2003, chín trong số mười cuốn truyện được độc giả mượn nhiều nhất tại thư viện là những truyện tình cảm lãng mạn với những tác giả ăn khách nhất như Catherine Cookson hoặc là Barbara Taylor Bradford, người được gọi là bà hoàng của những tiểu thuyết lãng mạn thì vào năm 2005 những truyện được độc giả mượn nhiều nhất lại khác hẳn. Bảy trong số mười cuốn truyện nhiều độc giả mượn nhất là loại truyện trinh thám, xã hội "đen" với những tác giả như John Grisham, James Patterson, Ian Rankin và Kathy Reichs. Hầu hết những tác giả này là tác giả Mỹ với đầy những chi tiết rùng rợn và đầy đủ về những vụ giết người.

Đứng đầu trong số những truyện này là truyện *Blow Fly* của Patricia Cornwell bà hoàng của loại truyện trinh thám y học và người sáng tạo ra nhà bác sỹ thám tử Kay Scarpetta. Đây là một câu chuyện về giết người hàng loạt với một chàng người sói (werewolf) trong ngục tử tù và một cái xác thối rữa. Một truyện khác được liệt vào trong mười hàng đầu là *Want to Play* của P J Tracy nói về một trường hợp giết người hàng loạt khác tại một trường nội trú Thiên Chúa giáo La Mã. Ngoài ra còn có *Monday Morning* của Kathy Reichs về một nhà nhân chủng học bỗng nhiên tìm thấy ba bộ xương phụ nữ tại căn hầm của một cửa hàng pizza và hai chuyện giật gân của James Patterson.

Một trong những lý do khiến cho những truyện trinh thám của Mỹ được dân Anh ưa chuộng là vì những nhân vật chính trong các truyện này không phải là các nhà cảnh sát chuyên nghiệp. Nhưng các truyện trinh thám của Anh thì lại khác. Hầu hết nhân vật chính trong các truyện trinh thám hiện đại hoặc các chương trình truyền hình trinh thám hiện đại của Anh đều là những cảnh sát chuyên nghiệp. Và điều này cũng dễ hiểu.

Kể từ khi sau chiến tranh thứ hai, với cuộc cách mạng xã hội của chính phủ Lao Động, những nhà trinh thám tài tử như Sherlock Holmes của Conan Doyle, Lord Peter Wimsey của Dorothy Sayers hoặc Miss Marples của Agatha Christie bỗng nhiên bị lạc lõng trong xã hội Anh, thành ra việc giải quyết những vụ án mạng trở thành thuần túy vai trò của những thám tử chuyên nghiệp của cảnh sát, giống như ngoài đời thật vậy.

Thông thường nhân vật chính trong các truyện trinh thám của Mỹ là một thám tử tư. Nhưng tại Anh thám tử tư hầu như không có công việc. Ngay cả cái việc đi theo dõi các ông chồng đi ăn mảnh hoặc là các bà vợ ngoại tình; những công việc mà có một thời là nguồn lợi tức chính của nghề thám tử tư tại Anh cũng không còn nữa khi vào năm 1973 luật gia đình của Anh được sửa đổi, không đòi hỏi những ai muốn ly dị phải chứng minh rằng người hôn phối của mình ngoại tình nữa. So sánh với Hoa Kỳ nơi mà bail bondsman, bounty hunters và thám tử tư đều dễ dàng trở thành người hùng của truyện trinh thám thì tại Anh những lựa chọn quả thật là giới hạn.

Hiện nay hầu hết những công việc mà thám tử tư của Anh làm là đi kiểm soát xem người ta có thật là không có tiền trả nợ hay không và đi tìm kiếm tài sản. Thành ra hầu hết những thám tử này làm việc cho những công ty kiểm toán hoặc văn phòng luật sư hoặc làm cho những công ty lo việc bảo vệ an ninh. Trông họ chẳng có chút gì giống như các thám tử tư trong truyện cả. Theo Tommy Helsby chủ tịch công ty Kroll, một công ty chuyên cố vấn về các vấn đề an ninh kể lại rằng cách đây ít lâu, ông gởi một nhân viên đến nói chuyện với hội đồng quản trị một ngân hàng lớn. Khi vị thám tử này đến, mọi người trong phòng bỗng nhiên cười ầm lên. Hóa ra là trước đó người ta đã đánh cuộc với nhau rằng không biết chàng thám tử này có mặc bộ áo mưa trench coat như vẫn tả các thám tử trong chuyện hay không (anh ta không mặc).

Ngoài ra còn hai chuyện nữa khiến nghề thám tử tư tại Anh mất giá thêm. Thứ nhất đạo luật bảo vệ những dữ kiện cá nhân (Data Protection Act) cấm người ta dùng những biện pháp lừa bịp để lấy những chi tiết về đời tư người khác và thứ hai, mạng Internet đã khiến cho người ta khó trốn tránh hay giấu diếm hơn trước. Theo Peter Heims, một thám tử tư lâu đời thì ông đã tìm ra một số khá đông đảo những người ông phải tìm "chỉ bằng cách đánh tên của họ vào Google." Nhưng làm như vậy thì chẳng có gì để mà có thể viết thành truyện được.

** Các tiểu tựa của bài này do Thế Kỷ 21 đặt.*

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

NỬA

Chuyện như thế này. Khởi thủy, con người có thân hình tròn quay với bốn tay và bốn chân, hai khuôn mặt hoàn toàn giống nhau nằm trên một cái cổ tròn, hai cơ quan sinh dục và phần còn lại giống như chúng ta ngày nay. Những con người đầu tiên này rất mạnh mẽ nên đâm ra ngạo mạn, coi trời bằng vung, khiến các chư thần trên núi Olympus lo ngại. Vì vậy, để trừng phạt con người, thần Zeus quyết định chẻ đôi con người ra "như người ta cắt một quả trứng luộc bằng một sợi tóc." Từ đó, bi kịch bắt đầu. Mỗi người phải mải miết đi tìm cái nửa đã mất của mình, quấn quýt vào nhau và "khao khát hòa nhập vào nhau." Triết gia Hy Lạp Platon đã thuật lại trong cuốn "Bữa Tiệc" bài thuyết pháp của Aristophane về tình yêu như vậy.

Đi tìm cái nửa của mình có gian truân lắm không? Tôi e rằng có. Đến ngay cô con gái rượu của cựu Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton, danh tiếng như cồn, tưởng cái nửa kia phải nghe danh mà tìm về cái rụp, vậy mà chuyện không phải vậy. Khi Bill Clinton bước vào cuộc vận động cho cuộc bầu phiếu nhiệm kỳ hai thì Chelsea Clinton trổ mã thành một cô gái xinh xắn, hòa nhã và tế nhị. Năm 1997, Chelsea chọn theo học tại Đại Học Stanford, cách xa cha mẹ tới năm ngàn cây số, cô như một con chim sổ lồng. Tại trường Đại Học danh tiếng này, cô đã gặp cái tưởng là nửa kia của cô. Nửa này mang tên M. Pierce quê quán tại Texas. Cuối năm học đó, vụ scandale Monica Lewinski bùng nổ tại tòa Bạch Ốc, cái nửa kia của cô vội rút dù! Cô lại lang thang đi tìm cái nửa đích thực của mình. Cái nửa kế tiếp có tên là J. Kane, 21 tuổi, hóa ra cũng là cái nửa... giả! Ra trường năm 2001 với văn bằng về Lịch sử, cô vất vả đi xa hơn. Sang tới tận bên Anh để theo học Cao học tại Đại Học Oxford, môn Bang giao quốc tế. Cô lại tìm được cái "hình như là một nửa của mình" nơi anh chàng Klaus, một sinh viên vừa xuất sắc về học vấn vừa là một cầu thủ football cực giỏi. Vậy mà cũng không phải. Cái nửa kia của cô ở đâu? Ra trường, cô trở về Hoa Kỳ vào năm 2003 và làm việc cho Công ty tư vấn McKinsey ở Nữu Ước với số lương rất hậu hĩnh. Tháng 10 năm 2005, cô xuất hiện trước công chúng với cái nửa mới tinh: chàng M. Mezvinsky, con trai của cựu Thượng Nghị Sĩ tiểu bang Iowa. Họ đã "khao khát hòa nhập vào nhau" chưa thì chưa biết. Nếu đây cũng là cái nửa... dỏm thì chúng ta chịu khó chờ hồi sau sẽ rõ!

Đấy, ai dám bảo là đi tìm lại cái nửa kia của mình là chuyện dễ dàng. Cái anh thần ác ôn Zeus làm con người lộn xộn quá chừng. Tới thời buổi @ gom gọn thế giới thành một làng nhỏ như ngày nay mà con người vẫn trầy da tróc vẩy vì cái anh thần... phải gió này. Anh chàng Charles Gonsoulin, sống trên đời tới 41 năm rồi mà vẫn cứ... quờ quạng chưa thấy cái nửa yêu dấu của mình đâu. Anh lên internet và cảm thấy cái nửa đó ở tận tỉnh bang Québec, Canada. Anh nhất định đi gặp lại cái nửa của mình. Từ Los Angeles, anh cưỡi một đường Greyhound tới Bắc Dakota để sang Canada. Nhưng vì anh đã có tiền án nên tới biên giới anh bị ách lại. Anh không chịu thua. Anh đi bộ ròng rã gần năm ngày đêm để vượt biên bất hợp pháp từ Bắc Dakota sang Manitoba, Canada. Lúc đó là tháng hai năm 2005, trời đang vào lúc trọng đông, nhiệt độ luôn luôn ở vào cỡ âm 26 độ, quần áo không đủ ấm, anh vẫn cứ say sưa cuốc bộ tìm tới với cái nửa đang nhớn nhơ ở Québec dù cái lạnh làm anh thê thảm. Nhưng mấy anh phú lít Canada hình như đều là tay sai của thần Zeus nên đã tóm được anh. Lúc bị bắt, những ngón tay ngón chân của anh đã bị cóng vì băng giá. Các bác sĩ trong bệnh viện phải cắt bỏ hết tám ngón tay và ba ngón chân của anh. Khi tỉnh dậy sau cuộc giải phẫu, anh chàng Gonsoulin mới được nói chuyện bằng điện thoại với cái nửa dấu yêu. Tù tội còn trước mặt, biết bao giờ hai cái nửa mới ráp được vào với nhau!

Cuộc tìm kiếm cái nửa đánh mất của anh

chàng Marc Lachance lại còn mù mờ hơn nữa. Anh chàng này cư ngụ tại thành phố Ste. Foy ngay trong tỉnh bang Québec, chỗ tôi ngụ cư. Dân Québec cũng như dân một số nước Âu Châu thường hay có cái thú đi tắm biển bên Cuba. Biển bên đó rất trong xanh đẹp đẽ dễ dẫn con người tới chỗ thanh thản tìm đến nhau. Nơi ngự trị của anh râu xồm Fidel Castro đói quá nên phải mở... biển ra cho du khách ngoại quốc quanh năm tới nghỉ mát. Vùng biển đẹp đẽ đó không có mùa đông nên dân Canada cũng như dân Âu Châu thường trốn mùa đông bằng cách sang hưởng nắng hè. Cái thú có một hai tuần hè trong mùa đông là một cái thú hấp dẫn. Anh chàng Marc cũng trốn đông qua Cuba trong mùa đông năm nay. Tháng 11 năm 2005, anh gặp một cô gái duyên dáng tại vùng biển Cuba. Họ có một ngày cùng nhau đùa với sóng biển. Tên cô là Sabine và cô đến từ nước Bỉ. Đó là tất cả những gì anh biết được về cô bạn gái mới quen. Chẳng biết cái anh cù lần này ăn nói ra sao mà chẳng biết thêm được gì về người đẹp. Trở về Canada, ngồi tơ tưởng lại những ngày nghỉ bên người đẹp yêu kiều, anh bỗng như nhận ra đó là cái nửa thất lạc của anh. Anh quớ! Làm sao mà kiếm được cái nửa hờ hững đó bây giờ? Anh vào internet kiếm tên Sabine ở Bỉ. Có tất cả 3700 người có tên Sabine ở nơi đất nước xa xôi này. Anh bèn quyết định gửi thư cho tất cả các cô Sabine ở Bỉ để tìm ra cô Sabine của anh. Trong đợt đầu, anh gửi 500 lá thư. Được hỏi tốn phí hết bao nhiêu, anh hứng chí nói: " Hết bao nhiêu hả? Khoảng 900 đô, nhưng để kiếm được Sabine thì tốn phí như vậy cũng đáng!" Anh dự tính sẽ tiếp tục gửi từng đợt cho tới hết 3700 địa chỉ. Cuộc tìm kiếm của anh bỗng được báo chí và truyền thanh Bỉ tiếp tay khi họ kể lại câu chuyện mùi mẫn này. Tình cờ người anh của Sabine nghe được tin trên đài phát thanh, tiếp xúc và báo chí chạy tin: "Kanadier findet seine Sabine!" (Một người Canada đã tìm được Sabine của anh ta!). Đó là cô Sabine Hanc, cư ngụ tại La Glanerie, một ngôi làng nhỏ nằm ở gần biên giới Bỉ và Pháp. Ông Thị Trưởng Jean Waleckx ăn có liền khi thấy ngôi làng khiêm nhường trong lãnh địa của ông bỗng nổi tiếng: "Sabine quả thật là một cô gái đẹp nhất trong làng!" Nhưng cô gái quê Sabine lại bối rối. Tự nhiên tên tuổi, hình ảnh tràn đầy trên báo chí, truyền thanh, truyền hình và cả trên internet, cô đâm rét. Anh chàng Marc trách móc báo chí và truyền thanh đã hại anh. " Bây giờ cô ta không muốn nói chuyện với tôi nữa."

Kiếm tìm cái nửa kia của mình coi bộ vất vả. Đó là một trò chơi puzzle đầy thử thách. Trò chơi này bắt người ta tìm trong một đống loạn xà ngầu những mảnh bìa vụn có hình thể khác nhau rồi xếp chúng lại cho thành một bức tranh hoàn chỉnh. Tùy theo trình độ, có khi một hộp puzzle chỉ gồm vài chục mảnh, có khi vài trăm mảnh. Lên tới từ ngàn mảnh trở lên là hốc hác. Phải bới tìm, lựa lọc đến điên cái đầu mới xong. Đi tìm cái nửa của mình trong hơn sáu tỷ con người lúc nhúc trên trái đất này thì thiên nan vạn nan. Không, cứ cưa đôi con số sáu tỷ trên ra một nửa đàn ông, một nửa đàn bà thì con số ba tỷ dễ chịu hơn nhiều. Tìm cái nửa của mình trong số ba tỷ cái nửa nhốn nháo, nghe đã thấy nản!

Tìm được thì người ta... điên lên. Như một anh chàng Nhật Bổn đã leo lên tháp truyền hình Tokyo cao 333 thước mặc dù nhà chức trách thành phố không ưa cái trò... superman đó. Leo lên được tới độ cao 100 thước, anh căng lên một tấm vải in hình một trái tim to tổ chảng và tên của cái nửa anh vừa kiếm được! Cảnh sát phải dỗ ngon dỗ ngọt mãi anh mới chịu... xuống quân và lập tức bị bắt giữ.

Một anh chàng Trung Quốc nửa đêm đã leo lên vít một trái bong bong bay quảng cáo màu đỏ trong khuôn viên Đại Học Bắc Kinh xuống, dán vào hàng chữ màu đen: "Tiểu Lan, anh yêu em!", rồi thả lại lên trời. Kiểu diễn tả niềm vui kiếm được cái nửa của mình của anh chàng thông minh này rất được các sinh viên mến mộ.

Dễ gì mà kiếm lại được cái... ruột của mình như vậy. Thế nên khi kiếm được rồi người ta ôm cứng lấy nhất định không nhả ra. Cho tới khi anh thần Chết mang xiên tới rước đi!

Chuyện xảy ra ngay tại thành phố Longueuil, ráp ranh với Montreal. Nhân vật chính là cụ ông Roger Choiniere, 83 tuổi và cụ bà Laurette Mouton, 84 tuổi. Báo chí gọi hai cụ là "Roméo và Juliette Tân Thời." Mười lăm năm trước, cụ ông Roger bị chấn thương mạch máu não, sức khỏe suy yếu. Cụ bà Laurette là người săn sóc cụ ông. Ngày 14 tháng giêng năm nay, 2006, cụ bà bị gẫy đốt xương sống phải vào bệnh viện điều trị. Không có người săn sóc, người ta phải đưa cụ ông vào nhà dưỡng lão. Sau thời gian điều trị, cụ bà được đưa qua nhiều nhà điều

dưỡng khác nhau. Cụ ông chịu không nổi cô đơn nên tuyệt thực phản đối, đòi phải được sống với cái nửa thân yêu từ gần một năm nay bị chia cách. Sức khỏe của cụ lụi đi một cách mau lẹ. Con cái của hai cụ cuống cuồng lên. Họ viết thư cho ông Bộ Trưởng Y Tế Québec xin cho hai cụ tái hồi Kim Trọng không thì cụ ông chết mất. Ông Bộ Trưởng hoảng quá, vội thu xếp cho hai cụ về chung một nhà điều dưỡng. Được gần cái nửa quen thuộc, cụ ông tươi tỉnh hẳn lên, ăn uống đàng hoàng. Ngày ngày họ dùng chung bữa ăn với nhau tại cafeteria của nhà điều dưỡng. Buổi tối họ hẹn gặp nhau để cùng... đọc kinh chung! Ngày vui ngắn chẳng tầy gang, chỉ được vài tuần thì anh Thần Chết đến phá thối. Anh điệu cụ ông đi vào ngày thứ bảy đầu tiên của năm mới 2006, ngày thứ bảy 7 tháng 1. Chỉ có một điều đáng tiếc là Juliette không thể tới nhà quàn dự tang lễ của Romeo vì quá yếu!

Romeo đi rồi, Juliette chắc rồi cũng đi theo cái nửa đã ba tấc đất của mình. Trong cuộc sống, tôi nghiệm thấy rằng, những cặp vợ chồng bền vững với nhau thì khi một nửa ra đi, nửa còn lại cũng bước theo chỉ một thời gian ngắn sau. Đó là một cái luật có lẽ là rất dễ chịu. Sống chỉ có một nửa người chán chết! Chết cũng nhất định không nhả nhau ra.

Nhả sao được, ôm cứng là cái chắc.

Tôi yêu em. Và tôi chỉ van em cho được nói yêu em. Em đừng đi ngay dù trên đường đi ngựa xe mắc cửi.

Cho tôi nói ngay. Nếu không tôi sẽ phải đi tìm tôi như một thân ngựa cuồng điên chạy trên đường hoàng hôn đuổi theo một bóng mặt trời đang khuất núi.

Tôi phải nói ngay bởi vì tôi không thể giấu tình yêu như biển cả sau một cơn giông to bão lớn cất trên bờ cát trắng những thây ma. Đợi đến ngày mai tôi e sợ rằng đời sẽ bổ tôi làm phu lục lộ đi đo sự già nua của tâm hồn mình bằng mớ tóc bù tung, đôi mắt quầng thâm của những người yêu đi lấy chồng rồi sinh con đẻ cái.

(Nguyên Sa)

Chụp bắt cái nửa của mình một cách khẩn cấp và thảm thiết như vậy thì cách chi mà nhả ra! Vì vậy, không nhả cái nửa mới ráp được là chuyện dễ hiểu. Nhưng không nhả cả cái thứ chỉ tượng trưng cho sự... ráp nối phi thuyền mới là... ngỡ ngàng. Anh Hạ sĩ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ David Battle mới 19 tuổi nhưng đã ráp được với cái nửa của anh bằng một lễ cưới diễn ra hai tuần trước khi anh được gửi qua tham chiến tại Iraq. Ngày 13 tháng 11 năm 2004, anh bị thương trong một trận đánh tại Fallujah. Bàn tay trái của anh bị dập nát. Các bác sĩ cho biết phải cắt chiếc nhẫn cưới của anh để có thể giữ được phần lớn ngón tay đeo nhẫn của anh. Anh không chịu cắt chiếc nhẫn cưới. Ờ, phi thuyền mới ráp dễ chi mà phá đi chất keo gắn bó. Ngón tay của anh được cắt bỏ để giữ nguyên vẹn chiếc nhẫn chồng vợ theo đúng ý nguyện của anh. Mấy cái anh bác sĩ vô duyên này sau đó, trong cơn hỗn loạn, đã đánh mất chiếc nhẫn còn nguyên vẹn này. Anh tức tối. Vợ anh cũng tức tối, nhưng tức với anh, vì anh đã hy sinh ngón tay thay vì chiếc nhẫn cưới. Nhưng về sau, người vợ này mới ngộ ra. "Tôi không thể tin anh đã làm điều đó. Lúc đầu tôi đã nổi giận nhưng rồi tôi đã nhận ra là tôi đã may mắn như thế nào khi có một người chồng như vậy!" Họ đã cưới nhau trong khi cả hai đang theo học lớp tám tại một trường trung học nơi thành phố Victorville, một thành phố sa mạc cách Los Angeles khoảng 80 dặm. Ngôi trường này đã tổ chức một bữa tiệc lớn để vinh danh anh.

Anh chàng người Pakistan Shahzad Khan thì vác cái nửa của mình chạy! Cái nửa này tên là Nadia Same, 18 tuổi. Hai cái nửa vật vờ tìm được nhau trên mạng internet. Xã hội Pakistan là một xã hội khép kín. Hôn nhân là sự sắp đặt, đôi khi cưỡng bách, của gia đình. Không có chỗ cho hai cái nửa tung tăng ráp lại với nhau. Mặc, anh chàng Shahzad và cô nàng Nadia cứ... ráp! Cưới xong là, một , hai, ba... vác nhau chạy. Không chạy thì mất mạng. "Mỗi khi đi ra ngoài, chúng tôi sợ một viên đạn nào đó sẽ nhắm thẳng vào đầu chúng tôi!"

Dân Mỹ vốn là thứ dân ồn ào. Cứ như là hoả diệm sơn. Giới tài tử màn bạc hay các sao thể thao lại còn... hỏa diệm sơn ngất trời hơn nữa. Kiếm được cái nửa lưu lạc, họ chơi trò mì ăn liền tại Las Vegas. Cưới ngay, ráp tức khắc, không thể chậm trễ được dù phần lớn những cái nửa họ tưởng là thứ thiệt đều là những thứ dỏm. Mỗi năm "thủ đô đám cưới của thế giới" này đã kết hợp cho khoảng 120 ngàn cặp. Nhưng cứ ráp vào rồi lại nhả ra tức thì. Như cô diễn viên Nicky Hilton và anh nhà giàu Todd Andrew Meister chỉ ráp lại được đúng có hai

tháng. Như Billy Bob Thornton và Angelina Jolie trình diễn trong lễ cưới bằng lọ máu của người nọ đeo trên cổ người kia, thắm thiết là thế mà chưa đầy năm đã chia phôi. Như cầu thủ bóng rổ Dennis Rodman và cô đào Hollywood Carmen Electra bye bye nhau chỉ chín ngày sau khi cưới vào năm 1998. Nhưng đạt kỷ lục là cô ca sĩ gây nhiều scandale Britney Spears: 5 giờ sáng ngày 3/1/2004 cô mặc quần jeans tới làm lễ cưới với người bạn thuở nhỏ Jason Allen Alexander, chỉ 55 tiếng sau, họ... anh đi đường anh tôi đường tôi liền một khi!

Những người vội vã ráp rồi vội vã rời như vậy là vì họ lộn. Tưởng đã kiếm được cái nửa của mình ai ngờ đó là cái nửa của người khác. Nhiều người cả đời chơi trò lắp ráp mà vẫn không tìm ra cái nửa của mình. Cứ hết lắp lại rã cho tới khi răng long đầu bạc. Thảm thương thay! Nguyên do tại sao vậy? Tôi nghĩ tới nát óc mới vạch ra được mặt thủ phạm. Đó là... Ngọc Hoàng Thượng Đế! Ngài đã tổ chức triều đình của Ngài một cách luộm thuộm. Cắt thì giao cho anh thần Zeus ở tuốt tận trời tây mà ráp thì giao cho ông Tơ bà Nguyệt ở bên trời đông. Đường xá xa xôi, sổ sách lộn xộn, ngôn ngữ bất đồng, biết nửa nào vào nửa nào! Vậy nên cứ ráp ráp rã rã rối mù cả lên! Phải kiện là cái chắc.

Một bà leo lên tới thiên đình kiện monsieur Tơ và madame Nguyệt đã ráp lộn cái nửa của bà. Ngọc Hoàng phán:

" Ta đã điều tra kỹ và ông Tơ bà Nguyệt cũng đã quả quyết với Ta là họ không có ráp lộn, cớ sao mi dám lên làm phiền tới cửa nhà trời?"

Người đàn bà vội thưa:

"Tâu Ngọc Hoàng, quả thật con bị ráp lộn!"

Ngọc Hoàng đập bàn quát:

"Vậy ngươi có chứng cớ gì không?"

"Tâu Ngọc Hoàng, con thấy trong người con nó cứ cồm cộm!"

02/2006

TÂY

Mai tôi đi dù hôm nay đang vào thu
Dòng sông Seine đang mặc áo sương mù
Đang nhìn tôi mà khoe nước biếc
Khoe lá vàng lộng lẫy lối đi xưa

(Nguyên Sa)

Chẳng cần đợi tới đầu thập niên 1960, khi Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng mang về một không khí Tây trong thơ của họ, dân Việt chúng ta mới mơ tới trời tây. Tây hình như vẫn là những đọt nắng rất vàng, rất trong, rất mộng mơ trong mỗi chúng ta. Hầu như chúng ta đều có một ước mơ trong lòng là một ngày nào đó được đi Tây. Paris lấp lánh như một viên ngọc ngoài tầm tay với của mỗi chúng ta. Những Eiffel, Luxembourg, Seine, Notre Dame, Quartier Latin, Moulin Rouge... chưa một lần gặp gỡ mà như đã thân quen. Mười năm trước, khi lần đầu đặt chân tới Paris, tôi một mình vác bản đồ, lấy metro hăm hở sục sạo chốn kinh kỳ, không như một du khách đi khám phá một thành phố lạ, mà như một người tìm về chốn thân quen. Tháp Eiffel quen thuộc, vườn Luxembourg như còn bóng dáng chú học trò lưng đeo cặp tới trường trong truyện của Anatole France, những nghệ sĩ bán tranh trên những chiếc cầu vắt ngang dòng Seine như cũng đã từ lâu đứng đợi tôi đến, và khi hì hục leo không biết bao nhiêu bậc thang lên tới gác chuông của nhà thờ Notre Dame thì ông Quasimodo đã vắt vẻo đu trên giây chuông.

Từ giữa thập niên 30 của thế kỷ trước, Nhất Linh đã Tây du. Ông cũng như đã không phải là đi, mà là về. *«Buổi sáng, sau khi đã đi thăm các hàng cà-phê một cách quá ư cẩn thận, chúng tôi lượn ra bờ sông Seine mua sách và qua cầu xem các bảo tàng. Buổi trưa ăn cơm Tàu rồi, chúng tôi vào vườn Lục Xâm Bảo (mà chúng tôi gọi là vườn Tỉm Sấm Páo cho có vẻ Tàu) để ngắm "lá cây rơi từng chiếc một trên vai trắng các bức tượng" như nhà văn Anatole France đã viết. Phiền một nỗi lúc đó về mùa hạ, lá cây không rơi. Thất vọng, chúng tôi bèn tự an ủi bằng cách nhìn vai trắng xóa phấn của các bức tượng hoạt động. Tối đến, chúng tôi đi xem các bộ giò có tiếng ở các nhà hát và ở các rạp chiếu bóng.» (Đi Tây)*

Buổi tối, tôi cũng đi coi giò coi cẳng các vũ nữ ở Moulin Rouge. Ngắm các nàng giơ chân giơ cẳng trong điệu French Cancan thấy hình như quen quen. Không quen sao được khi cũng chân cũng cẳng đó tôi đã bao lần thấy trên màn ảnh từ những ngày còn ở Việt Nam. Chẳng cứ ở Việt Nam, văn hóa Pháp đã được mang đi bán rao khắp thế giới. Thứ văn hóa... ngực trần là một đặc điểm của Paris. " *Đến ngày nay đoàn vũ Lido, các cô Blue Bell Girls, đoàn vũ Moulin Rouge, các cô Doris Girls, vẫn tiếp tục sang Nevada trình diễn. Ở Ceasar's Palace, ở Sa-*

hara Hotel để khuây khỏa phần nào nỗi buồn của những kẻ thua bạc. Chỉ khác có cái là luật lệ Nevada nghiêm khắc, bạn có được xem những show này ở Vegas cũng không được thấy đầu vú hồng như ở ngay Paris. Bên Mỹ người ta nhã nhặn bắt mang vỏ sò, ngôi sao lấp lánh ở trên ngực, áo quần bớt hở hang hơn, có thế thôi, ngoài ra cái gì cũng giống khi những đoàn vũ chính hiệu này lưu diễn sang đây." (Đỗ Khiêm, Ký Sự Đi Tây).

Đó là chuyện của những năm đầu thập niên 1990. Ba năm trước đây, khi thế kỷ mới vừa tròn ba tuổi, tôi đã có dịp xem một show ở Las Vegas, cả trăm cô gái mơn mởn chẳng vỏ sò, chẳng sao siếc gì, cứ thản nhiên nhảy múa phô diễn đầu ngực với những nụ cười tươi như hoa. Paris ở Nevada y chang Paris ở Paris! Cũng như Paris trong đầu mỗi người Việt chúng ta vẫn cứ rặt... tây! Tây ngoài trời cũng như tây trong lòng. Nhà văn Phạm Phú Minh, trong ký sự Đi Tây, viết năm 1997, đã mơ màng giữa Paris và Saigon. *"Buổi chiều mưa đó ở Paris, tôi che dù đi hơi lầm lũi thì thoáng thấy bên kia đường một cửa kính lớn trên có dòng chữ: Aux Ciseaux d'Art, cái này tôi đã thấy nhiều lần vào những năm xưa chỗ gần Tòa Đô Chính Sài Gòn đi về phía đường Tự Do, tôi tiếp tục đi mấy bước nữa thì quả nhiên gặp ngã tư, và tôi hoàn toàn có cảm giác đang đứng tại phố cũ hè xưa Lê Thánh Tôn với Tự Do, tôi sắp bước vào quán La Pagode để uống cà phê trong một buổi chiều mưa. Ảo ảnh, ảo giác hiện lên như trong một giấc chiêm bao. Nhưng tôi vẫn tỉnh để nhận ra rằng đúng Paris và Sài gòn là những người anh em cùng cha khác mẹ, cái cảm giác quen quen tôi nhận thấy từ ngày đầu khi mới đến bây giờ tôi đã tìm thấy nguyên do. Người Pháp đã xây cất Sài gòn với rất nhiều hình ảnh của Paris... Cảm giác giống đến rất đột ngột, bỗng dưng đang đi tại một chỗ nào đó giữa Paris, cảnh vật và sự cảm nhận của tôi chớp một cái, lập tức tất cả biến thành Sài gòn. Sự phù phép ấy diễn ra rất nhanh, có thể chỉ trong sát na, nhưng rất triệt để, tôi đã "về" lại Sài gòn chớp nhoáng như một linh hồn từ cõi âm được xẹt về thăm cõi dương, nhìn thấy mọi cảnh trí, mọi sinh hoạt quen thuộc mà mình hằng tham dự xưa kia."*

Thì ra là thế. Chúng ta đã bị nhiễm chất tây từ văn hóa tây, từ nền giáo dục tây trong suốt trăm năm bị đô hộ. Căn bệnh tây đó đến nay vẫn còn, mặc những đổi thay của thời thế, mặc những biến thiên của cuộc sống, mặc những đổi thay của con người. Dân Việt Nam ở trong nước ngày nay vẫn nhìn về Tây với ánh mắt nể phục. Cứ tây là nhất! Có điều tây ngày nay chẳng chỉ là Paris, chẳng chỉ có nước Pháp, mà là tất cả những quốc gia nằm bên trời tây, những con người mắt xanh da trắng, những lề thói ứng xử văn minh. Tây vẫn cứ... tây!

Ăn như Tây, ngủ như Tây, mặc như Tây, nói như Tây, làm như Tây... mới là sang. Như cô sinh viên năm cuối của một trường ngoại ngữ tên Lan. Báo chí nêu tên cô... đầm nước mắm này như một điển hình. Chỉ có tên không, không có tên họ, nhưng có cái biệt danh đi kèm: Lan Tây! Biệt danh này cô được bạn bè tặng cho từ lúc còn học lớp 8. Chúng ta thử theo chân cô đầm lô-canh điển hình này trong cuộc sống hàng ngày. Cô không thích học một cái gì khác ngoài tiếng Anh vì đó là chiếc cầu nối đưa cô tới chân trời tây. Mặc thì dĩ nhiên phải đồ tây rồi. Kẹt một nỗi vì không đủ tiền nên cô chỉ có thể sắm được đồ second hand mà danh từ hiện đại bên Việt Nam kêu là đồ sida! Ở nhà, dù vẫn ăn chung mâm với cha mẹ, cô vẫn... khẳng định nét tây bằng cách dùng một mình một muỗng, một đĩa. Và cô không bao giờ ăn nước mắm! Tây mà!

Cũng tây như tây là Thúy. Mê cách phát âm tiếng Mỹ cho thật Mỹ, cô bắt bồ với một anh chàng Mỹ để học cho kỳ được cách phát âm mà cô cho là "vừa thoáng, vừa nhanh, vừa hiện đại." Kết quả: tây quá sức là tây! Cô mở miệng ra nói bất cứ tiếng gì, Việt cũng như Mỹ, cô không bao giờ quên thêm vào cuối chữ một âm "s" rõ ràng một cách rất tây! Về mặc thì cô lại thích mặc theo... tây loại Anh. Vì cô cho rằng người Anh ăn mặc "vừa lãng mạn, vừa thanh lịch." Kết quả: trời nắng chang chang đến chảy mỡ mà cô vẫn cứ khoác lên người những bộ đồ ấm, theo kiểu Anh! Cô có một nỗi buồn phiền là bàn chân nhỏ quá, không được giống chân tây, nên mỗi khi đi mua giầy là một nỗi khổ tâm. Bù lại, cô ăn như tây, uống như tây, trò chuyện như tây. Vì: "Đứng với họ, tôi thấy tự tin và thoải mái vô cùng!"

Anh Trần Quốc Kế thì đã ở Mỹ thật. Vốn là con nhà nghèo, anh theo học Đại Học được là do tiền chu cấp của cô bồ Lê Thúy Quỳnh. Hai người yêu nhau khi cả hai mới 20 tuổi. Rồi cũng chính gia đình của bồ lo cho anh đi Mỹ du học. Năm 2000, anh vinh quy bái tổ với tấm bằng

Thạc Sĩ. Đại đăng khoa rồi tiểu đăng khoa: hai người tình mười năm nắm tay nhau về chung sống. Mười năm yêu nhau, thành hôn với nhau, sống với nhau rồi chị Quỳnh mới thấy không phải mình vừa cưới người yêu mười năm cũ mà là cưới một... ông Mỹ! Chị than thở: sau bảy năm sống ở Mỹ, anh ấy đã trở thành một người khác. Ăn cơm là phải có rượu ngoại. Mà phải ăn theo lối Mỹ. Chị vợ thích ăn cà ăn mắm, anh bực mình. Chị phải nhịn, không bao giờ dám... quốc hồn quốc túy bày ra trong bữa ăn. Chơi thì anh cũng chơi theo lối Mỹ. Khiêu vũ, quần vợt với những bạn gái đồng sự. Lại còn quàng vai bá cổ thân mật với họ trước mặt vợ. Chị phản đối thì anh chê chị nhà quê: việc này bên tây là bình thường chứ có gì đâu! Không chịu nổi ông chồng tây hơn tây, sau bốn năm chung sống, chị đành phải bai bai anh Mỹ con!

Ngược lại, anh Lê Minh Phú, Giáo viên cấp ba ở Gò Vấp, lại cưới phải một cô đầm. Dĩ nhiên là đầm lô-canh! Chị Dương Ngọc Lan. Nghề nghiệp: hướng dẫn viên du lịch các tour dành cho người ngoại quốc. Về nhà chị cứ tiếng Hồng Mao mà... sủa! Nói chuyện điện thoại với bạn bè chị cũng cứ uốn giọng như đầm. Đầm thì không nấu ăn, đó là... chân lý! Chị chỉ đi siêu thị mua những món ăn nhanh. Ăn mặc thì mát mẻ như tây. Áo hai dây đưa ngực ra, váy cũn cỡn, cười nói tự nhiên với đám tây ba lô. Ngứa mắt, anh Phú phàn nàn. Chị vấn lại: sao anh còn trẻ mà thủ cựu như vậy? Nói thế nào đi chăng nữa thì anh Phú cũng chẳng xua được chất tây của vợ. Họ trở thành hai hành tinh: một mặt trăng và một mặt trời!

Tây như vậy đã ăn thua chi. Đã tây thì phải tây cho tới ngọn nguồn lạch sông, đó là... triết lý của những nàng Sài gòn bây giờ. Mặc đồ hàng hiệu, nhuộm tóc nâu họa mi, cưỡi xe Dylan, đeo nhẫn hột xoàn, đủ chưa? Chưa! Như vậy mới chỉ là dân chơi nửa mùa. Dân sành điệu không cần những thứ vớ vẩn đó. Chỉ cần có một anh bồ tây chính hiệu, ôm hôn nhau ngoài đường như tây. Đó mới là dân chơi chính hiệu! Phong trào bắt bồ với tây chắc làm phiền lòng mấy anh thanh niên bản xứ. Nhưng, theo người đẹp Thanh, một nhân viên bán mỹ phẩm ở một trung tâm thương mại tại Sài gòn thì, "đàn ông Việt Nam chán chết, lúc nào cũng khất khe, em không nên nói như vậy, em không được làm như thế. Chán! Trong khi các anh Tây vừa đẹp trai, vừa ga lăng, lại dễ tính, cứ thoải mái chẳng phải giữ ý giữ tứ gì cả. Ai hơn?" Thanh bắt bồ với một anh Mỹ. Thú vị lắm chứ. Này nhé, anh ấy chẳng bao giờ tò mò hỏi chuyện gia đình em, mặc gì anh ấy cũng khen đẹp, ngày nào cũng điện thoại hỏi thăm "tám chục bận," đi chơi bên nhau, thiên hạ lác mắt ghen tị hết. Còn tương lai? Mặc kệ! Cứ chơi cho biết mùi Tây đã, chuyện cưới hỏi thì hậu xét!

Chuyện... biết mùi Tây này có một nạn nhân: nhà văn Nguyễn Thụy Long. Ông kể lại chuyện đau khổ riêng của ông trong "Hồi Ký Viết Trên Gác Bút." " *Vợ tôi có mộng đi ra nước ngoài để mở tầm mắt nhìn thế giới, nhìn văn minh loài người không phải người Việt Nam. Vợ tôi đưa ra một đề nghị mà người chồng Việt Nam nào*

CHU VƯƠNG MIỆN

Muối gừng

Hạt muối mặn muôn thời vẫn mặn
Lát gừng cay chín nước còn cay
(ca dao)

đâu ngờ gió cuốn mây bay
để đây cả một rừng cây toàn cành
vàng hoa dưới lũng để dành
trên đèo thưa thớt nắng hanh giữa mùa
tình nào còn đẹp như mơ
đời đâu có phải bài thơ [hồ trường]
xưa sau đeo quá nỗi buồn
hai vai vác nặng đầu nguồn cuối non
khó khăn hai chữ vô thường
theo tố như viết [đoạn trường] thời nay
lát gừng chín nước còn cay
mà nồi ốc luộc nhạt ngay trong nồi
trước sau người phụ lòng người
xưa nay đốt rạ ngậm ngùi ngó chơi
tuổi tàn chồng chất trên vai
sáu mươi bó lẻ sầu nguôi ngoai sầu
há gì biển với chả dâu
nước trên sông vẫn một mầu tà dương.

cũng phải thất kinh. Bắt chồng phải ly dị để làm hôn thú với ngoại kiều, chẳng biết một anh lính Mỹ, anh tây hay anh thợ điện Phi Luật Tân nào đó. Để ra đi hợp pháp. Dĩ nhiên tôi không thể chấp nhận đề nghị đó, một đề nghị tàn nhẫn, vô nhân đạo, cạn tàu ráo máng, bôi cứt vào mặt chồng. Thuở đó miền Nam này việc đi lấy Mỹ, lấy ngoại kiều là điều không tốt đẹp gì, một việc bần cùng bất đắc dĩ, việc làm vì hoàn cảnh. Gia đình tôi không đến đỗi ở trong hoàn cảnh đó. Ông Chu Tử, chủ nhiệm của tôi, người bố nuôi của vợ tôi, ông là nhà văn, tâm hồn phóng khoáng. Ông phải la vào mặt tôi:

- Anh nên nhớ rằng người ta lấy đĩ về làm vợ, không ai lấy vợ về cho đi làm đĩ. Nếu anh chiều theo ý cô ấy, tôi không biết anh là con người gì. Anh bôi cứt vào mặt anh, vào liêm sỉ của anh mà sống được à? Chuyện này không thể được!"

Chuyện những nàng Huyền Trân tự nguyện là một chuyện dài xuyên qua một cuộc đổi đời. Cũng đau lòng các anh chàng Trần Khắc Chung lắm chứ! Các anh cũng đổi đời! Lấy chồng tây coi bộ dễ hơn lấy vợ đầm. Nhưng khó thì khó, lúc cần thì thanh niên ta cũng... vọng ngoại như ai. Nguyễn Trọng Tài là một. Anh chàng thanh niên 28 tuổi này, tuy là con nhà nghèo, cha mẹ làm nghề nông, lại đông anh chị em, nhưng vẫn cương quyết đi theo... đầm. Bởi vì anh muốn có một cơ hội vùng vẫy trên những miền đất đầy tuyết trắng. Anh cố công dùi mài kinh sử và tốt nghiệp ngành Ngữ văn Anh tại trường Đại Học Khoa Học Xã Hội - Nhân Văn ở Sài gòn. Với vốn liếng ngoại ngữ đầy đủ, anh được nhận vào làm hướng dẫn viên tại một công ty lữ hành quốc tế. Anh hướng dẫn khách du lịch nhưng đồng thời anh chú ý hơn tới việc hướng dẫn đời anh. Sau những thử thách, anh cua được một cô Mỹ hơn anh năm tuổi. Họ thành hôn và anh thỏa mộng đi Mỹ. Nhưng mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, anh chẳng vẫy vùng được nơi xứ lạ quê người. Chỉ vỏn vẹn sau hai tháng hương lửa, anh đã bị vợ cho... xuống cấp thành một người giúp việc không lương. Sáu tháng cúc cung tận tụy với vợ, anh mới được vợ phát cho ít tiền gửi về giúp gia đình!

Không học thức như Nguyễn Trọng Tài, anh người mẫu tên Khánh, 24 tuổi, cũng bắt bồ được với một cô gái Thụy Sĩ bằng tuổi. Chỉ trong vòng ba tháng, họ cho nhau bàn tay. Anh hớn hở bay về quê vợ. Và vỡ mộng. Cuộc sống vợ chồng khác màu da, bất đồng ngôn ngữ, khác nhau cả về cách suy nghĩ, tâm lý, văn hóa và phong cách sống mang lại nhiều phiền toái. Anh kéo lê những ngày buồn nản nơi xứ người.

Ăn đồ tây là "mốt" của dân ta ngày nay. Các tiệm ăn Đức, Ba Tây đã góp mặt ở Sài gòn cùng với những nhà hàng Pháp, Mỹ. *Hamburger, Hotdog, gà Kentucky* cũng là những món thời thượng mang hương vị tây. Đức cũng tây vậy. Nhà hàng Đức Bảo của Đức trên đường Tự Do cũ có khoảng 60 món Đức như: xúc xích, xúc xích hun khói, bắp chuối heo nướng, thịt heo tẩm bột... Nhà hàng Brazil Churrascaria trên đường Trương Định thuộc quận 3 lại chơi một chiêu khác: tiệc buffet. Với 20 món thịt nướng trong đó có món trừu nướng nổi tiếng của Ba Tây và salad các loại, nhà hàng đã thu hút nhiều thực khách thích ăn tiệc mà báo chí trong nước gọi là "loại hình bắp-phê". Tôi nhớ những ngày về Việt nam gần năm năm trước. Lúc đó dân Sài gòn lên cơn sốt với loại hình bắp- phê thời thượng. Ăn sang là phải xếp hàng tự lấy món ăn. Ăn như vậy mới là tây! Sang nên khi đi ăn phải mặc đẹp. Các bà thì áo đầm mốt nọ mốt kia. Các ông thì phải đóng nguyên bộ cà vạt com lê đàng hoàng. Hồi đó mời nhau đi ăn là phải ăn bắp-phê cho có không khí tây. Đi ăn xếp hàng ở bên đây chán, về Việt Nam chẳng được phanh áo đánh thịt cầy, mà cứ phải diện đồ bộ ăn xếp hàng. Chán mớ đời. Nhưng chung quanh mình người ta hồ hởi như thế mình chẳng nỡ... phá đám. Thì cứ cho mọi người hưởng không khí tây với nhau cho vui. Có một hôm, vớ tờ báo đọc, tôi thấy có một bài viết dạy người ta đi ăn bắp-phê. Và ông ký giả này đã có một lời khuyên ngộ nghĩnh: đi ăn bắp phê không cần phải mặc đồ lớn, chỉ cần thắt cà vạt là đủ!

Riêng tôi vẫn hoài nhớ tới một nơi chốn tây, rất tây là Đà Lạt. Không phải là Đà Lạt bây giờ. Mà là Đà Lạt trong trí tưởng. Đêm Noel, trời lành lạnh, sương mù giăng giăng khắp lối, chàng một bộ đồ nỉ, nàng co ro trong chiếc áo len phủ ngoài áo dài, tay trong tay dìu nhau tới một quán ăn tây nho nhỏ, chọn một chiếc bàn sát lò sưởi. Tiếng củi thông kêu tí tách cùng tiếng nhạc Noel nhè nhẹ vang vang. Chàng say ánh lửa nhảy nhót trong mắt nàng. Một chút rượu màu hổ phách, một chút cho vừa đủ hây hây đôi má vốn đã mơn mởn hồng đào. Tây hết biết. Tây hơn cả Tây. Vì thứ tây này là tây vọng tưởng!

01/2006

Website: www.songthao.com

Ánh sáng từ âm thanh

THỦY CÁNH LƯU

Trong những hình ảnh cũ, tôi còn nhớ buổi đi học lần đầu. Hình như hôm đó vào buổi sáng, cha tôi dắt tôi đi bộ ra đường cái, được một quãng là đến khu đất ruộng, rẻ vào một trong những con đường đất chia các mảnh ruộng ra từng ô vuông, đi một chút nữa đã đến nhà bác Nghĩa (tôi vẫn còn nhớ tên bác). Nhà bác nhỏ, xung quanh có hàng rào bằng mấy bụi tre và cây cối lổm chổm. Ngày thường, tôi vẫn có khi chạy nhảy gần đó, hoặc chạy ngang nhà bác nhưng không để ý, bây giờ cha tôi dẫn vào trong mới thấy ở giữa nhà có một bàn thờ Phật. Cha tôi nói gì đó với bác rồi ra về, tôi thản nhiên ở lại vì từ chỗ nhà bác về nhà tôi chỉ cần chạy ù một mạch không cần nghỉ. Tôi còn nghĩ bụng là nếu "có gì" chỉ cần ra cửa dông một mạch là tới nhà rồi. Không có gì phải sợ. Một lúc sau lục tục mấy đứa cỡ trạc tôi đến, đâu chừng mười mấy đứa. Thì ra chúng nó đi học. Tôi hơi cảm thấy ngài ngại vì mặt bác Nghĩa thầy giáo lạnh tanh, da nhăn nhóm coi rất xấu xí, mắt bác liếc như dao ông thợ cắt tóc. Mấy "đứa nhỏ" tự động xếp thành ba hàng dọc trước bàn thờ, bác thầy giáo cho tôi đứng ở giữa, ngay đầu hàng. Tôi xớ rớ chưa biết ổng tính làm gì mà cũng không biết mình phải làm gì thì bác làm một hiệu lịnh gì đó, tự nhiên mấy đứa đồng môn của tôi rì rì... tụng kinh. Tôi biết là tụi nó tụng kinh vì nhận ra âm điệu trầm bổng giống như cha tôi tụng dù không hiểu gì cả. Lúc đó tôi đã muốn ù té chạy nhưng liếc thấy ánh mắt dao cạo của thầy giáo nên sợ ríu người. Thế là xong! Bụng tôi lo ngay ngáy. Coi như "ông già" tôi cho tôi... đi tu, mà đi tu thì phải cạo đầu có phải phiền không chứ, còn vui thú cái gì nữa, trời đất ơi.

Sau đó vài hôm ông thầy bắt đầu dạy tôi nhận mặt chữ cái. Nhưng tuy biết tôi còn lâu mới nhớ mặt chữ, ông cứ bắt tôi học thuộc lòng một bài kinh hay kệ gì đó, có vần có điệu. Tôi thuộc lai rai buổi sáng thì buổi trưa chạy về tới nhà đã quên sạch sành sanh, nói gì đến sáng hôm sau phải trả bài trước bàn thờ. Có một lần sắp hàng với mấy thằng đồng môn để bắt đầu buổi học bằng một bài kinh, tôi nghe chung quanh mình tụi nó nhặt thưa mà mình thì không thuộc một chữ nào ngoài chữ Phật, tôi lanh trí dựa theo âm trầm bổng của tụi nó mà làm bộ ê a khề khà đọc thuội theo. Tự nhiên cái thằng bên cạnh tôi nhận ra là tôi đọc láo, nó đang tụng bỗng ngưng ngang, hô hoán: "Thưa thầy trò ni không thuộc!"

Bữa đó hình như tôi có bị ông giáo già làm cho một trận. Tôi không nhớ thầy đã phạt như thế nào, chỉ nhớ cái thằng đồng môn đã hô hoán truy tố mình, nghĩ cũng lạ.

Trải qua bao lần giông bão nổi chìm, bây giờ tôi vẫn nhớ những ngày "gian nan" suýt bị làm thầy chùa ấy. Mà nhớ nhất vẫn là tiếng tụng kinh trầm bổng, tiếng thằng đồng môn hô hoán.

Thật ra cũng không lạ. Tỉ như chúng ta chợt có lúc nhớ tiếng la rầy của mẹ thì đồng hiện một hình ảnh. Nghe đâu đấy một tiếng kêu trầm cũng có thể nhớ rất nhanh hình ảnh ngôi trường cũ nghèo nghèo. Hay là gió thổi. Hay là róc rách tiếng sóng chợt nhớ những đêm ngật ngưỡng trên một con thuyền ra đi. Âm thanh khiến mình nghĩ đến hình ảnh. Đó là sự liên tưởng. Liên tưởng đến những cái mình trải qua rồi. Nếu như mình không từng nghe qua những âm thanh đó thì sự liên tưởng cũng không có. Vì thế âm thanh ở đây là tiếng động của quá khứ. Nó là sự thân quen đã mất và thường dựng lên một nỗi ngùi ngùi.

Nhưng cũng có nhiều âm thanh không kéo mình về hình ảnh cũ. Ngược lại, có vẻ như nó nhấc mình đưa vào một nơi nào ấy. Thông thường chúng ta không hiểu các âm thanh đó. Nó không có nghĩa. Tiếng con chim se sẻ kêu có nghĩa không? Thưa vẫn có. Nó là tiếng kêu của con chim se sẻ. Chúng ta thấy con chim se sẻ, nghe nó kêu, nên biết là tiếng kêu của nó. Khi chỉ thấy chim se sẻ mà không nghe nó kêu

chúng ta vẫn có thể hình dung ra tiếng nó kêu. Khi chỉ nghe nó kêu mà không thấy nó, chúng ta vẫn hình dung ra đó là con chim se sẻ. Đơn giản nhưng chúng ta nghe và hiểu là nhờ tuy không chủ ý, nhưng chúng ta đã "thực tập" nghe âm thanh và tưởng hình ảnh nên có thể liên kết âm thanh và hình ảnh dễ dàng.

Có các âm thanh chúng ta có thể nghe hoài nhưng không thể tưởng ra hình ảnh là vì sao? Tôi đoán rằng ai cũng có kinh nghiệm này. Tôi cũng đoán rằng không những chỉ nghe, mà có rất nhiều người còn đọc hay tự mình phát ra các âm thanh đó nữa, nhưng tuyệt nhiên vẫn không thấy gì cả, hay không cảm thấy gì cả!

Khi đi chùa nghe các thầy tụng kinh, hay khi ở nhà có người thân mất được các thầy tới nhà tụng và người nhà tụng theo, chúng ta thường nghe hay đọc ra tiếng vài câu kinh có âm thanh khó hiểu, gọi là chú hay mật ngữ. Có những bài chú dài như chú Đại Bi, hay một câu ngắn nhiều người biết như "Án Ma Ni Bát Di Hồng." Từ lâu các thầy không giảng nghĩa của câu chú mà để nguyên âm. Những người muốn đọc tụng cứ theo âm mà đọc. Cũng có người thắc mắc là đọc không hiểu thì đọc làm gì, có được lợi ích gì đâu.

Âm thanh không phải là nghĩa, người ta chỉ đưa ý nghĩa đến cho âm thanh. Khi một đứa bé bắt đầu tập nói, nó lập lại (một hoặc hai) âm của người lớn một cách máy móc, dần dần nó nhận ra cái âm mà nó phát ra thường gắn với một hình ảnh nào đó, một hành động nào đó, hay tạo ra một tác dụng nào đó. Đến lúc này cái âm đó có nghĩa đối với nó.

Thí dụ trên chỉ thuần về mặt ngữ học, nó cũng giống như chúng ta liên kết con chim se sẻ với tiếng kêu của nó. Cách giải thích về liên tưởng này có đầy đủ trong các bài học của ngành ngôn ngữ, thường để dạy các thầy cô giáo dạy ngôn ngữ thứ hai hay được dùng trong mấy bài phê bình văn học.

Âm thanh không phải chỉ có ý nghĩa đơn thuần về mặt ngữ học như thí dụ trên.

Có các âm thanh không có ý nghĩa, hiểu theo cách bình thường là chúng ta không tìm ra nghĩa của âm đó trong từ điển.

Nhưng các âm thanh không có ý nghĩa này có khi lại được cảm nhận, và dựng được hình ảnh.

Năm 1967, một bác sĩ người Thụy Điển là Hans Jenny đã mô tả cấu trúc và động lực của sóng và sự rung trong tác phẩm Cymatics. Ông mô tả các thí nghiệm đã thực hiện để chứng minh âm thanh gây tác dụng lên môi trường liên hệ như thế nào. Thoạt tiên, bác sĩ Jenny đổ chất lỏng như nước, hay các hạt vụn như cát, mạt sắt lên một cái đĩa, cho dòng điện chạy vào đĩa để làm cái đĩa rung. Tùy theo cường độ dòng điện mạnh hay yếu thì tần số rung thay đổi theo. Ở mỗi tần số nào đó thì chất lỏng hay mạt sắt xếp thành một hình dạng nào đó, có thể là một hình thù đều đặn nhưng cũng có khi lộn xộn không ra hình dáng nào. Từ các thí nghiệm đơn sơ trên, ông phát minh một cái máy gọi là tonoscope, gọi đơn giản là máy rung. Để dễ hình dung, có thể xem cái tonoscope như các máy mát-xa có bán ở các tiệm thuốc tây dùng để mát-xa thân thể, hay mát xa tay chân. Không như các thí nghiệm đơn sơ trước, ông có thể điều chỉnh độ rung của cái máy rung theo ý muốn. Ai từng dùng máy mát-xa thì biết cảm giác như thế nào. Thí dụ khi áp máy vào xương sống, bật điện, thì không chỉ cái khúc xương sống có máy áp vào rung lên "ù ù" mà hầu như toàn thân đều cảm nhận được cái cảm giác "ù ù" cùng với âm thanh phát ra do độ rung của máy.

Liên hệ giữa cái đĩa rung với máy tonoscope giống như liên hệ giữa xương cốt và máy mát-xa. Xương cốt và mình mẩy của mình cảm nhận độ rung mạnh hay yếu tùy theo mình muốn "đã" nhiều hay ít, cái đĩa của tonoscope cũng có thể được điều chỉnh cho rung nhiều hay ít tùy theo cường độ dòng điện. Khi cái đĩa rung lên thì cũng có một thứ âm thanh tương ứng với độ rung phát ra (cũng giống như máy mát-xa rung thì phát ra âm thanh). Chỉ khác là ở máy mát-xa, chúng ta chỉ có thể điều chỉnh khoảng ba tần số (mạnh-vừa-yếu), còn tonoscope của bác sĩ Jenny thì có thể điều chỉnh cả ngàn tần số/ âm thanh khác nhau.

Bác sĩ Jenny thử nhiều loại chất lỏng khác nhau và cho rung ở các tần số khác nhau. Ông quan sát sự thành hình của chất lỏng trên đĩa, đồng thời mỗi lần như thế ông có thể nghe được âm thanh của mỗi loại tần số khác nhau. Mỗi khi ông chạm nhẹ đầu ngón tay vào đĩa thì cảm thấy sự rung động của đĩa tương ứng với âm thanh mà ông nghe được. Bác sĩ Jenny đi đến kết luận về sự rung/âm thanh, gồm có ba yếu tố: chúng ta có thể nghe được âm thanh của sóng, có thể thấy được sự hình thành hay hình

ảnh của âm thanh (như được ghi dấu trên đĩa), và khi chạm vào đĩa thì cảm được nó đang rung.

Như vậy sự rung và âm thanh có thể nhận được qua ba giác quan là thanh (nghe), sắc (thấy), và xúc (sờ chạm). Mặc dù thí dụ về độ rung có liên quan đến ba giác quan, nhưng mục đích của bác sĩ Jenny không phải vậy. Ông chỉ muốn chứng minh sự rung và âm thanh có thể thấy được bởi vì theo ông, con người thường bị cái thấy chi phối nhiều nhất. Nhưng ông phải nói đến ba yếu tố của âm thanh là để nói lên một ý chính: khi nhìn nhận một hiện tượng, chúng ta nên nhìn tổng thể, từ nhiều góc độ khác nhau, chứ không nên phán rằng âm thanh có hình ảnh, rồi cứ bám riết theo khám phá để giải thích mọi hiện tượng. Đó là một cách đến gần với khoa học. Ý của ông như câu chuyện các người mù xem voi. Người mù nào cũng nghĩ là mình mô tả đúng con voi cho đến khi có một người tình cờ "thấy hết con voi." Con voi không phải cong như vòi, không phải thẳng đứng như cột, hay vung vẩy như cái đuôi, mà phải là tổng thể những cái đó. Nhưng nói người mù tả voi sai cũng không đúng, họ cũng đúng nhưng chỉ đúng ở cái phần của họ. Họ sẽ đúng hơn nếu có một mô tả tổng diện.

Âm thanh trong thí nghiệm của bác sĩ Jenny rõ ràng có tác động đến môi trường chung quanh bằng sóng, bằng độ rung, bằng hình ảnh. Nhưng quan trọng hơn là phải đặt âm thanh hay nhìn âm thanh trong một tổng thể gồm cả môi trường chung quanh âm thanh đó, loại vật chất mà âm thanh đó tác động vào, vật thể phát ra âm thanh, hay cá tính/căn cốt của người phát ra âm thanh. Bởi vì cùng một âm thanh, một tần số, nhưng gây nên các tác dụng khác nhau tùy theo loại vật chất mà nó tác động vào. Bởi vì cùng một âm thanh, một tần số, nhưng người phát âm này sẽ tạo tác dụng lên chính mình và môi trường chung quanh khác người kia. Và ở cường độ âm thanh này thì có hình

CỔ NGƯ

Bên sông

Những đứa bé cởi truồng
Cưỡi rồng
Bay vào chiều tuyết.
Dòng sông lặng lờ
Mở tròn con mắt lớn
Nhìn suốt hai nghìn năm.
Mùi cá tanh
Thấm vân đá phiến.
Chuông đồng hồ
Nhịp-điểm-nhịp thời gian.

Tôi hoang mang
Chạy vòng quanh những chiếc cầu
Nối liền hai bờ ảo-thực,
Thấy ngọn đèn
Nghiêng vào đêm
Cháy bờ môi vừa chín,
Nghe nhịp rung
Tim phập phồng
Sau bộ ngực rậm lông
Của loài hải âu nước ngọt
Chỉ chờ tưới máu
Vào vùng ức trắng của mình.

Rồi tôi tin
(như những đứa bé cưỡi rồng tin mùa đông
sẽ đem về nhiều quà bánh)
Đêm đôi khi bùng hỏa hoạn
Khi em gọi lửa về
Chói sáng
Giữa giấc mơ.

LONDON
27.12.2005

ảnh kia, ở cường độ âm thanh kia thì sẽ tạo ra hình ảnh nọ. Và như đã thấy chứng minh, chúng ta cảm được sự rung của hình ảnh đó.

Mật chú có tạo ra sự rung và hình ảnh không?

Tất nhiên là có. Vì mật chú thì cũng là âm thanh thôi. Nhưng đó là một loại âm thanh đặc biệt.

Hai câu chú có âm thanh khác nhau sẽ tạo ra hai tác dụng khác nhau. Điều này đơn giản vì tần số hay sự rung của chúng khác nhau.

Chúng ta thử phát âm "Án", nghỉ một chút rồi phát âm "Om" sẽ cảm thấy khác nhau như thế nào. Hôm nào rảnh, thử đứng trước một cái lá cây, rồi vận nội lực phát ra hai âm này coi độ rung của lá cây có khác nhau không. Nhớ tìm chỗ nào vắng mà thử kẻo có người tưởng mình điên.

Hai âm "Án" và "Om" có hai độ rung khác nhau, gây ảnh hưởng khác nhau đến môi trường chung quanh. Chính người phát âm cũng cảm thấy khác. Sự cảm nhận khác nhau đó tùy theo mức độ thực tập, nhưng căn bản thì người thực hành sẽ thấy là khi phát âm "Om", có một sự rung động sâu, bền và rền như thấm chuyền vào lồng ngực, và sự rung chuyển ra bên ngoài của "Om" hình như cũng kéo dài hơn. Về mặt ngữ học, người ta có thể giải thích phần nào về cảm nhận và hiện tượng này, nhưng vấn đề của người thực hành đọc chú không phải để tranh thắng về mặt lý luận, mà tột cùng, là để cho mình đạt được mục tiêu của mật ngữ.

Thế nhưng chúng ta cũng thấy là do vấn đề phát âm nên các mật chú nguyên thủy bằng tiếng Pali hay Sanskrit đã được Việt hóa. Như "Om" được Việt hóa thành "Án", chẳng hạn. Âm "Án" dễ phát hơn nên cũng dễ nhớ, lại ít phải dùng sức hơn, có thể đọc lè phè như đọc bài không phải mất sức nhiều. Nhưng cũng vì vậy mà "Án" càng khác "Om" ở độ rung và tác dụng.

Một câu mật chú mà được đọc thật nhanh thì sẽ thấy rất khác với khi đọc chậm. Đọc nhanh, phát âm theo tiếng Sanskrit hay Pali thì sẽ thấy tự nhiên các nguyên âm của từ trước như nối với nguyên âm của từ kế tiếp khiến cho âm của từ được nối biến thành một âm khác. Và nếu thực hành hoài như thế thì "tự nhiên" sẽ có một giây phút nào đó, một lúc nào đó cái âm thanh do chính mình phát ra chợt bắt nhịp cùng với nhịp rung của nội và ngoại giới, lúc ấy mình sẽ cảm được sự lạ lùng chỉ riêng mình hiểu.

Âm thanh của mật chú như vậy đâu cần phải có nghĩa. Nó là sự rung động, từ sự rung động đó dựng nên được hình ảnh, hình ảnh của sự rung động — ánh sáng. Sự rung động của mật âm, như tên gọi, không nên được giải thích. Người ta thường có khuynh hướng tìm tòi, thích giải nghĩa những điều gì đó, hay vật gì đó có vẻ bí mật. Đó là nhu cầu trí thức. Đôi khi đó cũng là nhu cầu muốn chứng tỏ bản ngã nữa. Từ bao đời các bậc tổ sư không thích nghĩa mật chú, các vị cứ để âm nguyên như vậy. Các vị tổ phải có ý gì đó mới không giải thích chứ chắc hẳn không phải do các tổ không biết. Đức Phật khi tuyên thuyết mật chú cũng không giải nghĩa, chỉ nói tác dụng, thí dụ như chú Lăng nghiêm là để cứu đệ tử A-nan thoát khỏi ma nữ. Phật phải có ý gì đó nên mới không giải nghĩa từng âm thanh trong mật chú, điều mà ngày nay, trong thời đại công nghệ thông tin, nhiều người đang cố công lật lựa từng âm để giải thích và in ấn, thí dụ như bài chú Đại Bi được giải thích từng câu một, mỗi câu chú được vẽ thành một vị Bồ Tát. Vấn đề quan trọng ở chỗ: không phải cái công việc giải thích một câu chú bằng cách vẽ một vị Bồ Tát là đúng hay sai, mà là, làm việc đó để làm gì, việc làm đó có giúp gì cho người đang đọc chú không?

Tôi đoán nó chỉ giúp người ta thỏa mãn trí tò mò và tâm hiếu kỳ, chứ chắc là không đóng góp gì cho mục đích của mật chú. Mục đích của mật chú là âm thanh. Mà âm thanh là để rung động. Sự rung của hình ảnh, làm ra hình ảnh, khiến ánh sáng nội giới hòa tan vào một cõi. Các âm này nối âm kia, khi có hai (nguyên) âm gần nhau thì nó tạo nên một âm thứ ba. Âm thứ ba này lại tràn trề nối âm thứ tư, thứ năm, âm thứ sáu, âm thứ bảy, hay là vũ trụ, hay là tâm, hay là không, hay là tất cả. Hãy để âm thanh của mật chú làm chủ để tâm mình nương theo đó mà rung động cùng với điều mật ẩn. Đừng tìm hiểu nghĩa của mật chú. Sống tự nhiên với sự rung động của âm thanh, sống và thực hành mật chú một cách ngây thơ giống như tâm hồn trong trắng của thời thơ ấu nghe kinh mà không hiểu gì cả, sống trong sáng với âm thanh của mật chú như thế thì sẽ có một lúc bất chợt, ánh sáng vỡ òa.

02.2006

A book non-Vietnamese speaking Americans
of Vietnamese descent should read:

WHENCE - WHITHER - VIETNAM?

A New Assessment of Vietnam's Predicament

Author: NGUYEN GIA KIENG.
Translator: NGUYEN NGOC PHACH
Reviewer: TON THAT THIEN
Canh Nam Publishing House, Arlington, Va, USA, 2005, 336 pages1

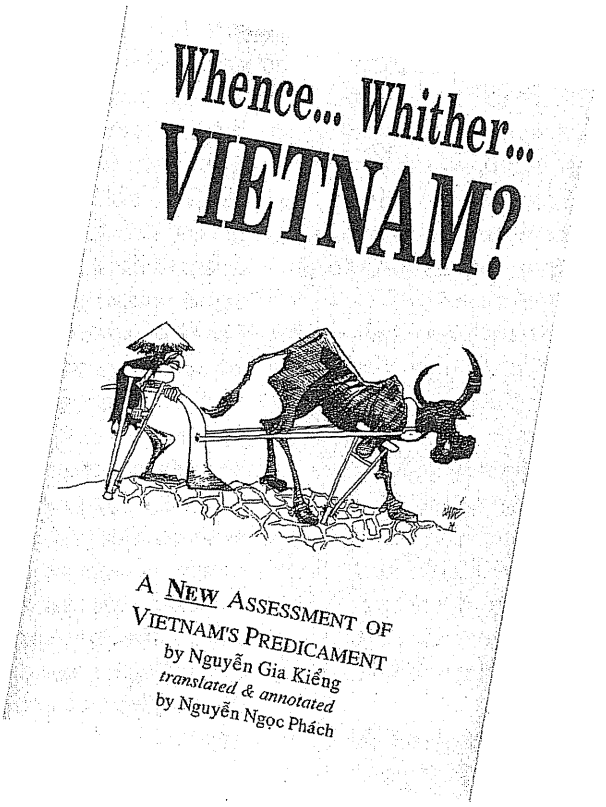

It is a well known fact that most, if not all, young Americans of Vietnamese descent, born or grown up in America, have experienced animated debates with their parents on the subjects of anti-communism, preservation of Vietnamese "fine customs" and "traditional values", and what kind of government system would be best for Vietnam.

Quite often, the debates turned into angry altercations. Usually, the children did not share the visceral, unconditional, anti-communism of their parents, paid little attention to their persistent exhortations to do everything possible to overthrow the present Hanoi regime, and failed to understand their repeated calls for the preservation of Vietnam's "fine customs" and "traditional values" in a modern American environment. As regards the best system of government for Vietnam, it is the parents' fear of too much democracy and their unbending insistence on the exclusion of communists, against the rejection of such a view by their children.

It is natural that the children should seek to understand the reasons which had led their par-

ents to hold such strange views. On the other hand, they acutely realized that they knew little, if anything, about their country of origin, and felt the need to remedy this situation. But in this, they were greatly handicapped by their inability to read Vietnamese. They naturally had to read books on Vietnam written in English.

Here, there was another great handicap: most, if not all, the books on Vietnam in English were written by American journalists, academics, or politicians, and they were essentially military and political analyses of the war, with focus on America. Furthermore, American writers, in their majority, were sympathetic to the communist side, and put the blame on what went wrong on the anti-communist – their parents' – side. Obviously, truth and balance of views did not obtain. The Vietnamese side of the story was not told. Yet, the failure in Vietnam was also a failure of Vietnam, and the Vietnamese wanted to know where and why Vietnam had failed, and not only before 1975, but more particularly since then, under communist unfettered rule.

To ensure balance and reliability, one would need a book dealing with the Vietnamese side of the story, based on serious researches, exploring the subject in depth, and explaining Vietnam's failure in terms of Vietnamese endogenous factors, especially bringing into play the whole gamut of Vietnam's historical, political, social, cultural and psychological backgrounds, and covering the whole span of Vietnam's history, past and present; in other words, a study broader in scope, more searching, using a new approach.

The natural thing for non-Vietnamese speaking young Americans to do would be to turn to books written in English by Vietnamese . But there was no book written in English by a Vietnamese dealing with the above kinds of problems, and in the novel manner described.

The situation was thus blocked.

But no more.

Non-Vietnamese speaking young Americans now have at their disposal a book written by a Vietnamese, but available in English, though in translation, which deals precisely with the kind of questions which have agitated their minds over the years. The book is Whence... Whither... Vietnam? It is by no accident that the book carries the sub-title: A NEW Assessment of Vietnam's Predicament.

Whence...Whither... Vietnam? is the English translation of *To Quoc An Nan (Remorseful/ repentant Faherland),* a book in Vietnamese written by Nguyen Gia Kieng, and translated into English by Nguyen Ngoc Phach.

Kieng is an engineer graduated from the French prestigious Ecole Centrale, now living in Paris. Nguyen Ngoc Phach is a journalist as well as professor (of languages) and translator now settled in Australia.

The book seeks to answer the question: why Communism has conquered Vietnam with such great ease, and why Vietnam has consistently failed to become a free society and achieve economic development, and the Vietnamese had to constantly suffer oppression and poverty. It uncovers the connections between Vietnam's cultural heritage and its sorry state. It shows that the weight of Vietnam's heritage is very heavy and inhibitive, and that an effective reconstruction of Vietnam must begin with a full reassessment of its cultural values leading to changes of certain of them to allow Vietnamese society to modernize itself in order to move forward and achieve freedom and prosperity.

In the process of elaborating on his main thesis, Kieng has been led to discuss the major problems of Vietnam – lack of freedom and democracy as well as economic development —, against the cultural background of Vietnamese society, and the various options available in the world, past and present. After studying the cases of the various countries which have achieved spectacular success, as well as those which have failed, he came to the very firm conclusion that freedom and democracy are the preconditions, and not the consequences, of economic development, and that pluralistic democracy is the system of government the Vietnamese should adopt if it they want to achieve modernization to move forward and get the freedom and prosperity to which they are entitled as hardworking and intelligent people. This should be done democratically, through national reconciliation, and non-violence.

Those who are interested in development, especially in the economic development, or rather lack of economic development, of Vietnam, will find the book very enlighening, espe-

cially when they read the pages in which Kieng discusses at length the inhibitive effects of Confucianist culture on Vietnamese society throughout its history.

Non-Vietnamese speaking Americans of Vietnamese descent will derive four major benefits from this book.

1/ They will gain valuable insight in their search for answers to the questions which have weighted heavily on their minds, as pointed out above.

2/ They will acquire an extensive knowledge of Vietnam's history, politics, society, economy, culture, at very little cost in terms of time and effort, the book being the result of extensive researches and meditations by Nguyen Gia Kieng, and reading it will spare them the trouble of searching for relevant material in libraries.

3/ The readers who are particularly interested in the problems of political and social changes, and economic development, will find a frame, as well as the concepts and terminology for thinking about those problems.

4/ The last benefit derivable from this book is a really unexpected one: it can be used as a perfect textbook for the study of Vietnamese or English. Taken together, *Whence... Whither... Vietnam?* and the Vietnamese original *To Quoc An Nan*2 would make an ideal bilingual textbook: those learning English can use the WWV as a reader and TQAN as control book, and those learning Vietnamese can use TQAN as reader and WWV as control book. This would be a very good arrangement, as the translation is very accurate, and the English used is of very high quality.

Ottawa,
September 2005

1.- Canh Nam Publishing House, 2607 Military Road, Arlington, Va. 22207, USA.
Also available through Internet, from Amazon. Price: $ US 35.

2.- Nguyen Gia Kieng, To Quoc An Nan, *2004, available at major bookstores in Westminster, Ca, USA; or at: Nguyen Gia Kieng, 11 Mail Le Corbusier, 77185, Lognes, France. Price: $ US 35.*

SÁCH MỚI:

- **Giòng Máu Lạnh**, tập truyện của ***Phan Long Yên***
- **Bí Ẩn Của Cái Chết,** khảo luận của ***Thinh Quang***
- **Tiếng Dương Cầm**, truyện dài của ***Phương Lan***
- **Anh Mới Biết Yêu Lần Đầu**, tập truyện của ***Phạm Thị Quang Ninh*** và ***Phương Lan***
- **Dấu Chân II** của ***Ngự Thuyết***
- **Chiều Vương Ý Thơ** Thơ của ***Hoàng Huy Khánh***

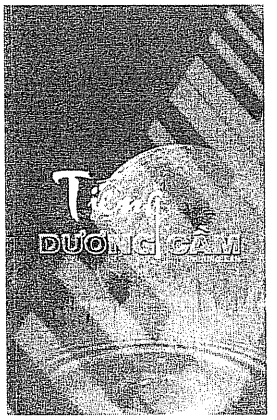

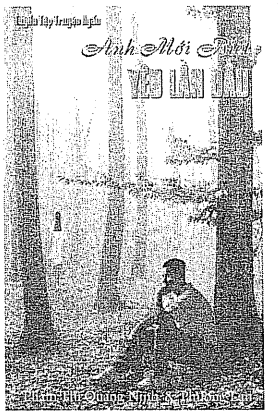

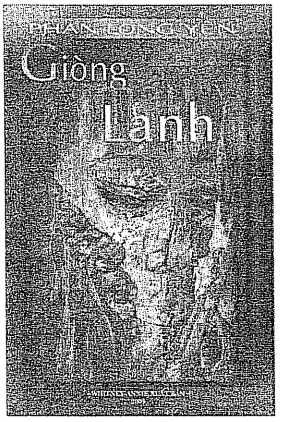

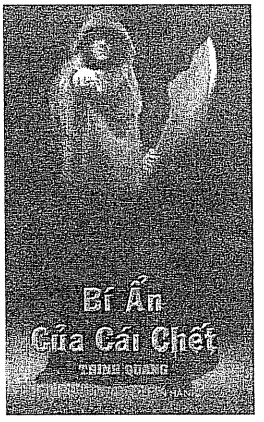

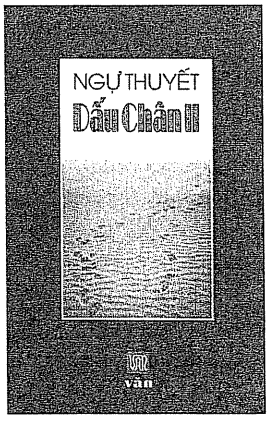

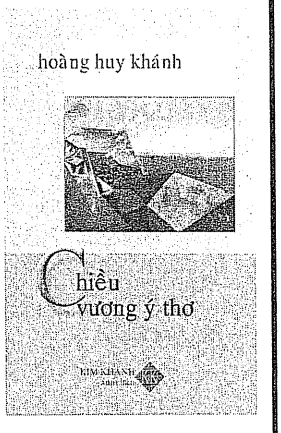

ĐÁM TÁNG GIỮA HƯ VÔ

DU TỬ LÊ

Tôi không biết phải giới thiệu với bạn về họ ra sao, cách nào; khi mà chính tôi cũng chỉ mới thấy họ. Đó là lúc ở đường chân trời chỉ còn một vài vệt đỏ yếu, rớt; giống như những hơi thở hắt, cuối cùng, của mặt trời sau khi bị nhận nước. Tôi cũng không biết họ ở đâu tới, dù bãi biển không dài lắm. Nó được giới hạn bởi một doi đá lởm chởm đìu hiu và; vách núi dựng đứng gan, ruột.

Lúc họ sắp sửa vượt qua tôi, thì, người đàn ông dừng bước. Ông chỉ con chim biển cô đơn, tự do sót lại trên bầu trời. Cô gái cũng dừng bước. Con chim biển dường cũng ngừng bay. Có thể nó đang nhìn xuống hai sinh vật (mà,) nó cho là cũng lạc lõng như nó. Hoặc giả, nó đã nhập vào họ, cách nào đó.

Người đàn ông nói:

"Em nhìn kìa. Có phải con chim biển ngừng bay vì sức nặng của cả bầu trời, lẫn nỗi âu lo thất lạc quá tải trên đôi cánh nó?"

Cô gái níu tay người ông, ngước mặt. Giây lát, cô đáp, tựa cho mình một câu hỏi khác:

"Hay vì sự có mặt của chúng ta? Em nghĩ, có thể nó sẽ vui lắm, nếu biết có thêm chúng ta, cũng không biết về đâu đêm nay?"

Cô gái mỉm cười (nụ cười rạn, vỡ trẻ thơ,) như nỗ lực tự chế giễu sự bi thảm thái quá của mình.

Người đàn ông vòng tay ôm cô gái. Ông làm như không thấy tôi; hoặc có thấy, thì tôi cũng chỉ như chiếc bóng không in của một cánh chim nghi hoặc. Ông nhìn sâu gương mặt cô khá lâu, trước khi hỏi bằng giọng nói pha tiếng lục lạc:

"Em không định giết chết buổi tối hiếm hoi của chúng ta đấy chứ?"

"Không. Trái lại. Anh ạ." Cô gái nghiêm nghị.

"Em nhớ, anh từng nói với em rằng, đám mây nào rồi cũng trôi đi. Trận bão nào rồi cũng phải chấm dứt. Tự thân nó phải hoàn tất chu kỳ sinh, trụ, hoại, diệt..."

"Ô, em quên đấy. Chính em mới là người thường xuyên nhắc nhở anh, những điều tương tự, như thế."

"Vâng. Cứ cho là vậy đi. Nhưng cách gì thì đêm nay rồi sẽ qua. Mỗi chúng ta sẽ lại tan tác theo những cơn bão của riêng mình. Chúng ta luôn bắt đầu. Theo em, đó là ý nghĩa đáng kể và, cũng tồi tệ nhất của thời gian..."

"Từ từ em. Anh nghĩ giá trị của thời gian là hiện tại. Hạnh phúc như niết bàn, không hằng cửu và; đau khổ, như địa ngục, không bất biến. Chẳng qua, chúng ta ưa gắn nhãn cho từng sự việc..."

Người con gái cướp lời:

"Nhưng anh cũng đừng quên, mây không phải là đời người và, mưa không hề là nước mắt."

"Anh biết. Nhưng em chẳng thể có được cho mình một cách nào khác? Thí dụ, chậm, hoãn đôi ngày?!!!..."

Người đàn ông chuyển hướng câu chuyện(?) Cô gái hiểu:

"Em còn muốn hơn thế nữa chứ anh. Nhưng không thể anh ạ. Chuyến bay sẽ đem mọi người tới đây vào lúc năm giờ chiều mai..."

Người con gái nín lặng, như để điều chỉnh hơi thở bị tắc, nghẹn. Hoặc giả, cô cần một khoảng lặng, trước khi nói tiếp:

"Chỉ một điều còn thuộc về em là sự tan biến đi, chính mình. Tiếc thay, đó lại là điều chẳng ai làm được..."

"Ngày mai. Ngày mai. Ngày mai..."

Người đàn ông nói lầm thầm, như đọc thần chú, hoặc cầu nguyện. Ông hy vọng phép lạ sẽ xẩy ra nhờ sự xăm soi ngược, xuôi hai con chữ này?

Cô gái úp mặt vào ngực người đàn ông. Tựa thình lình cô bị gió rạch những đường buốt giá trên thân thể mình.

Bằng giọng nói mang theo mùi hơi quen thuộc, ủ, ẩm nơi lớp vải áo của người đàn ông, cô gái nói chậm, như chia đều nỗi buồn, cho từng tiếng: "Thôi anh. Đừng nhắc nữa, ngày mai."

*

Thưa bạn, tôi không biết phải nói với bạn thế nào! Bạn có thể kết luận, họ có phần..."hơi bị *tửng*." Riêng tôi, tôi lại thấy: Họ, cánh chim, biển, đêm, bầu trời, (luôn cả tôi,) không phải là những phần tách rời mà, chỉ *một*.

Dù bạn có phát hiện tôi mới là người..."hơi bị *tửng*," thì tôi cũng chẳng mắc cỡ gì (mà,) không thú nhận rằng, tôi thấy tôi chính là đôi tình nhân kia. (Nó cũng giống như những lần coi phim cao bồi miền viễn tây... tôi luôn thấy tôi là nhân vật chính: Phi ngựa như gió. Bắn súng như để. Tài tình như... thánh.)

Do đó, kể từ lúc này, xin bạn hiểu, câu chuyện được kể tiếp, không bởi mình tôi. Nó còn được kể bởi bất cứ một thành phần nào, hợp thành cái *một*, ấy.

*

Người đàn ông khoác tay qua vai cô gái. Họ đi tiếp về phía núi. Khoảng cách không xa lắm; nên, hoàng hôn dù đang thu nhỏ hình hài trước khi đêm tới, người ta vẫn có thể nhìn thấy những thân cây chới với đâm ngang, từ vách đá. Càng xa vách đá, những cành lá càng bối rối chúi mũi xuống mặt biển... Bạn sẽ không sai lắm đâu, nếu có cho rằng, phải cố gắng, tài ba lắm, chúng mới gánh nổi một đầu núi và, bầu trời, đầu kia.

Sự hiện diện muộn màng, lạc lõng của cặp tình nhân dường trở thành điểm thu hút cảnh, vật. Ngay những con dã tràng nhút nhát là thế, cũng ngưng xe cát, hoặc chết trân trên miệng hang, theo dõi họ.

Như những con sóng tuy chuyển động không ngừng, nhưng vẫn có những giây phút lặng thinh riêng; cặp tình nhân thỉnh thoảng lại dừng bước. Họ quay qua ôm, hôn và, nhìn nhau.

Những lúc như thế, cô gái tuồng không phân biệt được đâu là biển sâu? Đâu là bờ cát? Có thể cô thấy cô vừa là biển sâu (để chứa được tình yêu của người đàn ông;) vừa là bờ cát (để tình yêu người đàn ông là những con sóng tham lam liếm ngọt từng tấc thịt da cô.)

*

Cung cách, cử chỉ của họ, cho thấy họ hạnh phúc và, bất an. Nhưng bất an, có dễ đã chiếm phần hơn; dù cho vòng tay, nụ hôn thường là những viên thuốc an thần hiệu nghiệm.

Không cần ai chỉ vẽ, họ hiểu, họ hưởng nhận được ân sủng hào phóng của tình yêu, cùng lúc với nỗi sợ hãi trong đôi tay hàm hồ của ý thức bất lực trước tương lai. Mặt khác, họ cũng là những con tin tội nghiệp của hào quang sụp, lở quá khứ. Tuy nhiên, khi họ nhìn nhau, thì cái nhìn là *một*.

Cái nhìn vốn *một* kia, vài giây thôi, nhưng, thưa bạn, với tôi (cũng có thể với cả những con dã tràng,) là cái nhìn xuyên suốt thân, tâm; thấu suốt không gian, hư ảnh. Nó không phải là cái nhìn theo cách nói văn chương, kiểu cách của Saint Exupéry (đã thành một trang sức súng sính của nhiều người,) là... nhìn về một phía... Nó cũng không phải là cách nhìn của những kẻ kề cận bên nhau (mà.) một đời vẫn không hề *thấy* nhau. Nó cũng chẳng phải là cái nhìn mang ý nghĩa kỷ niệm mai sau; sẽ được lưu trữ dài lâu trong ký ức (bảo tàng viện của những sự, vật khô, chết.) Cái nhìn nhân gian không thể được. Nó là sự sống, một kiếp - - Phút lơ đễnh, sểnh tay, của định mệnh - - Hay, giọt lệ cắn đôi của những kẻ yêu nhau, khốn khó.)

*

Đó là lúc thủy triều lặng lẽ lăn đêm vào vụng biển. Sẽ chẳng một ai nhìn thấy gì, nếu không có dẫy đèn cao, gập mình uốn theo đường viền hè phố và; ánh sáng chói chang của những tòa building hãnh tiến, xác định sự hiện diện lạnh tanh nhấp, nhổm của chúng. Dù vậy, ánh sáng cũng chỉ vói tay khỏi dãy hàng quán được chừng đôi ba sải; nếu không có vầng trăng thượng tuần mạ một lớp ánh sáng lụa vàng lên sóng, cát và, gió.

Đó là lúc cặp tình nhân đã tới gần hơn vách núi. Nơi những chiếc thuyền gỗ, mục, lủng đáy; nằm nghiêng, phanh bụng hướng về biển. Từ xa, nhác trông, bạn sẽ thấy chúng giống như những miệng phễu lớn, sẵn sàng lọc gió, cát từ muôn trùng thổi tới. Chúng cũng đón nhận những tiếng rì rầm rất khẽ, tựa lời than vãn ngờ nghệch gửi cho thượng đế của biết bao sinh linh chứa trong từng giọt nước, những đêm biển lặng. Những kẻ sinh thời không hề sống. Họ hồ hởi đặt cược (hay khoán trắng?) trọn cuộc đời cho đấng thần linh.

Thưa bạn, vấn đề theo tôi, không nằm nơi: Phải chăng, họ đã trả một giá quá đắt cho niềm tin mắc mỏ nông nổi; hoặc sự quay lưng của thượng đế. Nó nằm nơi, khi chết, họ lại đổ vấy cho ông tất cả mọi điều!!! Những điều thượng

đế chẳng những không hứa hẹn, mà còn không hề hay biết nữa!?!

Cũng từ những lầm lẫn khởi đầu của một bản hợp đồng không người ký, đôi khi, người ta nghe được tiếng hát tự những chiếc thuyền gỗ mục. Tất nhiên, chúng hát theo bản bài và, cách riêng của chúng. Nên, dù giỏi âm nhạc đến đâu, bạn cũng không thể ghi lại, hoặc giải mã được những ca khúc đồng vọng hư vô, ấy.

Cô gái chủ động bước về phía tiếng hát.

Họ chọn chỗ hai mũi thuyền giao nhau, như một hang động lộ thiên, ít ánh sáng, để ngồi. Có một điều gì giống như sự chết, cột, buộc họ, với nhau.

*

Gió, sóng biển tiếp tục gửi những tiếng rì rầm rất khẽ, tựa lời than van ngờ nghệch cho những chiếc thuyền gỗ, mục, lủng đáy. Khác chăng, bên cạnh những chiếc phễu lớn, giờ đây, còn có thêm hai sinh linh. Hai sinh linh không nơi để về. Hai sinh linh tìm tới biển, không để... lọc gió, cát; mà, để nhận thêm những lượng hơi nước bất an vào tâm thức vốn âm u, treo đầy thạch nhũ, bất trắc.

Người đàn ông kéo cô gái nằm xuống cát.

NGUYỄN BẠCH DƯƠNG

Nhà thơ Nguyễn Bạch Dương, tên thật Nguyễn Kim Dũng, sinh năm 1943 tại Cao Lãnh, hiện đang sống tại Sài Gòn. Trong những năm qua anh đã đăng thơ trên Thế Kỷ 21 và một số tạp chí văn nghệ khác ở hải ngoại. Vừa được tin anh bị ung thư phổi vào thời kỳ chót, chúng tôi đăng lại dưới đây mấy bài thơ của anh với lời chúc anh một tinh thần mạnh mẽ để đương đầu với bất cứ sự chẳng may nào của cuộc sống trần ai này.

LỬA NẾN

Cháy cạn hết đời mình cây nến nhỏ
Gió vô tình thổi tắt lửa đêm sâu
Trước khi tắt ngậm ngùi hơi lửa ấm
Gởi hết lòng ánh sáng góc bàn câm.

Đã sống hết đời không lãng phí
Rất lẻ loi yếu ớt tấm lòng mình
Những hừng sáng mặt trời hồng rực lửa
Để chiều về nguôi lạnh phía chân mây.

Mỗi ánh sáng mỗi phận đời cá biệt
Nến biết mình nhỏ yếu với thiên nhiên.
Thoảng gió nhẹ cũng lay màu lửa yếu
Nên đành lòng không dám đối bão giông.

Chút ánh sáng lấy từ vầng lửa ấm
Chút mặt trời trong bấc nến đơn côi
Giọt biển mặn chứa bốn trời biển lớn
Lửa nhỏ nhoi lấy phía mặt trời.

Nến đã cháy những lời không dự báo
Khi lệ mình mòn cạn vóc thân riêng.
Biết dâng hiến không tiếc đời hạn hẹp
Lửa tắt rồi, nến sáng phía trời vui.

ĐÔI KHI

Có đêm thức trắng với đèn
Có ngày mỏi đợi người quen trở về
Có lần ra cỏ chân đê
Rung cây điên điển hỏi quê chuồn chuồn.
Đợi mùa ngó buổi trưa tuôn
Tìm bong bóng vỡ trong hồn giọt mưa
Ví dù thuyền giấy ngày xưa
Chở ngây thơ đến tận mùa biệt ly.
Có đêm ngồi trắng lâm li
Có ngày đi suốt những gì trước chân
Có khi - khi có đôi lần
Bến sông bất động đợi vầng trăng quen.
Gió chưa đủ tắt nến đèn
Mòn đêm lệ sáp, đỏ hoen mắt người
Mơ môi thơn thớt nói cười
Ngậm đau xé ruột - nuốt lời thị phi.

CƠN GIÓ THỔI

Những lần ngồi đợi lá rơi
Loanh quanh góc vắng lượm lời cây đau
Trở về rũ gió xôn xao
Qua sông hái trộm hoa cau cuối vườn.
Hình như hoa cũng biết buồn
Cây thương gió dại khóc muôn lá vàng
Những lần theo sóng lang thang
Vô tình vuốt mặt, lệ hàng ứa riêng.
Tiếng chim mắc bẫy kêu nghiêng
Chìm theo bụi khói, lửa xuyên cháy rừng
Biết rồi lòng cũng khói sương
Trọc trơ đá núi vẽ muôn lối mòn.
Bước chân thầm chạm cỏ non
Cúi hôn mặt đất, sót còn mầm xuân.

Trên cao, những vì sao nhỏ, chấp chới như những ý tưởng hiện, biến không ngừng trong tâm họ.

Chẳng biết có phải sự vô tình liếc nhìn đồng hồ của người đàn ông, khiến cô gái ném mình trở lại vực sâu, ám ảnh? Cô nói:

"Khi mới yêu anh, em thật ngu đần, khi nghĩ, chẳng có một điều gì thuộc về em, trừ thời gian..."

"Anh hiểu. Em dư nghị lực và kiên nhẫn. Nhưng..."

"Vâng. Nhưng càng lúc em càng hiểu ra, thời gian chính là chiếc xẻng xúc đất khổng lồ, êm ái, chôn nông mọi hy vọng."

Cô gái ngập ngừng, nhìn quanh, như sợ có người rình nghe, trước khi tiếp:

"Không biết em có phạm tội chăng(?) Khi em rất muốn nói rằng, nếu có một điều gì ông trời để tuột khỏi tay ông, thì đó chính là ngày mai, vậy." "Có thể," người đàn ông thở ra.

Ông chống tay, nằm nghiêng, đăm đăm nhìn khuôn mặt như trái táo chín, thơm của cô gái, có dấu hiệu hư, nát ở một số nơi mà, ông không thể lóc, bỏ. Ông cúi xuống, trân trọng hôn lên những nơi chốn ấy. Cô gái nhắm mắt. Cô tận hưởng yêu thương hay, bất hạnh?

"Nhưng cũng có thể vì chúng ta luôn đinh ninh rằng, chỉ tương lai mới đáng kể. Trong khi sự thực, tương lai cũng như quá khứ sẽ vô nghĩa, nếu chúng ta không có hiện tại," người đàn ông nói tiếp.

"Chỉ hiện tại mới đem lại cho khu rừng quá khứ những cây, cành kỷ niệm vạm vỡ và; tương lai, những hạt mầm khỏe mạnh... Như tình yêu, có hay không, chỉ trong phút này. Hiện tại. Ngay bây giờ. Đừng để cái tâm phỉnh gạt, cái tâm hớn hở van xin thần linh ban, phát cho chúng ta mọi điều, trong kiếp khác..."

(Càng nói, giọng người đàn ông càng thêm phấn, kích. Ông được dẫn dắt bởi nhu cầu trấn an người con gái? Ông trở thành lưu loát một cách bất ngờ, nhờ sự trợ lực của những sinh linh ngờ nghệch, oan thác?)

Nếu cô gái không lên tiếng, chắc ông còn nói nữa.

(Tôi e, nhiều phần, chính ông cũng chẳng biết phải ngừng chỗ nào!?!)

Cô gái hỏi:

"Nói như anh, hóa ra hạnh phúc hay khổ đau cũng chỉ là trò chơi cút bắt của cái tâm?"

"Anh nghĩ là như vậy," giọng người đàn ông dịu lại, như vừa ra khỏi cơn say sóng, dù vẫn còn ngầy ngật.

"Vậy không hề có cái gọi là hạnh phúc / khổ đau?"

"Không hề. Nếu có, thì nó lại không là hạnh phúc / khổ đau."

"Em không hiểu."

Cô gái nhỏm dậy. Cô nhìn người đàn ông xa lạ, chưa từng:

"Nó là gì, anh?"

"Là tâm phẳng lặng."

"Như...?"

"Bầu trời. Thinh không. Ta thấy mây cùng khắp bầu trời. Nhưng sự thực mây đang trôi qua. Và bầu trời không hề giữ lại chúng..."

"Nếu có, chỉ là ngay phút này?"

"Đúng vậy. Anh muốn nói, là hiện tại. Phút này."

"Tức thì?"

"Phải. Tức thì. Ngay tại đây."

"Ngay tại đây? Tức thì?"

"Như bệnh hoạn, tuổi già, sự chết... chẳng một phút, giây nào trễ hẹn với chúng ta..."

"Tức thì? Ngay tại đây?"

Người con gái lập lại, dường chỉ để tăng thêm cường độ đồng tình. Một đồng tình bất chợt, khiến cô hân hoan đến nhói, buốt.

Cô gái cầm tay người đàn ông đặt lên ngực mình.

Không riêng những ngón tay của người đàn ông, ngay cảnh, vật cũng nghe được nhịp chảy dồn dập của những lượng máu đất, trời rần rật, chuyển.

Họ rơi xuống cát. Rơi xuống hiện tại. Trần truồng. Tức thì. Tại đó.

*

Ở một nơi chẳng mảy may liên hệ tới biển, bãi cát, chim, dã tràng, trăng, thuyền mục và, tiếng hát đồng vọng hư vô... cô gái tỉnh giấc.

Cô tự hỏi, phải cô vừa ra khỏi giấc mơ; hay cô đã mang biển, bãi cát, chim, dã tràng, trăng, thuyền mục và, luôn cả tiếng hát... về căn phòng của mình?

*

Người con gái ngồi, tì tay mép giường. Cô thả chân xuống sàn, gạch.

(Nov. 05)

Thánh Địa Mỹ Sơn

TRẦN CÔNG NHUNG

Trước đây có một thời tôi làm việc ở Quảng Nam, thường nghe nói đến Mỹ Sơn, quận Duy Xuyên, tuy không cách xa mấy nhưng lại thấy khó đi về. Thời chiến tranh, "xôi đậu" không rõ ràng, chẳng ai dại gì đi vào nơi rừng núi âm u, nguy hiểm tính mạng. "Gần nhà mà xa cửa ngõ," là thế. Ngày nay cách một đại dương lại hóa ra gần. Không gian và thời gian đổi thay theo cuộc sống và tình người.

Đi Mỹ Sơn theo *tour* du lịch không đắt, chỉ mấy chục nghìn đồng, nhưng không được thong thả theo công việc của mình, lại mất thì giờ chờ đợi. Từ Hội An lên Mỹ Sơn khoảng 50km, tôi đi xe ôm.

Sáng sớm, thành phố Hội An thật yên tĩnh, đường vắng tanh, gió mát như máy lạnh. Đi bộ, hít thở cái không khí trong lành đầu ngày, vừa thể dục vừa ghi nhận những hình ảnh của phố cổ lúc còn say ngủ: một hai chiếc xe đạp của dân lao động, một vài tốp học trò đến trường tập thể dục. Mấy chị "công nhân môi trường" với cây chổi tre dài, thong thả như đếm nhịp, tiếng xẹt xẹt nghe thật rõ. Cách quãng xa mới có quán cà phê nhóm lò bên đường... Đây là giây phút phố phường thư giãn, hiền lành êm ả, tôi không thấy gì e ngại dù đi vào chỗ tối không đèn.

Ra đến đầu đường Nguyễn Thái Học, gặp một anh xe chịu giá đi Mỹ Sơn 55 nghìn. Đường tốt xe chạy nhanh, tôi run cầm cặp, co người núp sau lưng xe, thỉnh thoảng hé mắt nhìn làng mạc trong sương mờ, tự nhiên được sống lại cái cảm giác ngày còn nhỏ, những ngày mà tuổi thơ không thấy giá rét, không thấy cực khổ thiếu thốn, chỉ thấy cuộc đời thật vui, lúc nào cũng mong chóng giỗ, Tết.

Trời mờ sáng xe chạy ngang làng đúc đồng Phước Kiều, đã thấy nhiều nhà dọn hàng, nào tượng đồng, chiêng cồng, lư hương chân đèn... mớ bày dưới đất, mớ treo trên vách, la liệt như hàng chợ trời. Muốn ghé vào xem nhưng sợ chủ nhà mời "mở hàng." Thường ít ai hiểu cho sự khó khăn của mình nên hay nài mua nhiều thứ mà chẳng thể nào mang theo với máy móc! Xe chạy chậm, tôi ngoái người bấm máy. Hình ảnh tư liệu, không phải lo lắm chuyện ảnh xấu hay đẹp.

Vào đến ngã ba quốc lộ1 rẽ lên Duy Xuyên thì trời sáng hẳn. Từng tốp học sinh trong đồng

phục lũ lượt bên đường, hoặc hàng ba hàng bảy đạp xe, thong dong đến trường. Cảnh nữ sinh trong tà áo trắng tôi chụp đã nhiều ở trường Lý Tự Trọng Nha Trang, Trưng Vương (Gia Long) Sài Gòn, Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho... thế mà mỗi khi nhìn thấy áo dài lại vẫn thích, không thể không chụp. Có lẽ khung cảnh khác nhau, ánh sáng không giống nhau, nên cảm xúc dễ khơi động.

Huyện Duy Xuyên ngày nay có bộ mặt khác xa quận Duy Xuyên ngày trước, khu hành chính huyện nguy nga khang trang nằm ngay lộ, phố xá nhà tầng sáng sủa, buôn bán tấp nập. Với khách bàng quan, đây là dấu hiệu một đời sống sung túc, nhưng đấy là bộ mặt, lúc cởi áo, không biết "mình mẩy" ra sao!

Phía trên huyện một đoạn có con sông, hai bờ tre rủ bóng, tôi xuống xe, chụp ảnh dòng sông phải cần góc độ, cần tính toán, nhất là mặt trời đỏ ối đang lên từ từ. Rồi rỉ rả, đường lên Mỹ Sơn, nhiều cảnh cũng hay, nhà thờ Trà Kiệu, ngôi giáo đường từ thế kỷ nay, không thay đổi, không sơn phết sửa sang theo "hiện đại," gợi cho khách du cả một quãng dài lịch sử. Hầu như giáo đường nào cũng màu đá xanh, màu xám mốc: nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ Phú Cam, nhà thờ lớn Hà Nội... Không hiểu sao Thánh Đường Sài Gòn lại màu chu.

Đường vào Thánh Địa, qua một cổng chào, từ từ lên cao, và như đâm thẳng vào núi xanh. Đến đầu ngọn đồi cuối đường, một khu nhà tranh thấp thoáng sau tàng cây xanh lá: nhà nghỉ, quán ăn, giải khát, kiểu "du lịch sinh thái." Trái với hình ảnh đối diện, đang có công trình xây dựng khá lớn. Công trình theo mô hình nhà máy, một dãy dài, không có nét riêng của địa phương. Bên cạnh có trạm bưu điện nho nhỏ mang nét văn hóa Chăm.

Còn sớm, tôi mời anh xe uống cà phê vừa nghỉ mệt. Quán chỉ một người lo các thứ cho khách. Anh xe lợi dụng gọi thêm bốn điếu thuốc Con Mèo.

- Cháu à, đang có công trình gì vậy?

- Dạ, nhà vãng lai khách quốc tế, và nơi làm việc cho các đoàn nghiên cứu.

- Hàng ngày khách đông không cháu?

- Dạ cuối tuần đông hơn, nhưng đa số khách phương xa theo *tour* và khách Tây là nhiều.

- Có phải mua vé không?

- Dạ, vé 30 ngàn. Chú qua cầu mua vé rồi có xe Jeep đưa vào tháp.

Chiếc cầu tre tương đối chắc, không lắt lẻo như cầu giây ở Buôn Đôn (1), nhưng chỉ dành cho người đi bộ và xe máy, không hiểu làm cách nào bên kia cầu lại có xe Jeep.

Phòng vé và chỗ nhân viên làm việc, ăn ở, rất luộm thuộm. Mấy ông cười nói bô bô, thấy khách ngơ ngác cũng mặc, hỏi họ mới chỉ cho cô bán vé ngồi giấu mình trong góc phòng.

Đường dốc vào tháp có xe đưa, lúc ra khách tự đi bộ. Mình tôi một chuyến xe, loại xe Jeep của quân đội miền Nam ngày trước. Dù đoạn đường chưa tới cây số, đi chân cũng hơi mệt. Xe thả khách xuống điểm trung tâm, nơi có nhà hàng, nhà bán quà lưu niệm, nhà biểu diễn văn nghệ. Từ đây đi bộ theo con đường mòn, tương đối bằng, khoảng 500m là đến khu Thánh Địa.

Vẫn còn sớm, tôi thăm qua sinh hoạt chung quanh rồi vào nhà văn nghệ ngồi xem các cô đang ôn tập múa. Một lát có đoàn du khách vào, tôi nhập bọn cùng đi. Chim rừng cất tiếng "chào mời." Nhiều tiếng bồ chao, bìm bịp, chóp mào, chim sâu... toàn chim dân dã. Không nghe tiếng họa mi, hoàng oanh, chích chòe...

Sau chừng mươi lăm phút đi bộ thì mọi người đều dừng lại, trước mặt hiện ra một vùng đền đài, tháp cổ đã hư rã nhiều theo thời gian. Chu vi khu di tích ước chừng 100m mỗi bề.

Lúc này thì không ai nói gì chỉ có tiếng chim và tiếng máy ảnh. Tôi phải chụp nhanh nhiều góc độ trước khi đoàn du khách tràn vào. Toàn bộ khu di tích gần như nguyên trạng, không tô đắp sửa chữa, dáng vẻ và màu sắc nói lên cả một chuỗi lịch sử dài hàng thế kỷ. Ánh sáng tươi mát ban mai, sau lưng tháp là mấy ngọn núi xanh lơ, điểm mây bạc, trời rất mùa thu tuy rừng cây lá không vàng.

Có lẽ đã đầy ắp cảm giác và hình ảnh về khu Thánh Địa nên ai nấy từ từ lần vào. Rải rác đó đây, có những tấm bảng chỉ dẫn: Khu A, khu B, khu C... F, có tám khu nằm kề nhau. Mỗi khu là một phần đặc trưng của Thánh Địa.

Thánh Địa Mỹ Sơn được dựng từ thế kỷ 4 giữa vùng núi thâm u, nay thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Theo các nhà khảo cổ căn cứ trên bia khắc thì đền được vua Bhadresvara xây để cúng vua thần Siva Bhadresvara.

Thoạt tiên đền làm bằng gỗ, qua thế kỷ VI bị hỏa hoạn thiêu rụi. Đến thế kỷ VII vua Sambhuvarman xây lại ngôi đền bằng gạch, đá. Liên tiếp nhiều thế kỷ cho tới thế kỷ XIII hơn

Cô gái Bình Thuận giữa Mỹ Sơn

70 đền tháp được xây dựng, và Mỹ Sơn trở thành Thánh Địa Ấn Giáo của vương quốc Chămpa.

Tôi xem và chụp ảnh một vài khu chính: Khu A là khu đầu tiên, ngay lối vào. Chính giữa có một nền cao chừng 2m xếp bằng đá tảng có hoa văn. Khu này hai bên còn hai tháp, phía sau cùng có hai tháp thấp. Bên ngoài các tháp phần lớn bị mưa gió xâm thực, không còn nguyên vẹn. Bên trong có trưng bầy một số tượng không đầu, một vài mảnh hoa văn. Trước đền chính có một số đế đá tròn lớn chạm hoa văn, trên có khoét lỗ vuông (để ráp mộng?), một số trụ lục giác, hai đầu cũng khoét lỗ như vậy.

Hai ngôi đền phía sau có dạng khối chữ nhật, cửa thì khác nhau: một bên đầu cửa nhọn theo hình tháp, một bên thẳng cạnh hình chữ nhật. Mái đền hỏng nặng nên có mái nhân tạo để che nắng mưa, trong có nhiều vật trưng bầy: tượng thú vật, tượng người ngồi theo thế bán kiết già, hầu hết đều bị mất đầu. Giữa hai đền này có hai hàng tượng đá cũng không đầu. Hầu hết đền đài Việt Nam các di vật thường không còn đầu, chẳng phải do thời gian làm hư hỏng mà chính do con người đánh cắp làm của riêng. Một trong hai đền có trưng bầy một vỏ đạn đại bác cao gần 1 mét, chẳng ăn nhập gì với mọi thứ chung quanh. Nếu muốn nói tội ác chiến tranh, nên để chỗ khác. Cũng có những tấm bảng kẽ chữ rất đẹp, tưởng chú thích về sự tích đền, hóa ra "Cấm leo trèo viết bậy." Thảm thương cho 4000 năm văn hiến!

Ngoại trừ khu A, những khu khác di tích không còn lại bao nhiêu, có khu chỉ còn nền trống. Khu F đang có công trình tái tạo một tháp lớn. Lối dẫn qua các khu tháp quanh co rất thiên nhiên, nhưng lại không có bảng chỉ dẫn, lại không làm được vài chỗ vệ sinh. Nên bắt chước Đền Hùng Phú Thọ điểm này.

Trong số du khách có một nhóm người Đông Âu, do một người lớn tuổi (tóc râu bạc trắng) hướng dẫn, họ xem xét ghi chép và chụp ảnh rất kỹ. Nhìn chung, Thánh Địa Mỹ Sơn thể hiện rõ rệt nền văn hóa Ấn. Đến Mỹ Sơn tôi thấy khác xa khi thăm những đền đài khác, ở đây đầy vẻ u tịch, trong thinh không vấng lặng con người dễ quay về với quá khứ, dễ hồi tưởng những gì đã qua, thấy mình sống trong lịch sử rõ ràng. Thật thú vị và ý nghĩa. Nhất là không bị quấy rầy bởi kinh doanh thương mãi tầm thường. Tôi nghĩ đây là điểm son của ngành du lịch Quảng Nam.

Sau khi khách thăm tháp trở ra, khoảng 10 giờ, được mời vào hội trường nghỉ ngơi xem văn nghệ. Văn nghệ là một phần trong chương trình phục vụ du khách. Tôi ra sớm, có ý làm

quen với cô diễn viên trẻ đẹp, có vẻ như người hướng dẫn đội múa.

Sau một vài lần chỉ dẫn cho các bạn về nhịp điệu trong màn vũ, cô gái xuống ghế ngồi theo dõi các bạn tập trên sân khấu. Tôi làm ngay cuộc phỏng vấn chớp nhoáng:

- Chào cháu, cháu là trưởng đoàn văn nghệ?
- Dạ, không. Mấy anh kia chú.
- Thấy cháu có vẻ thành thạo hơn các bạn.
- Dạ, cháu cũng diễn viên thôi.
- Cháu làm trong đội văn nghệ lâu chưa?
- Dạ, cháu ở Bình Thuận được cử ra giúp chỉ cho mấy chị múa.
- A, vậy cháu cũng ở trong ngành văn hóa chứ?
- Dạ, không, cháu đang đi học. Qua hè cháu về Sài Gòn học nghề và đi làm trong đó.
- Trong đoàn có ai là người Chăm không cháu?

Cô gái nhìn tôi cười:

- Cháu và chị kia, chú không thấy cháu là người Chăm hả.

Tôi lặng đi mấy giây. Người Chăm mà đẹp và duyên dáng đến thế thì làm sao ai biết.

- Chú thật không ngờ, chú cứ nghĩ cháu là người Kinh. Cháu tên gì?
- Lâm Minh My, chú không phân biệt được người Chăm, người Kinh?
- Xưa nay, hễ cứ đen và thô là Chăm, có dè đâu cháu đẹp vậy. Mà Lâm là họ người Tàu chứ?
- Dạ, không đâu, họ người Chăm theo hai dòng: Bà La Môn gồm có họ Chế, Dương, Hán, Đàn. Còn dòng Bà Ni có Lâm, Đạo, Nương... nhiều lắm chú ơi.
- Hay thật, chú mới biết lần đầu.

Người con gái cười cười, hàm răng đều tăm tắp và trắng muốt, đôi mắt to sáng long lanh, tôi không tài nào mô tả được vẻ đẹp của My, chỉ biết đẹp, đẹp núi rừng hoang dã, đẹp kiêu sa thị thành. Hỡi những nhà thơ thiên tài: Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Nguyễn Bính... xin triệu thỉnh chư liệt anh linh về chiêm ngưỡng...

- Lúc nãy cháu bảo phân biệt người Chăm như thế nào?
- Dễ lắm, chú nhìn vào đôi mắt cháu, có gì khác không...

Trời đất, nhìn vào đôi mắt có mà chết chứ "phân giải" nỗi gì... Nhưng đã được gợi ý thì tội gì không nhìn. Và, tôi nhìn thật kỹ, thật lâu, không chỉ nhìn vào đôi mắt, mà nhìn ngấm hết cả khuôn mặt người diễn viên trẻ. Tôi chẳng phân biệt được gì, chỉ thấy trong đôi mắt người con gái xứ Chăm có cái gì u ẩn xa vời vợi, như một thoáng hận nghìn đời phảng phất đâu đây.

- Cháu có thể cho chú chụp một hai tấm ảnh?
- Nãy giờ thấy chú chụp nhiều rồi mà.
- Chú muốn chụp chân dung cháu và ảnh cháu đứng bên thềm Thánh Địa.
- Vậy chú đợi cháu diễn xong đã.

Khán giả hai nhóm, trong khu di tích ra và ngoài mới vào, nhập lại, ghế trong hội trường không còn, một số người phải đứng chung quanh. Những ai chụp ảnh thì chạy chứ không chiếm ghế làm gì.

Tôi chắc trong số khán giả không ai vui như tôi, tôi theo sát các màn múa và chụp ảnh thật

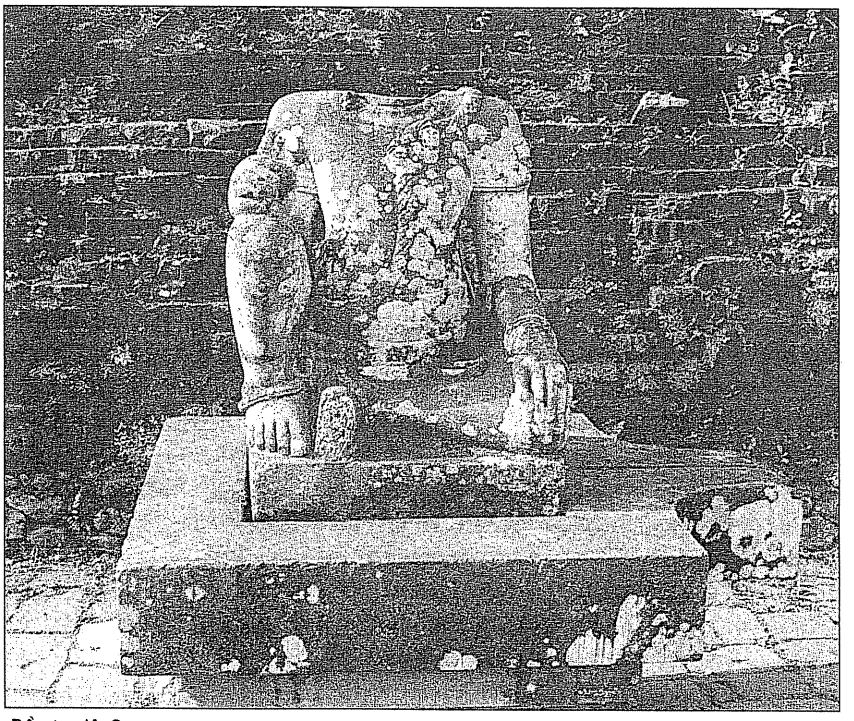

Đầu ta đâu?

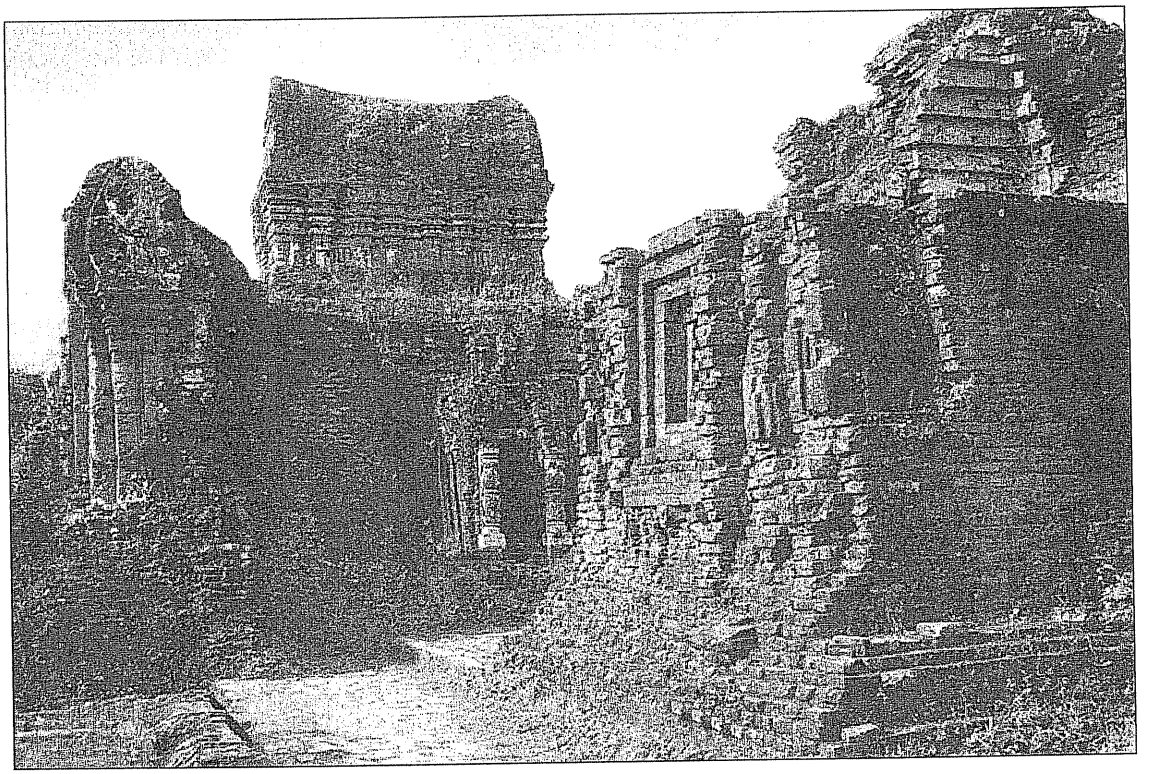

Di tích Mỹ Sơn

nhiều. Múa không lời ca tiếng nhạc, chỉ có tiếng trống bập bùng theo nhịp chân bước, đôi cánh tay nối dài hai giải lụa tung bay, uyển chuyển như cánh thiên nga, có lúc hai tay hai cánh quạt xòe như đàn hạc hạ cánh...

Trang phục vũ công màu sáng và đơn giản, quần hay váy màu trắng, áo xanh hay vàng, không nặng nề hoa văn cầu kỳ, không lớp trong lớp ngoài như người Tây Nguyên, Tây Bắc... tôi thấy họ rất gần với người Kinh. Đặc biệt, đàn ông lúc nào cũng quấn đầu khăn trắng, vũ nữ luôn có giải đỏ thắt lưng và choàng vai. Có những màn múa, đầu đội một cổ bồng trầu cao nghệu, người Chăm gọi là Thôn Ha La, những lúc ngả người theo điệu múa mà cổ bồng không rơi.

Chương trình có bốn vũ khúc và màn thổi sáo Satanai của nghệ sĩ già người Chăm: Chú Tốn. Sáo Satanai là loại sáo đặc biệt của người Chăm, gồm ba phần nối lại. Người nghệ sĩ mắt lim dim, chuyển tất cả hơi trong buồng phổi ra đầu miệng sáo. Bài nhạc sáo dài một hơi từ đầu tới cuối, âm điệu buồn ai oán như hơi thở của núi rừng thăm thẳm vọng về... Điều đặc biệt hiếm thấy là trong khi tiếng sáo không hề đứt đoạn thì ống sáo được tháo bỏ từ từ... Phần miệng sáo, phần thân sáo... Buổi biểu diễn kết thúc trong tiếng vỗ tay khen thưởng vang cả hội trường. Nhưng, không thấy ai, Tây lẫn ta, cho tiền (donation).

Tôi tìm My để chụp thêm ít ảnh. Ảnh như thế nào chưa biết, nhưng ở đây có cái phong vị đặc biệt, nó làm ray rứt trong lòng nếu không "hoàn tất nhiệm vụ." May mắn, mọi chuyện tốt đẹp như mong chờ. Lúc ra về một ông khách chạy theo hỏi: "Cô gái ông chụp Kinh hay Chăm mà đẹp vậy?" Tôi cười không trả lời. Có người cùng chia sẻ với mình là được rồi. Không nên nói hết mọi chuyện. Phải có chút gì vướng víu mới hay.

Chiến tranh, thời gian và sự vô ý thức của con người đã làm hư hại khá nhiều khu Thánh Địa Mỹ Sơn, nay chỉ còn chừng 20 tháp, những tác phẩm điêu khắc trên sa thạch được Viện Viễn Đông Bác Cổ đưa về trưng bầy trong Museum Champa Đà Nẵng.

Mỹ Sơn, kinh thành của Chămpa có từ trước thế kỷ IV, nơi đã trải qua bao triều đại được coi như biểu tượng tâm linh và uy quyền của một dân tộc, nay chỉ còn một âm vang buồn thảm xa vắng, ngày một chìm dần. Con người bây giờ, đầy tham vọng, khó mà dựng lại hào quang thần thánh của một dân tộc đã lụn tàn.

Tháng Một 2005

(1) Xin xem sách Quê Hương Qua Ống Kính 5 - cùng tác giả.

Đi

CỔ NGƯ

Nửa đêm. Chuyến bay trễ một tiếng. Lý do: kiểm tra kỹ thuật. Hành khách xôn xao. Lo lắng bật thành lời: trễ cũng được, không sao, nhưng đừng có hỏng hóc, rớt là chết cả lũ! Muà máy bay rụng qua rồi mà, hết thu, đã bắt đầu đông, đừng có sợ! Hắn lơ mơ trên mấy mẩu tin của tờ báo cầm trên tay, tai không muốn mà vẫn bị hút vào những lời xì xào chung quanh. Giày có số, đời cũng có số, chết thì chết, làm gì mà nhặng xị ngậu lên thế không biết!

Rồi cũng đến lúc khởi hành. Hình ảnh thu trực tiếp từ *caméra* gắn dưới phi cơ cho hắn cũng như hành khách cùng chuyến cái cảm giác đang được ngồi trong phòng lái. Phi đạo vằn vện những vết bánh nghiến cứ tuồn tuột bị bỏ lại, mỗi lúc một nhanh, rồi, hẫng một cái, đất trời chia đôi. Ngồi sát khung cửa nhỏ, nhìn vạn ngàn ngọn đèn lung linh trong đêm, hắn thầm nói lời chia tay với thành phố. Ở đó, hắn biết, có người mong hắn quay về.

Mây phủ. Bay đã cao. Giấc ngủ dễ dàng đến với những kẻ quen xuôi ngược tàu xe, cơm đường cháo chợ. Nhưng dãy màn ảnh nhỏ của hàng ghế hắn ngồi vẫn loang loáng chuyển hình. Hẳn cũng có nhiều người sẽ thao thức suốt đêm nay. Nôn nả ra đi. Nôn nả trở về. Những xung động dội sóng. Nhấp nhô, nôn nao, bần thần, rã rượi. Hắn, bình thản nhét vào tai một mẩu dạ khúc Chopin, nhắm mắt. Bên cạnh, hình như Brad Pitt vừa ôm chầm lấy Angelina Jolie...

Mở mắt. Nhìn đồng hồ theo thói quen. Một phản xạ đáng ghét. Phi cơ đang ngược hướng đêm. Với chuyến bay, hắn đã tự tạo một khoảng cách không gian và thời gian với những người, những nơi đã để lại sau lưng. Mỗi lúc mỗi thêm xa... Nơi hắn bỏ đi, hẳn đã vào ngày từ lâu. Người đàn bà nức nở bật khóc lúc hắn đổ ập xuống từ sau lưng, khi đã ngưng hẳn những dập dồn đẩy thúc. Nàng đang làm gì, lúc này? Hắn nhớ sống lưng tươm mồ hôi mát lạnh, đôi vú nóng hực đong đưa, mười ngón tay co xoè bấu biú, khuôn mặt rưng rưng đỏ lựng, cả tiếng rú rít sắc nhọn như lời gọi tình của loài gậm nhấm trong bóng tối. Tất cả bặt hẳn, hụt như một đoạn phim đứt, khi hắn hực lên tiếng cuối cùng bằng tất cả sức lực còn lại, bẩy tung cả thế giới. Lặng. Thường, rất lâu, cùng những nụ hôn dài, thoai thoải đổ dốc sau khi đã cùng nhau miệt mài vượt đỉnh. Nhưng đêm hôm qua, người đàn bà lại khóc. Như chưa bao giờ từng. Hắn nhớ, hai mươi năm trước, đã run rẩy đặt nụ hôn đầu lên đôi môi mềm chưa quen màu son tươi ấy. Thêm mười năm nữa, hắn bị kích thích tột độ cùng với những âm thanh đòi yêu bức bối, tắc nghẽn trong cổ họng nàng, lần đầu tiên nghe thấy. Và bây giờ, lại một khoảng cách mười năm. Ở giữa từng cột mốc ấy, là bôi xóa, quên lãng, tàn phai. Hắn gặp lại người đàn bà, như một ngẫu nhiên của định mệnh, để biết, có một đứa bé đã chào đời, đã lớn lên, tuổi xấp xỉ bằng thời gian hắn bỏ thành phố, ruổi rong đây đó. Nàng hứa, lần sau trở lại, sẽ cho hắn gặp mặt con. Còn hắn, hắn không dám hứa với nàng bất cứ điều gì, kể cả việc sẽ quay về trong thời gian ngắn nhất. Bao nhiêu năm nữa? Làm sao biết được! Như lá, hắn cứ thế để gió cuốn đi, không thể nào định hướng được quỹ đạo cuộc đời riêng. Còn người đàn bà trụ vững chân trên đất, bắt rễ vào khu phố cũ, bất di bất dịch. Nàng ở đó, hình như cả đời chỉ để ngồi đợi hắn quay về, cùng với cơn gió bất chợt, thoáng đến rồi đi. Giữa từng khoảng dài mười năm ấy, người đàn bà làm gì, sống với ai, sống ra sao, hắn hoàn toàn mù tịt, cũng như hắn luôn mù mờ về chính những tháng ngày của cuộc đời mình. Đôi khi, nửa đêm bật thức, khi đầu óc còn mụ mị với bao hình ảnh vướng vất từ giấc ngủ cạn, hắn cũng không rõ chiếc giường, căn phòng, khung cửa sổ, những bàn ghế tủ giường chung quanh...

thuộc về chốn nào. Hắn có quá nhiều nơi quen để lui tới, rốt cuộc, tất cả đều trở thành cảnh lạ. Tất cả, chỉ luôn là một điểm tạm dung.

Ngoảnh cổ. Có gì bất thường ngoài cửa sổ. Ngay phía trên ngọn đèn nhấp nháy nơi cánh phi cơ, hắn thấy một vệt khói mờ lơ lửng. Tụ dần lại thành cụm mây. Biến hình ra khuôn mặt người, mái tóc dài, tay chân xuôi thẳng một chiều song song với thân phi cơ. Cái hình nhân dường như bất động, nhưng, theo sự tính toán chớp nhoáng vụt qua trong đầu hắn, nó đang bay cùng vận tốc với phi cơ, nhưng bay giật lùi, như một con mực ống khổng lồ, đầu hướng về phía đuôi phi cơ, trong khi mái tóc và mảnh áo choàng lòa nhòa giữa trời thẳm. Hắn trừng trừng nhìn. Hắn biết mình không mê ngủ, không cần tự ngắt véo, không cần tự vả cho một bạt tai. Khuôn mặt người càng lúc càng rõ, quen thuộc như những đường nét mà ngón tay hắn nhận biết được trong bóng tối của căn phòng đêm hôm qua. Người đàn bà đang bay, chăm chú nhìn thẳng, không cần biết đến sự hiện diện của hắn ở gần bên, chỉ cách một khoảng ngắn nhưng không sao với tới được. Nàng bay, thản nhiên, trong lúc hắn dí sát mắt mũi vào khuôn cửa sổ. Khoang phi cơ đã tắt hết đèn, những dãy màn hình thôi nhấp nháy. Chẳng có người đồng hành nào cùng thức để nhìn nàng bay. Và hình như, nàng vừa khóc. Mắt loáng ướt trên khuôn mặt trắng khô phấn thạch cao. Chẳng phải khuôn mặt nồng nàn rưng rức hắn nâng trong hai tay, đã liếm mãi mà không sạch hết được vị mặn của nước mắt. Ừ, nàng khóc, đêm hôm qua, nàng khóc, bây giờ. Nước mắt đong đầy, tràn, vụt khỏi hốc, vẽ thành hai vết dài ngược với hướng nhìn của nàng. Nàng nhìn gì bằng đôi mắt ngấn nước, không còn phân định được tròng đen tròng trắng? Sao nàng không nhìn hắn, sao không lao về phía hắn như hôm nào? Nước mắt nàng, hai vệt song song khô cứng đóng đá trên độ cao mười ngàn cây số, cứ kéo dài mãi theo đường bay. Nàng có thể khóc nhiều đến thế sao? Nếu dùng hai vệt băng mỏng mảnh kia để đo đếm cho cuộc tình, hắn choáng váng, nàng có thể yêu hắn nhiều đến thế sao? Ngã bật ra ghế, hắn thở dốc, vậy mà hắn đã rời nàng để đi, dễ dàng như cởi bỏ chiếc áo mặc trên người, không vướng bận, không ít nhiều thắc mắc. Lao ra, trời ơi, hắn phải lao ra ngoài kia, để được ôm chầm lấy khuôn mặt trơ cứng, để vồ vập hôn, để chà xát, để hồi sinh, để chan trộn vào dòng nước mắt không ngừng tuôn chảy của nàng những giọt hối lỗi muộn màn của hắn. Những sợi dây an toàn rịt cứng hắn vào lòng ghế, gọng *headphone* mỏng mảnh thít chặt lấy đầu, nhồi đầy tai hắn những hành khúc rầm rập chuyển quân của Bach. Hắn há to miệng, cất tiếng gào. Thất thanh. Cửa sổ sập mạnh xuống. Một nốt Si cao vút xoáy vào giữa óc. Buốt cứng. Đen.

Khi hắn choàng thức, mọi người đang xôn xao chờ phần điểm tâm. Chẳng ai nói với ai về chuyện người đàn bà vừa bay vừa khóc cả. Chẳng ai thấy gì, trừ hắn. Trời đang hừng sáng ngoài cửa sổ. Ngọn đèn nơi cánh phi cơ vẫn đều đặn nhấp nháy, nhưng người đàn bà không còn ở đó nữa. Nàng đã biến mất cùng với nốt Si xanh lạnh ánh thép. Nhưng hắn vẫn đang điếc đặc một bên tai. Tai trái. Còn tai phải tiếp tục lùng bùng với tiết tấu dập dồn của Bach cho đến tận khi phi cơ hạ cánh, dù hắn đã nhóp nhép nhai hai thanh *chewing-gum*, đã cố gắng giả ngáp đến trẹo cả quai hàm. Vô hiệu. Âm thanh loang, dội, thứ âm thanh trầm đục hắn nghe được mỗi lần lặn sâu xuống đáy hồ bơi, vọng theo từng bước chân nặng nề đẩy hắn về phía trước, xiên xẹo. Hắn cứ thế bước đi, cố bươi tìm trong ký ức một âm thanh quen thuộc, gần gũi với nốt Si gắt gỏng, đã đột ngột ghim sâu hắn vào cơn hôn mê khi ngày vừa rạng.

Lấy xong chiếc va-li sắt cũ mèm, hắn lững thững bước ra cửa, hoang mang với những tiếng động phập phồng chung quanh. Một đám đông hành khách cùng chuyến đang túm tụm, nghểnh cổ nhìn lên màn ảnh truyền hình treo nghiêng trên cột. Hắn ngó theo. Động đất. Cả thành phố hắn vừa bỏ đi đổ ụp một phía, cái thành phố có nàng ở đó, cái thành phố có đứa con chưa biết mặt của hắn ở đó, cái thành phố chỉ sau một đêm đã thành bãi gạch vụn khổng lồ, lấp vùi vạn vạn kiếp sống. Đất lún dưới chân, hắn ngã ngửa, đầu va mạnh vào góc sắt va-li. Nốt Si văng bật khỏi tai trái, rít lên lanh lảnh như tiếng gọi tình thống thiết của loài gậm nhấm trong bóng tối, trước khi trườn dài, loang tỏa, sóng sánh, đỏ ối. Hắn chỉ còn kịp vói tay, vuốt nhẹ lên đấy, cảm nhận được vài đường nét thân thuộc của gương mặt người đàn bà, rồi vội uốn cong, giật nẩy, bẩy tung cả thế giới một lần cuối cùng. Và lặng. Ngắt.

Nàng vừa gọi hắn đi. Lần đầu tiên sau hai mươi năm, họ cùng nhau bay qua đời.

Giữa trời 06.11.2005

Những Ngón Chân

TRẦN MỘNG TÚ

Gửi anh Đỗ Ngọc Yến

Buổi trưa trong bệnh viện yên ả đến lạ lùng, chung quanh anh không một tiếng động, không cả đến tiếng chân đi của những người y tá hay nhân viên bệnh viện. Cả bệnh viện như đang đi vào một giấc ngủ trưa dài. Anh cựa quay hai bàn chân trong chăn, anh im lặng nghe ngóng tiếng động đậy của từng ngón chân. Những ngón chân của anh không trả lời, chúng câm và điếc mấy ngày hôm nay. Anh nằm xoay nghiêng sang bên phải, thử nhấc cả cái đùi bên trái lên và cử động mấy ngón chân mình. Anh nhúc nhích và đếm từng ngón một, hình như bàn chân trái này thiếu mất một ngón. Anh cố nhớ lại xem ngón chân đó thiếu từ lúc nào. À, anh nhớ ra rồi, tuần trước, thứ tư tuần trước, vợ anh nói:

- Phải cắt thôi anh ạ, nếu không nó sẽ làm anh đau đớn.

- Ô hay lạ nhỉ, tại sao lại phải cắt, tôi có nó cả 60 năm nay rồi, đâu có sao.

- Nhưng bây giờ ngón chân đó nó không hợp tác với anh nữa, nó xin thôi việc, thôi luôn.

Vợ anh nói, nghe chẳng khác gì một công chức chán việc xin về hưu non, nhất định không muốn làm việc nữa.

Anh nhớ lại lời đối thoại với vợ anh tuần trước. Bây giờ anh lại thấy bàn chân mình bắt đầu sinh chuyện, thêm một ngón nữa không chịu nhúc nhích khi anh cố tình lay thức chúng. Ồ, lại cắt nữa à? Cứ mỗi vài tuần cắt một ngón thì trong vòng độ sáu tháng nữa có khi anh sẽ không còn một ngón chân nào. Anh thở dài. Bao giờ thì đến bàn chân? Cổ chân? Ống chân? Đầu gối?

Anh không nhớ có bao giờ mẹ kể khi sanh ra anh, đem anh vào đời sống này, mẹ anh có đẻ anh ngược hay không? Nghĩa là chân ra trước đầu. Sao bây giờ anh lại trở về từ ngón chân? Hay là tại ngón chân không biết suy nghĩ như đầu óc thì ngón chân phải đi trước. Anh liếc nhìn cái thùng rác để ở cuối phòng, nghĩ đến từng ngón chân của mình phải vứt vào một cái thùng giống như cái thùng kia mà anh thấy tội nghiệp cho chúng quá. Thế rồi giả dụ sau khi cắt đi những ngón chân rồi, bỗng anh khỏe mạnh lại, anh đi đứng vững chãi trên đầu gối của mình, thì anh có bị chông chênh vì hai bàn chân không ngón không? Anh có phải đi nạng không? Có phải thửa đôi giầy đặc biệt không? Một bàn chân mà không có ngón thì trông nó như thế nào nhỉ? Anh không thể hình dung ra được, mặc dù trí tưởng tượng của anh khá phong phú. Bất giác anh nhớ đến những bàn chân mũm mĩm hồng hào của mấy đứa con nít còn ẵm ngửa, những ngón chân như những dấu hỏi tròn trĩnh mà người lớn cứ thích đưa vào trong miệng ngậm cho nó cười co cả người, cả chân lại. Những ngón chân tập đi chập chững của đứa bé chín, mười tháng tuổi, bám chặt xuống mặt đất, giang hai tay thẳng ra để lấy thăng bằng đi tới phía trước, phía có mẹ, có cha đang cũng giang hai tay ra để đón hai bàn chân với những ngón chân hạnh phúc ấy vào lòng.

Anh lại xoay người sang bên trái, thử co ra, co vào những ngón chân ở bàn chân mặt của mình, anh thấy chúng cũng im khe, không trả lời anh. Anh lại lan man tưởng tượng ra tiếp những hình ảnh về ngón chân. Đây rồi, bàn chân mùa hạ của phụ nữ. Những ngón chân của họ mới đẹp làm sao! Từ đôi chân mảnh mai thon nhỏ thiếu nữ với những móng chân mộc mạc mầu san hô, gót chân đỏ như son, hai bàn chân trắng muốt như hoa ngọc lan đặt ở trong một đôi guốc, làm anh đã bao nhiêu lần chỉ muốn

TRẦN MỘNG TÚ

THÁNG GIÊNG VÀ BÀN CHÂN

Tháng Giêng đặt bàn chân lên cỏ non
chân em cũ và con đường rất mới
mỗi bước em đi mặt đất mở ra
ríu rít chào những ngón chân buổi sáng

Tháng Giêng như người bạn ở xa về
mặc áo mới, không gian thơm mùi lụa
tiếng bàn chân khua buổi sáng tinh khôi
gót chuếnh choáng vì cỏ hương túy lúy

Tháng Giêng yêu những bàn chân nhỏ
những cổ chân như từng khúc cây thon
những chiếc móng như lộc non vừa nhú
đất ngập ngừng hôn khẽ gót chân son

Tháng Giêng em nghĩ đến bàn chân anh
những ngón chân hay buồn con phố nhỏ
em đổi cho anh những ngón chân em
hãy sống, hãy yêu đơn sơ như cỏ

Tháng Giêng mặt đất như cô con gái
yêu những bàn chân như yêu tình nhân
anh hãy đặt bàn chân trần lên đất
em sẽ yêu anh như yêu tình nhân.

(Tháng Giêng 2006)

được nâng lên ngang mặt bằng hai bàn tay vụng về của mình rồi lại thong thả để xuống, im lặng và chiêm ngưỡng mà không dám xúc phạm. Đến những bàn chân thiếu phụ, đầy đặn với những ngón chân tự tin, tô mầu rất khéo bước từng bước thong thả in trên cát trắng của một bãi biển nào đó trong quá khứ mà anh chỉ muốn chạy ra, bồng lên, đặt ngay những ngón chân đáng yêu đó vào lòng mình. Bây giờ tất cả những bàn chân đó ở dâu? Anh chợt nhớ đến những câu thơ óng ả của Đinh Hùng mà thời trẻ anh thường ê, a mỗi lần mắt gặp một bàn chân đẹp:

Khi gần em mơ từng ngón bàn chân
Mắt nhắm lại để lòng nguôi gió bão.

Lòng anh bây giờ thì ngập tràn gió, chỉ nghĩ đến những ngón chân thường thường bậc trung của mình bị cắt bỏ đi cũng đủ làm nên giông bão rồi. Làm cách nào mà *nguôi gió bão* đây. Anh lại xoay mình nằm thẳng lại, anh chợt nhớ đến hai bàn tay dịu dàng khéo léo của cô y tá, khi thay áo cho anh, những ngón tay với những cái móng cắt ngắn có sơn một lớp sơn bóng mầu hồng nhạt, trông như những bông hoa bóng nước ở quê nhà, chúng giúp anh giảm được những cái đau của từng mũi kim chích. Anh nhắm mắt lại, muốn ngủ một giấc và quên đi những điều anh nghĩ trong đầu. Một cái đầu rất là nhiều chuyện, nó không chịu mệt mỏi theo cái thân thể, không chịu phế thải theo từng ngón chân, nó sáng suốt quá, nó vẫn cứ muốn làm chủ cả cái phần số của anh, làm đôi khi anh quên bẵng là mình đang bệnh.

Hai mắt kém đi vì bệnh tiểu đường nên anh không còn đọc hay viết nữa, nhưng đôi tai anh còn rất thính, và cái trí nhớ của anh thì vẫn như một khung hình *digital*. A, hôm trước anh nằm lơ mơ nghe tin tức qua đài phát thanh, anh nghe được câu chuyện thay bàn tay cho một người đàn ông bị tai nạn, và kết quả rất khả quan. Anh cứ ngẫm nghĩ mãi về bàn tay lạ trên một thân thể lạ, rồi anh đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi trong đầu. Thí dụ, bàn tay của người thợ mộc gắn vào cánh tay của một nhạc công

chơi vĩ cầm chẳng hạn, thì cái bàn tay đó sẽ lúng túng đến thế nào? Mặc dù đó cũng là một bàn tay khéo léo của một nghệ nhân, đã đóng bao nhiêu cái bàn, cái ghế đẹp đẽ. Hoặc bàn tay của họa sĩ gắn vào thân thể của một người chuyên lắp ráp xe hơi. Có bao giờ bàn tay đó từ chối làm một công việc không hợp với khả năng trước đây của nó không? Và phản ứng của nó thế nào khi nó không chịu hợp tác? Rồi cái thân thể mang bàn tay mới đó phải cư xử với bàn tay như thế nào? Dỗ dành ngọt ngào, ra lệnh nghiêm khắc, âu yếm hay hắt hủi.

A, lại còn vấn đề *bang giao quốc tế* nữa. Nếu chủ nhân của bàn tay đó trước đây không cùng một chủng tộc hay cùng một tôn giáo với cái thân thể mới này thì làm sao bây giờ? Bàn tay của người theo Ấn Độ Giáo sẽ từ chối làm một vài việc vệ sinh, mà những người không cùng tôn giáo sẽ làm. Khi đi ăn ở một tiệm như *All you can eat* thì chắc chủ nhân của bàn tay mới này sẽ gặp nhiều vấn đề về việc chọn thức ăn, nếu chẳng may bàn tay này của một người khác quốc tịch cho mình. Quả thật có rắc rối!

Cái đầu óc hãy còn rất sáng suốt của anh cứ đi lung tung từ ý nghĩ này, qua ý nghĩ khác. Thế những ngón chân anh người ta có thay được không nhỉ? Anh bật cười khi nghĩ nếu bàn chân cũ kỹ tuổi tác của mình mà nhận được những ngón chân của một phụ nữ còn trẻ thì trông chắc là ngộ nghĩnh lắm! Nó sẽ làm bàn chân anh trông mới mẻ và đẹp hơn lên. Ngón chân thì chắc là sẽ có ít vấn đề hơn, vì nó chỉ giúp việc đi đứng thêm vững chắc.

Nhưng nó sẽ đòi đi *shopping* cả ngày, và coi chừng nó sẽ bắt anh lâu lâu lại phải đi sơn, đi phết một lần. Có khi lại còn đòi vẽ cả những bông hoa nhỏ xíu lên đó nữa. Thật là vừa phiền nhiễu, vừa đáng yêu.

Anh nằm thiêm thiếp, nửa ngủ nửa thức. Thỉnh thoảng lại thấy đau nhói ở ngón chân đã cắt. Anh bỗng thấy thương yêu mấy ngón chân của mình quá đỗi! Hình như ngay lúc này những ngón chân là phần anh yêu nhất trên thân thể mình. Anh thấy nó thân mật, công lao biết là chừng nào! Nó chạy nhẩy, chơi đùa mang đến bao nhiêu niềm vui cho anh suốt một thời thơ dại. Khi anh lớn, nó lớn cùng anh, anh đi đâu cũng mang nó đi theo, nó đi vào rừng, đi lên núi, đi ra biển với anh. Anh đi hướng đạo cũng có nó, đi lính cũng có nó, đi chạy loạn cũng có nó. Nó theo anh đến cả những nơi hò hẹn, những nơi anh chỉ muốn đến một mình. Mười ngón chân nhỏ bé và vững chãi đó làm được bao nhiêu việc hữu ích. Tại sao trước đây anh không nhận ra như vậy kể cũng lạ thật. Bất giác đang từ những ngón chân anh nghĩ sang đến vợ. Trước đây khi anh khỏe mạnh, anh đi chơi đâu, anh làm việc gì ít khi anh cần đến chị. Không phải là anh quên chị ở bên cạnh, mà anh coi như việc chị đứng đó là một lẽ tất nhiên hơn là một điều cần thiết. Bây giờ thì chị vừa là mắt, vừa là tay, là chân của anh, là cả hai bàn chân với đầy đủ mười ngón cho anh đứng.

Tháng Giêng em nghĩ đến bàn chân anh
Những ngón chân hay buồn con phố nhỏ
Em muốn đổi cho anh những ngón chân em
Hãy sống, hãy yêu hồn nhiên như cỏ (tmt)

Thi sĩ họ thật lạ lùng, họ nhìn đâu cũng ra thơ cả. Ngay cả mấy ngón chân tầm thường này, mà cũng cho vào thơ, cũng thành thơ được.

Bất giác anh muốn co chân lên, cong mình đưa tay xuống với lấy những ngón chân mình, nhưng anh không làm được. Thôi để chốc nữa vợ vào, nhờ vợ âu yếm hộ mấy ngón chân mình, kẻo chúng tủi thân. Anh sẽ cắt nghĩa cho chị nghe những ngón chân nhỏ của anh nó đáng yêu và cần được yêu như thế nào. Nếu chẳng may nó phải bị cắt đi thì hãy xin về mang chôn nó ở gốc cây hồng, cây táo Tầu trong vườn nhà, chứ đừng để họ đem vứt vào thùng rác. Vì những ngón chân đó là một phần của xương thịt anh, nó cần được đối xử tử tế. Khi anh ở bệnh viện về, vào chiều mùa Hạ, anh có thể bắc ghế ra ngoài vườn ngồi, đặt bàn chân trần của mình ở dưới hai gốc cây đó cho bàn chân lại gặp ngón chân. Lúc đó biết đâu anh chẳng làm một bài thơ.

Buổi trưa đã đi qua nhẹ nhàng, anh nghe thấy tiếng chân di động ở ngoài hành lang, anh đoán xem là tiếng chân ai? Tiếng chân của vợ, của con hay của bạn bè, tiếng chân của y tá, bác sĩ hay người lao công đang quét dọn? Anh nghĩ ngay đến những ngón chân của từng người trong đôi giầy của họ. Bây giờ đối với anh thì chẳng còn cái phần nào trên thân thể con người quan trọng và thân yêu bằng những ngón chân nữa.

Tháng Giêng-Bính Tuất (2/2006)

Phỏng vấn Họa sĩ **Khánh Trường**

Y-SA và ĐỖ LÊ ANHDAO *thực hiện*

LTS: Họa sĩ/Nhà văn Khánh Trường sinh năm 1948 tại Quảng Nam, Trung phần Việt Nam. Khánh Trường tự học hội họa. Tranh của ông đã được triển lãm ở Việt Nam, Thái Lan, Phi Luật Tân và Hoa Kỳ. Khánh Trường cũng được nhiều người biết đến trong lãnh vực văn chương. Năm 1990, ông sáng lập Tạp chí Hợp Lưu và giữ chức Chủ Nhiệm của tạp chí chuyên văn này trong nhiều năm trước khi ngã bệnh vào năm 2003. Tác phẩm đã xuất bản của ông gồm các tập truyện ngắn *Có Yêu Em Không?*, *Chung Cuộc*, *Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng*, *Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại* (biên tập cùng Cao Xuân Huy và Trương Đình Luân), *Tác Giả, Tác Phẩm* (viết chung với bảy tác giả), và tập thơ *Đoản Thi Khánh Trường*.

Sau một thời gian tạm ngưng công việc sáng tác vì bạo bệnh, Họa sĩ Khánh Trường vừa hoàn tất bộ tranh mang chủ đề Phục Sinh. Cuộc triển lãm bao gồm loạt tranh mới nhất này của Khánh Trường đã được diễn ra tại Phòng sinh hoạt Người Việt, số 14771 Moran, thành phố Westminster, vào hai ngày 4 và 5 tháng 2, 2006. Cuộc triển lãm do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) tổ chức. Buổi tiếp tân khai mạc cuộc triển lãm Phục Sinh, với sự hiện diện của Họa sĩ Khánh Trường, diễn ra lúc 11 giờ sáng thứ Bảy, 4 tháng 2, 2006.

Mời quý độc giả theo dõi cuộc phỏng vấn Họa sĩ Khánh Trường do Y-Sa và Đỗ Lê Anhdao thực hiện.

*

Hỏi: *Trong cuộc triển lãm của ông tại quận Cam vào năm 2002 nhân dịp kỷ niệm Hợp Lưu tròn 12 tuổi, khách thưởng ngoạn đã được xem một số tranh trừu tượng, bên cạnh các bức khỏa thân và tĩnh vật. Trong Tạp chí Văn, số 4, tháng 4, 1997, ông cũng đã từng viết "... tôi chuyển dần sang hội họa trừu tượng. Cho đến bây giờ thì bỏ hẳn lối vẽ 'có hình'." Thay đổi này là một chuyển động nội tâm khá tế nhị...." Như vậy loạt tranh Phục Sinh không phải là lần đầu tiên ông đến với thể loại trừu tượng. Xin ông cho biết về sự gắn bó với thể loại trừu tượng từ trước cho đến loạt tranh Phục Sinh gần đây nhất.*

Họa sĩ Khánh Trường

Khánh Trường: Đúng vậy, đây không phải lần đầu tiên tôi đến với trừu tượng. Trong quá trình sáng tạo trải dài ngót 35 năm, đã nhiều lần – rất nhiều lần – tôi tiếp cận với khuynh hướng hội họa này. Những năm còn rất trẻ, tôi vẽ trừu tượng vì thấy các đồng nghiệp vẽ, mình cũng vẽ! Sâu xa hơn, vào những thập niên cuối 50 đến đầu 70, những trường phái văn học và hội họa của phương Tây được du nhập ào ạt vào nửa phần đất nước Việt Nam đã và đang tả tơi vì chiến tranh. Đối với bọn trẻ, những vùng đất lạ ấy là nơi trú ẩn tương đối an toàn và đầy quyến rũ. Có thể xem chuyện hăm hở tiếp nhận cái mới như một hình thức trốn chạy hiện thực, thứ hiện thực bạo tàn, nhầy nhụa máu me hàng ngày chúng tôi phải đối mặt! Văn chương hiện

sinh, phi lý, tiểu thuyết mới... Hội họa trừu tượng, siêu thực, dã thú, đa đa... tuy đối với người đã cũ, nhưng với ta lại rất hiện đại, nhất là nó giúp tôi có được ảo tưởng đã vượt trên, vượt qua thực tại hầu đến gần hơn với vĩnh cửu!!! Vẽ không ai hiểu, ngay cả chính người vẽ cũng không hiểu, và khi vẽ xong, cố moi óc tìm đặt những nhan đề sao cho thật "nổ", thật "bí hiểm", thật "cao xa", dù thực thà mà nói, chỉ là trò xiếc chữ, phô trương, rỗng tuếch, có khi vô nghĩa, đại loại như "Bóng tối rực rỡ", (đã "bóng tối" đen kịt mà còn "rực rỡ" là thế nào?) Hoặc"Niềm đau của loài rong biển", ("rong biển" nó "đau" làm sao nhỉ?) hoặc nữa "Âm vang của tịch lặng", (nghe cứ như công án của các thiền sư!), rồi gọi đó là tranh trừu tượng! Vậy mà thuở ấy, tuy không nói ra, tôi ngầm tự mãn, vẽ như thế mới hiện đại, mới trí tuệ, mới vươn đến tầm cao nghệ thuật. Ôi, một hình thức tự ti mặc cảm, một loại trưởng giả học làm sang!!!

Tuổi trẻ qua đi, sự sôi nổi, thái quá, và do đó, kệch cỡm, cũng nhạt dần, tôi từ từ tỉnh ra, thấy được cái đẹp thực sự không có cũ hay mới, hiện thực hay siêu thực, tả chân hay trừu tượng. Yếu tính của hội họa rất giản dị: xiển dương cái đẹp. Mọi trường phái, khuynh hướng chỉ là phương tiện, chúng ta có thể dùng bất cứ phương tiện gì để chở, miễn cái chúng ta chở phải đẹp, phải độc đáo. Mà muốn đến được với cái đẹp, cái độc đáo thì nhất thiết phải kinh qua quá trình hàm dưỡng, rèn luyện. Nói gọn lại, hội họa cũng giống như mọi hình thái văn nghệ khác, người nghệ sĩ ngoài thiên phú bẩm sinh, phải không ngừng tự khép mình vào kỹ luật: làm việc và học hỏi. Nghệ thuật là một loại đường đi không đến, chừng nào còn sống, tay còn cầm được cọ, là còn vẽ, còn huân tập. Vẽ và huân tập, hai thành tố này song hành, bổ sung cho nhau, trong suốt quá trình sống và sáng tạo của mỗi họa sĩ, từ lúc bắt đầu chọn nghiệp dĩ cho đến ngày nhắm mắt.

Sống nhiều năm ở hải ngoại, tuổi tác mỗi ngày mỗi cao, tâm hồn mỗi ngày mỗi lắng, càng lúc tôi càng cảm thấy gần gũi, gắn bó hơn với triết học Đông phương, nhất là Phật Giáo. Tôi không phải Phật tử, vì vậy xin cho tôi được hiểu tư tưởng Phật giáo như một loại triết lý, đối với tôi, cực kỳ vi diệu. Trong triển lãm năm 2002, nhân kỷ niệm 12 năm khai sinh tập san Văn học nghệ thuật biên khảo Hợp Lưu, tôi đã vẽ một loạt tranh lấy cảm hứng từ triết lý Phật giáo theo cách hiểu của tôi. Loạt tranh này được hình thành qua khuynh hướng trừu tượng, vì theo tôi chỉ có khuynh hướng này mới tạo được điều kiện cho tôi đào sâu vào những địa tầng tư duy khuất chìm dưới bề mặt ý thức. Đây là loạt tranh trừu tượng có chủ đề hẳn hòi. Đã xa rồi thời kỳ vọc màu may rủi rồi cố moi óc tìm những nhan đề đao to búa lớn hoặc tối tăm bí hiểm để tự đánh lừa mình và hù dọa người.

Từ triển lãm năm 2002 đến nay đã ngót bốn năm. Sau lần bị stroke vào năm 2003, và ung thư thanh quản cùng lúc với loét bao tử năm 2004, cơ thể tôi hư hỏng nặng. Tay chân chỉ hoạt động được khoảng 30%. Chân, đi đứng nghiêng ngã, phải ngồi xe lăn. Tay, vụng về, viết lách cực nhọc, chữ được chữ mất và cua còng như trẻ con, cầm nắm vật dụng nếu không chú tâm sẽ rơi, đổ. Giọng nói trở nên ngọng nghịu, phát âm khó khăn, không làm chủ được âm độ. Mắt mờ và lưỡng thị, nhìn vật gì cũng thành hai, phải bằng kinh nghiệm, cố phân biệt đâu là ảnh thực, đâu là vật ảo. Với thực trạng này làm sao vẽ? Hơn một năm đắm chìm trong trầm uất, tuyệt vọng, cuối cùng tôi đã tìm ra cho mình lối thoát. Không vẽ chi tiết được thì vẽ trừu tượng. Tranh trừu tượng không đòi hỏi sự chính xác cao, yếu tố quyết định sự thành công hoặc thất bại của một bức tranh trừu tượng dựa phần lớn vào căn bản tạo hình, xuyên qua bố cục, màu sắc, quang độ. Về mặt tư tưởng, sau hai lần "sống lại," quan niệm của tôi đối với mọi chuyện hầu như thay đổi hẳn. Tất cả đều trở nên nhẹ tênh, kể cả cái vẽ. Tôi không còn bị "hành," như đã, gần bốn mươi năm qua. Nghĩa là trường phái, phong cách, chủ đề... không còn là yêu cầu trọng tâm. Bây giờ khi vẽ tôi chỉ chú tâm vào một mục đích duy nhất, làm thế nào tạo được sự lạc quan, trước tiên, cho chính mình cái đã. Nếu tôi tạo được điều ấy cho bản thân, thì tôi tin người thưởng ngoạn cũng sẽ có được cảm giác như tôi. Đó là lý do tôi chỉ sử dụng những gam màu nhạt và sáng, cũng như cố tình tạo những khoảng trống trong tranh, nhằm giúp người thưởng ngoạn tìm thấy sự bình yên, nhẹ nhàng. Có thể xem loạt tranh này như góc rừng rợp bóng cây, thảm cỏ non mượt mà trong công viên, đón ta ngã lưng ngơi nghỉ sau một ngày, một tháng, một năm, thậm chí một đời vật vã trong cõi trần ai này.

Hỏi: *Ông không đặt tên riêng cho từng bức*

trong loạt tranh Phục Sinh mà chỉ đánh số "Phục Sinh #1", "Phục Sinh #2"... Ông có cảm thấy đặc biệt thích bức thứ mấy không?

Khánh Trường: Mỗi bức tranh là một phần bản thân mình, nên không thể nói tôi thích phần này hơn phần kia, dù thực tế quả thực có nhiều phần trên cơ thể lúc này nó giúp ta bao nhiêu, lúc khác nó lại gây phiền hà cho ta không ít. Ví dụ đôi chân của tôi, trước kia nhờ nó tôi mặc sức giang hồ bay nhảy, nhưng sau lần stroke, tôi phải ngồi xe lăn, đôi chân gần như vô dụng, nhưng nó lại gắn liền với thân thể tôi. Hãy thử tưởng tượng vì nó vô dụng, người ta cắt bỏ đi, tôi sẽ khổ sở biết chừng nào!

Cho nên, nói một cách... huề vốn, tôi thích tất cả những bức tranh đã vẽ, đồng thời cũng ghét tất cả những bức tranh đã vẽ. Ghét, nhưng không thể bỏ, và không thể không tiếp tục vẽ.

Như tôi đã nói, nghệ thuật là thứ đường đi không đến, kẻ nào nghĩ rằng mình đã đến, thì cách nào đó, kẻ ấy đã chết, đã tự khai tử. Một nghệ sĩ đích thực không bao giờ hài lòng với những tác phẩm đã xong của mình. Nói cách khác, bức tranh tôi thích nhất, mãi mãi là bức tranh sẽ vẽ, trong tương lai.

Hỏi: *Nhà của ông cũng là nơi nhiều văn hữu tụ họp. Sau khi vẽ xong một bức tranh, ông có "trình làng" ngay để bạn bè phê bình? Ý kiến của bạn bè hay người thân có ảnh hưởng đến những tác phẩm sau?*

Khánh Trường: Trước đây khi còn khỏe, tôi giao du rộng, có bạn bè rải rác mọi nơi trên thế giới, đến đâu cũng tụ họp ăn nhậu, bốc phét. Bây giờ tôi què, không rời nhà được, nhưng "tinh thần ăn nhậu, bốc phét" vẫn như xưa, vì thế bạn bè thuộc đảng chai lon (*chai* rượu, *lon* bia) thương tôi, không nỡ loại trừ một đảng viên thâm niên tuổi đảng, tôi không đến được với họ thì họ tìm đến.

Một lý do nữa, nhà tôi rộng rãi, nằm ở một địa điểm thuận tiện vãng lai, vợ tôi lại khá dễ tính, không xét nét, bắt bẻ những lời phát ngôn đôi khi rất chối tai của bọn tửu đồ rượu vào lời ra vô tội vạ. Và bản thân tôi, tuy ngày nay tửu lượng chỉ bằng 1/4 ngày trước, nhưng có lẽ do... dạn dày chiến trận, tôi có thể vận nội công ngồi suốt cuộc, chỉ nhấp môi lấy thảo, có khi từ sáng đến khuya, tàn cuộc! Họ thích vì thế.

Xin lỗi, tôi lạc đề rồi.

Trở lại câu hỏi. Bạn bè tôi hầu hết đều đã và đang làm văn nghệ. Có người làm thơ, có kẻ làm nhạc, có đứa viết văn, có tên nặn tượng, có gã cầm cọ. Kinh nghiệm bao nhiêu năm lăn lộn với giới này cho tôi thấy rõ một điều, bọn làm văn nghệ thực sự đều rất ít nói đến văn nghệ, ngược hẳn với các vị văn nghệ sĩ hàm thụ chúng ta thường gặp mỗi sáng ở các quán cà phê. Có lẽ hàng ngày ngồi trước trang giấy hay giá vẽ, bọn sáng tạo thường rất cô đơn, chỉ một mình hắn với ngổn ngang những trăn trở chìm nổi trong đầu, rồi khổ nhọc tìm cách thể hiện những trăn trở đó lên mặt giấy, mặt bố. Khi buông viết, buông cọ, hắn lao đi tìm bạn bè, không phải để khoe những thành tựu hắn vừa đạt được, vì như tôi đã nói, hắn biết rất rõ, chả có thành tựu nào cả. Mãi mãi hắn đang trên đường, thứ đường đi không đến. Khi buông viết, buông cọ, hắn vội lao đi tìm bạn bè, chỉ vì mục đích duy nhất, để vui. Như quả bóng quá căng, cần một đầu "van," để thoát bớt hơi, kẻo không, sẽ nổ!

Cho nên chuyện làm văn nghệ của chúng tôi là "chuyện thường ngày ở huyện." Anh A vừa xong một bài thơ, chú B vừa hoàn tất một ca khúc, bác C vừa final một bức tranh, tốt đấy, tiếp tục đi, đừng dừng lại nhé. Dừng lại đồng nghĩa với chết đấy.

Tóm lại, chúng tôi là những kẻ cô đơn, tuyệt đối cô đơn, trong sáng tạo. Chúng tôi không ai góp ý cho ai, và cũng không muốn ai góp ý cho mình. Anh không thể rung động cái rung động của tôi, không đau cái đau của tôi, không sung sướng cái sung sướng của tôi, vậy, anh đóng góp cái gì cho sáng tác của tôi? Hãy tránh xa và im lặng cho tôi làm việc. Tuy vậy, chúng tôi rất cần có nhau, vì chúng tôi hiểu rằng trên dặm trường thiên lý dẫn về cái đẹp, chúng tôi cũng còn có những đồng hành, đang ném cả sinh mệnh mình cho những đích đến thăm thẳm, vời vợi.

Hỏi: *Trong truyện ngắn "Tình Yêu," trích từ tuyển tập Có Yêu Em Không? (trang 336, Tân Thư, 1990), ông cho nhân vật chính tự bạch: "...biết tôi chọn hội họa làm hướng tiến thân, cả nhà lại thất vọng. Trên cõi đời này, có hàng trăm hàng nghìn ngành nghề nên danh nên phận, sao không chọn, chọn chi cái nghề tàn mạt rách nát...." Lời của nhân vật này phải chăng cũng là lời cảm khái của chính tác giả? Nếu phải, suy nghĩ này sau nhiều biến động của cuộc đời, có thay đổi gì không?*

Khánh Trường: Khoảng 14 năm trước, sau khi xuất bản tập truyện *Có Yêu Em Không?* tôi nhận được một số thư độc giả, trong số đó có một độc giả hỏi và... "cám cảnh": Có phải những nhân vật xưng "tôi" trong các truyện ngắn là Khánh Trường không? Nếu thực thế thì bất hạnh cho ông quá! Đời ông sao khổ thế! Tôi đã trả lời vị độc giả nọ, rằng không nhất thiết cái "tôi" trong truyện là cái "tôi" của tác giả, mà có khi chỉ một phần là "tôi", rất nhỏ, như một cái cớ, hoặc có khi mang bóng dáng của một vài người tôi biết, hoặc thậm chí chỉ bắt nguồn từ một mẩu tin "xe cán chó" tình cờ đọc trên báo. Nhà văn là kẻ sáng tạo, từ vôi vữa đời sống, hắn gạn lọc, nhào nặn để tạo thành tác phẩm, và tùy diễn biến câu chuyện, hắn cho nhân vật này sống thế này, nhân vật kia nói thế nọ.

Lâu quá rồi, tôi thực tình không nhớ nhân vật "tôi" trong tuyện ngắn ấy nói câu các cô vừa trích dẫn trong bối cảnh nào, nhưng tôi có thể khẳng định đó không phải là "cảm khái" của tôi. Hơn ba năm qua, sau bạo bệnh, hầu như tôi không ra khỏi nhà, trừ những buổi tái khám, phải đến bệnh viện. Ngồi trong lòng xe lăn nhìn ra đường, có khi suốt ngày, tôi có thừa thời gian để chiêm nghiệm mọi chuyện, kể cả những chuyện trong quá khứ. Tôi phát hiện ra, suốt quá trình sống trải dài gần 60 năm, tôi có rất nhiều lầm lỗi, nếu tái tạo được dĩ vãng, tôi sẽ sửa sai những lầm lỗi ấy. Nhưng đó chỉ là tiểu tiết, hướng chính thì không. Nghĩa là nếu được sống lại thời thanh xuân, tôi vẫn sẽ chọn hội họa và văn chương làm nghiệp dĩ, cho dù ngày nay, sắp qua hết một đời người, tôi hiểu rất rõ, cũng như mọi thứ khác trong cõi trần ai này, từ vật chất đến tinh thần, tất cả chỉ là giả ảo.

Hỏi: *Hơn 15 năm trước, ông đã sáng lập tập san chuyên văn Hợp Lưu, tuy nhiên, hiện nay ông đã không còn giữ vai trò chủ biên nữa, phải chăng hội họa từ nay sẽ dành được trọn vẹn thời giờ sáng tác của ông? Liệu sau Phục Sinh của Họa sĩ Khánh Trường sẽ có một Phục Sinh của Nhà văn Khánh Trường?*

Khánh Trường: Tôi không còn sống được bao năm nữa, các cô cũng biết ung thư là bệnh di căn, tuy hiện tại nó tạm thời nằm yên, nhưng rồi sẽ có lúc nó vùng dậy. Tôi nói điều này bằng sự bình thản và bình an của tâm hồn. Nghĩa là tôi vui vẻ chờ đợi và chấp nhận sự thực đó. Sống ngần ấy năm, làm ngần ấy việc, xem như tạm đủ. Nhưng ngày nào tôi còn tồn tại trong cõi đời này, còn hấp thụ dưỡng chất trần gian, thì ngày đó tôi còn hệ lụy với văn chương, nghệ thuật, bởi đó là một phần đời sống tôi. Khác chăng là ngày trước tôi viết hay vẽ, phần nào, vì cái tên của mình. Những đứa con tinh thần do tôi khai sinh, dù làm ra vẻ bất cần, nhưng trong sâu thẳm lòng mình, tôi vẫn mong mọi người biết đến. Bây giờ nhu cầu tiếng tăm không còn là mục đích chính nữa, tôi viết vì nhớ những con chữ nối đuôi nhau hiện dần trên màn hình computer (các cô nên biết, hiện tôi viết rất chật vật, chỉ sử dụng được một ngón duy nhất của bàn tay phải, nhưng rất lọng cọng, định tâm gõ chữ T, ngón tay lại rơi xuống chữ Y bên cạnh, và vì mắt kém, không ước lượng được chính xác khoảng cách từ ngón tay đến phiếm chữ nên vẫn thường gõ vào... hư vô!), và vẽ cũng vì nhớ mùi sơn, sự biến hóa của màu sắc. Nói cách khác, tôi không mưu cầu gì nữa khi viết và vẽ. Có thể nhờ thế cái viết và vẽ của tôi sẽ khá hơn, vì không còn bị ràng buộc bởi thị hiếu quần chúng, tôi sẽ tự do và mạnh dạn thử nghiệm những phát kiến mới. Cũng có thể vì thế cái viết và vẽ của tôi sẽ chẳng ra gì, vì đã tắt rồi ngọn lửa đam mê, và mất rồi ước muốn được chia xẻ với người thưởng ngoạn, vốn như phân bón dưỡng nuôi cây sáng tạo. Tôi không biết, mà cũng không cần biết. Tôi đã chọn văn chương, hội họa làm nghiệp dĩ ở tuổi thanh xuân, và vẫn thủy chung với chúng đến hôm nay. Đến hôm nay, khi sắp bước vào cõi hư vô, chúng vẫn chưa từ bỏ tôi, căn cớ gì tôi từ bỏ chúng?

Hỏi: *Ông mong khách thưởng ngoạn sẽ chia sẻ và đón nhận cuộc triển lãm Phục Sinh như thế nào?*

Khánh Trường: Những tác phẩm khi còn nằm trong garage là của tôi, nhưng khi đã được trưng bày cho công chúng xem thì chúng mặc nhiên có một đời sống, một sinh mệnh khác, không còn thuộc về tôi nữa. Chúng sẽ được đón nhận, nếu không tệ. Ngược lại, sẽ biến nhanh, không lưu lại tăm tích. Đó là qui luật tất yếu trong mọi ngành. Hội họa tất nhiên không ngoại lệ.

Y-Sa và **Anhdao**: Xin cảm ơn Họa sĩ Khánh Trường đã dành thì giờ cho cuộc phỏng vấn này.

Tình quê hương thời kỳ toàn cầu hóa

PHẠM PHÚ MINH

Thượng tuần tháng Hai, 2006, bà con đồng hương tại vùng Little Saigon, đặc biệt là những người yêu nhạc, xôn xao vì một bài hát mới và một giọng hát trước nay chưa hề được nghe. Người ta mách nhau kéo bài hát từ trên trời xuống (tức là từ Internet), lắng nghe, rồi ngẩn ngơ vì xúc động. Một bài hát về tình tự quê hương Việt Nam mà không phải hát bằng tiếng Việt Nam, tác giả của nó cũng chẳng phải là người Việt Nam, thế mà chỉ trong một thời gian ngắn đã chinh phục tình cảm của rất đông người Việt, từ trong nước ra đến khắp nơi trên thế giới. Điều ấy đáng gọi là một hiện tượng, từ trước đến nay hầu như chưa từng xảy ra trong lãnh vực tình cảm nghệ thuật của chúng ta. Chúng tôi đang nói về bài hát Bonjour Vietnam sáng tác bởi nhạc sĩ người Pháp Marc Lavoine, do cô Phạm Quỳnh Anh, một thiếu nữ người Bỉ gốc Việt hát.

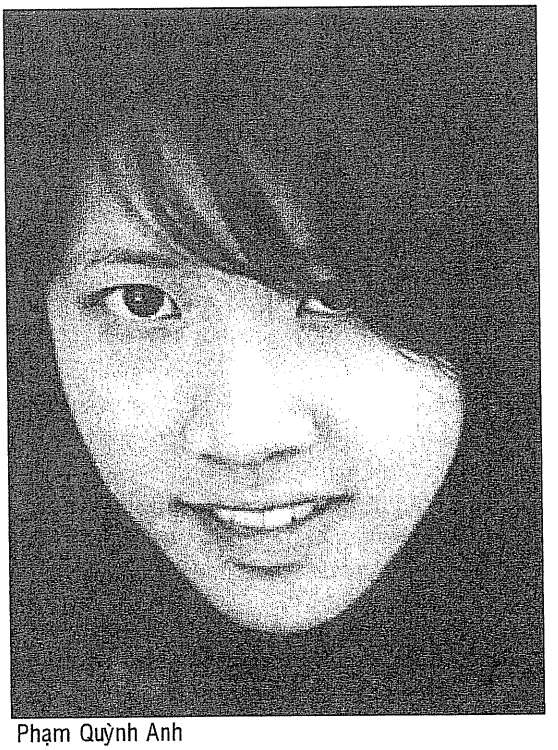

Phạm Quỳnh Anh

Xưa nay, những tác phẩm thơ văn ca ngợi quê hương Việt Nam thì đã có rất nhiều, nhưng đều viết bằng tiếng Việt, hoặc nếu là nhạc thì đó là những dòng nhạc thấm đẫm âm sắc Việt Nam, hoặc gần gũi với dân ca, hoặc sử dụng thang âm ngũ cung đầy âm hưởng truyền thống. Khá nhiều bài hát đã thành kinh điển cho tình tự đất nước, từ lâu đã đi vào tâm hồn của người Việt Nam và lưu lại đó như những mẫu mực bất biến đồng hóa với tình yêu quê hương đất nước của chúng ta. Người nghệ sĩ sáng tác ra những tác phẩm ấy dĩ nhiên phải là người Việt Nam, đã sống sâu xa với tiếng nói và tâm tình của dân tộc, để một ngày nào đó, chắt lọc được những gì tinh túy nhất của đời sống tinh thần và tình cảm của mình mà tạo thành ngôn ngữ nghệ thuật. Và những tác phẩm ấy đã nuôi dưỡng tâm hồn của chúng ta, biến thành cái cầu nối giữa chúng ta với một tình cảm lung linh bàng bạc bao quanh ta bắt nguồn từ núi sông, đồng ruộng, làng mạc, thị thành cùng với bao con người sống trong đó trải từ nhiều đời. Cảnh trí đất nước, ngôn ngữ và đời sống dân tộc xưa nay đã là những thành phần bất biến để tạo nên cái tình cảm mà người ta thường gọi là tình tự quê hương.

Nhưng những điều ta tưởng là bất biến ấy đang bị thử thách, nghĩa là nó có thể không bất biến. Đang có một cái gì rất mới xen vào trong tình tự quê hương của chúng ta, chinh phục chúng ta, đã khiến nhiều người bồi hồi xúc động, nhiều người thổn thức rơi nước mắt..., bất kể người đó đang ở trong nước Việt Nam hay là đang sống lưu vong ở một nơi nào đó trên thế giới. Bài hát Bonjour Vietnam lời tiếng Pháp với giọng hát của một thiếu nữ Việt Nam sinh ra ở nước ngoài không nói sành tiếng Việt đang làm đảo lộn một thực tế cũ xưa về tình quê hương dân tộc, khi nó khơi dậy được một cách

nồng nàn tình yêu đất nước của không biết bao người Việt Nam.

Người hát bài hát này là cô Phạm Quỳnh Anh, năm nay 19 tuổi, sinh tại nước Bỉ ở Âu châu. Cha của cô từ miền Nam Việt Nam đi du học tại Bỉ vào năm 1971, lập gia đình vào năm 1982, hiện nay gia đình đang sống tại Mons, một thành phố nhỏ và thanh bình của nước Bỉ. Quỳnh Anh đã học xong bậc trung học, từng đoạt giải giọng ca hay nhất trong kỳ thi "Pour la Gloire" được đài truyền hình Bỉ tổ chức năm 2000, sau đó cô ký hợp đồng trình diễn với công ty Universal năm 2002. Nhạc sĩ người Pháp, Marc Lavoine trong một chuyến lưu diễn tại Bỉ năm 2005, khám phá ra giọng hát trong vắt của Quỳnh Anh, lập tức mời cô hát nhạc phẩm Bonjour Vietnam của ông, và hát chung trong đĩa hát "L'heure d'été," sau đó là chuyến lưu diễn ở Pháp. Hiện nay Quỳnh Anh đang tuyển lựa các bài hát của mình để chuẩn bị làm đĩa nhạc trong năm nay. Riêng bài hát Bonjour Vietnam do Quỳnh Anh trình bày tuy ngày nay đã lan truyền ra toàn thế giới, nhưng chỉ mới là bài hát được thu âm thử, chỉ vì một sự vô tình mà được phổ biến.

Phổ biến một bài hát chỉ mới thu âm thử không có phép của tác giả và người sản xuất là một việc vi phạm nặng nề luật về tác quyền. Chúng ta không rõ do sự vô tình thế nào mà bài hát này hiện nay đã nằm trong rất nhiều trang nhà và thư điện tử chuyền cho nhau, hầu hết là của người Việt Nam. Sự kiện này đã gây bối rối cho gia đình của cô Quỳnh Anh, đến nỗi chính cô và mẹ cô, đã phải viết thư xin mọi người hãy ngưng phổ biến bài hát trên Internet. Bức thư của cô Quỳnh Anh viết bằng tiếng Pháp, cho biết đó chỉ mới là bản thu thử, chưa sẵn sàng, và cũng chưa có phép của tác giả và nhà sản xuất để phổ biến. Còn bức thư của mẹ cô có câu: "Bên này, nhóm bảo vệ tác quyền rất mạnh. Họ sẽ không hài lòng khi nghe thấy bà con Việt Nam mình phát nhạc trước khi album ra đời. Một lần nữa rất cám ơn quý vị... Xin thận trọng dùm để Quỳnh Anh có thể đóng góp nhiều hơn và lâu dài hơn trên con đường nghệ thuật." Chúng tôi xin chuyển đến quý vị lời kêu gọi của gia đình cô Quỳnh Anh trước sự kiện này, và rất mong được sự lưu ý của tất cả bà con.

Quay lại bài hát Bonjour Vietnam, chúng ta không khỏi tự hỏi, vì sao nó chinh phục lòng người đến vậy, mặc dù về phương diện hình thức nó hoàn toàn ra khỏi lề lối truyền thống của người Việt Nam? Theo ý chúng tôi, có nhiều yếu tố. Trước hết, nhờ ở giọng hát của Quỳnh Anh, một giọng hát trong trẻo, thánh thiện diễn tả một cái tâm sáng trưng chưa nhiễm những tạp chất của cuộc đời như phe phái, chính trị, quyền lợi... Cô hát bằng tiếng Pháp, mà hầu hết người nghe không hiểu, thế mà lòng vẫn cảm được cái tình quê hương mà cô diễn tả, chúng tôi cho là nhờ giọng hát chuyên chở tâm hồn của cô truyền thẳng vào tâm hồn mọi người. Ý nghĩa của ngôn từ đã thành thứ yếu trong trường hợp này, mà tác động của giọng hát mới là cái quyết định. Thứ hai, là chính bài hát của Marc Lavoine. Ông là một nhạc sĩ người Pháp, ông không thể diễn tả tâm tình quê hương của

Bonjour Vietnam

Marc Lavoine

Raconte moi ce nom étrange et difficile à prononcer
Que je porte depuis que je suis née.
Raconte moi le vieil empire et le trait de mes yeux bridés,
Qui disent mieux que moi ce que tu n'oses dire.
Je ne sais de toi que des images de la guerre,
Un film de Coppola, [et] des hélicoptères en colère
...
Un jour, j'irai là bas, un jour dire bonjour à ton âme.
Un jour, j'irai là bas [pour] te dire bonjour, Vietnam.
Raconte moi ma couleur, mes cheveux et mes petits pieds,
Qui me portent depuis que je suis née.
Raconte moi ta maison, ta rue, racontes moi cet inconnu,
Les marchés flottants et les sampans de bois.
Je ne connais de mon pays que des photos de la guerre,
Un film de Coppola, [et] des hélicoptères en colère
...
Un jour, j'irai là bas, un jour dire bonjour à mon âme.
Un jour, j'irai là bas [pour] te dire bonjour, Vietnam.
Les temples et les Bouddhas de pierre pour mes pères,
Les femmes courbées dans les rizières pour mes mères,
Dans la prière, dans la lumière, revoir mes frères,
Toucher mon âme, mes racines, ma terre...
Un jour, j'irai là bas, un jour dire bonjour à mon âme.
Un jour, j'irai là bas [pour] te dire bonjour, Vietnam (2 fois).

chúng ta kiểu như "Làng tôi có cây đa cao ngất từng xanh, có sông sâu lơ lửng vờn quanh" hoặc "Một yêu... câu hát truyện Kiều lẳng lơ, như tiếng sáo diều làng ta..." nhưng ông đã cảm nhận "hộ" cho cô Quỳnh Anh cùng bao người Việt khác cùng thế hệ với cô những tình cảm của một người gốc Việt sinh trưởng ở nước ngoài, thông qua một số nét có thể cũng chung chung và ước lệ thôi do kiến thức về Việt Nam của ông mang lại, nhưng bằng trực giác nghệ sĩ rất bén nhạy của ông, ông đã viết nên những câu ca làm cảm động lòng người. Nhưng những câu hát ấy hợp với Quỳnh Anh một cách lạ lùng. Cô là người Việt sinh ra ở bên trời Tây, trừ sự thôi thúc về giòng giống tiềm tàng trong người cô, còn thì những cảm nhận về Việt Nam của cô thiết tưởng cũng tương tự như Marc Lavoine thôi. Vì thế những tần số rung động ấy dễ dàng gặp nhau, quấn quít nâng đỡ nhau để thể hiện nên một bài hát Bonjour Vietnam được trình diễn thu hút tuyệt vời.

Nhưng có một điều quan trọng, là bài hát ấy chính là sản phẩm của thời đại, nhờ thế mới có thể làm rung động trái tim của đông đảo người nghe khắp nơi. Chúng ta đang ở trong thời đại toàn cầu hóa, rất nhiều loại ranh giới giữa nhân loại với nhau đã được xóa mờ, mọi người trên thế giới rất dễ cảm thông với nhau về nhiều mặt. Cũng chính trong lúc bắt đầu thời đại ấy, ba mươi năm qua khoảng ba triệu người Việt Nam đã ra đi sống khắp nơi trên thế giới, đã tạo nên một loại tâm tình đặc biệt về quê hương mà mình đã bỏ. Vừa là lời nhớ thương than khóc của kẻ lưu đày, vừa nỗi hy vọng của người sẽ đem tươi sáng cho đất nước, vừa là tâm trạng của người xây dựng một Việt Nam không lãnh thổ trên thế giới... Thật là một tâm tình phức tạp, vừa tiêu cực, vừa tích cực, hy vọng trộn lẫn với nỗi buồn. Tiếng nói tình tự quê hương của ba triệu người này không nhất thiết phải giống với những tiếng nói đã thành cổ điển trong kho tàng văn thơ nhạc Việt Nam của nhiều thập niên về trước. Nhất là với thế hệ như Quỳnh Anh hiện nay. Quỳnh Anh đã hát lên lời tình tự của thế hệ của cô, và như mọi tiếng lòng chân thành tự cổ chí kim, lời của cô đã mang lại cảm xúc cho tất cả mọi người Việt Nam, không kể là già hay trẻ, trong nước hay ngoài nước. Có thể nói tiếng hát Quỳnh Anh là kết tinh tâm tình của một thời đại, chúng ta vừa biết ơn cô, vừa chào mừng cô.

Cũng chính nhờ sống trong không khí của thời toàn cầu hóa mà nhiều người trong nước Việt Nam đã cảm được tiếng hát của Quỳnh Anh trong bài Bonjour Vietnam. Giả thiết Việt Nam không có cuộc đổi mới và mở cửa cách đây 20 năm, vẫn mải miết với cuộc sống tối tăm luẩn quẩn với mấy nước "xã hội chủ nghĩa anh em" với nhau, ngăn chặn hết thông tin và cảm hứng cuộc sống của thế giới tự do mà họ không ngớt miệng lên án là bóc lột, sa đọa, phản động, nếu Việt Nam ngày nay vẫn còn chìm đắm trong tình trạng giống như người anh em Bắc Hàn của họ như thế thì liệu người trong nước sẽ phản ứng thế nào khi được nghe Quỳnh Anh hát Bonjour Vietnam? Chắc chắn phần lớn sẽ là vô cảm. Một số người sẽ lên án "tình cảm lai căng" của loại Tây con mất gốc. Cơ quan văn hóa tư tưởng của Đảng sẽ tạo nên một chiến dịch ngăn cấm thứ "tình cảm chung chung thiếu tính giai cấp." Mà biết đâu đấy, đảng CSVN hiện nay vẫn âm thầm đang làm việc ấy đối với Bonjour Vietnam, ngăn ngừa để nó khỏi thành một cơn đam mê bùng nổ trong xã hội? Giả thuyết này có vẻ nói chơi cho vui, nhưng khi đối chiếu với cố gắng tạo nên tình trạng đồng phục trong tư tưởng của thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc gia tăng cưỡng bách các môn học về Mác xít và "tư tưởng Hồ Chí Minh" trong học đường, thì những tình cảm như của Bonjour Vietnam trong mắt của đảng cộng sản chắc chắn sẽ là loại "có vấn đề," có khi là một hình thức "diễn biến hòa bình" cũng nên! Và cũng đừng quên cho đến nay tất cả văn hóa phẩm của người Việt hải ngoại vẫn chính thức bị cấm tại Việt Nam, trong đó dĩ nhiên có Bonjour Vietnam. Chẳng qua vì nó vô tình từ trên trời rơi xuống, và lại hát bằng tiếng Pháp nên còn được dễ dãi phần nào, chứ nếu bằng tiếng Việt thì cũng chưa biết cái gì đã xảy ra.

Nhưng dù sao trong hiện thực của cuộc sống thì xã hội Việt Nam hiện tại cũng đang trên đà hội nhập với thời đại toàn cầu, tai đã nghe quen, mắt đã nhìn quen những nét văn hóa khác nhau trên thế giới, nên Bonjour Vietnam với giọng hát của Quỳnh Anh đã gặp được nhiều tình cảm rất thiết tha. Người Việt Nam trong và ngoài nước hình như đang cùng có một mẫu số chung mới mẻ, là giọng hát ngợi ca tình quê hương trong vắt thánh thiện Quỳnh Anh. Ước mong giọng hát cứu chuộc ấy ngày càng bay cao, ngày càng bay xa...

"Tôi Biết Sợ"

Phần III

"Toàn Dân Trăm Người Như Một"
... Đều Biết Sợ

NGUYỄN HỮU CHI,
Tiến Sĩ Tâm Lý Chính Trị Học

Trong bài khảo luận này, tôi sẽ trình bày một khía cạnh đặc biệt về tâm lý sợ hãi. Câu hỏi được đặt ra là: tại sao người đạo đức lại hay lo sợ, và ghét người vô đạo đức? Tại sao người có quyền thế lại sợ người yếu thế? Tại sao các lãnh tụ độc tài lại sợ dân, rồi tìm đủ mọi cách làm cho dân sợ? Đây không phải là một bài "chống Cộng" vì nhiều người đã viết về vấn đề này rồi.[1] Tôi chỉ dựa vào sử liệu [2] để chứng minh vài định lý bắt nguồn từ lý thuyết về sợ hãi mà tôi đã có dịp trình bày trong mấy số báo trước.

1. Người Đạo Đức Sợ Hãi: Từ *"Chữ Trinh"* Đến *"Chữ Trung"*

(a) "Chữ Trinh"

Ai cũng biết các cô gái điếm thuộc về hạng người lỳ lợm vì không bao giờ sợ mất *"chữ trinh." "Tay đã nhúng chàm"* (tục ngữ) thì còn có gì đâu nữa mà sợ! Trái lại, các cô gái nhà lành coi *"chữ trinh đáng giá ngàn vàng"*(tục ngữ) nên luôn luôn sợ *"cái thằng phải gió nó đè em ra"* (ca dao). Sợ như vậy cũng phải, vì ở trên cõi đời này thiếu gì những *"thằng phải gió"* thèm thuồng "của quý." Ngày xưa, các cụ cấm trai gái gần nhau cũng chỉ vì sợ con gái hư hỏng như sợ cháy nhà vậy, cũng chỉ vì các cụ tin rằng *"lửa gần rơm lâu ngày cũng bén"* (tục ngữ). Được giáo hóa cẩn thận như vậy, nên các cô, các cậu cũng không muốn giáp mặt nhau vì sợ mình không cưỡng nổi sự cám dỗ của thú nhục dục. Như trong truyện ***Lục Văn Tiên***, khi nàng ngồi trên xe thấy chàng đi tới, nàng vội vã xuống xe để tiếp chàng, chàng hoảng hốt la om sòm:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra.
Nàng là phận gái, ta là phận trai.

Các nước Trung Đông còn bảo vệ *"chữ trinh"* cẩn thận hơn nữa: đàn bà con gái ra đường phải chùm kín từ đầu đến chân để đàn ông không có dịp thấy bàn chân hoặc cái lỗ tai của mình rồi đâm ra thòm thèm những "chỗ khác." Trong các xứ cổ kính này, cô nào hay cậu nào không biết "giữ mình" thì có thể mất mạng như chơi. Theo tục lệ "honour killing" trong các gia đình Hồi giáo nghiêm khắc: nhiều bậc cha mẹ vì quá hăng say bảo vệ nền tảng "đạo đức," nên cảm thấy có bổn phận phải lấy đá đập vỡ sọ người con gái vì tội chểnh mảng không biết gìn giữ "đồ gia bảo," rồi sau đó họ lại còn đi lùng *"thằng phải gió"* để giết cho bằng được, có như vậy mới được tiếng là người biết bảo vệ danh dự gia đình. Trái lại, trong các xã hội Âu Mỹ, mạng sống con người rất là có giá, nhưng *"chữ trinh"* bị nạn hạ giá khủng khiếp. Vì vậy, ở các nước giầu có này, sự lo sợ "mất trinh," cũng như sự thèm muốn "phá trinh," không mãnh liệt bằng ở các nước hậu tiến. Hình như, trong các nước nghèo đói, đời sống con người càng rẻ bao nhiêu, thì *"chữ trinh"* lại càng cao giá bấy nhiêu! Cũng may, trong thời đại "kỹ thuật cao siêu" hiện nay, chuyện giết người vì thiếu "đạo đức" không còn thịnh hành như trước nữa. Tuy vậy, trong tất cả các nền văn hóa trên thế giới, dù "tiến bộ" (?) đến thế nào đi chăng nữa, các cô gái nhà lành thường tỏ vẻ khinh bỉ các cô gái điếm, có biết đâu rằng chính các cô gái điếm đã có công bảo vệ danh dự của các cô gái nhà lành. Công lao tầy trời của các cô gái điếm đã được nhà hiền triết nổi tiếng Bertrand Russell hết lời ca tụng như sau:

Một khi tiết hạnh các cô gái nhà lành được coi là tối ư quan trọng, thì thể chế hôn nhân cần phải phụ bổ bằng một thể chế khác nữa – đó là thể chế mãi dâm. Thực ra, ta có thể coi thể chế mãi dâm đi liền với thế chế hôn nhân... Thiệt là tội nghiệp cho các cô gái điếm, đi đâu

cũng bị thiên hạ khinh bỉ tuy rằng các cô đã có cống hiến một dịch vụ hiển nhiên [thoả mãn nhu yếu đàn ông], *và đã có công bảo vệ tiết hạnh các bà mẹ và các cô con gái*...[3]

Ở trên cõi đời đầy đạo đức này, có ai có can đảm bênh vực các cô gái điếm bằng ông Russell! Dù sao đi chăng nữa, chối bỏ công lao các cô gái điếm không nguy hiểm đến tính mạng bằng *"chối bỏ công lao Bác."*

Trong phạm vi tôn giáo cũng vậy. Người nào càng tin vào Thượng Đế bao nhiêu, thì lại càng sợ bị Quỷ Sa-Tăng cám dỗ bấy nhiêu. Có người quá sợ hãi, nên hàng ngày họ phải cầu nguyện cho đỡ sợ. Các Phật tử chân chính thì lại sợ "phạm giới" – nhất là "sát sinh," có khi con ruồi mang vi trùng *e-coli* vào chùa cũng không dám giết. Ngoài ra, còn có những Việt kiều coi văn hóa cổ truyền là một gia tài quý báu, rồi sợ "mất gốc," nên hàng năm kéo nhau đi "Giỗ Tổ Hùng Vương," tuy rằng trước kia ở Sài-Gòn có mấy ai nghĩ đến chuyện này đâu.

Sợ vi phạm tín ngưỡng đôi khi đi liền với lòng căm thù. Ta đã từng thấy các tín đồ quá khích coi các Đấng Thiêng Liêng của họ trọng hơn mạng sống con người. Ở Trung Đông, dân Do Thái và dân Hồi giáo giết nhau hơn nửa thế kỷ nay, tuy rằng hai dân tộc này thờ cùng một Chúa, và đều tâng ông Moise lên bậc thánh. Ở Bắc Ái Nhĩ Lan, trước đây, người Tín Lành (Anglican) kỳ thị và bóc lột người Công Giáo, bây giờ hai giáo phái này thù ghét nhau cực độ, tuy rằng cả hai phe đều thờ Đấng Cứu Thế và đều dùng một cuốn Thánh Kinh. Ở Tích Lan cũng vậy, các tín đồ Phật giáo và Ấn Độ giáo đều tin vào điều ngăn cấm "sát sinh," họ không muốn giết súc vật hay sâu bọ, nhưng họ sẵn sàng giết người mà không gớm tay. Thiệt là oan nghiệp: vì mải tranh đấu cho thần quyền hoặc nhân quyền gì đó, mà không biết bao nhiêu tín đồ đã bị "hóa kiếp."

Từ những thí dụ trên, tôi xin suy diễn ra ba định lý về sợ hãi như sau:

Định Lý 1: Ta sợ vi phạm những tín điều mà ta coi là linh thiêng; tín điều nào càng linh thiêng bao nhiêu, thì ta càng lo sợ bấy nhiêu.

Định Lý 2: Ta thường ấp ủ trong lòng sự thèm muốn vi phạm những tín điều mà ta cho là linh thiêng; tín điều càng linh thiêng bao nhiêu, thì sự thèm muốn thầm kín trong lòng càng mãnh liệt bấy nhiêu.

Định Lý 3: Ta thường nghiêm khắc phán xét những người vi phạm những tín điều mà ta cho là linh thiêng; tín điều càng linh thiêng bao nhiêu, thì sự phán xét càng nghiêm khắc bấy nhiêu.

Trong các định lý trình bày ở trên, tôi dùng cụm từ *"tín điều"* (belief) theo nghĩa thường được dùng trong tâm lý học hoặc xã hội học.[4] *"Tín điều"* có thể là một truyền thống đạo đức mà ta cảm thấy có bổn phận phải tôn trọng (thí dụ như *trung, hiếu, lễ, nghĩa*, v.v.). *"Tín điều"* cũng có thể là những nguyên tắc căn bản trong một ý thức hệ hoặc những giáo điều trong một tôn giáo nào đó. Thí dụ như ở Mỹ, Bản Hiến Pháp được coi là nền tảng cho chế độ tự do dân chủ, nên được công dân Mỹ tin tưởng và kính trọng, và các luật gia không dám làm điều gì trái với tín điều này. Ngay cả Tổng Thống Mỹ trước khi lên nắm chính quyền phải dơ tay lên thề với Chúa, và xin Chúa giúp họ bảo vệ Hiến Pháp. Chắc các vị này cho rằng họ phải nhờ ơn Chúa mới có đủ can đảm cưỡng lại cái bả độc tài. Nghĩ đến người, lại thương dân mình, khi thấy hiến pháp nước mình chỉ là một "chậu cảnh" được bày ra cho đẹp mắt dân gian. Hành động này cũng dễ hiểu. Trong chế độ tự do pháp trị, người cầm quyền kính trọng tất cả mọi nhân quyền đã được quy định rõ ràng trong luật pháp; còn trong chế độ độc tài đảng trị, luật pháp bị coi rẻ như một tờ giấy lộn dùng để lau tay hoặc chùi mép các đảng viên mà thôi.

Ba định lý trình bày ở trên cho ta thấy tâm lý con người quả thật là nhiêu khê: Tại sao ta thích *"ăn trái cấm"* (sợ vi phạm tín điều, đồng thời thèm lại vi phạm tín điều)? Tại sao *"trâu buộc lại ghét trâu ăn"* (thèm vi phạm tín điều, đồng thời lại ghét những người vi phạm tín điều)? Để giải thích những hiện tượng "trái cẳng ngỗng" này, tôi đành phải dựa vào thuyết phân tâm học của Freud [5]. Theo lý thuyết này, *bản ngã* (personality) gồm có ba thành phần: *thú ngã* (id), *thực ngã* (ego), và *siêu ngã* (super-ego). Khi đứa trẻ mới sinh ra đời, nó chỉ biết phản ứng theo sự đòi hỏi của *thú ngã*, mà trọng tâm là thỏa mãn những thú tính ("tứ khoái") để duy trì sự sinh tồn. Nếu một trong "tứ khoái" mà nó khao khát không được thỏa mãn, thì nó nổi cơn tực giận cực độ, biểu lộ bằng những tiếng gào thét hoặc rên rỉ. Tuy nhiên, trong một thời gian rất ngắn, nó thấy ngay rằng nó không có quyền lực vạn năng (omnipotence) để có thể bắt tất cả mọi người phải lập tức chạy đến

phục vụ nó khi nó thèm muốn một điều gì. Để giảm thiểu nỗi lo sợ triền miên khi sự thèm muốn của nó đôi khi không được bố mẹ đáp ứng tức thời, nó cần phải thích ứng với thực tế. Nhờ vậy, *thực ngã* của nó được phát triển, giúp nó tìm hiểu thú dục nào được thỏa mãn, lúc nào được thỏa mãn, và được thỏa mãn đến mức độ nào. Không những thế, nó cũng nhận thấy rằng nó phải phụ thuộc vào quyền thưởng phạt của cha mẹ, tức là nó phải sống theo khuôn mẫu đạo đức mà bố mẹ đã truyền lại cho nó. Những tín điều đạo đức này được ghi sâu trong *siêu ngã* của nó, và được coi như một kim chỉ nam hướng dẫn đời sống nó trong xã hội.

Theo Freud, con người luôn luôn sống trong sự dằng co giữa ba khía cạnh gần như đối nghịch với nhau:

* *Thú ngã* đòi hỏi thỏa mãn những thú thể xác, tức là những đòi hỏi vật chất cần thiết cho sự sống còn của loài người.

* *Siêu ngã* hướng về những vấn đề siêu hình như lương tâm, đạo đức, tôn giáo, v.v..

* *Thực ngã* giúp con người thích ứng với thực tế.

Người lành mạnh (mentally healthy) biết điều hòa ba thành phần này của *bản ngã*, tức là không để một thành phần nào lấn át các phần khác của *bản ngã*. Đôi khi ta gặp trường hợp *thú ngã lấn át bản ngã*: đó là những người chỉ biết sống theo "tứ khoái" và nổi giận nếu những lạc thú này không được thỏa mãn; họ không nghĩ đến đạo đức, và cũng không cần biết hậu quả cho mình và những người xung quanh của mình. Trái lại, có những trường hợp *siêu ngã lấn át bản ngã*: đó là những người "đạo đức cùng mình," sống một đời sống khắc khổ vì họ chỉ biết theo lệnh của "lương tâm": "lương tâm" bắt họ chết, thì họ sẵn sàng chết vì "lương tâm"; "lương tâm" bắt họ giết người "vô đạo đức" thì họ sẵn sàng giết người vì "lương tâm." Lại có trường hợp *thực ngã lấn át bản ngã*: đó là những người rất "thực tế," sống theo nguyên tắc "cơ hội chủ nghĩa," *"gió chiều nào, theo chiều đó."*

Ta đừng tưởng những người cộng sản sống theo *thực ngã* khi họ hành động theo lý thuyết Mác-Xít mà họ cho là một lý thuyết "khoa học," đi sát với "thực tế." Cái nguy hiểm là họ cố bám vào một thứ "thực tế" đã bị bóp méo bởi một quan điểm hẹp hòi của Các-Mác. Tiếc thay, "thực tế" thể hiện ra trong đời sống con người dưới muôn hình vạn trạng (multi-dimensional), làm sao ta có đủ minh mẫn để nhìn toàn diện "thực tế" được. Vì những lãnh tụ cộng sản luôn luôn nhìn thực tế một cách phiến diện như vậy, nên họ không giải quyết được những khó khăn trầm trọng cho đất nước. Sau những thất bại liên tiếp – từ chương trình cải cách ruộng đất cho đến chính sách quốc doanh và bao cấp – họ vẫn không dám nhìn vào thực tế để nhận ra nguồn gốc của sự thất bại. Suy luận theo kiểu Freudian, người cộng sản mù quáng vì *thực ngã* của họ *suy nhược* (weak ego), nên bị *siêu ngã* và *thú ngã* lấn át. Dưới áp lực của *siêu ngã*, lý thuyết Mác-Xít trở thành một tôn giáo, và người cộng sản trở thành những tín đồ cuồng tín, tự cho mình là người có *"đạo đức cách mạng."* (Ta cũng nên biết, Các-Mác không đả động đến vấn đề đạo đức trong lý thuyết của ông; thực ra ông ta chỉ suy luận rằng giai cấp lao động là giai cấp "tiến bộ," chứ không "đạo đức" hơn những giai cấp khác.) Đồng thời, dưới áp lực của *thú ngã*, họ lồng lộn như đàn thú dữ khi những điều mong muốn của họ không được thỏa mãn. Nói tóm lại, người cộng sản không được *thực ngã* hướng dẫn để nhìn thẳng vào thực tại, nên mới mơ tưởng xây dựng những "thiên đàng" dưới trần thế – đúng là ***Những Thiên Đàng Mù*** mà Dương Thu Hương đã phải trải qua. [6]

(b) "Chữ Trung"

Nói đến trinh tiết và đạo đức mà không bàn qua về các đấng quân tử và những kẻ tiểu nhân thì thiệt là thiếu sót. Quả thực, tôi thấy tâm trạng hai loại người này cũng ná ná như tâm trạng các cô gái nhà lành và các cô gái điếm. Theo sự hiểu biết của tôi về Khổng giáo, tôi thấy các ông quân tử Tàu ngày xưa cũng rất lo lắng "giữ mình," như mấy cô gái nhà lành vậy. Tuy các vị Nho gia không sợ mất *"chữ trinh,"* nhưng lại rất sợ mất chữ *"chữ trung" (Định Lý 1)*, và rất khinh bỉ những tên tiểu nhân không biết sống theo *"chữ trung,"* có lẽ vì cảm thấy những tên tiểu nhân có một đời sống thảnh thơi hơn mình (*Định Lý 2* và *Định Lý 3*).

Vậy các đấng quân tử lo sợ như thế nào? Câu hỏi này đã được cụ Trần Trọng Kim trình bày rõ ràng khi giải thích thuyết ***Trung Dung*** như sau:

"Nhân tâm nghĩa là cái phần sáng suốt riêng của người ta, tuy là một phần thiên lý ... nhưng thường hay bị vật dục làm bế tắc, hơi sai một ly là chếch lệch ngay, ... hễ sai một ly là mất cái

***trung** rồi, cho nên ta phải **lo sợ**, phải **cố hết sức mà giữ nó không trệch lệch**."*[7]

Vì *"chữ trung"* thiêng liêng và *"đáng giá ngàn vàng"* như vậy, nên Tử Tư (*"cháu ngoan"* của cụ Khổng) đã phán rằng:

*"Đạo là cái chẳng nên rời xa giây phút nào, hễ rời ra được thì chẳng phải đạo nữa rồi. Vậy người quân tử **răn đe và cẩn thận** về những điều cho rõ* [thêm về lý thuyết Trung Dung], *e sợ ở những điều mình chưa nghe chắc* [về lý thuyết]... *vì vậy người quân tử **giữ gìn cẩn thận trong khi chỉ một mình mình đối với mình**...*[8]

Nói một cách khác, nếu ta muốn trở thành một người quân tử và muốn giữ vững danh vị quân tử thì ta phải tự phê bình kiểm thảo hàng ngày, không khác gì một cán bộ trung kiên muốn trở thành *"cháu ngoan"* của *"Bác"*. Ôi, đời sống của người quân tử quả thiệt là gian truân! Còn gì khổ hơn là tự mình tẩy não mình, tự mình mở rộng cửa lòng của mình để cho một tên công an vô hình lẻn vào kiểm soát đầu óc của mình từng giờ từng phút! Thế cho nên tìm ra được một đấng quân tử, hay một *"cháu ngoan của Bác"* quả là khó hơn là đi mò kim dưới đáy biển Đông. Cũng vì thế, ở trên cõi đời này, ta chỉ thấy đầy rẫy những tên *"ngụy quân tử"* giả nhân giả nghĩa, không khác gì những tên cán bộ *"ngụy cách mạng,"* nhân danh *"tự do"* để kìm kẹp dân, nhân danh *"công bằng xã hội"* để bóc lột dân. Nói tóm lại,

* Các đấng quân tử chỉ có một nỗi lo sợ: sợ không theo đúng giáo điều mà các "Thánh Hiền" đã "phịa" ra trong lúc ngồi rảnh rang, rồi bắt người đời phải triệt để tuân theo.

* Những tên *"ngụy quân tử"* lại có hai nỗi lo sợ: (1) sợ không đủ gian manh để che mắt thiên hạ, nên phải luôn luôn tìm đủ mọi cách cải tiến phương pháp lừa bịp; và (2) sợ người hiểu biết lật tẩy và lên án là đã đi ngược lại lời dạy của các "Thánh Hiền" (tuy rằng trong bụng coi "Thánh Hiền" như cỏ rác).

* Còn những kẻ tiểu nhân không sợ cái gì cả, nhất là không sợ người đời chê bai, nên sống rất ư là "ung dung tự tại," theo đúng câu châm ngôn *"Ai chửi mặc ai, tiền thầy bỏ túi"* – không khác gì các cán bộ thối nát bị chửi sa sả mà vẫn *"tỉnh bơ như người Hà-Nội"* (thành ngữ mà người Miền Nam đã truyền khẩu cho nhau sau khi có dịp tiếp súc với đám cán bộ Miền Bắc).

2. *"Bác"* Sợ Các *"Cháu"*

Nhiều người thường nghĩ rằng dân sợ *"Bác,"* chứ ít ai cho rằng *"Bác"* sợ dân. Theo tôi nghĩ, *"Bác"* sống trong tình trạng lo sợ vì *"Bác,"* cũng như ba tên sư phụ của *"Bác"* (Lê-Nin, Sì-Ta-Lin và Mao) đều là thứ "ngụy quân tử," tự vỗ ngực là con người Mác-Xít, nhưng không làm theo đúng những giáo điều mà "Thánh Hiền Các-Mác" đã dạy. Thực ra, có tên Mác-Xít nào theo đúng lý thuyết của Các Mác đâu? Ngay cả Các-Mác cũng chê bai những người mang danh "Mác-Xít" khi ông thanh minh rằng ông là Các-Mác chứ không phải là người Mác-Xít. [9] Vì thế, *"Bác"* (cũng như tất cả những lãnh tụ "Mác-Xít" khác) rất sợ bị lộ tẩy, nên tìm đủ mọi cách tiêu diệt những người sáng suốt đã nhận ra những cái sai lầm của *"Bác."* (Thí dụ: *"Bác"* cũng như Mao-Trạch Đông đã phong chức đám bần cố nông lên địa vị *"giai cấp tiến bộ,"* thay thế giai cấp thợ thuyền để làm cách mạng lao động; Lê-Nin cũng muốn đốt giai đoạn nên đã tiêu diệt đám Men-Sơ-Vích để nắm độc quyền, làm một cuộc cách mạng lao động cưỡng ép, trái với lối suy luận về *"diễn tiến lịch sử"* trong lý thuyết mà Các Mác đã sáng tác ra).

Hơn nữa, *"Bác"* lại là người gian ngoan nên cũng thừa biết là các *"cháu"* của "Bác" đều là một tụi "hư đốn," không đủ *"ý thức giai cấp lao động"* (*"proletarian class consciousness*), nên "Bác" cũng sợ chúng lắm, vì bất cứ *"thằng phải gió"* nào cũng thèm cái địa vị độc tôn của "Bác". Trong đám này, thế nào mà chẳng có thằng quá ư *"đồi trụy"* và liều lĩnh (tức là không biết sợ "Bác"), hễ có dịp là là lật tẩy *"Bác,"* và có thể cho *"Bác"* về hưu non, hoặc đi "mò tôm" như *"Bác"* đã ra lệnh dìm Khái Hưng xuống sông cho đến chết. Đó là lý do tại sao "Bác" sợ các *"cháu."* Cho nên *"Bác"* phải dùng mọi phương pháp khủng khiếp để làm cho các *"cháu"* sợ "Bác." Cuối cùng, cả "Bác" lẫn *"cháu"* đều sợ lẫn nhau. [10]

Nói chung, bất cứ tên độc tài khát máu nào cũng bị dằn vặt bởi hai nỗi sợ: (1) sợ bị chỉ trích là đã sai lầm, và (2) sợ đám đàn em nổi lên cướp quyền sinh sát của mình. Đến đây, tôi xin dựa trên những định lý về sợ hãi đã trình bày ở trên để đưa ra một số định lý về quyền lực như sau:

<u>Định Lý 1</u> : Kẻ nào càng có nhiều quyền lực bao nhiêu, thì kẻ đó lại càng sợ mất quyền lực bấy nhiêu; hơn nữa, quyền lực tuyệt đối tạo ra

nỗi lo sợ tuyệt đối.

Ta đã từng thấy người lãnh đạo trong các chế độ dân chủ pháp trị không có toàn quyền thống trị (vì bị ràng buộc bởi luật pháp), nên không mấy lo sợ dân nổi loạn, hoặc đám cận thần tạo phản. Trái lại, những tên độc tài khát máu thì ngày đêm lo sợ đến mức khiếp đảm (paranoia), nhìn đâu đâu cũng thấy kẻ thù. Do đó, chế độ độc tài nào cũng áp dụng triệt để chính sách *"nhổ cỏ phải nhổ tận rễ,"* đi đôi với chính sách *"thà giết nhầm còn hơn thả nhầm."* Trái lại, người không có một chút quyền lực nào, kể cả quyền sinh sống thì không sợ giới quyền lực tước quyền của mình. Vì thế, hiện nay *"Đảng và Nhà Nước"* rất sợ đám bần cố nông nổi lên *"thí mạng cùi"* (như vụ nổi loạn Thái Bình đã xẩy ra cách đây mấy năm). Trái lại, trong các nước dân chủ như ở Mỹ, người dân có đầy đủ nhân quyền, nên đại đa số rất sợ người nắm quyền lực trong tay tước đoạt mất quyền tự do và quyền sinh sống của mình (quyền "pursuit of happiness" trong ***Tuyên Ngôn Độc Lập*** của Mỹ).

Định Lý 2: Độc quyền sinh sát tạo ra sự tranh dành nội bộ tàn bạo và những cuộc thanh trừng đẫm máu.

Độc quyền sinh sát tạo ra thèm muốn trong số những tên chưa nắm được quyền chúa tể. Thế là tranh dành nhau. Độc quyền này thường đi liền với khẩu hiệu *"Thề phanh thây uống máu quân thù"* (quốc ca Việt Nam XHCN). Khi *"quân thù"* không còn nữa, tất nhiên các đồng chí đành phải tiếp tục *"phanh thây uống máu"* lẫn nhau. Chuyện quá dễ hiểu nếu người nào tin vào lý thuyết *"ác giả, ác báo"* trong Phật giáo. Thí dụ như Sì-Ta-Lin lúc còn sống đã dùng tên chúa chùm công an Bê-Ria-A tiêu diệt hàng trăm ngàn đảng viên trung kiên chỉ vì những người này bị nghi ngờ là thuộc thành phần chống đối. Đến lúc Sì-Ta-Lin qua đời, Bê-Ri-A được mời đến họp Bộ Chính Trị, thế là các đồng chí sợ tên đao phủ này lên nắm quyền lãnh đạo, bèn xúm nhau vào giết hắn ngay trong phòng họp. Mao Trạch Đông cũng không thoát khỏi định lý này, nên trước khi nắm được quyền toàn trị đã tìm cách thanh toán những người ở địa vị cao hơn mình để chiếm quyền lãnh đạo đảng; đến khi leo lên tới địa vị chúa tể thì lại tìm cách loại bỏ những tên "công thần" manh nha muốn làm chúa tể. [11] Sống trong môi trường tranh dành vô giới hạn này, bất cứ tên nào nắm được quyền lực trong tay (dù ở thứ vị cao hay thấp) đều phải giữ thế thủ, bằng cách kéo bè bạn hoặc thân thuộc vào guồng máy đảng, và cho đám đàn em "ngồi dưới dù" được hưởng lợi nhuận bất chính của quyền lực. Đó là nguyên nhân của nạn bè phái, thối nát trong tất cả mọi chế độ độc tài đảng trị.

Định Lý 3: Những người sợ mất quyền lực thường rất ghét những kẻ không biết sợ quyền lực.

Còn gì bực mình hơn nữa khi mang quyền lực ra hù đời mà người đời vẫn tỏ vẻ không sợ hãi. Người dùng quyền lực đi hù đời nếu gặp phải một người yếu thế không sợ hắn, hắn sẽ nổi cơn giận lôi đình, và dùng quyền lực đàn áp tàn bạo người không biết sợ. Hành động hung hãn này nhằm hai mục đích chính:

* Để tự chứng minh là hắn hãy còn nắm quyền lực trong tay, còn có khả năng hù đời (power testing).

* Để biểu diễn quyền lực làm cho những người yếu thế khác phải sợ hắn (power demonstration).

Ngay cả trong những chế độ tự do trọng luật, người nào bị cảnh sát công lộ chặn hỏi mà tỏ vẻ lễ độ với điệu bộ sợ hãi, thì dễ được khoan hồng hơn là người có vẻ mặt "xấc láo, đáng ghét." Nếu can phạm nào bị điệu ra tòa mà biết sợ hãi và tỏ vẻ hối hận (plead guilty) thì quan tòa cũng không nỡ mạnh tay trừng phạt. Trái lại, những tên can phạm nào đã có bộ mặt "cô hồn," rồi lại còn không biết đóng vở kịch *"Em lỡ chót dại, xin quan tòa khoan hồng"* thì tất nhiên sẽ được "lãnh đủ." Khi bị bắt vào tù rồi mà can phạm vẫn không có vẻ sợ hãi đám cai ngục thì sẽ bị hành hạ (biệt giam), và còn có thể bị xếp vào loại người *"bất trị"* nên mất luôn quyền được tạm tha trước khi mãn hạn tù (parole). Còn trong các trại *"cải tạo"* thì khỏi cần phải nói nhiều về quyền sinh sát của các tên "quản giáo" ngu dốt, thiếu tự tin nên trở nên kiêu căng quá lố; nạn nhân nào muốn được *"nhân dân khoan hồng"* đều không dám làm trái ý những tên hung thần này. [12]

Nói tóm lại, người có quyền lực thường sợ người yếu thế coi thường mình. Trong chế độ độc tài, tên lãnh đạo nào cũng sợ dân, nhiều khi còn sợ dân hơn là dân sợ hắn. Hãy nhìn vào lịch sử nhân loại từ Đông sang Tây, ta đều thấy những tên nắm toàn quyền trị dân trong tay luôn luôn ngấm ngầm sợ hãi. Thời xưa thì có Tần

Thủy Hoàng. Tên bạo chúa này bắt toàn dân đổ mồ hôi nước mắt ra xây bức Lũy Trường Thành chỉ vì hắn sợ đám man rợ miền Bắc tiến quân sang làm rung chuyển ngai vàng của hắn. Sau khi lập được công thống nhất đất nước, hắn lại sợ đám Nho gia giở trò *"hư đốn,"* bèn ra lệnh đốt những sách *"đồi trụy"* và chôn sống những người nào không biết sợ. Hắn đã thoát nhiều vụ mưu sát chỉ vì hắn biết sợ, và biết dùng đủ mọi cách làm toàn dân run sợ, nên không ai đụng được tới lông chân của hắn (Kinh Kha định vào giết hắn, nhưng khi nhìn thấy hắn thì đã run sợ đến nỗi đánh rơi thanh đoản đao, nên không làm được trò trống gì). Cuối cùng tên bạo chúa chỉ còn biết sợ Trời bắt chết, nên đã chi rất nhiều vàng bạc cho các danh lang đi tìm thuốc *"tràng sinh, bất tử"* cho hắn. Nhưng "người trần mắt thịt" làm sao mà có thể cướp được quyền sinh sát của Trời. Thế là dân Tàu tạm thoát nạn. Sau khi Tần Thủy Hoàng thảnh thơi đi thăm *"Suối Vàng,"* thì các sĩ phu được dịp ngồi viết hàng ngàn trang sử chửi bới thậm tệ tên bạo chúa đáng ghét này. Hành động hiên ngang của các sử gia này cũng không giúp gì cho dân Tầu thoát khỏi cảnh cùm kẹp thường xuyên xảy ra. Các vị Nho sĩ khả kính vẫn tiếp tục dạy dân Tầu phải có bổn phận *"Quân, Thần, Tử,"* tức là phải quỳ lạy hết đời bạo chúa này sang đời bạo chúa khác.

Trong thời đại mới, không tên độc tài nào lại mơ tưởng đến chuyện *"tràng sinh, bất tử,"* nhưng tên nào cũng sợ đám cận thần xông vào giết như trường hợp Brutus đã thỉa dao con chó vào bụng Jules César ngay trước hoàng cung ở La-Mã. (Ta cũng nên biết, Brutus là một cận thần được César yêu mến và tin cẩn, rồi sau đó Brutus cầm đầu đám Thượng Nghị Sĩ nổi lên giết César). Các tên độc tài thời mới không ngây thơ như César. Ta đã thấy từ Hitler tới Sì-Ta-Lin, Mao-Trạch Đông và Hồ Chí Minh, những tên khát máu này không sợ địch thủ ngoài tiền tuyến bằng sợ đám "công thần" trong cung cấm. Điều này Hàn Phi Tử đã từng nhận thấy cách đây hơn hai ngàn năm (cùng thời với Tần Thủy Hoàng). Như ông đã viết: *"Loạn sở dĩ do sáu hạng người này* [gây ra]*: (1) mẹ vua, (2) hậu phi, (3) con cháu, (4) anh em, (5) đại thần, (6) người nổi danh là hiền"*. [13]

Nhìn vào lịch sử cận đại ở Việt Nam thì ta mới thấy Hàn Phi Tử quả là một nhà chính trị học tài ba, đã nhìn thấy những nét đặc thù của một xã hội suy vi. Ông Ngô Đình Diệm lãnh đạo một chế độ suy nhược vì loạn lạc, đã bị giết một cách thê thảm, vì không biết sợ đám người thân cận của ông, vì ông không tin rằng đám người này lại có thể hại ông. Ông đã đi ngược lời khuyên răn của Hàn Phi Tử, nên đã để bốn loại người thao túng chế độ một cách dễ dàng. Đó là:

(2) Hậu phi – bà Ngô Đình Nhu (tuy bà này không đóng vai trò một quý phi, nhưng rất được ông Diệm sủng ái nên có nhiều quyền lực trong Dinh Độc Lập);

(4) Anh em – ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Thục;

(5) Đại thần – đó là các tướng được ông Diệm coi như *"con nuôi"*;

(6) Người nổi danh là hiền – đó là các chính khách có uy tín trong xã hội và các vị tu sĩ cao cấp (kể cả giám mục lẫn thượng tọa).

Cái lầm của ông Diệm là ông không biết sợ, không muốn dùng quyền độc tài sinh sát, hoặc không nắm được toàn quyền sinh sát, để bảo vệ chế độ như các lãnh tụ Cộng Sản thường làm. Nói cho cùng, lối suy nghĩ và hành động của ông Diệm cũng không khác gì những người Việt "Quốc Gia." Đại đa số chúng ta đều có khuynh hướng đặt tình cảm gia đình, bạn bè lên trên quyền lợi công cộng. Không một ai trong chúng ta có thể nhẫn tâm như các người cộng sản mang cha mẹ ra tòa án nhân dân đấu tố (Trường Chinh). Giờ đây, ta mới thấy một định lý rất đau lòng: *trong một cuộc nội chiến ngang ngửa giữa hai phe, phe nào tàn bạo và biết làm cho dân sợ, thì phe đó có nhiều hy vọng thắng hơn.* Vì thế, phe Quốc Gia thua trận cũng không có gì là ngạc nhiên. Những trái tim đầy tình người làm sao chọi lại được những trái tim đầy căm hờn!

2. "Bác" làm Các "Cháu" Sợ

Trước hết, chúng ta đều biết trong bất cứ một quốc gia nào, đại đa số công dân đều không ít thì nhiều phải tuân hành theo ý muốn người lãnh đạo, vì người lãnh đạo nắm trong tay một hay nhiều ***quyền lực*** như sau: [14]

(1) ***Quyền uy***

Người lãnh đạo nắm được ***quyền uy*** vì có uy tín nên được toàn dân mến phục (charisma) vì đã có công lập quốc (như Georges Washington ở Mỹ), hoặc cứu quốc (như Mustafa Kemal ở

Thổ Nhĩ Kỳ, Ghandi ở Ấn Độ, v.v.), hoặc dựa vào truyền thống hay luật pháp có uy tín lâu đời ("Thiên Mệnh" ở Trung Hoa dưới thời phong kiến, Hiến Pháp Mỹ, v.v.). ***Quyền uy*** của người lãnh đạo sẽ mai một dần dần nếu người lãnh đạo không biết thích ứng với thời cuộc để giải quyết những khủng hoảng trầm trọng cho đất nước. Thí dụ như các vua chúa Nhà Nguyễn, các vị này không biết tìm cách đương đầu với sức mạnh Âu Tây nên đã mất hết ***quyền uy***, và làm cho truyền thống quân chủ cũng mất hết uy tín luôn. Trái lại, vua Chu-La-Long-Quốc ở Thái-Lan, cũng như Minh-Trị-Thiên-Hoàng ở Nhật, đã biết thực hiện những chương trình cải cách cần thiết, nên không làm tổn thương đến truyền thống quân chủ, vì thế con cháu vẫn còn giữ được ngai vàng của mình cho tới ngày nay.

(2) ***Quyền Tưởng Thưởng***

Người lãnh đạo nắm được quyền tưởng thưởng vì có công tạo ra một đời sống an hòa và trù phú cho toàn dân. Ta cũng nên biết ***quyền tưởng thưởng*** không làm cho người dân sợ hãi hay mến phục bằng ***quyền uy***. Vì lý do đó, quyền này có tính cách đoản kỳ và sẽ mất hiệu lực khi người lãnh đạo không còn "khả năng nuôi dân." Lúc đó dân có thể nổi lên lật đổ người lãnh đạo, bằng lá phiếu hoặc bằng những cuộc biểu tình bạo động (như các cụ đã dạy chúng ta câu *"bạc như dân"*). Ta cũng nên biết, trong các nước tự do dân chủ, người lãnh đạo (tổng thống hoặc thủ tướng) chỉ tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế chứ không trực tiếp "nuôi dân." Trái lại, trong các chế độ toàn trị (totalitarian regime) người lãnh đạo tìm đủ mọi cách cướp quyền tự lực cánh sinh của dân để nắm ***độc quyền nuôi dân*** với mục đích làm cho dân hoàn toàn tùy thuộc vào chế độ. Cuối cùng, "nồi cơm" là *"Bác," "Bác"* là "nồi cơm," theo *"Bác"* thì ấm no, không theo *"Bác"* thì đói rách.

(3) ***Quyền Trừng Phạt***

Người lãnh đạo dùng võ lực trừng phạt những hành động "bất tuân thượng lệnh" để bắt người dân phục tòng vì sợ hãi. Trong các chế độ tự do pháp trị, ***quyền trừng phạt*** của Nhà Nước bị hạn chế bởi luật pháp, vì thế người dân bình thường chỉ cần phục tòng luật pháp chứ không cần phục tòng tất cả sở thích của người lãnh đạo. Trái lại, trong các chế độ toàn trị, ý muốn của người lãnh tụ có sức mạnh ngang hàng với *Ý Trời*. Vì thế, dưới chế độ này, luật pháp rất mơ hồ, và thay đổi hàng ngày tùy theo ý thích của người lãnh tụ. Ta cũng nên biết, *luật pháp càng mơ hồ bao nhiêu, quyền tự do trừng phạt của người lãnh tụ càng gia tăng lên bấy nhiêu.* Như Phạm Văn Đồng đã tuyên bố một câu bất hủ: *"Làm luật làm gì để nó trói tay mình vào."* Nhiều người không hiểu rõ đặc tính toàn trị của chế độ, nên thường coi luật pháp mơ hồ là một loại "luật rừng."

Sau khi trình bày vài nét đại cương về quyền lực, bây giờ tôi xin cứu xét phương thức ông Hồ Chí Minh đã dùng để cướp quyền lãnh đạo quốc gia, rồi bành trướng quyền lực đã nắm trong tay thành ***quyền toàn trị***. Bắt *"toàn dân trăm người như một"* sợ hãi và làm theo ý muốn của mình là một công tác đại quy mô, đòi hỏi những gian kế quỷ quyệt. Ông Hồ không thiếu khả năng này, nên đã thành công trên con đường tiến thủ vì ông biết đi từng giai đoạn, và dùng phương pháp *"chia để trị"* để tiêu diệt đối phương.

Khi mới bước chân về nước, ông Hồ không

PHÙNG MINH TIẾN

Mùa Xuân và Bồ Tát

Mùa Xuân giữa phố đông người
Tay mang bình bát, niệm lời vô ngôn
Tạ lòng chút nghĩa tri âm
Chân quan phố chợ, cát lầm biển dâu
Tiền thân chết buổi trăng sầu
Trăm năm gió bụi, biết đâu tương phùng.
Người đi, bóng ngả chập chùng
Núi non cản bước, đò sông ngăn bờ
Người đi, tâm lặng như tờ
Bước chân khổ hạnh phai mờ tử sinh.

có một lực lượng gì đáng kể. Trong hai năm đầu (1945-46), ông không đặt trọng tâm vào nông thôn, vì các đảng "Quốc Gia" không có lực lượng chống đối ông trong các thôn xã hẻo lánh. Hơn nữa, đại đa số nông dân lúc đó rất thờ ơ với thời cuộc, tuy bao nhiêu năm họ đã bị thực dân và phong kiến bóc lột nên phải sống trong cảnh đói khổ cùng cực. Lại còn vụ đói kinh hồn năm Ất Dậu đã làm cho thôn quê miền Bắc hoàn toàn kiệt quệ về tinh thần cũng như thể xác, nên không còn bụng dạ nào nghĩ đến ủng hộ hay chống đối bất cứ một phong trào chính trị nào. Vì thế, ông Hồ chỉ cần lôi cuốn một số trí thức, và tiểu tư sản sinh trưởng nơi thành thị bằng lá bài *"Cứu Quốc."* Ta cũng nên biết, giai cấp tiểu tư sản thành thị (nhất là đám trí thức) là thành phần biết rất nhiều về chính sách thực dân của Pháp, nên hồ hởi chui vào bẫy của ông Hồ. Trong khi đó, ông Hồ dùng phương pháp Lê-Nin-Nít (agitprop – vừa tuyên truyền vừa tiêu diệt thành phần đối lập trong các thành phố lớn) để trở thành *"Bác,"* một hình ảnh *"cha già dân tộc."* (Chương trình tuyên truyền này quả là siêu việt, vì theo tiếng ta, *"bác"* còn có ***quyền uy*** hơn *"cha"* một bậc, dù sao *"bác"* là người anh của cha. Nhờ đó, *"Bác"* đã nắm trong tay một chút ***quyền uy***, nhất là trong đám người yêu nước một cách rất ư là lãng mạn – *"chỉ biết yêu thôi, mà chẳng biết gì"* (thơ).

Sau khi tiêu diệt các đảng phái "Quốc Gia" ở cách thành phố một cách dễ dàng vì các đảng này thiếu lãnh đạo, thiếu tổ chức, thiếu đoàn kết, thiếu sự ủng hộ quần chúng, *"Bác"* trở thành lãnh tụ tối cao, và *"Đảng"* trở thành một tổ chức độc nhất nắm độc quyền "chống thực dân." Khi chiến tranh bùng nổ, thành phần tiểu tư sản thành thị tản cư về nông thôn, tiếp tục hồ hởi giúp *"Bác"* tổ chức công cuộc chiến đấu dành độc lập. Ở đây, *"Bác"* phải cạnh tranh ***quyền uy*** với giới địa chủ vì nhóm người này có uy tín truyền thống trong đám nông dân đã bao nhiêu thế kỷ nay (tuy rằng giới địa chủ và phú nông thẳng tay lợi dụng cổ tục phong kiến để bóc lột các nông dân nghèo đói). Vì không đủ hậu thuẫn, *"Bác"* đành phải dựa vào giới tiểu tư sản thành thị đã tản cư về làng để thực hiện chương trình đánh đổ lực lượng *"cường hào ác bá."* Các cô, các cậu từ tỉnh về sống nơi bùn lầy nước đọng tự nhiên cảm thấy có bổn phận phải theo *"Bác"* để giải quyết nạn *"Lý Toét"* và *"Xã Xệ"* mà nhóm Tự Lực Văn đoàn đã nhiều năm bôi nhọ trong báo ***Phong Hóa*** và ***Ngày Nay*** trước hồi 1945.

Sau khi đập tan nền móng quyền lực cổ truyền ở nông thôn, *"Bác"* dùng ***quyền tưởng thưởng*** để lôi cuốn đám bần cố nông: *"Bác"* tịch thu ruộng đất và nhà cửa của các địa chủ và phú nông, rồi mang ra chia cho đám nông dân nghèo đói. Thế lực của *"Bác"* càng ngày càng mạnh, thì chương trình cải cách ruộng đất ở nông thôn bắt đầu đi vào giai đoạn quyết liệt sau khi Mao Trạch Đông nắm quyền thống trị ở Trung Quốc (1949-1954). Một số trí thức phản đối một cách tích cực thì bị *"Bác"* thủ tiêu (cho đi "mò tôm," hoặc đầy ải vào trại Đầm Đùn). Còn một số phản đối tiêu cực thì bỏ nông thôn chạy vào "thành," theo Bảo Đại, hoặc đóng vai "chùm chăn." Thế là *"Bác"* nắm toàn quyền thống trị ở nông thôn vì lúc này nông thôn không còn một lực lượng nào chống đối *"Bác,"* trừ một số bần cố nông còn nuôi hoài bão tư sản nông nghiệp – tức là lòng ham muốn tự lực cánh sinh bằng cách tự mình canh tác mảnh đất đã được Nhà Nước cấp phát. Sau khi *"Bác"* được ngoại bang tiếp sức để toàn trị Miền Bắc, *"Bác"* bèn thẳng tay bắt giới bần cố nông vào khuôn phép trong chương trình "hợp tác xã" dập theo kiểu mẫu bên Trung Quốc (1954-1956). Thế là nông dân trở thành một thứ phu đồn điền tận lực kéo cầy nuôi dưỡng các tổ chức quyền lực của *"Bác."* Nói tóm lại, *"Bác"* dùng tuyên truyền và nhất là ***quyền trừng phạt*** để phát huy quyền lực của mình, rồi lại còn tước quyền "tự lực cánh sinh" của nông dân để tạo ra ***độc quyền nuôi dân*** cho chính mình. Đến giai đoạn này, nông thôn hoàn toàn bị đặt dưới quyền toàn trị của *"Bác"*![15]

Sau khi thành thị rơi vào tay của *"Bác"* (1954), *"Bác"* bèn thực hiện chương trình "nông thôn hóa" thành thị, dùng ***quyền trừng phạt*** và ***độc quyền nuôi dân*** để cải hóa dân thành thị thành một đám người nhẫn nhục và sợ hãi, không khác gì đám bần cố nông sống trong các hợp tác xã nông nghiệp. Chế độ *"hộ khẩu"* và *"bao cấp"* giúp *"Bác"* tổ chức nhân dân thành một đàn cừu ngoan ngoãn dưới sự dẫn dắt của *"Bác."* Đa số văn nghệ sĩ trước kia theo *"Bác"* vì yêu nước, chứ không phải vì muốn duy trì quyền toàn trị của *"Bác."* Vì thế một số chưa biết sợ *"Bác,"* nên không chịu dùng khả năng của mình để ca tụng *"Bác."* Thế là *"Bác"* thẳng

tay hành hạ một cách vô nhân đạo những người đã hy sinh cho *"Bác"* hơn 10 năm trời: người thì bị tù đầy, người thì mất hết nguồn sinh sống (vụ "Nhân Văn-Giai Phẩm"). [16] Ngoài ra, một số cận thần liều lĩnh manh nha muốn *"Bác"* về hưu để họ lên thay thế, thì bị *"Bác"* thanh lọc hoặc trừng trị một cách rất là khắc nghiệt (vụ án "Xét Lại").[17] Tuy vậy, *"Bác"* vẫn còn sợ những công thần có uy tín và có khả năng cướp quyền toàn trị của *"Bác."* *"Bác"* không dám giết những người có danh tiếng, nhưng *"Bác"* không cho họ có dịp nắm thực quyền lãnh đạo. Những tên "mã tấu răng đen" hoặc "vô danh tiểu tốt" (như Lê Duẩn) thì được *"Bác"* cất nhắc lên nắm quyền điều hành công việc Đảng và Nhà Nước. Kỹ thuật lãnh đạo của *"Bác"* là luôn luôn ngồi đằng sau giật dây, nếu thành công thì *"Bác"* có thêm uy tín (thêm ***quyền uy***), nếu thất bại thì tên thi hành ý muốn của *"Bác"* trở thành vật hy sinh để *"Bác"* chạy tội và giữ nguyên vẹn uy tín của *"Bác"* (thí dụ như Trường Chinh sau vụ cải cách ruộng đất và đấu tố đẫm máu và nước mắt).

Đến giai đoạn này thì toàn dân Miền Bắc đều sợ *"Bác."* Tuy vậy, *"Bác"* vẫn còn cảm thấy mình chưa có đủ uy tín (chưa đủ ***quyền uy***) đối với toàn dân. *"Bác"* thấy truyền thống Việt Nam trọng thơ văn, *"Bác"* bèn dở trò làm thơ với hy vọng lợi dụng uy tín của truyền thống này để nâng cao uy tín của mình. Lẽ dĩ nhiên những câu vè của *"Bác"* không ai dám phê bình hoặc ngợi khen một cách quá lộ liễu. Biết vậy, "Bác" đành giở trò đạo văn, tức là tự gắn cho mình là tác giả cuốn "***Ngục Trung Nhật Ký***" – một tập thơ rất hay do một thi sĩ người Hoa sáng tác. [18] Thế là đám văn nô có dịp ca tụng tài thơ phú của *"Bác"* mà không sợ ngượng mồm. Tuy thế, *"Bác"* vẫn còn cảm thấy là mình chưa có đủ uy tín. *"Bác"* sợ ít người biết đến công trình đi tìm đường cứu quốc của *"Bác."* *"Bác"* bèn tạo ra một cán bộ tưởng tượng, và kể chuyện đời của *"Bác"* cho người tưởng tượng này viết và in thành sách làm tài liệu cho toàn dân học tập. [19] Lẽ dĩ nhiên, tác giả tưởng tượng chỉ có thể viết những chuyện "*Phong Thần,*" nên trong cuốn tiểu sử của *"Bác,"* người ta thấy chi tiết thần thoại thì nhiều, mà sự thật thì chẳng có bao nhiêu! Những cận thần của *"Bác"* đều biết tác giả cuốn này chính là *"Bác,"* mãi sau này mới lộ ra rằng "Bác" dùng tên một "cán bộ ma" để tự mình nâng bốc uy tín của mình.

Nhờ vậy, *"Bác"* nắm được quyền toàn trị cho đến lúc chết. Sau đó, đám đàn em của *"Bác"* tiếp tục dùng quyền toàn trị mà *"Bác"* đã tạo ra để huy động toàn dân chiến đấu chống Mỹ *"cho đến giọt máu cuối cùng."* Tập đoàn lãnh đạo mới lên nắm chính quyền không có đủ uy tín, nên phải dựa vào uy tín của *"Bác"* (rêu rao là theo đúng *"di chúc của Bác"*). Đám thừa kế *"Bác"* thừa biết rằng *"Bác"* càng *"vĩ đại"* bao nhiêu, thì *"các cháu ngoan của Bác"* càng có ***quyền uy*** nhiều bấy nhiêu. Vì vậy, một chương trình tuyên truyền nhằm tăng uy tín xác chết của *"Bác"* được phát động rất ư là trọng thể, ngay từ ngày *"Bác"* nằm xuống và kéo dài cho đến tận bây giờ. Cuối cùng, *"Bác"* đã chết rồi mà toàn dân vẫn còn sợ *"Bác,"* nên không ai dám *"chối bỏ công lao của Bác."*

Khi chiếm được Miền Nam, tập đoàn lãnh đạo Hà Nội thấy dựa vào ***quyền uy*** của *"Bác"* cũng không đủ làm Miền Nam mến phục. Như dân Cần Thơ đã truyền khẩu cho nhau nghe hai câu thơ vịnh *"Bác"* như sau:

Chiều chiều ra bến Ninh Kiều,
Sau lưng tượng "Bác" đĩ nhiều hơn dân!

Trong một xã hội thiếu *"đạo đức cách mạng"* như vậy, Hà Nội chỉ còn cách dùng ***quyền trừng phạt*** và ***độc quyền nuôi dân*** để bắt dân Miền Nam vào khuôn phép XHCN. Miền Nam đã phải sống trong kinh hoàng gần một thập niên (vấn đề này tôi sẽ trình bày trong một số báo tới). Sau khi đã kéo cả Miền Bắc và Miền Nam vào khuôn phép, thế là đất nước bị "thống nhất" trong vòng sợ hãi. Tuy vậy, nhóm lãnh đạo Hà Nội vẫn còn quá ***lo sợ*** mất quyền toàn trị, nên làm những hành động điên khùng không ai hiểu nổi. Việc gì phải đàn áp tôn giáo để mang tiếng với thế giới? Phải chăng vì quá sợ mất quyền cai trị nên tưởng rằng vài vị tu sĩ hay mục sư truyền đạo có đủ khả năng lật đổ chế độ công an trị. Việc gì phải triệt hạ đài tưởng niệm các thuyền nhân xấu số? Phải chăng vì quá mê sảng nên nghĩ rằng hành động bất nhân này sẽ làm cho chế độ vẻ vang hơn, vững vàng hơn, và Việt Kiều sẽ gửi về nước nhiều tiền hơn. Ôi, truyền thống "cường hào, ác bá" này biết bao giờ mới triệt tiêu được.

profnchi@hotmail.com

Chú Thích

[1] Trong số những tài liệu chống cộng, nổi tiếng nhất là cuốn sách xuất bản ở Pháp do năm tác giả Stéphane

Courtois, Nicolas Werth, Jean-Louis Panné, Andrzej Paczkowski, Karel Bartosek và Jean-Louis Margolin, tựa đề là **Le Livre Noir du Communism, Crimes, terror, répression** *(Paris: Editions Robert Laffont, 1997) được Joanathan Murphy và Mark Kramer dịch ra tiếng Anh dưới tựa đề* **The Black Book of Communism, Crime, Terror, Repression** *(Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1999). Chỉ tiếc là phần viết về Việt Nam chỉ vỏn vẹn có hơn 10 trang (tr. 565-575), hiển nhiên là quá sơ sài. Bù vào đó, xin đọc Trần Gia Phụng,* **Án Tích Cộng Sản Việt Nam** *(Toronto: Non Nước, 2001).*

[2] Sách nói về chế độ cộng sản Việt Nam nói chung, và Hồ Chí Minh nói riêng thì quá nhiều, nên tôi không liệt kê ra ở đây. Về thư tịch, sách đáng dùng để tham khảo thư tịch là cuốn dày gần 800 trang, tựa đề là **Hồ Chí Minh, Nhận Định Tổng Hợp** *(Virgnia: Tiếng Quê Hương, 2003) trong đó tác giả Minh Võ đã có công giới thiệu và phê bình hàng chục cuốn sách do những tác giả quen biết viết về Việt Nam. Ngoài ra, trong cuốn sách dày gần 700 trang tựa đề là* **Phản Tỉnh, Phản Kháng, Thật Hay Hư** *(California: Thông Vũ, 1999), tác giả Minh Võ cũng phân tích và nhận định gần 20 cuốn sách khảo luận và ký ức của những tác giả đã từng có kinh nghiệm sống trong chế độ cộng sản Việt Nam.*

[3] "So long as the virtue of respectable women is regarded as a matter of great importance, the institution of marriage has to be supplemented by another institution which may really be regarded as a part of it – I mean the institution of prostitution... She, however, poor woman, in spite of the undoubted service she performs, in spite of the fact that she safeguards the virtues of wives and daughters, is universally despised ..." *Bertrand Russell,* **Marriage and Morals** *(New York: Liverright Publishing Corporation, 1929), tr. 145-146*

[4] Rokeach, Milton, Beliefs, Attitudes, and Values; a Theory of Organization and Change**,** *(San Francisco: Jossey-Bass., 1972).*

[5] Có rất nhiều sách về lý thuyết phân tâm học đã được xuất bản từ đầu Thế Kỷ 20 đến giờ. Để có một khái niệm căn bản về vấn đề này, xin đọc C. S. Hall, **A Primer of Freudian Psychology** *(Cleveland: World Pubplishing Co., 1954). Muốn biết thêm, xin đọc những sách sau đây của Freud:* **A General Introduction to Psychoanalysis** *(Garden City, N. Y., Garden City Publishing Co., 1943),* **New Introductory Lectures of Psychoanalysis** *(New York: Norton, 1933), và* **An Outline of Psychology** *(New York: Norton, 1949).*

[6] Dương Thu Hương, **Những Thiên Đường Mù** *(Hà-Nội: Nhà Xuất Bản Phụ Nữ, 1988).*

[7] Trần Trọng Kim, **Nho Giáo** *(Sài-gòn, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1971), tr. 39*

[8] Phan Khoang, **Trung Dung** *(Sài-gòn, Nhà Sách Mai Lĩnh, 1959), tr. 18, 844-885. Những chữ trong ngoặc [...] do tôi thêm vào cho rõ nghĩa.*

[9] Những người vỗ ngực tự hào mình là người "Mác-xít" thực ra là những người trắng trợn lợi dụng học thuyết Karl Max để thực hiện tham vọng cá nhân của mình. Ngay Karl Max cũng đã thú nhận rằng: "Tôi, Karx Max, không phải là người Marxiste." *Tôi xin cám ơn bạn Nguyễn Hoài Vân đã tìm ra nguồn gốc câu nói bất hủ này khi viết một bài khảo cứu rất xuất sắc về* "Những Ngộ Nhận Về Học Thuyết Marx", **Thế Kỷ 21**, *số 194, June 2005, tr. 80-86.*

[10] Xin đọc Vũ Thư Hiên, **Đêm giữa Ban Ngày** *(California: Văn Nghệ, 1997). Nhưng tác giả không được sống gần* "Bác" *hàng giờ hàng phút, nên chỉ biết lối xử tàn ác của* "Bác" *đối với các "công thần," nhưng không nhìn thấy nỗi sợ hãi âm ỉ trong lòng* "Bác." *Trái lại, ông Li Zhisui là một vị bác sĩ ngày đêm phải lo sóc sức khoẻ cho Mao Trạch Đông, nên có dịp nhận thấy tên độc tài này bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi triền miên, nên nghi ngờ hết tất cả mọi người, trừ một số nữ cán bộ xinh đẹp được lựa chọn vào "hầu hạ" thú nhục dục của "Mao Chủ Tịch." Xin đọc cuốn* **The Private Life of Chairman Mao, The Memoirs of Mao's Personal Physician** *(New York, Random House,1994).*

[11] Clare Hollingworth, **Mao and the Men Against Him** *, (London, Johnathan Cape, 1985), Chương 12,* "Final Purge of Liu", *pp 196-213; Chương 13* "The Fall of Lin Biao", *pp. 214-255, Chương 19,* "Notes on the Ten Men Who Rose Against Chairman Mao" *pp. 345-357.*

[12] Nguyễn Chí Thiệp, **Trại Kiên Giam**

[13] Nguyễn Hiến Lê, **Hàn Phi Tử** *: (California: Văn Hóa), tr. 439.*

[14] Amitai Etzioni coi "tuân hành" (compliance) là nền tảng của mọi tổ chức. Muốn mọi người trong một tổ chức nào đó phải tuân hành, thành phần lãnh đạo phải áp dụng "quyền lực" (power). Ông phân biệt ba loại quyền lực: "coercive power," "remunerative power," *và* "normative power." *Xin đọc cuốn* A Comparative Analysis of Complex Organizations; On power, Involvement, and Their Correlates**,** *(New York: Free Press of Glenco, 1971), tr. 5-6.*

[15] Trần Gia Phụng, **Án Tích Cộng Sản Việt Nam**, op. cit. *, 109-148*

[16] Hoàng Văn Chí, **Trăm Hoa Đua Nở Trên Miền Bắc** *(Sài-gòn: Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, 1959); Trần Gia Phụng,* **Án Tích Cộng Sản Việt Nam**, op. cit. *tr. 149-216.*

[17] Trần Gia Phụng, **Án Tích Cộng Sản Việt Nam**, op. cit. *217-270.*

[18] Học giả Lê Hữu Mục (trước đây là giáo sư tiếng Việt và Chữ Nôm kiêm trưởng ban Việt Hán tại Đại Học Văn Khoa) đã dựa vào sử liệu để phanh phui hành động gian trá của Hồ Chí Minh trong cuốn **Hồ Chí Minh Không Phải Là Tác Giả "Ngục Trung Nhật Ký"** *(Toronto: Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, 1990).*

[19] Trần Dân Tiên hết mình ca tụng lòng hy sinh và tài siêu việt của "Bác" trong cuốn **Những mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động của Hồ Chủ Tịch** *. Sau này mọi người mới được biết cán bộ "ma" Trần Dân Tiên chính lại là "Bác." Muốn biết "văn chương... loạng quạng" và tài khoác lác không mạch lạc của "Bác," xin đọc cuốn sách phê bình của Kiều Phong, tựa đề là* **Chân Dung "Bác" Hồ** *(San Diego, Calif.: 1989).*

Cõi Tạm

HÀ ĐẠO HÀM

Ánh nắng xuyên qua khe cửa tạo nên một vệt sáng, vô tình rọi ngay vào mắt làm ông Bách thức giấc. Phản xạ tự nhiên ông lấy tay dụi mắt rồi liếc nhìn đồng hồ; đã hơn chín giờ. Uể oải trở mình nằm ngửa, ông lấy hai tay vòng sau gối để nâng đầu lên cao hơn rồi đưa mắt nhìn quanh căn phòng trống trải quen thuộc, nơi chốn nương thân suốt mười mấy năm qua, nhưng vì quá bôn ba với cuộc sống ông chẳng mấy khi để ý đến. Trần nhà màu trắng nay đã loang lỗ những vết vàng nâu, chiếc quạt trần bám đầy bụi đen, tường vôi màu xanh nhạt cũng đã ngã màu xám. Phòng cũng khá rộng, phía gần cửa sổ là bàn làm việc với chiếc ghế dựa bằng gỗ cẩm lai, kế bên là tủ sách lớn, chung quanh phòng không có tranh ảnh gì khác ngoài tấm lịch in hình phong cảnh, vách tường đối diện cửa sổ là chiếc giường đôi trải chiếu được kê sát góc phòng và một tủ áo quần kê sát vách phía chân giường. Nhưng tất cả những đồ vật đó là sở hữu của chủ nhà, gia tài của ông chỉ mấy bộ quần áo cùng vô số sách báo chứa đầy các ngăn tủ.

Đêm qua là giao thừa, trong khi mọi người nghỉ ngơi thức đón giao thừa thì chỉ riêng ông Bách ngồi dịch các bài báo được tòa soạn giao cho từ trước Tết. Khi xong việc dã ba giờ sáng, lên giường đi ngủ ông mới nhận ra rằng giao thừa đã qua, một mùa Xuân mới vừa trở về. Cố gắng hoàn tất công việc vì ngày mồng một, ngày duy nhất trong năm ông cho phép mình ngủ dậy trễ và không phải tập thể dục buổi sáng. Nguyên nhân vì ông không biết đi đâu vào sáng mồng một, gia đình không có, họ hàng cũng không, bạn bè thì ông lại ngại mang tiếng xông đất. Nếu không dậy trễ thì cũng chỉ loanh quanh trong phòng, ăn trưa đã có bánh chưng bánh tét bạn bè cho từ trong Tết. Thường như mọi năm, buổi chiều ông mới xuất hành và nơi đến là nhà Đạt, một người bạn thân thiết từ thuở còn học trung học.

Nằm một lúc thấy không thể ngủ lại được, ông Bách ngồi dậy, nghe thân thể mỏi mệt từng khớp xương. «Thất thập cổ lai hy,» ông nghĩ thầm như vậy rồi liên tưởng đến khoảng thời gian bảy mươi năm trôi qua nhanh quá. Bước ra phía cửa sổ ông mở rộng hai cánh, ánh sáng tràn ngập vào phòng. Ánh sáng ban mai ngày đầu năm rực rỡ, không gian khá yên tĩnh, khí trời mát mẻ làm tinh thần ông cũng phấn chấn. Hôm nay ngày mồng một, con đường trước nhà cũng thưa xe cộ và con hẻm cạnh nhà cũng vắng tiếng trẻ con nô đùa, có lẽ cha mẹ chúng bắt ở nhà để tránh phải vô ý bước chân vào nhà người khác. Ông nhìn xuống căn nhà đối diện, thấy hai đứa trẻ con khoảng bốn năm tuổi không dám bước ra khỏi nhà, đành phải nói chuyện bằng cách đứng sát vào vách tường giữa hai cổng nhà rồi thò tay ra ngoài, làm dấu hay khoe nhau đồ chơi gì đó. Cảnh như trong nhà tù, khi hai tù nhân cùng ở sát vách muốn thông tin với nhau. Ông mỉm cười khi nhìn trẻ thơ hồn nhiên và thật dễ thương, nhưng nét vui tươi chợt tắt đi, một thoáng buồn xa xăm hiện trên gương mặt đang già nua theo với thời gian .

*

Một buổi sáng sớm của một ngày trong năm đầu thập niên bốn mươi, tại một làng quê xa xôi miền Trung, có đứa bé chưa tròn năm tuổi đang còn say giấc ngủ thì bị đánh thức dậy, được cả nhà gấp gáp lo các việc cần thiết cho buổi sáng, rồi sau đó cậu cùng người anh cả khoảng mười bảy tuổi vội vã rời gia đình với một ít hành trang. Buổi chia tay cũng có nước mắt cha mẹ và các anh chị trong gia đình, nhưng lúc ấy cậu còn bé quá nên chưa hiểu được ý nghĩa của những giọt nước mắt chia ly, và cũng chẳng có ai giải thích rõ ràng nên cậu chỉ nghĩ rằng đi theo người anh để đến một địa điểm nào đó, thăm viếng ai hay vì chuyện riêng của gia đình. Rời khỏi nhà là cả hai anh em miệt mài, ngày đi đêm nghỉ, khi nào mỏi chân cậu lại được cõng và có đôi lúc ngủ luôn trên lưng

anh. Cậu bé không biết đi được bao nhiêu ngày và đã qua những vùng nào, nhưng vào một buổi xế trưa ngày nọ, hai anh em gặp vài người mặc áo đen có mang súng chận lại . Người anh bảo nhỏ:

- Em chạy trước đi , tuốt đàng xa kia rồi đợi anh ở đấy, lát nữa anh sẽ đến .

Như có linh tính báo chuyện không hay, cậu chạy thật nhanh cho đến khi không còn sức nữa mới trốn vào trong một bụi rậm ven đường , lo lắng ngồi đợi anh đến. Thời gian trôi qua không biết bao lâu nhưng cậu bé thấy dài như vô tận, muốn trở lại tìm anh nhưng sợ không dám đi. Bỗng nghe loạt súng nổ vang cả một vùng làm cậu khiếp vía và bật khóc nho nhỏ. Mặt trời đã khuất bóng, bóng đêm lan dần làm nỗi sợ tăng thêm. Trong lúc cậu chưa biết phải làm gì thì có một người đàn bà quang gánh đi ngang, nghe tiếng khóc bà dừng lại, vạch bụi cây tìm thấy cậu. Bà có lời nói và hành động dịu dàng khiến cậu tin tưởng để sau đó theo bà về nhà. Ở đây cậu được cho ăn uống và ngủ lại. Vì mệt và đói nên cậu đã ngủ thẳng giấc đến sáng. Lúc này cậu mới khóc lóc đòi về với gia đình.

Ở với người cưu mang được vài ngày, đã bớt khóc và quen thuộc những người trong gia đình thì một buổi sáng khi vừa thức dậy, cậu được chuẩn bị chu đáo và người đàn bà tốt bụng nắm tay dắt đi ra khỏi nhà. Đường đi phải dài lắm vì mất cả ngày đường, có lúc phải đi nhờ xe bò, nhưng cuối cùng bà cũng đưa cậu đến nơi. Đó là một căn nhà có cổng lớn, phải đứng đợi một lúc mới có người ra mở cửa. Cậu được đưa vào gặp một người đàn bà khác mặc áo chùng đen, đội trên đầu chiếc mũ rộng vành màu trắng. Hai người đàn bà nói chuyện nhỏ với nhau một lúc, người ân nhân quay ra vuốt đầu cậu bảo:

- Con ở lại đây nghe, đừng có khóc và cố gắng học hành cho giỏi nghe. Những người ở đây đều thương con ...

Nói rồi bà đứng dậy đi ra, từ đó về sau cậu không còn gặp lại bà nữa dù hình bóng của bà luôn in đậm trong ký ức. Người đàn bà đội mũ rộng vành lên tiếng nhỏ nhẹ bảo cậu ở lại đây để được nuôi nấng và học tập và sau đó có người hướng dẫn cậu nơi ăn chốn ngủ. Khi lớn khôn hơn, cậu biết đây là cô nhi viện ở Huế do các nữ tu trông nom, chỗ dành cho những đứa trẻ mồ côi hay bị thất lạc gia đình. Do không có một giấy tờ gì để xác định được gốc gác và quê quán của cậu bé ở đâu, nên các Sơ không thể liên lạc để trả cậu về với gia đình. May mắn duy nhất là cậu còn nhớ được tên tuổi mình vì lúc trước các anh chị hay theo hỏi em tên gì mấy tuổi. Phần sinh quán, theo cách phát âm và theo thổ ngữ, các Sơ hỏi Nghệ An hay Hà Tĩnh, cậu đã chọn Hà Tĩnh vì có nghe nói đến tên này. Lý lịch của cậu được ghi vào sổ bạ, nhưng là một lý lịch không rõ ràng, một dấu hỏi lớn mà suốt đời cậu tha thiết muốn tìm ra giải đáp.

Khi còn nhỏ dại chỉ những sự việc tạo nên cái sốc lớn mới được ghi nhận lâu dài vào trong ký ức. Đối với cậu bé cũng thế, cậu không thể quên những ngày đầu đã khóc nhiều vì nhớ cha mẹ và anh chị. Nhưng rồi ngày tháng qua đi, cậu quen dần với đời sống trong Cô nhi viện. Những bữa ăn tập thể, giờ chơi giấc ngủ theo thời khóa biểu, những ngày được cùng các bạn nối đuôi nhau đi ra phố, ngơ ngác dưới cái nhìn thương cảm của mọi người... Những kỷ niệm ấy có phai nhạt theo thời gian thì ngược lại, những hình ảnh không bao giờ quên được đó là mấy đứa bạn nhỏ cùng hoàn cảnh, lại chung sống với nhau một thời gian dài, cùng tuổi thơ ngịch ngợm phá phách bị các Sơ la mắng hay nghiêm phạt. Sau này khi đã trưởng thành, bước chân vào đời rồi chịu những dập vùi của cuộc sống, đôi lúc cậu mong được nhỏ lại như ngày nào, dù chốn cũ không phải là thiên đường của tuổi nhỏ .

Thời gian trôi qua, cậu bé hiểu ra rằng phải chấp nhận số phận và cố gắng vươn lên. Cậu học giỏi, xong tiểu học thì lên trung học dễ dàng nên các Sơ đã giới thiệu với một linh mục người Pháp, và ông ta đã nhận nuôi cậu ăn học. Ở với ông cậu còn được học thêm tiếng Pháp, điều này đã ảnh hưởng rất nhiều cho tương lai của cậu sau này. Trưởng thành trong hoàn cảnh nửa đạo nửa đời, ban ngày đi học, vui với bạn bè cùng trang lứa, ban đêm về sống trong bốn bức tường tu viện, nơi đây đã cho cậu cuộc sống bình yên để ăn học và hình thành những ước vọng tương lai. Cậu hy vọng sau khi học xong trung học sẽ tìm về quê cũ, kiếm lại những người thân yêu mà định mệnh đã làm chia xa. Người anh cùng chung chuyến đi định mệnh chắc đã hóa kiếp bởi loạt đạn oan nghiệt năm nào. Tự đặt giả thuyết gia đình cậu có tham gia vào một tổ chức chính trị nào đó nên phải phân

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

Trốn

em như con ốc chui vào vỏ
lặn xuống vực sâu để trốn ta
nước biếc không làm quên lối ngõ
vực sâu vẫn đủ một quê nhà

em từ bỏ phố về hoang đảo
hương phấn ngày xưa vẫn quẩn quanh
ta vẫn nghe mềm trong nếp áo
bàn tay em mượt nụ xuân xanh

em đi dẫu mắt không nhìn lại
đôi gót chân son bước vụng về
vấp xuống đời nhau bao dấu ái
nụ hôn còn thấm những đam mê

em đâu giấu nỗi lòng quay quắt
khi bóng thời gian che khuất nhau
nhìn nắng trông mưa mà héo hắt
giật mình ôm gối giữa canh thâu

dẫu trốn nhưng tình không lắng nổi
nước sâu con ốc ngợp rêu buồn
đảo hoang đau đớn sầu thêm rối
mình vẫn còn nhau mặc gió sương.

tán, anh cả và cậu là những người ra đi đầu tiên, người anh có thể đã bị bắt, nhưng vì xót xa cho đứa em nhỏ dại nên tìm cách vượt thoát và bị bắn chết, người đàn bà quang gánh đi qua đã chứng kiến thảm kịch nên giúp cậu tận tình. Cũng có thể anh cậu chưa chết nhưng chỉ cần bị giam vài ngày cũng đủ đưa hai anh em đi mỗi người một phương trời. Bàn tay định mệnh đôi khi cũng nghiệt ngã, cậu ở cách cha mẹ và anh chị chỉ khoảng bốn trăm cây số mà muôn đời không thể gặp lại nhau. Vận mệnh của cậu thăng trầm theo vận mệnh nước non, ngày cậu học xong trung học thì đất nước đã chia hai, quê hương cũ nằm bên kia bờ sông Bến Hải.

Lên đại học, cậu bé ngày nào nay đã trở thành một thanh niên yêu đời, lạc quan nhìn về tương lai đang rộng mở. Chàng rất thích học Luật, nhưng đành vào Sư phạm để có học bổng bởi phải bắt đầu tự lập, vì vị linh mục bảo trợ cho chàng nay đã cao tuổi và đã trở về Pháp để sống những năm cuối đời. Ông là người có sự gắn bó, chia sẻ cuộc sống với chàng trong gần mười năm. Từ tuổi thiếu niên bước qua thanh niên, ông ân cần giúp đỡ, chỉ giáo chàng như một người cha, do vậy khi nghe tin ông qua đời vài năm sau đó, chàng rất buồn nhưng không thể qua Pháp để đưa tiễn vị ân nhân đến nơi an nghỉ cuối cùng. Vừa học vừa đi dạy kèm tư gia, mấy năm học cũng qua nhanh. Khi ra trường chàng được phân bổ về một trường trung học xứ Quảng. Mặc dù đời sống của một nhà giáo vào thời điểm đó cũng khá sung túc, được xã hội kính trọng vì tập quán *«Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy»* hãy còn sâu đậm, nhưng chàng lại không muốn trói chân ở xứ Quảng. Với bản tánh cầu tiến và tham vọng, chàng muốn về thành phố lớn để còn có thể học hỏi tiến thân, thực hiện ước mơ được như Nguyễn Công Trứ *«...Đã manh tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông...»* Sau bốn năm dạy học, người thầy trẻ nhận lệnh gọi nhập ngũ. Khi tốt nghiệp trường Sĩ quan trừ bị thì được biệt phái về Bộ giáo dục, nhân dịp này chàng xin ở lại Saigon với ý định vừa đi dạy vừa ghi danh học Luật, một môn học mà chàng yêu thích từ thuở thiếu thời. Ở Saigon cũng có sẵn một số bạn bè, Đạt là một trong số ấy. Gia đình Đạt đã chuyển vào Saigon trước

đó mấy năm. Bây giờ lại có dịp thường xuyên lui tới nhà Đạt như thuở còn học chung với nhau.

Mải mê với việc lập sự nghiệp, lại nghĩ trai ba mươi cũng hãy còn xuân, cho nên dù chung quanh có những bóng hồng thấp thoáng chàng cũng chẳng màng, sợ làm cản trở giấc mộng "công hầu khanh tướng." Sau mấy năm học tập, có được trong tay bằng cử nhân Luật, chàng xin ngay vào một văn phòng Luật sư để thực tập. Ngày khoác áo luật sư chẳng còn bao xa nữa, và rồi đây từ một luật sư có thể dễ dàng bước vào vài lãnh vực khác, con đường tương lai trước mắt không còn gì cản trở chàng được nữa. Nhưng rồi giấc mộng sắp thành, ước mơ tưởng như đã nắm bắt trong tay thì cuộc đời lại đưa qua một khúc rẽ khác, nhiều chông gai vất vả mà chàng chưa bao giờ hình dung được. Đó là ngày 30-4-75 .

Chưa kịp mặc áo luật sư thì chàng phải đi học tập cải tạo vì là sĩ quan biệt phái. Trước khi đi trình diện, chàng cẩn thận mang tất cả tiền bạc và những vật có giá trị gởi cho Đạt. Người chủ nhà cho thuê căn gác cũng hứa trông nom đồ đạc cho đến lúc chàng trở về. Tất cả cùng tin tưởng chàng sẽ về sau một tháng, nhưng rồi không được như vậy mà phải gần ba năm sau. Bước chân người về như Từ Thức trở lại trần gian, cảnh xưa người cũ đã đổi thay, định mệnh đen tối còn bao quanh cuộc đời chàng. Người chủ nhà đã cùng gia đình vượt biên, nhà nay do nhà nước quản lý, đã trao quyền sử dụng cho gia đình cán bộ. Nhưng địa chỉ khai trong giấy ra trại lại ở đây, làm sao có thể xin tạm trú để còn chịu sự quản chế của chính quyền địa phương. Chàng phải tìm đến nhà Đạt xin tá túc hầu có một địa chỉ ổn định để hàng tuần ra trình diện công an.

Người thanh niên nhiều hoài bão, nhiều tham vọng nay đã là một người đàn ông trung niên. Ước mơ giờ đây tan tành nhưng vốn là người lạc quan, ông vẫn tin tưởng ở tương lai cho dù cuộc đời chưa hết gian nan đang chờ đón. Tất cả những vật kỷ niệm hay sách vở của ông không còn gì. Trường cũ không nhận lại người thầy giáo vừa ở trại học tập ra lại chưa có quyền công dân. Để giúp khỏi phải đi kinh tế mới, một người bạn có Tổ hợp làm bánh mì nhận ông vào làm với nhiệm vụ lo sổ sách thu chi. Ngày làm việc, buổi tối kê ghế bố ngủ ngay nơi làm việc. Tổ hợp bánh mì chỉ sống được khoảng một năm thì đóng cửa vì không tìm được nguồn cung cấp bột mì. Ông bị mất việc và mất luôn nơi tá túc. Vì mưu sinh đành phải xoay ra buôn bán chợ trời, ông tìm đến các nhà bạn bè hay người quen biết xem có vật gì muốn bán, ghi nhận rồi đạp xe đi hỏi giá cả, sống qua ngày bằng số tiền hoa hồng tùy thuộc vào hảo tâm của người bán. Những khi chiều xuống là lòng ông chùng lại, thân đơn chiếc không gia đình nhà cửa nên chẳng biết về đâu. Gia đình Đạt rất quí mến ông nhưng lại đông người, ông thường xuyên ghé lại để tránh sự chú ý của công an chứ không muốn ở lại. Lang thang đêm nay ngủ nhờ nhà này, đêm mai lại sang nhà khác nhưng cũng không yên giấc được vì sợ công an khu vực để ý. Với tình trạng như vậy chỉ còn mong vượt biên mới thoát ra khỏi cảnh cơ hàn khổ cực. Đạt thông cảm hoàn cảnh của bạn, biết tài sản của ông không nhiều nên tìm mọi cách giúp đỡ. Nhân khi chuẩn bị cho các con của mình vượt biên, Đạt đã thuyết phục chủ tàu để ông trả trước một ít, khi nào định cư sẽ làm việc trả nốt phần còn lại. Chủ tàu chấp thuận đã cho ông hy vọng ra đi tìm cuộc sống mới. Vì còn trong vòng quản chế nên cũng phải chuẩn bị sẵn một số tiền, phòng khi đi không thoát và nếu bị bắt Đạt có thể xoay sở, tránh phải vào trại học tập cải tạo một lần nữa. Tính toán chu đáo nhưng tiếc rằng định mệnh đã không mỉm cười với ông, chuyến đi thất bại và tất cả mọi người đều bị bắt. Đã chuẩn bị từ trước nên Đạt nhanh chóng chạy tiền đúng nơi tạm giam để ông về ngay kịp ngày trình diện công an phường khóm. Ông trở lại kiếp sống vô gia cư, không nghề nghiệp như trước. Hy vọng cuối cùng tiêu tan!

Trong lúc còn lo chưa ổn định được nơi ăn chốn ở thì ông gặp lại Hóa, một người bạn cùng học Sư phạm. Sau khi biết hoàn cảnh của ông, Hóa cho biết căn nhà hương hỏa của giòng họ đang bỏ trống, vì trước đây có cha mẹ Hóa ở, nay hai ông bà đã qui tiên, con cái ai cũng có cơ ngơi riêng nên đề nghị ông vào ở cho có bóng người ra vào. Được nơi ở tươm tất, ông hân hoan nhận lời. Trong nhà đã có sẵn đồ đạc, ông dọn vào ở với gia tài chỉ ba bộ quần áo cũ. Nhưng gian nan vẫn chưa hết, khi ra công an phường để xin tạm trú thì gặp trở ngại. Chủ nhà đã chết, không còn hộ khẩu, không sổ tạm trú, nghề nghiệp của ông lại không rõ ràng nên bị công an từ chối. Loay hoay xin xỏ mãi ông

mới được tạm trú ba tháng. Trong hoàn cảnh khó khăn dường như tuyệt vọng, trời xui đất khiến ông gặp lại một người học trò cũ ở xứ Quảng năm nào, đứa học trò ngỗ ngáo từng bị ông đuổi ra khỏi lớp nay lại là đại tá ở Sở công an thành phố. Và với chữ ký giới thiệu của một đại tá, ông đã sống yên ổn từ đó cho đến nay, chẳng những không bị công an làm khó dễ mà còn được chào hỏi từ tế mỗi khi gặp mặt.

Vốn không quen với sinh hoạt của chợ trời , ông cũng chỉ làm một thời gian rồi kiếm công việc khác trong Tổ hợp hóa chất. Tổ hợp rồi cũng đóng cửa sau vài tháng hoạt động. Ông sống lây lất cho đến lúc nhà cầm quyền đưa ra chính sách đổi mới. Xã hội cởi mở hơn, bạn bè bên ngành Luật mở Văn phòng Dịch vụ pháp lý, ông được mời tham gia và công việc chính là dịch các tài liệu, văn thư, khiếu nại và nhất là những giấy tờ liên quan đến xuất nhập cảnh. Vì công việc nhiều ông phải làm ngày đêm, thu nhập theo đó cũng tăng. Đây là thời gian tương đối yên ổn của ông, nhưng rồi vấn đề xuất cảnh ngày một thưa, công việc ngày một ít ông lại phải tìm kiếm công việc mới để nuôi thân.

Với khả năng sinh ngữ vững vàng, ông tìm các bài báo ngoại quốc nói về khoa học, nhân văn... , dĩ nhiên là những vấn đề không liên quan gì đến chính trị, dịch ra tiếng Việt rồi gởi cho các tòa báo, nếu được đăng sẽ có tiền nhuận bút. Nguồn sách báo trong nước hạn chế, ông lại nhờ bạn bè ở nước ngoài sưu tầm, gom góp gởi qua đường bưu chính. Nhưng rồi cũng không được dài lâu vì khi xuất hiện internet, các tòa soạn có thể truy tìm tin tức và tài liệu mau chóng thì những bài gởi qua bưu điện mất thời gian tính, không còn thích hợp nữa. Giờ đây các tòa soạn chỉ đưa ông dịch những tài liệu nào vừa ý lấy từ trên internet. Nhờ có sự liên lạc lâu dài với các tòa soạn nên tương đối ông cũng có việc làm đều, dịch bài nào được trả tiền ngay bài ấy, dù thu nhập không nhiều nhưng cũng tạm đủ nuôi thân.

Sống trong căn nhà hương hỏa thấm thoát cũng hơn mười hai năm. Một hôm ông được đón nhận thêm người mới, đó là đứa cháu đích tôn của Hóa, sau khi lập gia đình, cả hai vợ chồng dọn về đây. Nhà rộng, trước đây chỉ một mình ông, nay thêm hai người cũng không ở hết bốn phòng ngủ, tuy nhiên cũng làm căn nhà bớt quạnh quẽ. Hơn hai năm sau vợ chồng son có thêm cháu nhỏ, tiếng khóc trẻ thơ làm căn nhà có thêm sinh khí. Đôi khi hai vợ chồng bận rộn lại nhờ ông trông chừng cháu bé, những lúc như thế ông bùi ngùi suy nghĩ, đúng ra ở tuổi của ông cũng phải có dâu rể cháu chắt như thế này, một mái gia đình ấm cúng để đi về, vậy mà ông không có gì cả. Tất cả không là của ông, chỉ là vay mượn mà thôi!

Ước mơ trở về quê cũ tìm lại những người thân cũng không thực hiện được, cho dù đất nước nay đã không còn chia cắt. Lý do thứ nhất vì cho đến lúc này ông vẫn chưa có hộ khẩu, chưa có chứng minh nhân dân. Cái vòng lẩn quẩn đã trói ông lại, đã không có nhà cửa lại không có chủ nhà chấp thuận cho tạm trú thì không thể có hộ khẩu, không hộ khẩu thì không thể làm chứng minh nhân dân, không chứng minh nhân dân mỗi lần đi xa lại phép tắc nhiêu khê. Lý do thứ hai là trong lúc này ông kiếm cơm ngày ba bữa đã khó, làm sao tính toán những chuyện khác được. Muốn tìm về nguyên quán trong khi chưa quyết định được nơi nào chính xác thì phải có thời gian và tiền bạc, cả hai thứ đều nằm ngoài tầm tay của ông. Đăng báo tìm người thân thì ngần ngại vì không muốn ai trông thấy ông nghèo xơ xác như thế này. Gần mười tám năm sống ở đây, hàng xóm, chính quyền đều biết mặt, biết tư cách của ông, nhưng ông vẫn là người sống bên lề cuộc đời, chỉ là công dân bậc hai trong cái xã hội đầy dẫy nhiễu nhương và khó khăn này.

*

Cậu bé bất hạnh năm xưa, người thanh niên đầy nhiệt huyết ngày nào, người đàn ông trung niên với bao nhiêu dập vùi của thời cuộc nay là lão Bách, ông lão bảy mươi cô độc trong một buổi sáng đầu năm đang «*... lặng nhìn thiên hạ đón Xuân sang...*» đang lặng nghe nỗi cô đơn buồn khổ đi qua cuộc đời mình. Ông vốn là người nhiều nghị lực và cầu tiến, tâm hồn ông rộng lượng bao dung, bằng kiến thức sâu rộng và cách nói chuyện dí dỏm duyên dáng, ông luôn mang lại niềm vui tươi, tạo tinh thần lạc quan cho mọi người. Những giây phút ngậm ngùi qua đi, lòng ông bình thản trở lại đưa mắt nhìn quang cảnh bên ngoài cửa sổ, nắng mùa Xuân lan tràn trên cành cây ngọn cỏ, dịu dàng như thấm đượm vào lòng. Mười mấy năm trước khi ông mới đến đây, chung quanh còn là nhà trệt, dân cư thưa thớt, nay nhà cửa được xây cất thêm và dân số tăng lên nên ồn ào hơn

trước. Lúc mới dọn vào nhà, các phòng đều trống trải, ông đã chọn căn phòng hiện đang ở vì cửa sổ mở ra có thể nhìn thẳng tầm mắt về phía xa là trung tâm thành phố, ban đêm ánh đèn sáng lấp lánh trông đẹp mắt, nay đã bị che lấp một phần bởi một vài căn nhà lầu vừa mới xây cất. Tưởng tượng một này nào đó, khi mở cửa sổ sẽ gặp ngay cửa sổ căn nhà đối diện thì buồn lắm. Ông thở dài quay vào, cuộc đời là vô thường, vạn vật đều biến đổi thì khoảng không gian kia không thể là của ông mãi mãi. Lần theo cầu thang xuống nhà, căn nhà im vắng, gia đình người cháu chắc đã về bên nội hay ngoại rồi. Lẳng lặng ông vào bếp, đun nước sôi pha cà phê, dọn cho mình bữa ăn với bánh chưng, dưa món củ kiệu, rồi thong thả ngồi ăn từng miếng một. Bánh chưng ngày Tết đậm đà nhưng ông vẫn cảm thấy thiếu vắng một điều gì. Sáu mươi lăm năm rồi, từ ngày phải rời khỏi gia đình, đã quen với cảnh cô đơn nhưng Tết năm nào không ít thì nhiều ông cũng cảm thấy buồn, nỗi buồn hình như tăng dần theo năm tháng chứ không vơi đi như một thói quen. Khi nhà nhà đều khép cửa và đang sum vầy với nhau, ông mới cảm thấy thấm thía sự cô đơn trống vắng. Mỗi người đều cần có một gia đình để nương tựa, ông hiểu được tại sao người ta ca ngợi việc tam đại, tứ đại đồng đường. Cây già cỗi thì phải có cây khác xanh tươi non trẻ mới giữ rừng được mãi màu xanh, riêng ông khác với mọi người vì đã không theo quy luật đó. Cũng chẳng còn bao lâu nữa, khi mắt đã mờ tay đã run và trí óc đã lẫn, cuộc đời sẽ ra sao khi xã hội chẳng có phúc lợi cho người già, không có nhà dưỡng lão. Ông Bách không có một niềm tin tôn giáo sâu đậm để giao phó cuộc đời cho định mệnh, nhưng đời sống của ông là sở hữu riêng mình, ông có thể quyết định lấy cuộc đời của mình.

Ăn uống xong ông Bách trở về phòng, đợi đến chiều sẽ qua thăm gia đình Đạt, và cũng để thăm Thảo, em Đạt. Khi ông vào Saigon thì Thảo đã là thiếu nữ, không còn là con bé con như những ngày xa xưa khi ông đến chơi nhà Đạt. Thảo nhỏ hơn ông mười tuổi, ngưỡng mộ ông là người khí khái, sống có lý tưởng, dù không nói ra nhưng ông hiểu lòng nàng. Ông cũng đã dự định khi nào công danh toại ý sẽ xin hỏi cưới Thảo. Nào ngờ ông phải đi tù cải tạo, đến khi trở về lại là kẻ không nhà cửa, chẳng nghề nghiệp. Thân còn chưa nuôi nổi làm sao dám nghĩ đến chuyện thê nhi, ông có tinh thần trách nhiệm cao, lại không muốn sống bám vào người khác nên đành để chuyện tình cảm qua một bên.

Cầm một vài tờ báo Xuân định đọc cho qua thời gian, văn chương thời xã hội chủ nghĩa nhạt nhẽo, lại bỏ xuống, chẳng biết làm gì ông lên giường nằm gối đầu tay nhìn lên trần nhà. Thấy trần nhà loang lỗ cũ kỹ, ông nảy sinh ý nghĩ qua Tết sẽ mua vôi về quét lại căn phòng. Dù gì nó cũng là nơi nương náu của ông suốt cả gần hai mươi năm qua và còn nhiều năm tới nữa. Ông tự trách mình vô tâm và hững hờ quá. Hững hờ! Ông tự hỏi có phải mình là người bàng quan với đời sống chung quanh chăng! Không, ông thấy mình cũng tha thiết lắm, lý tưởng phục vụ con người luôn thôi thúc trong lòng, ông yêu đời và cũng mong ước được sống như mọi người. Cho dù định mệnh khắc khe, ông vẫn cám ơn trời đất đã dung dưỡng trong bao nhiêu năm nay, để được quan sát những thăng trầm vui buồn của đời sống này. Ông lại nghĩ đến thân phận tầm thường và kém cỏi của mình. Có lẽ như vậy! Bảy mươi tuổi, nhìn lại cuộc đời mình chẳng ra gì, không làm được điều gì nên nổi, chẳng mang lại được hạnh phúc cho ai, một cuộc đời hoàn toàn vô vị. Đối với Thảo, lúc nào ông cũng mang cảm giác có tội với nàng. Thảo chờ đợi ông đến lỡ mất xuân thì. Nghĩ đến Thảo cũng đã sáu mươi tuổi lòng ông se thắt. Ngay cả thiên chức làm chồng làm cha rất bình thường của một người đàn ông, ông cũng không thực hiện được.

Với cuộc đời ông chỉ là hạt bụi, đến từ đâu không ai biết, mai này sẽ đi về đâu chẳng ai hay. Khi nắm tro cốt tàn bay theo gió, không làm được việc gì cho đời, không con cháu, không hậu duệ, không hương hỏa thì chẳng ai còn tìm được dấu tích của ông, chẳng ai biết đã từng có một lão Bách hiện diện trên mặt đất này. Hay ông là người của một tinh cầu xa xôi nào đó, một lần ghé qua địa cầu để chia sẻ những khổ đau của trần thế. Chốn dương gian đối với ông chỉ là cõi tạm. Danh vọng, tiền tài, chết chóc, đói khổ, nhục vinh, chiến tranh, ly loạn , tù đày... , ông đều trải qua. Mai đây khi trở về chốn cũ, ông không còn phải nuối tiếc một thuở trần gian...

Cõi tạm! Ông Bách nói nhỏ rồi lấy tay ngăn giọt lệ vừa ứa ra nơi khóe mắt .

Sainte Foy 03-05

Tiểu Triệu Minh

AN PHÚ VANG

Ngày di tản tưởng Triệu Minh lặn mất tiêu như thành phố quen, ngôi trường trung học và... Bình Dân Thư Quán. Sao lại là chỗ cho mướn truyện này? Lạ thật! Bình Dân Thư Quán góc ngã ba đường Hùng Vương và Nguyễn Thị Giang có gì mà tôi nhắc đến, nhớ hoài dầu đã qua hơn nửa vòng trái đất. Trong đầu lúc nghĩ đến truyện võ hiệp là nhớ đến cái quán sách không lớn hơn tiệm sách Sông Đà nhưng là cái thư viện vĩ đại của ấu thời tôi. Nơi đó Võ Kỵ - Triệu Minh, Nhậm Doanh Doanh - Lệnh Hồ Xung... tha hồ tung hoành trong tưởng tượng. Có bữa lai rai với Trung hai anh em nổi hứng ngồi bàn chuyện bia Budweiser rồi sang đám hảo hán gặp nhau rượu uống ngàn chung cóc say! Hai đứa tôi mỗi thằng "dzô" một thùng 12 lon là lăn quay; ngày mai thức dậy hà hơi men bia còn nồng. Nói một lúc hai đứa lọt sang phim bộ... Đến truyện Kim Dung tôi phun ào ào từ Võ Lâm Ngũ Bá cho đến Lộc Đỉnh Ký. Và võ công học hàm thụ Kim Dung của tôi chỉ có thế, vừa đủ làm "du đãng con nít!" Nội lực tôi chưa tới mười hai thành để bảo vệ Triệu Minh năm 2000: Tiểu Triệu Minh!

Lý do gì tôi gọi "hắn" là Tiểu Triệu Minh? Không biết nữa! Trong hai tên gọi thương nhất còn nhớ thì Tiểu Cô Nương có người mang đi mất. Không phải xuôi ngược giang hồ trong nước Mỹ rộng mênh mông này mà về ở ẩn bên con sông Santa Ana bốn mùa nước cạn. Với chồng! Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi mà:

Khi Lệnh Hồ Xung cầm tay Doanh Doanh hỏi

Anh đã cù lần không biết nói yêu em

Nên từ đó đi Bắc về Nam và giang hồ lia chia. Mỗi lần qua phố cũ nhớ lắm... Mà thôi!

Tôi ghiền đọc *e_mail* như ghiền cà phê... thiếu áo! Không có chịu không được. Nhưng có nhiều quá vào những hôm bận rộn thì tối tăm mặt mũi. Tôi quen thân với "hắn" qua *e_mail*; nhận ra giọng "hắn" qua *voice mail* sau lần vui vui gọi vào sở bệnh ngày thứ hai để đi chơi! Xếp nghe giọng khàn khàn của tôi vào buổi sáng vừa thức dậy chưa đánh răng rửa mặt tưởng tôi bị cúm. Nếu ông gặp tôi giang hồ vặt dưới Bolsa chắc dám "*f. you*" lắm. Bữa đó tôi gặp "hắn" đang đứng mua nước mía. Thấy con nhỏ xinh xinh tôi liếc hoài "đồng tiền trên má người ta." Bị nhìn dữ quá cô nương quíu tay rớt ly nước mới mua. "Hắn" kênh tôi:

"Ê, đền lại nước mía đây!"

Tôi ngạc nhiên nghe câu nói ngang ngược. Nhìn nó. Cà lăm!

"Đâu phải tại tui."

"Để chị làm ly khác cho em."

Bà chủ quán xen vào. Thằng Thành cồ, em tôi làm bán thời gian nơi đây, bỏ máy tính tiền, cười cười nhìn "hắn." Con nhỏ nghinh tôi.

"Em làm ly khác cho chị ngay. Ly này không tính tiền. *Free refill* nước mía!"

Tôi thầm phục nó. Cái thằng từng đánh lộn với du đãng Hải Phòng trong những chuyến chở

hàng ra miền Bắc học đâu mà lanh quá. Hèn gì con bé nào ở Hà Nội tìm vào ở nhà bố mẹ tôi cả tháng. Bà cụ phải bảo chú Út đi tìm anh về để hỏi "có thương con người ta không thì về cưới. Tội nó." Lúc này câu nói đùa học được từ In-Out Burger của Thành cồ giúp tôi. Nó đưa ly nước mía khác cho cô nhỏ. Con bé lí nhí chẳng biết cám ơn ai nhưng đi một hơi sau cái nguýt dài về phía tôi. Bà chủ quán phá lên cười.

"Em trả tiền ly nước cho cô ấy đây chị. Ở đó mà *free refill* nước mía. Một là tiệm này mất tên ở Bolsa hai là nguyên khu này không có chỗ đậu xe!"

Thành cồ xen vào đưa tôi tờ báo.

"Chị đó xinh đó anh. Có số điện thoại, *e_mail* trong tờ này. Chỉ làm việc ở NorthWest Airlines..."

Từ đó tôi biết Tiểu Triệu Minh. Và cũng từ đó tôi "chai mặt" ngồi chờ trong bãi đậu xe dưới Bolsa để nhìn con bé. Thỉnh thoảng tôi gọi vào sở để nghỉ vì... bệnh. Gác điện thoại thì khoẻ ngay và "theo em xuống phố." Xếp tôi nó rầu lắm nhưng tình đang hành nên tôi chấp. "*Từ đạo đó anh đâm ra lười biếng**" và tìm đủ cách để xuống Bolsa. Thằng Tiểu Võ Kỵ tôi bắt đầu láu cá từ ngày trở về đất liền. Tôi nghĩ cứ đà này mình có quyền đứng sau Tiểu Triệu Minh một chút về xạo! Lời nhắn của con nhỏ trong máy một ngày đã làm tôi mừng hơn tuần lễ. Nghe lui nghe tới hoài cỡ chục lần tôi đâm thuộc và mê mẫn cái giọng Bắc pha Nam này. Thôi cứ gọi là Bắc Kỳ sinh trong Nam đi như thằng anh sinh đôi với tôi thường gọi ai đó trong thơ nó làm: "*Em Bắc Kỳ sinh trong Nam. Hành anh khốn khó thành hoang mang tìm...*" Và tôi mê giọng nói của con nhỏ quá trời. Mê tàn bạo! "Tiểu Triệu Minh nhớ đại ca..." đoạn cuối của lời "hắn" nhắn lại trong máy nghe chết người không. Từ đó: "*Em cười tủm tỉm và quên. Ngày đôi khi nặng đá mang qua đời.*"

Thế là tôi tưởng tượng lung tung. Đến một lúc tôi tự làm giám khảo chấm thi hoa hậu, cho Tiểu Triệu Minh hơn Triệu Minh của Kim Dung nửa điểm. Chừng đó đủ rồi. Tiểu Triệu Minh thừa thắng xông lên lấn luôn Tiểu Long Nữ và Nhậm Doanh Doanh trong bản chấm điểm của thằng nhỏ dại gái. Nó giống như thằng Võ Kỵ lần đầu thấy tiểu thư nhà họ Võ trong rặng núi Trường Bạch của Cô Gái Đồ Long. Hai mắt cứ tròn xoe! Tiểu Triệu Minh vác đao Đồ Long và kiếm Ỷ Thiên đi vào đời tôi. Thỉnh thoảng con bé buồn cứa nhẹ vào trái tim cà chớn của Võ Kỵ thử đao thử kiếm thì đành chịu. Hạnh phúc có những điều không thấy được mà phải đổi...

Trong truyện Cô Gái Đồ Long, Triệu Minh học lóm võ nghệ của các môn phái sau khi tóm hết một đám cao thủ của thất đại môn phái mang về ngôi bảo tháp ở kinh thành. Triệu Minh lúc đó chằn lắm. Nhân vật chính phái ai không chịu mang võ công ra đánh với nàng là bị cắt ngón tay! Đến năm 2000 không biết Tiểu Triệu Minh học ở đâu mà mang đến đai đen tam đẳng! Và cũng không biết có thằng nào lẽo đẽo theo "xin ngón tay mang nhẫn" của con bé đã bị chảy máu ngón tay mình. Thật ra Tiểu Triệu Minh chẳng cần luyện võ công thì cũng chết thiên hạ. Cái đám lớn tuổi đi theo hỏi tên, lục số điện thoại trên báo quảng cáo gọi tới tán hưu tán vượn hay những tên chọc ghẹo nàng sống sượng ngoài chợ lạng quạng bị đòn. Tôi nói quá thôi chứ thật sự chưa biết ai hơn ai. Chắc chắn một điều nếu Tiểu Triệu Minh đá Tiểu Võ Kỵ thì tôi thua. Thua xa! Ngọn cước đường quyền của "hắn" khá lắm, cứ như Triệu Minh trong truyện sau ngày được Võ Kỵ đại ca chỉ cho vài thế trong Cửu Dương Chân Kinh.

"Anh vận sức vào tay để em đá. Coi thử đòn này em mới tập có hiệu quả không?"

"Chờ anh tìm viên gạch cho em thử chắc ăn hơn!"

"Không. Em muốn đá vào tay anh."

"Anh cao sáu *feet*, đưa tay lên như vầy sao em đá tới."

Con nhỏ cười.

"Khờ quá! Đưa ngang trước mặt mà đại ca. Coi chừng em quạt bay mắt kiếng."

"*Okie*. Tung cước nhẹ thôi. Đá gẫy tay ai đi làm nuôi anh?"

"Xin trợ cấp *welfare* đỡ đi. Tiểu Võ Kỵ mà kỵ kí gì?"

"Cái mặt mất dạy như anh mà xin trợ cấp chính phủ sao được. Đến nơi cảnh sát gác cổng sức mấy cho vào."

"Điều đó để em xem lại. Mà Tiểu Cô Nương làm ở đó phải không?"

"Ai?"

"*You know who...*"

Tôi vờ ngay.

"Em đá nhanh lên. Bắt anh đứng tấn hoài mỏi cả chân. Ba em sắp về."

Con nhỏ tung cước. Tôi vờ thối lui như bị chấn động khi bàn chân nhỏ chạm vào lòng tay

mình. Lúc này mới thấy con bé dễ thương hẳn ra khi mặt nó bắt đầu hồng lên vì vận sức. Tôi mong "hắn" đá liên hoàn cước để bắt chân. Rùa lắm thì cũng bắt dính một lần trong mười ngọn cước con bé tung ra. Giật nhẹ cho "hắn" mất thăng bằng để bổng vào lòng...

Có tiếng mở cửa làm Tiểu Triệu Minh mất tự nhiên.

"*Dad!*"

Người đàn ông cở ngoài năm mươi bước vào nhà nhìn tôi. Có cái lành lành tự nhiên đến trong căn phòng nhỏ trước đó vốn vui.

"À cậu..."

Ông có vẻ khó chịu nhìn con gái đang mặc võ phục mà trán lấm tấm mồ hôi.

"Chào bác. Dạ cháu là Mai cồ."

"Mai cồ? Theo lối Việt Nam hay lối Mỹ?'

Tiểu Võ Kỵ chột dạ.

"Sao cũng được bác ạ."

Người đàn ông lẩm bẩm.

"Cồ! Cồ! Đi đâu cũng toàn là... cồ!"

Rồi bỏ lên lầu. Tiểu Triệu Minh nói nhỏ:

"Anh về đi. Đừng gọi em ở nhà. Ba em không xính tên Mỹ. Còn ông chú thì cứ nói xa nói gần để giới thiệu em cho con của bạn chú. Họ làm ăn chung với nhau. Nhớ nghe đừng gọi em ở nhà!"

Tiểu Võ Kỵ bắt đầu xuống sắc vì tình hành. Tối nay nó mắc nạn khác trong lòng xe thay vì căn hầm bí mật ở Liễu Gia Trang như truyện của Kim Dung.

"Anh kể cho em nghe lúc đó Trương Giáo Chủ làm sao để thoát khỏi hầm?"

"Triệu Minh bị Võ Kỵ cởi giày. Con nhỏ tưởng thằng giáo chủ ma giáo sắp làm bậy nên xanh mặt! Võ Kỵ chỉ điểm huyệt tiếu yêu dưới gan bàn chân của Triệu Minh. Con bé hết cười rồi khóc..."

Tiểu Triệu Minh nhìn tôi cười. Con bé Bắc-Kỳ-sinh-trong-Nam này có nụ cười chết thiên hạ [mà tôi chưa kiểm chứng] nhưng tôi chết [là cái chắc].

"Vậy đến năm 2000, giáo chủ Tiểu Võ Kỵ bị em điểm huyệt lại nghe. Ai bảo đại ca nói với em anh chịu nhột không được. Em sẽ cù lét đại ca cho đến khi nào đại ca quỳ dưới chân em!"

Tiểu Triệu Minh đưa ngón tay lên. Tiểu Võ Kỵ xanh mặt.

"Đừng em. Anh nhột quá sẽ đâm ra cáu kỉnh. Lúc đó tính lì xuất hiện thì em chết với anh?"

"Chết mà còn rủ người ta theo. Anh xạo."

"Ừ thì anh xạo thí mẹ!"

"Ê, ăn nói gì vậy?"

Tôi đổ tội cho đám thơ thẩn ngồi cà phê Factory liền.

"Đâu phải chữ của anh. Anh bắt chước tụi nó sau mấy lần ngồi quán tán dóc và nghe phê

HÀ THƯỢNG NHÂN

Chén Trà Xuân

Tuổi già không uống rượu
Mời nhau bát nước chè
Nước chè hương vị đậm
Bát ngát mối tình quê
Bạc đầu sao ở Mỹ?
Xuân nghe lòng tái tê
Bát chè còn bốc khói
Thấy lạnh đôi bàn tay
Mà sao đôi khóe mắt
Có chút gì cay cay?
Tưởng già không còn lệ
Lệ đong bát chè đầy
Nước chè ngày thuở nhỏ
Hương vị còn đâu đây
Ta là ta đấy nhỉ?
Phương Đông mù mịt mây
Nước chè không phải rượu
Ta vẫn ngờ ta say!

bình văn học bằng... miệng!"

"Vậy mà em tưởng mấy ông viết lách thánh thiện lắm."

"Đừng vơ đũa cả nắm em à. Có chú... có anh... hiền lắm như anh biết."

"Còn phần đông thì sao?'

"Thấy em là mở máy... Máy tán!"

"Mấy giờ tối nay em ra phi trường đi bay?"

"11:00 giờ khuya."

"À anh..."

Con bé nhìn thẳng mặt tôi.

"Thiền sư Nhất Hạnh có nói..."

"A! 'Hãy nhìn thẳng vào khuôn mặt người thân mình...'"

"Anh để em nói 'thật kỹ lỡ mai sau mình không còn cơ hội đó nữa'. "

Tôi thở dài.

"Em nhắc làm gì để buồn thiu. Em bay tối nay qua Luân Đôn. Cuối tuần về lại chứ có đi luôn đâu."

Tiểu Triệu Minh đưa ngón tay lên môi tôi chận lại.

"Này đừng có thở dài nữa. Đời sẽ khổ! Này đừng đi lết chân trên sàn nhà. Số cực!"

"Còn gì nữa không?

Có tiếng cười nho nhỏ.

"Này, đừng hỏi em có *e_mail* của ai tán em không gởi cho anh đọc với!"

Có ai chạy xe qua làm Tiểu Triệu Minh ngại.

"Đây là Bolsa. Cái nhà băng này người mình hay đến lấy tiền. Ngay cả buổi tối."

"Để anh chạy xe đi chỗ khác."

Con nhỏ lém lỉnh.

"Giờ này Trương Giáo Chủ lọt xuống hầm rồi. Bên trên người trong Minh Giáo không biết đâu mà tìm. Kẻ hầu cận của ta cũng tưởng bản cô nương đi chơi nên bỏ nhà vào kinh thành. Giáo chủ chịu khó ngồi đây điều công vận sức. Vài ngày nữa sẽ có người mở cửa hầm khi bộ hạ ta đến."

"Em nói như thiệt. Anh muốn ra khỏi xe giờ nào không được."

"Chìa khóa em giữ rồi. Đại ca ngồi chơi với em đến giờ em đi bay. Từ đây đến John Wayne Airport bao lâu?"

"Hai mươi phút."

Tiểu Triệu Minh nhìn tôi. Đôi mắt con bé đen láy như sáng lên trong bóng tối lòng xe.

"Em muốn điểm huyệt để hai tay đại ca cứng đơ. Rồi em ngồi vào lòng đại ca nhìn cho rõ khuôn mặt."

Tiểu Triệu Minh đưa ngón tay cù lét tôi. Nó biết điểm yếu của thằng Võ Kỵ thời mới nên vận nội lực vào ngón tay điểm huyệt nhột!

"Ngồi yên. Em được quyền mở nút áo anh để cù lét nhưng... nhưng anh không được làm như vậy với em!"

Có hơi thở nóng nơi vành tai. Con bé nhảy vào lòng thằng Võ Kỵ, mặt đối mặt.

"Em tin anh vì em tin và thương trẻ con. Những điều còn lại đại ca tự *figure it out*."

Đèn chiếc xe nào chiếu qua làm hai đứa giật mình. Tiểu Triệu Minh thả lơi vòng tay tay quanh cổ Võ Kỵ.

"Xe phú lít! Chết rồi nó hỏi giấy thì làm sao anh?"

"Nhiều nhất là bị giấy cảnh cáo hay giấy phạt. Bằng tiền trả chạy xe quá tốc độ là cùng."

Tôi nhìn sang bên phải thấy chiếc xe Ford. Ở xa quá ngó như chiếc "*black and white*" của cảnh sát thành phố này.

Tiểu Triệu Minh ngó ra hướng khác. Con nhỏ hơi sợ. Vẻ lém lỉnh thường ngày biếng mất khi "hắn" nghe tiếng mở cửa xe bên kia. Tôi biết nó ngại nên nói nhỏ trấn an.

"Không phải cảnh sát đâu."

Tiểu Triệu Minh nằm luôn xuống ghế xe. Tôi vờ tỉnh bơ nhìn quanh. Có tiếng nói nhỏ.

"Em quên mất chỗ này không ổn. Đậu trước nhà băng người ta cứ tới lui rút tiền dầu đã sau giờ làm việc."

Con bé ngước đôi mắt đen nhìn thằng Võ Kỵ "trẻ con".

"Bữa nào kể em nghe tiếp làm thế nào Võ Kỵ ra khỏi căn hầm bí mật ở Liễu Gia Trang. Gặp trường hợp đại ca bị như vậy thì sao?"

"Anh sẽ gọi điện thoại mua 'cơm chỉ' để sống với em hoài như vậy. Khỏi bị phiền toái vì người lớn như em đang bị quấy rầy, như anh đang bị trù ẻo."

"..."

"Nhưng mà em nằm xuống đi. Hình như có người đang tới xe mình."

"..."

"Chết bà. Chú em!"

Con bé vẫn nằm yên trên ghế xe nhưng quả quyết hơn như trong lời nói. Giờ "hắn" trở lại là quận chúa Tiểu Triệu Minh, lém lỉnh nhưng quả quyết.

"*So what!* Chạy đi đại ca..."

29 tháng 3, 00

RADIOVNCR.COM

Trang Nhà Của Mọi Gia Đình

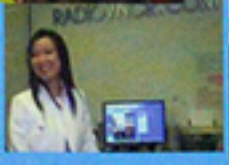

Nghe 106.3FM live! mỗi ngày

Xem 106.3FM Live! mỗi ngày

Muốn quảng cáo hữu hiệu đi khắp thế giới, liên lạc (714)891-8142

Giá Bán 5 Mỹ Kim

Trúc Lâm Thiền Viện.com

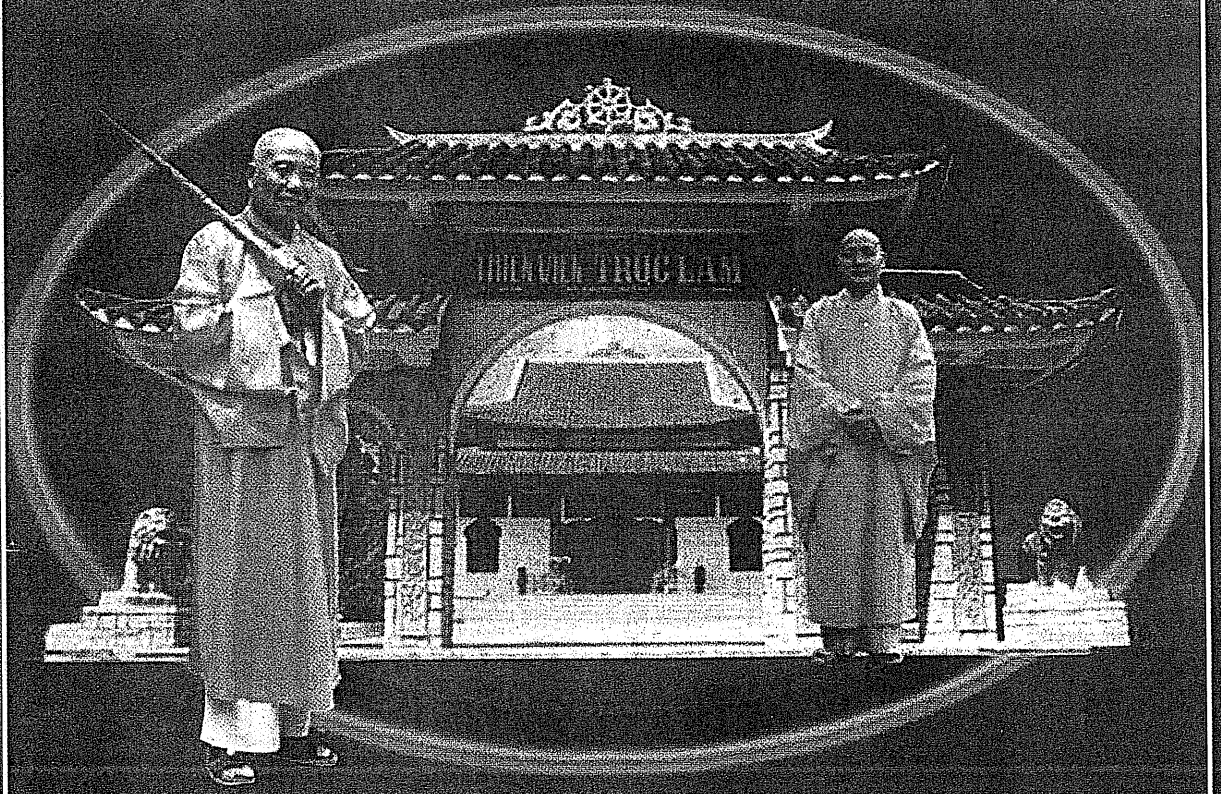

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn
mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện
Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử
tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư
Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu